

九評
BẢN BIỂN TẬP
编辑部
Cửu Bình

DISSOLVING THE CULTURE OF CHINA'S COMMUNIST PARTY

解体
大紀元時報
党文化
大纪元系列社论

大紀元時報
THE EPOCH TIMES

GIẢI THỂ VĂN HÓA ĐẢNG

PHẦN CUỐI



Bản cập nhật năm 2020

DISSOLVING THE CULTURE OF CHINA'S COMMUNIST PARTY

解体党文化
大纪元系列社论

GIẢI THỂ VĂN HÓA ĐẢNG

– PHẦN CUỐI –
CÁC BIỂU HIỆN CỤ THỂ CỦA VĂN HÓA ĐẢNG

BAN BIÊN TẬP CỬU BÌNH
LOẠT BÀI XÃ LUẬN CỦA THỜI BÁO EPOCH TIMES

THÁNG 11 NĂM 2006

• MỤC LỤC •

CHƯƠNG V 13

BIỂU HIỆN THƯỜNG THẤY CỦA VĂN HÓA ĐẢNG TRONG TUYÊN TRUYỀN



VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

LỜI MỞ ĐẦU	14
V.1. Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới	16
v.1-1 Tiếng hát và lời đối đáp	16
v.1-2 Mang bộ mặt khác nhau vào những thời kỳ khác nhau	20
v.1-3 Không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao	27
v.1-4 Đảng Cộng sản mang lại điều gì cho Trung Quốc	36
V.2. “Được cha mẹ yêu không bằng được Đảng yêu”	46
v.2-1 Các hình thức biểu hiện muôn hình muôn vẻ trong tuyên truyền	46
v.2-2 Tuyên truyền khái niệm đảng là mẹ	50
v.2-3 Nguyên nhân tâm lý của việc nhận giặc làm cha	52
(1) Hai Đảng Cộng sản thật và giả	53
(2) Từ chối thừa nhận bản thân mình đã bị lừa	54
(3) Hội chứng Stockholm	56
V.3. Phải nghe lời đảng, đi theo đảng	60
v.3-1 Thủ đoạn tuyên truyền hai mặt	61
v.3-2 Nghe lời đảng mang lại cho người dân điều gì	66
v.3-3 Một số hình thức đi theo đảng	73
V.4. Đảng bảo làm sao thì làm vậy	77
v.4-1 Đảng bắt người ta làm những gì	79
v.4-2 Các “công cụ phục tùng” phục vụ cho mục đích gì	83
v.4-3 Biểu hiện ngày nay của “Đảng bảo sao thì làm vậy”	85
v.4-4 Hậu quả tất yếu phải chịu	87

CHƯƠNG VI	96
CÁC THỦ ĐOẠN TUYÊN TRUYỀN	
LỜI DĂN: Ngôn ngữ – Linh hồn và ký ức của dân tộc	97
VI.1. Gọi nhau bằng “đồng chí”	101
VI.2. Những từ ngữ điển hình của đảng	107
VI.2-1 Tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, báo cáo tư tưởng – các thủ đoạn khống chế tinh thần của tà giáo Trung Cộng	108
VI.2-2 Lãnh đạo, đơn vị, tổ chức, hồ sơ, thẩm tra chính trị, hộ khẩu – hình thức tổ chức giám sát chặt chẽ	111
VI.2-3 Tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, hiệu triệu, chiến sỹ thi đua, cấp trên, đại biểu, ủy ban – kết cấu tổ chức phân chia đảng cấp nghiêm ngặt	114
VI.2-4 Phấn đấu, tự kiểm điểm, đấu tranh, phê bình và tự phê bình – kích động đấu tranh tiếp năng lượng cho “đảng”	118
VI.3. Trung Cộng dùng ngôn từ của đảng để thiết lập lại cuộc sống của người Trung Quốc	120
VI.3-1 Những ngôn từ của đảng quen thuộc đến mức khó có thể nhận ra	121
VI.3-2 Chế độ chính trị thiết lập dựa trên ngôn từ của đảng	128
(1) “Đảng” là nòng cốt của ngôn từ của đảng	128
(2) Thể chế chính trị Trung Cộng do ngôn từ của đảng xây dựng	129
VI.3-3 Đời sống tinh thần dưới ảnh hưởng của ngôn từ của đảng	134
VI.3-4 Ngôn từ của đảng xâm nhập mạnh mẽ không gian riêng tư	138
VI.4. Sự hình thành của ngôn từ của đảng đã trải qua quá trình thanh lọc quy mô lớn	141
VI.4-1 Nguồn gốc của ngôn từ của đảng	142

VI.4-2 Sự hình thành và phát triển của ngôn từ của đảng	146
(1) 1919-1937: Giai đoạn phôi thai của ngôn từ của đảng	146
(2) 1938-1949: Khoác lên cái áo “Trung Quốc hóa”	147
(3) 1949-1966: Giành quyền làm chủ ngôn ngữ	147
(4) 1966-1976: Thời kỳ ngôn từ của đảng đại bùng phát	148
(5) 1976-1989: Thời kỳ ngôn từ của đảng hồn táp, biến dị	148
(6) Từ năm 1989 cho đến nay: Thời kỳ suy đồi, bại hoại	148
VI.4-3 Ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn và ngôn từ của đảng mang tính chế độ	149
VI.4-4 Mối quan hệ giữa ngôn từ của đảng và ngôn từ bình thường	153
(1) Ngôn từ của đảng bám vào ngôn ngữ dân tộc	153
(2) Sáng tạo ra lượng lớn từ mới	153
(3) Làm sai lệch ý nghĩa của Hán ngữ	154
(4) Thay đổi sắc thái tình cảm của từ vựng	156
(5) Thay đổi hàm nghĩa liên tưởng của từ vựng	157
(6) Cố tình đào thải, gạt từ vựng truyền thống ra ngoài lề	158
(7) Cấu trúc câu, hành văn và tu từ	158
(8) Ngôn từ của đảng là một hệ thống	159
VI.4-5 Ngôn từ của đảng thực chất là ngôn từ của xã hội đen được Trung Cộng cưỡng chế truyền bá cho toàn thể thành viên xã hội	160
VI.5. Đặc trưng của ngôn từ của đảng	165
VI.5-1 Trung Cộng lũng đoạn quyền định nghĩa từ ngữ	166
VI.5-2 Tính đa tầng nghĩa và tính lừa gạt của ngôn từ của đảng	168
VI.5-3 Tính trừu tượng và tính ngụy biện của ngôn từ của đảng	171
VI.5-4 Tính tiếp thu và tính sáng tạo của ngôn từ của đảng	174
VI.6. Hậu quả của việc phổ biến ngôn từ của đảng	175
VI.6-1 Hiện thực mất nước qua văn hóa và ngôn ngữ	176
VI.6-2 Ngôn từ của đảng cưỡng chế thay đổi cuộc sống của người	

dân Trung Quốc	177	vii.4-1 Khống chế sinh sản	217
vi.6-3 Ngôn từ của đảng – cái nhìn phiến diện của người Trung Quốc ngày nay	178	vii.4-2 Vợ chồng là đồng chí cách mạng	224
(1) Ngôn từ của đảng khiến cho người ta bảo vệ ác đảng Trung Cộng một cách không tự biết	178	vii.4-3 Nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời	226
(2) Ngôn từ của đảng khiến người ta không thể suy nghĩ bình thường	183	VII.5. Chống hạn hán, lũ lụt, đấu với Trời đấu với Đất, đảng chỉ đâu đánh đó, mang quan niệm đấu tranh giai cấp	231
(3) Ngôn từ của đảng khiến người ta khó có thể giao lưu với người ở xã hội bình thường	184	vii.5-1 Chống hạn hán, lũ lụt, đấu với Trời đấu với Đất	231
LỜI KẾT	185	vii.5-2 Đảng chỉ đâu đánh đó, có quan niệm đấu tranh giai cấp	235
vi-i Làm thế nào phân biệt ngôn từ của đảng	185	KẾT LUẬN	251
vi-ii Chú ý hiện tượng “bối cảnh hóa ngôn từ của đảng”	188		
vi-iii Tìm kiếm chân tướng, liều giải chân tướng, truyền rộng chân tướng	189		
CHƯƠNG VII	192		
VĂN HÓA ĐẢNG TRONG CUỘC SỐNG			
VII.1. Gọi Hoàng Lịch của Trung Quốc thành lịch nông nghiệp hoặc âm lịch, gọi năm mới Trung Quốc thành tiết xuân	195	VIII.1. Người người gặp mặt cảnh giác lẫn nhau, trong ngôn ngữ có ý thức tranh đấu	256
vii.1-1 Gọi Hoàng Lịch Trung Quốc thành lịch nông nghiệp hoặc âm lịch	195	viii.1-1 Người người gặp mặt cảnh giác lẫn nhau	256
vii.1-2 Gọi tân niên thành tiết xuân	200	(1) Thói quen cảnh giác là hậu quả do Văn hóa đảng gây nên	257
VII.2. Phá bỏ tiết mục truyền thống, ăn tết đảng do đảng sắp đặt	203	(2) Sự kế thừa tâm lý cảnh giác	261
VII.3. Người trẻ kết hôn, việc mới làm theo cách mới, không bái trời đất, không bái Thần, mà hát bài ca cảm ơn đảng	212	(3) Hậu quả xấu của tâm lý cảnh giác	263
vii.3-1 Hôn lễ trong văn hóa truyền thống	212	viii.1-2 Ngôn ngữ mang ý thức tranh đấu	265
vii.3-2 Trung Cộng làm lệch lạc hôn nhân	214	(1) Nguyên nhân của ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ	269
VII.4. Khống chế sinh đẻ, vợ chồng là đồng chí cách mạng. Nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời	216	(2) Sự kế thừa ý thức đấu tranh	271
		(3) Hậu quả của ngôn ngữ đấu tranh	274
		(4) Loại bỏ ý thức đấu tranh và làm trong sáng ngôn từ của chúng ta	277
		VIII.2. Thói quen sáng tác không tách rời đảng	278
		viii.2-1 Động cơ sáng tác không tách rời “đảng”	281
		viii.2-2 Nội dung sáng tác không tách rời “đảng”	282
		viii.2-3 Quá trình tư duy sáng tác không tách rời “đảng”	286
		VIII.3. Ý thức cảnh báo nguy hiểm đối với những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng	290

VIII.3-1 “Ý thức cảnh báo nguy hiểm” có mặt ở khắp mọi nơi	291	viii.5-4 Yêu nước không đồng nghĩa với yêu đảng	323
VIII.3-2 Nhà tù tinh thần do Văn hóa đảng dựng nên	293	viii.5-5 Ai đang làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc?	325
VIII.3-3 “Ý thức cảnh báo nguy hiểm” nguy hại cho dân tộc	297	viii.5-6 Tiếng chuông báo tử vang lên chỉ dành cho Trung Cộng	327
VIII.3-4 Giải thoát khỏi nỗi sợ vô hình, làm chủ đầu óc của chính mình	299	KẾT LUẬN: TRỞ LẠI VỚI TƯ DUY BÌNH THƯỜNG	332
VIII.4. Văn hóa đảng khiến người ta nói những lời rập khuôn theo thói quen	300	TỔNG KẾT	335
VIII.4-1 Bộc lộ những lời rập khuôn của đảng theo thói quen trong mọi thời điểm	302		
VIII.4-2 Tâm thái đảng sau những lời rập khuôn của đảng	305		
VIII.4-3 Sự độc hại của những lời rập khuôn của đảng	306		
VIII.4-4 Đột phá lồng giam ngôn ngữ, khôi phục tự do tâm trí	308		
VIII.5. Làm nhầm lẫn khái niệm đảng và chính phủ, đảng và quốc gia, đảng và dân tộc	308		
VIII.5-1 Đảng chính là “tất cả”	310		
(1) Đảng tự phong cho mình là “người mẹ thân yêu”	310		
(2) Đảng tự xưng mình là “người mẹ nhân dân”	310		
(3) Đảng khống chế bát cơm	311		
(4) Đảng đại biểu “sự tiên tiến”	312		
(5) Đảng là “lối thoát”	313		
(6) Đảng trá trộn vào đời sống cá nhân	313		
(7) Đảng tự tàng bóc mình là “hóa thân của đạo đức”	313		
(8) Đảng tự coi bản thân là người đại diện cho quốc gia, dân tộc	314		
(9) Đảng là người cầm trịch	315		
(10) Đảng đồng thời khống chế chính phủ từ vĩ quan tới vĩ quan	315		
(11) Đảng lợi dụng hết thảy việc tốt để tô son trát phấn cho mình	316		
(12) Động một cái là Đảng nói: đại diện cho hết thảy, lãnh đạo hết thảy	317		
(13) Đảng dán nhãn “phản đảng” thành “phản Trung Hoa”	318		
VIII.5-2 Mọi người nhầm lẫn khái niệm đảng và chính phủ, đảng và quốc gia, đảng và dân tộc	318		
VIII.5-3 Trung Cộng không đồng nghĩa với Trung Quốc	321		

CHƯƠNG V



BIỂU HIỆN THƯỜNG THẤY CỦA VĂN HÓA ĐẢNG TRONG TUYÊN TRUYỀN



LỜI MỞ ĐẦU

TRUNG QUỐC DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA TRUNG CỘNG có rất nhiều điều khác thường so với các quốc gia khác. Điều khiến người ta ấn tượng sâu sắc nhất là các loại biểu ngữ, khẩu hiệu bay rợp trời. Cuốn sách “Toàn tập về biểu ngữ Trung Quốc” do cư dân mạng sưu tập đã liệt kê các loại biểu ngữ với những nội dung như kế hoạch hóa gia đình, đả kích tội phạm, trồng cây, cấm phá rừng, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, v.v.. Ngoài ra còn có các khẩu hiệu chính trị muôn hình muôn vẻ, nội dung thô lỗ, thiếu văn hóa, vô lý đến nực cười, đến mức khiến người ta trổ mắt kinh hoàng. Thế nhưng người dân Trung Quốc đã sống mẩy chục năm trong hoàn cảnh như vậy, lại còn cho rằng đây là điều bình thường của xã hội nhân loại, trên thế giới có nước nào mà không thế, vậy nên những điều chướng tai gai mắt cũng đã thành quen.

Tại sao Đảng Cộng sản lại coi trọng vai trò của các biểu ngữ, khẩu hiệu trong tuyên truyền đến vậy? Kỳ thực không nằm ngoài hai lý do sau: Một là, chúng đơn giản, dễ đọc, dễ nhớ, có tính hình tượng, có tác dụng trực tiếp, có hiệu quả lâu dài; Hai là, các biểu ngữ, khẩu hiệu thường rất ngắn gọn, không thể chứa đựng những luận chứng phức tạp, cho nên có thể che đậy được những luận điệu giả dối, sai lầm trong tuyên truyền lý luận của nó, khiến người khác khó mà nhận ra.

Có một nhóm khẩu hiệu đã xuất hiện xuyên suốt quá trình lịch sử mấy chục năm đây bạo lực của Trung Cộng. Nhóm khẩu hiệu này tập trung thể hiện những mục tiêu của Trung Cộng, Trung Cộng đã từng bỏ biết bao công sức liên tục nhồi nhét, đồng thời dùng các hình thức nghệ thuật để tô vẽ và thổi phồng các khẩu hiệu này. Mặc dù cùng với sự thay đổi của hình thế trong nước và quốc tế, những khẩu hiệu này cũng có lúc thay đổi diện mạo, xuất hiện dưới nhiều diện mạo mới, nhưng tinh thần của nó thực chất không hề thay đổi, mục đích của nó chính là nhằm củng cố sự lệ thuộc và phục tùng của người dân đối với Đảng Cộng sản, bảo vệ chế độ chuyên chế một đảng của nó.

Nhóm khẩu hiệu này là:

“Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”

“Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”

“Phải nghe lời đảng và đi theo đảng”

“Đảng bảo sao thì phải làm vậy”

Trong Chương 3, chúng tôi đã luận bàn về các thủ đoạn đầu độc trí não người dân của Trung Cộng, dù là các công cụ tuyên truyền, các tác phẩm văn học, sách giáo khoa, hay các loại hình nghệ thuật như phim ảnh, kịch nói, ca múa nhạc, dân ca... đều trở thành các công cụ được Trung Cộng sử dụng để nhồi nhét Văn hóa đảng vào đầu người dân. Tất nhiên, tùy theo thời đại hoặc theo hình thái kinh tế, hình thái xã hội lúc đó, người sáng tác có thể sử dụng các chất liệu sáng tác khác nhau để tạo ra các tác phẩm khác nhau, những nhạc cụ này cũng có thể tạo nên những giai điệu vô cùng phong phú, nhưng chủ đề biểu đạt vẫn luôn bám sát bốn câu khẩu hiệu trên. Nếu nhìn một cách cụ thể chủ đề và mục đích biểu đạt của các tác phẩm, có thể thấy bốn câu khẩu hiệu này đã khái quát toàn bộ Văn hóa đảng thường thấy trong tuyên truyền, đó cũng là để cương chỉ đạo tuyên truyền Văn hóa đảng trong sáng tác nghệ thuật. Nếu muốn hiểu rõ bản chất của Văn hóa đảng được thể hiện muôn hình muôn vẻ trong tuyên truyền, chúng ta cần phân tích kỹ hơn bốn câu khẩu hiệu này.

V.1 – KHÔNG CÓ ĐẢNG CỘNG SẢN THÌ KHÔNG CÓ TRUNG QUỐC MỚI

v.1-1 – Tiếng hát và lời đối trả

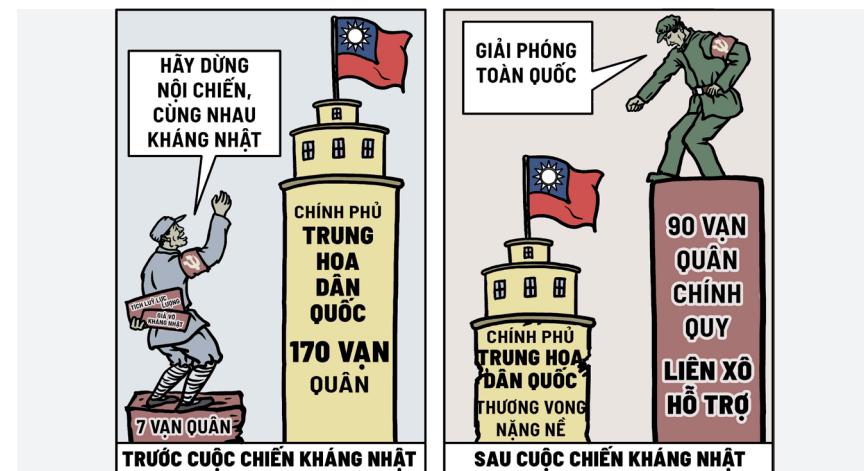
“Không có Đảng Cộng sản thì không có nước Trung Quốc mới/ Đảng Cộng sản cần lao vì dân tộc/ Đảng Cộng sản một lòng cứu Trung Quốc/ Đảng vạch ra con đường giải phóng dân tộc/ Đảng lãnh đạo Trung Quốc hướng tới vinh quang/ Đảng kiên trì kháng chiến suốt hơn tám năm/ Đảng cải thiện đời sống của nhân dân/ Đảng đã xây dựng căn cứ địa trong lòng địch/ Đảng đã thực thi dân chủ rất tốt đẹp.”

Bài hát lan truyền rộng rãi ca ngợi Trung Cộng này được sáng tác vào năm 1943, lúc đó lời bài hát là “Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc”. Năm 1950, Mao Trạch Đông đã thêm từ “mới” vào sau từ “Trung Quốc”, cho nên lời bài hát trở thành như ngày nay.

Chữ “mới” được thêm vào này rất có dụng ý. Thứ nhất là người Trung Quốc thời đó đều đã từng sống qua thời Trung Hoa Dân Quốc, nên nếu nói “Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc”, thì trái với lịch sử mà họ đã trải qua, nên khó mà khiến người ta tâm phục. Quan trọng là trong từ điển của Đảng Cộng sản đã đưa ra định nghĩa đối với từ “sự vật mới mẻ”. Nếu như nói rằng thứ gì đó là sự vật mới mẻ, vậy thì nó nhất định phải phù hợp với trào lưu lịch sử, có “sức sống mạnh mẽ và tương lai rộng lớn”. Đồng thời, dù nó có bất cứ thiếu sót nào cũng đều do nó là sự vật mới mẻ nên “chưa trưởng thành”, trong một tương lai không xác định, những thiếu sót này sẽ có thể dần được khắc phục. Đảng Cộng sản chính là dùng cách này để biện hộ cho mình.

Bối cảnh sáng tác bài hát này là vào năm 1942, Tưởng Giới Thạch, lãnh đạo chính phủ Quốc dân đảng tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đã phát biểu về cuốn sách “Vận mệnh của Trung Quốc”, trong đó có một câu: “Không có Quốc dân đảng thì không có Trung Quốc.” Đảng Cộng sản lúc đó đang tập

trung “Chỉnh phong” tại Diên An, đã phản bác lại bằng cách đăng bài xã luận “Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc”, nó tuyên bố rằng “Đảng Cộng sản Trung Quốc mới là lực lượng chủ chốt trong cuộc kháng chiến chống quân Nhật”. Do vậy, nội dung chủ yếu của bài hát này là nói về “Trung Cộng lãnh đạo nhân dân toàn quốc đánh bại quân xâm lược Nhật Bản”.



Ngày càng có nhiều tư liệu lịch sử chứng minh rằng: “Lãnh đạo kháng chiến không phải là mong muốn chủ quan của Trung Cộng, và cũng không phải là sự thực lịch sử khách quan. Vào thời khát nguy cơ thắt bại ngay trước mắt, mối quan tâm thực sự của Trung Cộng là làm sao để thừa cơ khuếch trương lực lượng, cuối cùng giành được chính quyền. Trung Cộng trên danh nghĩa là thành lập “một chiến tuyến kháng Nhật thống nhất dân tộc”, dùng dư luận để mua chuộc lòng người, nhưng lại âm mưu “một phần kháng Nhật, hai phần đối phó với Quốc dân đảng, bảy phần khuếch trương lực lượng của mình”, thậm chí lén lút cấu thông với quân Nhật để buôn bán nha phiến kiếm lời. Cần phải nói rằng, cuộc kháng chiến chống Nhật bắt đầu từ sau biến cố ngày 18 tháng 09 năm 1931, diễn ra trong 14 năm, năm 1932 Quốc dân đảng tiến hành “cuộc kháng chiến Tùng Hộ ngày 08 tháng 12”, năm 1933 tiến hành

cuộc kháng chiến Trường Thành. Nhưng hai tháng sau biến cố ngày 18 tháng 09, Trung Cộng lại thành lập chính quyền riêng ở Giang Tây^[1]. Trung Cộng luôn miệng nói rằng nó “kiên trì kháng chiến suốt tám năm”, nhưng từ năm 1931 đến 1937 nó không hề tiến hành một cuộc kháng chiến nào.

Cuốn “Niên phổ của Lưu Thiếu Kỳ” xuất bản tại Trung Quốc Đại lục cho thấy, mặc dù là người lãnh đạo cao nhất của Trung Cộng tại Giang Nam, nhưng toàn bộ quân lệnh, báo cáo của Lưu đều không liên quan đến kháng Nhật, mà toàn bộ tập trung vào làm thế nào để công kích và phân hóa quân Quốc dân đảng. Những trận chiến lớn mà Trung Cộng tham gia chỉ có “chiến dịch Bình Hình Quan” và “trận chiến Bách Đoàn”. Nói về “chiến dịch Bình Hình Quan”, Trung Cộng không phải là “người lãnh đạo và quân chủ lực tham gia trận chiến này”, mà chỉ là phục kích bộ đội bổ sung của quân địch. Chiến dịch này được Trung Cộng gọi là thắng lợi lớn đầu tiên kể từ khi cuộc kháng chiến của nó bắt đầu, nhưng trong ghi chép lịch sử của Trung Cộng chưa từng đề cập đến thắng lợi lần thứ hai hay thứ ba, bởi vì Trung Cộng chỉ tham gia có hai trận chiến tương đối lớn mà chiến dịch này là một trong số đó. Còn “trận chiến Bách Đoàn”, trong nội bộ Trung Cộng coi là trái ngược với phương châm chiến lược của Trung Cộng, sau đó nó trở thành một trong những “tội trạng” của Bành Đức Hoài. Trong hội nghị Lư Sơn năm 1959, Mao Trạch Đông một lần nữa dùng sự kiện này để đả kích Bành Đức Hoài, “Một số đồng chí cho rằng để cho quân Nhật chiếm được càng ít đất càng tốt, sau đó chúng ta mới thống nhất rằng, để quân Nhật chiếm được nhiều đất thì mới là yêu nước. Nếu không sẽ biến thành yêu nước của Tưởng Giới Thạch”. “Chúng ta phải làm sao cho quân Quốc dân và quân Nhật Bản đánh nhau một sống hai chết, còn chúng ta thì nhân cơ hội đó mà phát triển lực lượng”. Năm 1972, Thủ tướng Nhật Bản Tanaka đến thăm Trung Quốc, Mao Trạch Đông đã nói rằng: “Các

[1] Ngày 07 tháng 11 năm 1931, kỷ niệm Cách mạng tháng 10, Chính phủ lâm thời nước Cộng hoà Xô-viết Trung Hoa được thành lập tại Thụy Kim, Giang Tây, Mao Trạch Đông được bầu làm Chủ tịch.

ông không cần xin lỗi, nếu không có các ông đến (xâm lược) thì cũng không có chính quyền Đảng Cộng sản chúng tôi hôm nay”. Rốt cuộc Trung Cộng tích cực kháng Nhật hay tích cực ủng hộ quân Nhật xâm lược Trung Quốc đây? Chúng ta có thể thấy rõ câu trả lời qua câu nói của Mao.

Những dòng chữ viết trên “Bia kỷ niệm anh hùng dân tộc” của Trung Cộng cũng cho thấy rõ thái độ của Trung Cộng đối với cuộc kháng chiến chống Nhật: “Ba năm nay, những người anh hùng nhân dân đã hy sinh cho cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và cuộc cách mạng dân tộc đời đời bất diệt. Ba mươi năm nay, những người anh hùng nhân dân đã hy sinh cho cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và cuộc cách mạng dân tộc đời đời bất diệt”. Hiển nhiên kẻ bại trận của Trung Cộng chính là Quốc dân đảng, Trung Cộng luôn không muốn nhắc đến cuộc đấu tranh anh dũng và đẫm máu của dân tộc Trung Hoa chống giặc ngoại xâm suốt tám năm. Trên trang mạng “Linh hồn dân tộc” của Cục lưu trữ Quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Trung ương Đảng, trong danh sách liệt kê những người đã “hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Nhật”, phần lớn họ đều chết trong các trận chiến giữa Trung Cộng với Quốc dân đảng, chỉ có điều họ chết trong thời gian diễn ra cuộc kháng chiến chống Nhật mà thôi. Những cái tên anh hùng quen thuộc với người dân Trung Quốc như Đổng Tồn Thụy, Khâu Thiếu Vân, Hoàng Kế Quang... đều không một ai hy sinh trên chiến trường chống quân Nhật.

So sánh đối chiếu giữa Trung Cộng và Quốc dân đảng có thể thấy rõ, chính phủ Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch, từng bị Mao Trạch Đông miê mai là “xuống núi hái đào” (*ngụ ý là kẻ hèn nhát, chỉ muốn gặt hái thành quả*), thực tế từ năm 1937 đến năm 1945 đã lãnh đạo quân Cách Mạng Quốc dân chiến đấu trực diện với quân Nhật tổng cộng 38.931 trận chiến quy mô nhỏ và 1.117 chiến dịch quy mô lớn, 22 cuộc đại chiến, hy sinh hơn 200 vị tướng lĩnh, bị thương hơn 3,3 triệu người, đã bị quân Nhật gây tổn thất nặng nề trên các chiến trường chính như Đài Nhi Trang, Tùng Hộ, Trường Sa, Độc Sơn..., và trong các trận chiến trên không ở Thượng Hải, Kiến Kiêu..., cuối

cùng nhờ những nỗ lực cực kỳ gian khổ, quân Quốc Dân đã giành thắng lợi trong cuộc chiến bảo vệ tổ quốc.

Ngày nay, lý tưởng của Đảng Cộng sản đã mất đi khả năng mê hoặc lòng người, nhưng Trung Cộng vẫn rầm rộ phất cao ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc, tự phong nó là đại biểu chính thống của dân tộc Trung Hoa, vì vậy nó nhất định sẽ không buông bỏ danh hiệu vinh quang là “trụ cột vững chắc của cuộc kháng chiến”. Tuy nhiên sự thực lại là, vào lúc cần nhất sự đoàn kết tinh thần của toàn dân tộc để đánh bại quân xâm lược, thì thật đáng xấu hổ Trung Cộng lại quay lưng với tổ quốc và nhân dân.

v.1-2 – Thay đổi diện mạo vào những thời kỳ khác nhau

“Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”, có lẽ rất nhiều người tưởng rằng câu khẩu hiệu này chỉ tồn tại vào mấy chục năm trước. Nhưng dưới sự tuyên truyền của Trung Cộng, từ “Trung Quốc mới” không còn chỉ nói về “nước Trung Quốc mới” được Trung Cộng thành lập vào năm 1949, mà nó cũng nói về đất nước Trung Quốc trong mọi thời kỳ sau khi Trung Cộng thành lập, vào mỗi thời kỳ khác nhau khẩu hiệu này lại mang nội hàm và biểu hiện khác nhau.

Câu khẩu hiệu này chính là tư tưởng chỉ đạo trong tuyên truyền văn hóa Đảng, các nội dung tuyên truyền cụ thể khác đều lấy nó làm chủ đạo. Trong tuyên truyền người ta sử dụng các biện pháp, hô hào các khẩu hiệu, ca ngợi các việc tốt, phân tích mổ xẻ các loại hiện tượng xã hội, tất cả đều để chứng minh cho câu “Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”.

Chúng ta hãy xem thể hiện của câu khẩu hiệu này trong tuyên truyền ở các thời kỳ lịch sử khác nhau:

Từ năm 1949 đến năm 1959: Giai đoạn củng cố chính quyền

Trong các đoàn văn công, đoàn ca hát, diễu hành, biểu ngữ, truyền đơn

đều tuyên truyền những nội dung: “Lật đổ ba ngọn núi lớn^[2], nhân dân Trung Quốc đã đứng lên, vùng lên giải phóng, công lao thuộc về Đảng Cộng sản”. Trước khi Trung Cộng giành chính quyền, do ngoại địch xâm lược và vì Trung Cộng muốn đoạt lấy chính quyền mà cát cứ vũ trang ở khắp nơi, tạo ra một cục diện loạn lạc trường kỳ, Đảng Cộng sản nhân cơ hội này tuyên truyền sự “ưu việt” của “Trung Quốc mới” đối lập với sự tối tăm của “Trung Quốc cũ”.



Trong cuộc cải cách ruộng đất, đảng tuyên truyền: “Mao chủ tịch là cứu tinh vĩ đại của nhân dân”, “Chỉ có Đảng Cộng sản mới cứu được Trung Quốc”. Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, đảng tuyên truyền “Chống Mỹ giúp Triều, bảo vệ gia đình và đất nước”, ý nói nếu không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ mất nước. Thực ra, cuộc chiến tranh Triều Tiên là do Kim Nhật Thành chủ động phát động chiến tranh xâm lược Nam Triều Tiên, khiến cho Liên Hợp Quốc phải thông qua nghị quyết để can thiệp, mâu thuẫn hoàn toàn không nhắm vào Trung Quốc. Trung Cộng hoàn toàn bị đặt khi nói nước Mỹ

[2] Ba ngọn núi lớn tượng trưng cho Chủ nghĩa Đế quốc, Chủ nghĩa Phong kiến và Chủ nghĩa Tư bản.

nhờm ngó Trung Quốc. Mùa thu năm 1950, khi Lâm Bưu cáo ốm từ chối vào Triều Tiên, ông ta đã từng nói: “Nước Mỹ không có ý định xâm lược Trung Quốc, nếu không thì họ đã sớm nhảy vào Trung Quốc trong thời gian ba năm nội chiến rồi”. Vậy mà Trung Cộng đã hy sinh hơn 500.000 binh lính khi tham gia cuộc chiến tranh Triều Tiên, chỉ để nâng đỡ cái chính quyền độc tài Bắc Triều Tiên, một chính quyền giết hại hơn một triệu người dân của nước này. Thế nhưng những cuộc thử nghiệm hạt nhân mà chính quyền này khăng khăng tiến hành hiện nay đã uy hiếp cả đến Trung Quốc.

Lấy ví dụ câu chuyện “Bạch Mao Nữ”, các tác phẩm văn nghệ đã tuyên truyền so sánh “xã hội cũ” và “xã hội mới” dưới nhiều góc độ khác nhau. Xã hội cũ ám chỉ toàn bộ thời kỳ lịch sử xã hội từ năm 1949 trở về trước, bao gồm cả chế độ của Quốc dân đảng, chính phủ Bắc Dương, triều Thanh cho đến các thời cổ đại xa xôi hơn nữa, còn gọi là thời đại cũ. Họ tuyên truyền rằng “thời đại cũ vô cùng xấu xa”, “hai xã hội cũ và mới là hai thế giới khác nhau”. Lấy ranh giới là năm 1949 khi Trung Cộng thành lập chính quyền, thời kỳ trước đó là phản động, áp bức, đói tối, thối nát, ngu muội, tai họa, khủng bố, phi nghĩa; thời kỳ sau năm 1949 là tiến bộ, giải phóng, quang minh, phúc lợi, tốt đẹp, văn minh, hạnh phúc, hòa bình, chính nghĩa..., một xã hội là “thiên đường”, còn một xã hội là “địa ngục”. Điểm mấu chốt là, nếu như không có Đảng Cộng sản thì không có “xã hội mới” và “Trung Quốc mới”.



v.1 - KHÔNG CÓ ĐẢNG CỘNG SẢN THÌ KHÔNG CÓ TRUNG QUỐC MỚI

tăng vọt, vượt qua Anh quốc trong 10 năm, đuổi kịp Mỹ quốc trong 15 năm”, “nhanh chóng tiến vào Chủ nghĩa Cộng sản”, “toute dân cùng luyện gang thép”, “lấy gang thép làm chủ đạo”, “Mao chủ tịch muốn chúng ta thực hiện Đại nhảy vọt, Công xã hóa, thực hiện Chủ nghĩa Cộng sản”, “Công xã Nhân dân là chiếc thang để leo lên thiên đường của Chủ nghĩa Cộng sản”.



Kiểu tuyên truyền này khiến cho người ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc sẽ “mạnh mẽ vươn lên” để thực hiện được cái gọi là “mục tiêu”, việc thực hiện Chủ nghĩa Cộng sản đã không còn xa vời nữa. Cho nên cường quốc Trung Quốc phải dựa vào Đảng Cộng sản, không có Đảng Cộng sản thì không có “Trung Quốc mới” đi theo “Chủ nghĩa Cộng sản”. Cho đến nay, Trung Cộng vẫn không dám công khai thừa nhận rằng, có đến 30-40 triệu người dân Trung Quốc đã chết đói vì cuộc Đại nhảy vọt, nhưng lại bị Trung Cộng dối trá rằng họ bị chết do “ba năm thiên tai mất mùa”.

Từ năm 1966 đến năm 1976: Giai đoạn Cách mạng Văn hóa
Các hình thức tuyên truyền như kịch cách mạng, đội văn nghệ tuyên

truyền tư tưởng Mao Trạch Đông, báo chữ lớn, phim ảnh, tranh tuyên truyền, sách giáo dục v.v.. lan rộng khắp toàn quốc, những khẩu hiệu tuyên truyền như “tiếp tục cuộc cách mạng dưới chính quyền giai cấp vô sản chuyên chế”, “sông núi khắp nơi đều nhuộm một màu đỏ”, “giải phóng toàn nhân loại”, “hãy trở thành người đồng hành với sự nghiệp cách mạng vô sản”, “hiến dâng tất cả vì sự nghiệp cách mạng”, “phá trừ mọi tư tưởng cũ, văn hóa cũ, phong tục cũ, thói quen cũ của giai cấp bóc lột”, “đả đảo toàn bộ ngưu, quý, xà, thân”, “thực hiện chuyên chính về kiến trúc thượng tầng của giai cấp vô sản bao gồm mọi lĩnh vực văn hóa”. Thực ra, cái gọi là làm cách mạng vẫn phải dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Ý nghĩa căn bản là phải luôn luôn cảnh giác và thanh trừ mọi ý đồ “phá hoại và lật đổ” của kẻ thù ở khắp mọi nơi, không để cho người dân Trung Quốc quay trở lại “xã hội cũ xấu xa”, “chịu hai tầng áp bức”, củng cố và phát triển cái gọi là “Trung Quốc mới” dưới “chế độ Chủ nghĩa Xã hội” mà Đảng Cộng sản mang đến cho Trung Quốc.

Từ năm 1976 đến năm 1992: Cuộc cải cách mở cửa kinh tế dưới chế độ chuyên chế

Sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc vào năm 1976, Trung Cộng hô hào “bình phản”, “đả đảo bè lũ bốn tên”, “10 năm bạo loạn”, “10 năm tai họa”, “tay sai, tàn dư của bè lũ bốn tên” v.v.. Đứng trước nguy cơ sụp đổ của chế độ Trung Cộng, chúng đã phải dừng việc diên cuồng cướp bóc, phá hoại người dân, nhờ đó mà các tầng lớp xã hội bắt đầu có sự thay đổi và phát triển. Tuy nhiên, đảng lại coi sự phát triển này như là minh chứng cho “khả năng cầm quyền” và quyết tâm “sửa chữa sai lầm” của đảng, chứng minh rằng đảng có khả năng “lập lại trật tự”, đưa Trung Quốc thoát khỏi tình trạng hỗn loạn. Do vậy, việc xây dựng “Trung Quốc mới” vẫn phải dựa vào Đảng Cộng sản.

Sau năm 1979, Trung Cộng tập trung tuyên truyền cải cách kinh tế và mở cửa với nước ngoài. Tư tưởng chỉ đạo là: không có Đảng Cộng sản thì không có tất cả những thay đổi tốt đẹp trong đời sống kinh tế của người dân,

nhờ việc Trung Cộng từ bỏ tư tưởng Marx – Lenin – Mao Trạch Đông để chuyển sang “lãnh đạo” các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật, xã hội mới chuyển từ trì trệ sang phát triển nhanh chóng, từ đóng cửa chuyển sang mở cửa, tất cả là nhờ công lao của “đại hội Đảng khóa 11 lần 3”. Đảng đã lờ đi sự thực là trước khi Trung Cộng giành chính quyền thì Trung Quốc vẫn luôn thực hiện chính sách mở cửa, sự phong bế của xã hội Trung Quốc hoàn toàn do Trung Cộng gây nên.

Sau năm 1989, Trung Cộng phản đối “tự do hóa”, tuyên truyền tính đúng đắn của sự kiện thảm sát Lục Tứ (ngày 04 tháng 06) ở Thiên An Môn. Thời gian này, kinh tế Trung Quốc sau khi thoát khỏi tầng tầng gông xiềng của Trung Cộng đã từng bước phục hồi, hòa vào trào lưu kinh tế toàn cầu hóa. Điều này lại trở thành cái cớ để chính quyền Trung Cộng giải thích cho tính hợp pháp của nó. Trung Cộng đã chớp lấy cơ hội này để bịa đặt nền thứ logic hỗn loạn, tuyên truyền rằng nếu Đảng Cộng sản không đàn áp phong trào học sinh thì Trung Quốc sẽ bị giải thể, sẽ loạn, sẽ không thể phát triển như ngày nay – vẫn là tuyên truyền rằng Trung Quốc không thể tách rời khỏi Đảng Cộng sản.

Từ năm 1992 đến năm 1999: Giai đoạn kinh tế phát triển

“GDP tăng trưởng”, “Kinh tế vĩ mô được điều tiết”, “Phát triển kinh tế mới là con đường đúng đắn”, “Đấu tranh chống lũ thắng lợi”, “Xin quyền đăng cai thế vận hội Olympic”, “Đưa Hồng Kông trở về với Trung Quốc”, “Đưa Ma Cao trở về với Trung Quốc”, “Tam giáng”, “Mức sống người dân được nâng cao”, các khẩu hiệu này đều tuyên truyền ca ngợi công đức của đảng: Đảng đã bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, lãnh đạo nhân dân xây dựng kinh tế, nâng cao vị thế của Trung Quốc trên trường quốc tế, nâng cao đời sống người dân. Xét cho cùng, nhờ sức tiêu thụ lớn của Trung Quốc, nhờ sự cần cù lao động của người dân Trung Quốc và cũng do sự phá hoại của Trung Cộng đối với kinh tế xã hội suốt mấy chục năm khiến cho giá trị sức lao động của người Trung Quốc bị đánh giá rẻ mạt, những nhân tố đó đã thu hút lượng lớn đầu tư nước ngoài

đổ vào Trung Quốc, lại thêm đầu tư lớn cho kinh tế, cái giá phải trả cho cái gọi là kinh tế “tăng trưởng nhanh” chính là tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái bị phá hoại nghiêm trọng, đạo đức xã hội bị hủy hoại. Khi xã hội hiện nay phần nào đã đáp ứng nhu cầu vật chất của người dân, Trung Cộng lại chớp lấy cơ hội để tiếp tục tung hô cho bản thân nó, như thể là tất cả thành tích đạt được đều chỉ nhờ vào Trung Cộng.



Từ năm 1999 đến nay

“Tam đại biểu”, “phê phán Pháp Luân Công”, “phát triển trong hòa bình”, “bát vinh bát nhục”, “xã hội ổn định”, “dân giàu nước mạnh”, “kỳ tích kinh tế”, “duy trì tiến bộ”, “chống lại điêu sai trái”, “chính sách mới của Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo”, “quan điểm phát triển khoa học”... trên các phương tiện thông tin, Trung Cộng tráng trọn tuyên truyền về đời sống vật chất đầy đủ, GDP tăng trưởng tốt, tuyên truyền lối sống của người giàu, tuyên truyền các dự án bất động sản và các công trình xây dựng. Cái gọi là “cải cách kinh tế” của Trung

Cộng thực chất là để giảm bớt mâu thuẫn xã hội, kéo dài sự thống trị của nó, chứ không phải vì sự phát triển lâu dài của quốc gia và dân tộc. Mặt trái của việc kinh tế tăng trưởng nhanh một cách mù quáng đã dẫn đến những bất mãn trong xã hội, như ô nhiễm môi trường, cướp đoạt và phá hủy tài nguyên thiên nhiên đã khiến cho những thảm họa tự nhiên vốn dĩ “hàng trăm năm, hàng nghìn năm mới gặp” nay liên tiếp xảy ra. Sự phát triển không cân đối giữa nông thôn và thành thị, giữa miền Đông và miền Tây đã dẫn đến phân hóa giàu nghèo trong xã hội. Việc đầu tư ít cho lĩnh vực giáo dục trong thời gian dài, những chính sách bất hợp lý trong lĩnh vực y tế, và sự theo đuổi những ham muốn hưởng thụ vật chất cực đoan khiến cho đạo đức xã hội ngày càng hủ bại, trượt dốc v.v.. Khi những vấn đề mới nảy sinh chồng chất, để kéo dài sự sống Trung Cộng dốc sức tuyên truyền “xã hội ổn định”, “chính sách mới của Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo”, “liên tục phát triển” v.v.. với ý đồ dùng những danh từ mới mang tính “khoa học” và “hiện đại” này để khơi dậy hy vọng vào tương lai của những người dân Trung Quốc vốn đang bất mãn với hiện thực, để họ đắm chìm trong ảo tưởng rằng Trung Cộng đang “quyết tâm” nhổ tận gốc mọi vấn đề: vấn đề của Trung Quốc cuối cùng vẫn phải nhờ Đảng giải quyết.

Đồng thời, Trung Cộng rầm rộ tổ chức các cuộc duyệt binh chào mừng quốc khánh, thông qua mạng Internet và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền nó đang củng cố quân đội và vũ khí, hô hào đánh Đài Loan, đánh Nhật Bản, khuếch trương thanh thế của nước lớn. Đảng Cộng sản có ý đồ rõ ràng muốn khoe khoang lực lượng quân đội Trung Quốc, muốn cho người dân thấy rằng nếu không có những điều tốt đẹp mà Đảng Cộng sản đã làm từ khi thành lập chính quyền tới nay thì không có một nước “Trung Quốc mới” hùng mạnh như ngày nay.

v.1-3 – Không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao?

“Không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới”, một cụm từ thay

thể cho câu này là: Đảng Cộng sản lãnh đạo nhân dân Trung Quốc đạt được những thành tựu vinh quang, những thành tựu này nếu như không có sự lãnh đạo của đảng thì không thể trở thành hiện thực. Những thành tựu mà Trung Cộng vẫn thường khoe khoang là: kêu gọi nhân dân Trung Quốc đứng lên giành độc lập dân tộc; xây dựng được thể chế kinh tế quốc dân hoàn chỉnh; giải quyết được vấn đề lương thực cho mấy trăm triệu người dân; xây dựng nên thể chế quốc phòng hùng mạnh, đã trang bị được bom nguyên tử và tàu ngầm nguyên tử; đạt được những bước tiến vượt bậc trong sự nghiệp giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, v.v..

Nhưng trên thực tế, người giành lại độc lập dân tộc thực sự cho Trung Quốc, đưa Trung Quốc trở thành một trong bốn cường quốc thế giới, phế bỏ hiệp ước bất bình đẳng, thu hồi lại Đài Loan lại chính là chính phủ Quốc Dân đảng, thực hiện vào năm 1945. Trước khi Trung Cộng giành chính quyền thì những gì nó làm là chia cắt đất nước và gây ra nội chiến, sau khi giành chính quyền nó tận lực nô dịch nhân dân, khơi mào các cuộc vận động chính trị, bức ép người dân phải quỳ phục trước nó.

Vào trước thời Trung Cộng, hệ thống kinh tế Trung Quốc đã rất quy mô. Năm 1918, các nhà máy đóng tàu ở Giang Nam đã đóng cho Mỹ bốn chiếc tàu vận tải, hạ thủy vào tháng 03 năm 1920, được Bộ Vận tải của Mỹ nghiệm thu và đánh giá là chất lượng rất tốt. Năm 1929, nhà máy pháo cối ở Liêu Ninh đã chế tạo ra chiếc ô tô đầu tiên, những phát minh khác như diêm, sơn, máy tiện, thậm chí là chiến hạm, máy bay, v.v.. rất nhiều sản phẩm của ngành sản xuất công nghiệp hiện đại đều đã được sáng tạo từ thời chính phủ Quốc Dân, chính phủ Bắc Dương, thậm chí từ thời nhà Thanh.

Nói về vấn đề miếng cơm manh áo của người Trung Quốc, rốt cuộc ai là người trồng trọt, xây nhà, làm nghiên cứu khoa học? Chẳng phải là nông dân, công nhân, trí thức hay sao? Có ai sống dựa vào Trung Cộng đâu? Lương thực và tài sản của người dân Trung Quốc đều là thành quả của sự chăm chỉ lao động, do bản thân họ kiếm được chứ không phải do sự ban ơn của Trung Cộng. Chúng ta

phải hiểu rõ rằng, chính người dân đã nuôi sống chính quyền Trung Cộng, chứ không phải chính quyền Trung Cộng nuôi sống nhân dân. Trung Cộng vô liêm sỉ ở chỗ nó tước đoạt toàn bộ tài sản của chúng ta, cuối cùng trả lại cho chúng ta chỉ một phần nhỏ tài sản mà chúng ta tạo nên, lại còn bắt chúng ta đi cảm ơn nó, bắt chúng ta nói: “Cảm ơn chính sách sáng suốt của đảng”.

Nhìn từ góc độ khác, trong kinh tế học có một danh từ là “chi phí cơ hội”. Nghĩa là khi đứng trước sự lựa chọn, người ta sẽ phải đưa ra một quyết định, những gì họ mất khi đưa ra quyết định này chính là chi phí cơ hội cho thứ mà họ nhận được. Khi Trung Cộng khoác lác về những “thành tựu vĩ đại” của nó, nó thường chỉ so sánh các số liệu theo chiều dọc mà không so sánh theo chiều ngang; thường so sánh với thời kỳ đất nước loạn lạc mà không so sánh với thời kỳ chính trị ổn định; thường chỉ nói về những gì nó làm được mà không đề cập đến những gì nó không làm được. Trong thời gian nửa thế kỷ trở lại đây, nếu so sánh giữa những nước không đi theo Chủ nghĩa Cộng sản với nước Trung Quốc theo Chủ nghĩa Cộng sản, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng: nếu như không có Đảng Cộng sản, thì một đất nước Trung Quốc tự do, dân chủ, bằng trí tuệ và sự cần cù của người dân Trung Quốc, có thể đạt được những thành tựu không biết chừng còn huy hoàng gấp mấy lần so với chế độ hiện nay.

Trước tiên, chúng ta lấy ví dụ về lĩnh vực kinh tế. Trung Cộng thường nói Trung Quốc tuy dân số đông nhưng nền tảng của mọi thứ đều yếu kém, vậy chúng ta thử nhìn sang nước láng giềng phía Đông Trung Quốc là Nhật Bản, cũng là nước đông dân và đất đai khô cằn. Mật độ dân số của Nhật Bản là 339,3 người/km² (số liệu năm 1998), gần gấp ba lần Trung Quốc. Diện tích nước Nhật 71% là đồi núi, đất đai khô cằn, tài nguyên nghèo nàn, điều kiện tự nhiên không có gì thuận lợi. Sau Thế chiến thứ hai, Nhật Bản đã đi lên từ đồng hoang tàn của chiến tranh, vậy mà chưa đến 30 năm sau, Nhật Bản không chỉ xóa đi dư âm của chiến tranh, mà còn vượt qua các cường quốc như Anh, Pháp, Đức, Nga, trở thành cường quốc đứng thứ hai thế giới chỉ sau Mỹ. Từ năm 1955 đến năm 1973, cùng lúc mà đất nước Trung Quốc long trời lở đất bởi các cuộc vận

động chính trị hết lần này đến lần khác do Đảng Cộng sản phát động, Nhật Bản với tổng sản phẩm quốc nội bình quân hàng năm liên tục đạt tốc độ tăng trưởng 10% trong suốt 18 năm, được thế giới gọi là “kỳ tích kinh tế Nhật Bản”.

Dân số Ấn Độ và Trung Quốc đều thuộc hàng cao nhất nhì thế giới. Những năm 1980, gần như cùng lúc với thời kỳ Trung Cộng bắt đầu cải cách mở cửa, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của tổng thống Rajiv Gandhi đã bắt đầu cải cách tự do theo đường lối ôn hòa. Bắt đầu từ năm 1991, Ấn Độ tăng tốc độ cải cách, từ năm 1980 đến 2002, kinh tế Ấn Độ bình quân tăng trưởng 6%/năm, từ năm 2002 đến 2006 bình quân tăng 7,5%/năm, tốc độ này đã gần với con số 8% mà Trung Cộng đưa ra. Nhưng tất cả các khoản nợ xấu trong ngân hàng Ấn Độ chỉ chưa đầy 2%, thấp hơn nhiều so với Trung Quốc; hệ số Gini^[3] của Ấn Độ là 0,33 còn hệ số Gini của Trung Quốc cùng thời gian đó có khả năng đạt đến 0,5 đến 0,6. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chủ yếu nhờ vào vốn đầu tư lớn để khai thác tài nguyên, còn sự tăng trưởng GDP của Ấn Độ chủ yếu dựa vào nâng cao năng lực sản xuất, chứ không dựa vào tăng vốn đầu tư hay sức lao động. Ấn Độ đã trở thành một mô hình tăng trưởng kinh tế độc đáo, khác hẳn với các nước Đông Á, nhất là với Trung Quốc. Ấn Độ phát triển chủ yếu dựa vào thị trường trong nước chứ không xuất khẩu, dựa vào tiêu dùng chứ không phải đầu tư, dựa vào ngành dịch vụ chứ không phải ngành công nghiệp, dựa vào ngành công nghiệp chế tạo công nghệ cao chứ không phải công nghệ thấp. Theo các chuyên gia, mô hình phát triển kinh tế của Ấn Độ mang lại nhiều lợi ích hơn cho người dân.

Quân sự và quốc phòng cũng là những chủ đề mà Trung Cộng thường xuyên khoe khoang. Người xưa có câu “Binh giả vi hung khí, thánh nhân bất đắc dĩ nhi dụng chi” (*Kẻ cầm quân dựa vào vũ khí, bậc thánh nhân bất đắc dĩ*

[3] Hệ số Gini thường được sử dụng để biểu thị mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập giữa các tầng lớp cư dân. Số 0 tượng trưng cho sự bình đẳng thu nhập tuyệt đối (mọi người đều có cùng một mức thu nhập), số 1 tượng trưng cho sự bất bình đẳng thu nhập tuyệt đối (một người có toàn bộ thu nhập, trong khi tất cả mọi người khác không có thu nhập).

mới dùng đến vũ khí). Trong Bình pháp Tôn Tử có câu: “Bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã. Cố thương binh phạt mưu, kỳ thú phạt giao, kỳ thú phạt binh, kỳ hạ công thành” (*Không cần đánh mà làm kẻ địch khuất phục mới gọi là sáng suốt nhất trong sự sáng suốt. Cho nên thượng sách trong việc dùng binh là lấy mưu lược để thắng địch, kế đó là thắng địch bằng ngoại giao, kế nữa là dùng binh thắng địch, hạ sách là tấn công thành trì*). Xuất phát điểm của Trung Cộng là từ triết học đấu tranh, mấy chục năm nay nó không ngừng tuyên truyền tư tưởng chiến tranh ngông cuồng của mình, “Đại chiến Thế giới lần thứ ba là không thể tránh khỏi”, “Trung – Mỹ phải có chiến tranh”. Để hóa giải mâu thuẫn trong nước, mánh khé thống trị mà nó quen dùng chính là dựng nên cái gọi là thế lực thù địch nước ngoài. Kỳ thực, chính quyền Trung Cộng mới là kẻ thực sự nhiệt tình “xuất khẩu cách mạng”, châm ngòi đấu tranh khắp nơi, chỉ e thiên hạ không đủ loạn. Để nghiên cứu chế tạo đầu đạn hạt nhân đầu tiên, Trung Cộng đã tiêu tốn khoảng 4,1 tỷ USD (theo tính toán vào năm 1957). Có người làm một bài toán, nếu dùng số tiền này để mua lương thực thì có thể cứu sống được 40 triệu người bị chết đói trong nạn đói năm đó. Nếu như mục đích của quốc phòng là để bảo vệ người dân, vậy thì loại quốc phòng làm hại chết người dân này có ý nghĩa gì đây? Dốc hết binh lực cho chiến tranh mà không quan tâm đến sự sống chết của người dân như vậy có đáng không? Chí ít thì việc chế tạo được một chút vũ khí cũng không phải là thứ để khoe khoang trước mặt người dân. Vả lại, những quốc gia không có Đảng Cộng sản lẽ nào lại không xây dựng lực lượng quốc phòng?

Giáo sư Minh Cư Chính thuộc khoa chính trị học trường đại học quốc lập Đài Loan từng đưa ra một giả thuyết rất thú vị và có tính gợi mở. Ông nói, nếu như sau năm 1949, chính quyền Đại lục nghe theo lời dạy của Tôn Trung Sơn, đi theo con đường Chủ nghĩa Tam Dân^[4], thì tình hình Trung Quốc sẽ

[4] Chủ nghĩa Tam Dân là một cương lĩnh chính trị do Tôn Dật Tiên đề xuất, với tinh thần biến Trung Quốc thành một quốc gia tự do, phồn vinh và hùng mạnh. Cương lĩnh chính trị này bao gồm: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.

nurse thế nào?

“Năm 1949 đến năm 1952 sẽ không có năm cuộc vận động lớn, Trung Quốc cũng sẽ không đánh nhau với Mỹ, và cũng sẽ không bị Mỹ cấm vận, ... cũng không phải tiến hành cuộc vận động Đại nhảy vọt, v.v. rất nhiều sự việc trong thời gian đó cũng sẽ không xảy ra, Ba ngọn cờ hồng^[5], Đại nhảy vọt, Công xã Nhân dân đều sẽ không xảy ra, sẽ không có 30-40 triệu dân Trung Quốc phải chết đói... tất nhiên quan trọng hơn là sẽ không nổ ra cuộc Cách mạng Văn hóa. Đến thập niên 1970, kinh tế sẽ tiếp tục phát triển, người dân sẽ ngày càng thịnh vượng... Nếu đảng tiếp tục thực hiện theo chủ nghĩa Tam Dân, thì đến những năm 1980, nhu nhập bình quân của người dân Trung Quốc có thể đạt khoảng 4000 – 5000 USD. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người hẳn phải bằng một nửa của Mỹ rồi, và tổng thu nhập quốc dân của Trung Quốc sẽ gấp hơn hai lần của Mỹ. Không nghi ngờ gì, Trung Quốc sẽ là cường quốc số một thế giới. Cũng có nghĩa là, nếu Trung Quốc Đại lục đi theo con đường của Tôn Trung Sơn mà không phải là con đường Chủ nghĩa Cộng sản thì Trung Quốc sớm đã khởi sắc rồi”.

Trung Quốc cổ đại có câu thành ngữ: “Hữu dưỡng sinh túc” (*nghỉ ngơi mới có sức*). Nghĩa là chính phủ nên giảm bớt hình phạt, thu thuế ít, giảm nhẹ lao dịch, cho người dân được nghỉ ngơi, nói đơn giản là chính phủ không hành hạ người dân nữa. Người dân Trung Quốc cần cù, dũng cảm, chỉ cần xã hội công bằng, không có các cuộc vận động, không chịu sự chỉ đạo mù quáng, thì người dân sẽ tự biết xoay sở để có cuộc sống sung túc hơn. Trung Cộng vẫn tự nói rằng, sau khi nạn đói ba năm giết chết mấy chục triệu người và Cách mạng Văn hóa kết thúc, nền kinh tế quốc dân đã ở bên bờ vực sụp đổ. Nếu không phải do bị Trung Cộng giày xéo suốt mấy chục năm, thì chí ít là từ 30 năm trước người dân Trung Quốc đã có thể có cuộc sống tốt đẹp hơn rồi. Hiện nay, sự chuyên chế, hủ bại, lãng phí của Trung Cộng kéo theo đó là trật tự xã

[5] Tam Diện Hồng Kỳ, là ba khẩu hiệu chính trị hối thập niên 1950 ở Trung Quốc, gồm Đường lối chung xây dựng Chủ nghĩa xã hội, Đại nhảy vọt, và Công xã Nhân dân.

hội rối loạn và đạo đức xã hội bại hoại đã gây trở ngại to lớn cho sự phát triển của Trung Quốc. Trung Cộng tự thừa nhận rằng, mỗi năm nó chi tiêu công cần 200 tỷ nhân dân tệ, chi phí xe công 300 tỷ nhân dân tệ, chi phí ra nước ngoài công 200 tỷ nhân dân tệ. Ngân hàng Thế giới thống kê trong thời gian từ những năm 1975 đến 1995, các quyết định đầu tư sai lầm của Trung Quốc chiếm khoảng 30%, làm lãng phí 400-500 tỷ nhân dân tệ, ngay đến Ngô Bang Quốc còn tự phát biểu rằng: “Sự lãng phí lớn nhất của nước ta không gì khác chính là đưa ra các quyết sách sai lầm”. Còn có hàng triệu quan chức, đảng viên các cấp lớn nhỏ không biết đã làm lãng phí bao nhiêu tiền của dân. Người dân ở các quốc gia thông thường nộp thuế để nuôi chính phủ, còn người dân Trung Quốc ngoài việc phải nuôi chính phủ còn phải nuôi cả bộ máy đảng khổng lồ với lòng tham không đáy, cho nên người dân mới không thể kham nổi.

Nhưng tại sao người ta lại cảm thấy rằng không có Đảng Cộng sản thì người Trung Quốc sẽ không biết phải làm thế nào? Thứ nhất, đây là do vấn đề tâm lý. Thông qua tuyên truyền, Đảng Cộng sản đã tạo nên sự hiểu lầm lẩn lộn các khái niệm đảng, dân tộc với quốc gia, đảng mà mất thì nước cũng không còn, cũng giống như đứa trẻ chưa từng rời xa mẹ, nó không dám tưởng tượng ra cảnh không có mẹ bên cạnh thì sẽ ra sao. Nhưng vấn đề là Đảng Cộng sản chưa từng là mẹ của chúng ta, mà nó là một phụ thể bám chặt vào dân tộc Trung Hoa. Thứ hai, Trung Cộng đã cướp lấy tất cả tài nguyên và của cải, khiến cho người ta lầm tưởng rằng phải dựa vào Trung Cộng mới có thể quản lý quốc gia. Thực tế là không có Trung Cộng, người Trung Quốc vẫn là người Trung Quốc, nước Trung Quốc nên quản lý thế nào thì vẫn quản lý như thế. Xã hội Trung Quốc mấy nghìn năm trước dù không có Đảng Cộng sản, chẳng phải vẫn phát triển tốt hay sao?

Mặt khác, người ta vẫn lo lắng rằng nếu không có Đảng Cộng sản thì quốc gia có thể bạo loạn, chi bằng hiện giờ sống dựa vào nó. Nhìn bề ngoài thì đây là một biện pháp để tránh bạo loạn. Nghĩ kỹ một chút sẽ phát hiện ra, chính sự thống trị của Trung Cộng mới là nguồn gốc của bạo loạn, sự thống

trị của Trung Cộng đã châm ngòi cho những mâu thuẫn gay gắt, nó đang dần ép tạo nên sự bất mãn của xã hội, có thể nói rằng dưới sự thống trị của Trung Cộng thì viễn cảnh bạo loạn là điều tất yếu của lịch sử. Hiện giờ việc duy trì Trung Cộng không những không thể tránh khỏi bạo loạn mà chỉ khiến cho bạo loạn càng xảy đến nhanh hơn, khiến cho sức tàn phá của nó càng mạnh mẽ hơn mà thôi. Các biện pháp giải cứu tạm thời cho những vấn đề của Trung Quốc ngày nay đã hoàn toàn bị Trung Cộng chặn hết rồi, bởi vì những biện pháp giải cứu tạm thời này đều có thể uy hiếp đến sự thống trị của Trung Cộng. Chỉ khi không còn nhân tố của Đảng Cộng sản, mới có thể thảo luận về những vấn đề của Trung Quốc một cách công bằng, chính xác, không lo hậu quả về sau, công cuộc cải cách mới có thể được tiến hành toàn diện theo đúng quy đao. Vậy nên, việc cấp bách lúc này là giải thể Trung Cộng, để các việc khác được tiến hành thuận lợi, chứ không phải cứ mê muội vào vấn đề “không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao”.



“Không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao” bản thân câu hỏi này đã rất vô lý rồi. Cuối thế kỷ trước, Chủ nghĩa Cộng sản đã sụp đổ trên toàn thế giới, các quan chức cấp cao Trung Cộng đều nói rằng Đảng Cộng sản sẽ sụp đổ trong “không quá 10 năm”. Năm 2004, Nhân dân nhật báo cao giọng phát biểu bài xã luận rằng Đảng Cộng sản sẽ “năm quyền thêm 20 năm nữa”, có thể thấy rằng Đảng Cộng sản tự nó tính toán rất lạc quan cũng chỉ bất quá “20 năm”. Người ta chẳng phải cũng hay nói rằng: “20 năm nữa, Trung Quốc thế nào cũng có dân chủ” hay sao? Hiển nhiên là người ta đã sớm công nhận rằng Đảng Cộng sản sẽ sụp đổ. Vậy thì, vấn đề “Không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao” chẳng phải là thừa sao?



Do vậy, vấn đề đặt ra không phải là “Đảng Cộng sản có nên sụp đổ không”, mà là vấn đề “Làm thế nào để Đảng Cộng sản sụp đổ”. Cách hỏi rõ ràng hơn là “Làm thế nào để Đảng Cộng sản sụp đổ mà không gây nên bạo loạn xã hội”, dựa vào các thủ đoạn bạo lực cách mạng hiển nhiên là không ổn. Bạo lực chỉ mang

lại nhiều bạo lực hơn, sự thống trị của Đảng Cộng sản đã gây nên gián đoạn về văn hóa và tâm lý con người, chỉ có thể làm cho mọi người thực sự hiểu đúng về Đảng Cộng sản mới có thể tránh được đi vào vết xe đổ của nó. Hiện giờ phong trào thoái đảng dấy lên ở Trung Quốc là cách tốt nhất mà người ta có thể nghĩ ra được. Quá trình thoái xuất khỏi Trung Cộng là quá trình mà người dân thức tỉnh, chính là quá trình chấp nhận sự thực rằng Trung Cộng sụp đổ, cũng là quá trình để các thế lực mới phát triển, và trong quá trình phát triển họ tự giác phân rõ giới hạn với các nguyên tắc bạo lực của Đảng Cộng sản. Chỉ khi tâm hồn của người Trung Quốc thực sự được giải phóng, người dân có lý trí, thì Trung Quốc mới có thể ổn định bước qua thời quá độ.

Không ít chính khách phương Tây cũng lo sợ Trung Cộng sụp đổ, lo lắng rằng nếu Trung Quốc xuất hiện bạo loạn thì sẽ xung động đến trật tự thế giới, do đó họ hy vọng “thế giới bảo vệ Trung Cộng”, giúp đỡ Trung Cộng duy trì chính quyền. Hiển nhiên hành động này rất thiển cận và thiếu lý trí. Bởi vì dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, Trung Quốc chắc chắn sẽ xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn, mà nếu mâu thuẫn bùng phát thì vấn đề sẽ càng lớn, lúc đó hối hận cũng đã muộn.

Không có Trung Cộng, Trung Quốc sẽ càng tốt hơn. Vậy thì có Đảng Cộng sản, Trung Quốc rốt cuộc sẽ thế nào?

v.1-4 – Đảng Cộng sản mang lại điều gì cho Trung Quốc?

Nhìn lại lịch sử một thế kỷ gần đây, chúng ta có thể thấy Trung Cộng tự tung hô nó là “lật đổ ba ngọn núi lớn”, “lãnh đạo nhân dân vùng lên giải phóng”, kỳ thực nó mới là ngọn núi nặng nề nhất đè lên đầu người dân Trung Quốc.

Lịch sử của Trung Cộng là lịch sử của những cuộc đấu tranh bạo lực, đấu tranh tư tưởng và đấu tranh giành quyền lực, hết cuộc vận động này đến cuộc vận động khác, “Trấn phản”, “Túc phản”, “Tam phản”, “Ngũ phản”, các cuộc phê bình tư tưởng, cải tạo chủ nghĩa xã hội, “Phản hữu”, “Đại nhảy vọt”, “Phản

hữu khuynh”, “Tứ thanh”, “Phân quyền tạo phản”, “Thanh giai”, nhất là tam phản, phê Lâm phê Khổng, Đại Cách mạng Văn hóa, phong trào phê phán Đặng Tiểu Bình phản kích cánh hữu lật lại bản án, phản tự do hóa, sự kiện Lục Tứ, đàn áp Pháp Luân Công, v.v. Mỗi cuộc vận động đều khiến cho quốc gia và nhân dân hao tổn nguyên khí lớn. Chính quyền Trung Cộng đẩy nhân dân Trung Quốc vào tình trạng nô dịch chưa từng có từ trước tới nay, bắt cứ chính quyền nào không phải Đảng Cộng sản đều không thể gây ra những thảm họa trầm trọng đến như vậy cho dân tộc Trung Hoa.

Bán lãnh thổ đất nước

Ngày 09 và 10 tháng 12 năm 1999, nhân chuyến viếng thăm Bắc Kinh của tổng thống Nga, người đứng đầu Đảng Cộng sản Giang Trạch Dân đã ký kết với tổng thống Nga Boris Yeltsin “Nghị định thư giữa Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Chính phủ Liên bang Nga về vấn đề hai bờ Đông Tây biên giới Nga – Trung”, “khu vực Ngoại Hưng” bao gồm Ngoại Hưng An Lĩnh ở phía Nam và Hắc Long Giang ở phía Bắc, “khu vực Ô Đông” gồm Ô Tô Lý Giang ở phía Đông và còn có ít nhất hơn 1 triệu km² lãnh thổ Trung Quốc bị xâm chiếm bất hợp pháp ở khu vực Đường Nô Ô Lương Hải gồm cả đảo Khô Hiệt, đã chính thức được đưa vào bản đồ nước Nga. Tháng 05 năm 2001, Giang Trạch Dân và Boris Yeltsin lại ký kết hiệp ước nhượng lại phần lãnh thổ đang có tranh chấp rộng 27.000 km² cho Boris Yeltsin.



Để đổi lấy sự hỗ trợ của thế lực nước ngoài nhằm củng cố quyền lực, Giang Trạch Dân đã âm thầm chấp nhận một loạt những điều ước bất bình đẳng giữa Nga – Trung đã bị vô hiệu theo Công ước Viên, cống nộp cho Nga một phần

lớn lanh thổ quốc gia đáng lẽ hoàn toàn có thể được trả về cho Trung Quốc như Hồng Kông, Macao, cắt đứt con đường phát triển sinh tồn của dân tộc Trung Hoa. Các quan chức cấp cao của Trung Cộng ý thức được rằng tội ác bán nước của Giang một khi bị bại lộ thì tất yếu sẽ nguy hại đến sự thống trị của Trung Cộng, do đó đành phải vào hùa với Giang để cật lực che đậy sự thật.

Phá hoại môi trường

Đảng Cộng sản điên cuồng vô độ, coi thường tất cả quy luật tự nhiên. Trong 30 năm kể từ khi giành chính quyền, nó “đấu với trời, đấu với đất, đấu với người”, không khiến kinh tế phát triển, mà chỉ khiến cho môi trường tự nhiên bị phá hoại nghiêm trọng. Sau cải cách mở cửa, nó lại theo đuổi việc tăng trưởng kinh tế một cách phiến diện, chỉ chạy theo lợi trước mắt, thu không đủ chi, khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên. Trung Quốc hiện giờ là một trong những quốc gia có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng nhất thế giới, môi trường sinh thái mà Đảng Cộng sản để lại khiến các thế hệ con cháu đời sau của dân tộc Trung Hoa gần như không thể sinh sống được.

Tổng cục Bảo vệ Môi trường của Trung Cộng thừa nhận, hiện tại các khu vực bị mưa axit xâm lấn chiếm 1/3 diện tích toàn quốc; ô nhiễm không khí khiến hơn 400 triệu cư dân thành thị phải hít thở không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng, 15 triệu người vì thế mà bị mắc các bệnh về khí quản và bệnh ung thư đường hô hấp; ô nhiễm nước khiến cho sự thiếu hụt nguồn nước sạch càng thêm trầm trọng, nước ở hệ thống sông hồ thiếu 5 loại khoáng chất chiếm 41% (*Ghi chú: nước thiếu 5 loại khoáng chất thì đã mất đi công dụng của nước, thậm chí không phù hợp cho tưới tiêu*); 360 triệu người ở nông thôn phải uống nước không an toàn, trên 90% sông ở thành thị bị ô nhiễm nghiêm trọng; các thôn xóm bị ung thư do ô nhiễm trải dài từ vùng Tân Cương ở miền Tây sang Hắc Long Giang ở miền Đông, phía Nam đến Vân Nam, Quảng Đông, phía Bắc đến Nội Mông Cổ, gần như bao phủ toàn quốc; Trung Quốc còn có trên 90% thảo nguyên tự nhiên bị thoái hóa, mỗi năm thoái hóa thêm 2 triệu

hec ta đồng cỏ; tổng diện tích sa mạc và hoang mạc lên đến 1,7 triệu km², mỗi năm tăng thêm 3.436 km², tương đương với mỗi năm mất đi một huyện lớn; do đất canh tác bị chiếm dụng, hiện tại tổng số nông dân Trung Quốc bị mất đất khoảng 40 triệu người, con số này mỗi năm còn tăng thêm hơn 2 triệu người.

Xét về diện tích đất và lượng tài nguyên thiên nhiên bình quân trên đầu người, Trung Quốc vốn đã đứng hàng cuối trên thế giới. Theo xu hướng phát triển như hiện nay, trong tương lai không xa, Trung Quốc sẽ không còn đất canh tác, không còn nước uống, không còn đủ không khí sạch để thở, điều này hoàn toàn không phải chuyện giật gân. Mặc dù quan chức Trung Cộng hiện giờ vẫn lớn tiếng “duy trì phát triển”, nhưng Trung Cộng vốn dĩ chỉ nhìn vào mục tiêu trước mắt là duy trì sự thống trị của nó, chắc chắn rằng đây chỉ là một danh từ mới để tô điểm cho bộ mặt của nó mà thôi. Đến nay, rất nhiều thảm họa tự nhiên ở Trung Quốc đã gần như không thể khống chế được, đây là thảm họa của cả dân tộc.

Tàn sát nhân dân Trung Quốc

Từ khi nắm quyền đến nay, Trung Cộng đã giết hại 40 triệu người dân trong các cuộc vận động chính trị liên tiếp, cộng thêm 40 triệu người bị chết trong ba năm nạn đói, Trung Cộng đã hại chết 80 triệu người dân Trung Quốc. Các học giả trong và ngoài nước căn cứ theo các tài liệu lịch sử đã được công bố, qua nhiều lần thống kê nghiên cứu, cuối cùng đã tính toán ra được con số này. Bởi vì con số mà các cấp chính quyền Trung Cộng công bố đa phần đều đã giảm bớt đi, cho nên con số thực tế chỉ có thể nhiều hơn nữa, chứ không thể ít hơn.

Có người nói, Trung Cộng bị ép phải giết người. Cách nói này không đáng để bắt bẻ. Khi Trung Cộng mới xây dựng chính quyền, trải qua bao nhiêu năm đấu tranh, người dân Trung Quốc rất tin tưởng và hy vọng vào chính quyền mới. Trung Cộng hoàn toàn có thể đại xá thiên hạ, hoàn thiện chế độ hiệp thương chính trị và thể chế pháp luật, và tập trung vào phát triển kinh tế. Nhưng Trung Cộng lại bắt đầu giết chóc trên diện rộng, điên cuồng phát động

các cuộc vận động chính trị, dựa vào giết chóc để tạo nên sự khủng bố, muốn xây dựng một chế độ độc tài, các đảng phái dân chủ nhanh chóng trở thành bình hoà chính trị.

Còn có người nói, Trung Cộng giết người vì lý tưởng, Mao Trạch Đông vì muốn xây dựng chế độ chủ nghĩa xã hội mọi người đều bình đẳng, nên cần phải trả một cái giá nhất định. Cách nói này càng dối trá, Hitler, Tojo Hideki^[6] giết người lẽ nào không phải vì cái mà họ gọi là “lý tưởng” sao?

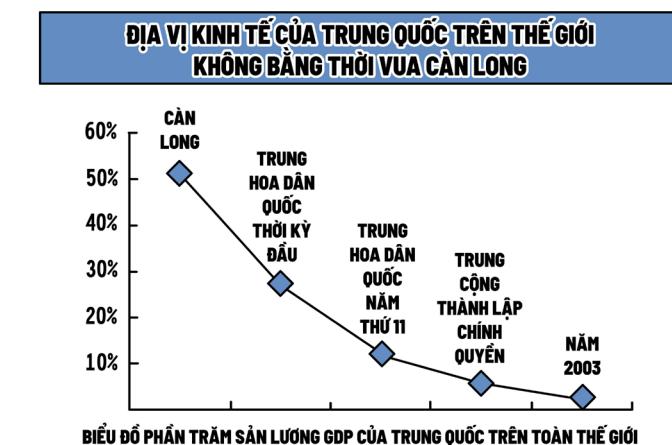
Cũng có người nói, những sự việc này đều đã qua rồi, Trung Cộng chẳng phải không còn giết người nữa rồi sao? Không, Trung Cộng chưa từng ngừng việc giết người, chỉ có điều trước đây nó giết người một cách gióng trống mở cờ, bây giờ là giết người một cách lén lút. Trước đây mục đích giết người của nó nhằm tạo ra khủng bố, từ đó duy hộ quyền lực độc tài của nó; bây giờ lại là biến việc giết người thành ngành công nghiệp phúc tạp, ví dụ như bức hại Pháp Luân Công, mổ cướp nội tạng của các học viên Pháp Luân Công bán cho các bệnh nhân trong và ngoài nước với giá cao, thu lợi nhuận khổng lồ.

Cướp bóc, lăng phí của cải

Trung Cộng hiện nay lấy tốc độ tăng trưởng GDP mỗi năm 8% làm căn cứ hợp pháp cho sự cầm quyền của nó. Một số ít thành phố dựa vào chính sách đặc thù và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo nên cảnh tượng phồn vinh những tòa nhà cao ốc san sát nối tiếp nhau. Nhưng nếu chúng ta chuyển tầm nhìn từ các thành phố lớn đến nông thôn, từ duyên hải vào nội địa, từ giai cấp hưởng nhiều lợi ích sang tầng lớp bình dân thành thị và nông dân vốn chiếm 80% dân số Trung Quốc, thì chúng ta sẽ phát hiện ra sự nghèo khổ, nghèo khổ đến kinh ngạc, vẫn là một thực tại đáng sợ ở Trung Quốc.

[6] Tōjō Hideki (30 tháng 12, 1884 – 23 tháng 12, 1948) là một đại tướng của Lục quân Đế quốc Nhật Bản và là thủ tướng thứ 40 của Nhật Bản trong suốt phần lớn thời gian của Chiến tranh thế giới thứ hai, từ 18 tháng 10 năm 1941 đến 22 tháng 7 năm 1944. Ông là một trong những nhà tư tưởng theo chủ nghĩa dân tộc và là người ủng hộ chiến tranh với Trung Quốc và các quốc gia khác.

Không phải Trung Quốc từ trước đến giờ vẫn luôn nghèo như vậy. Cho đến trước thời trung kỳ nhà Thanh, kinh tế Trung Quốc vẫn chiếm vị trí hết sức quan trọng trên thế giới. Tổng giá trị sản xuất quốc dân vào thời vua Càn Long nhà Thanh chiếm 51% toàn thế giới, vượt xa rất nhiều tỉ trọng hiện nay (4%). Mặc dù thời kỳ dân quốc Trung Quốc bạo loạn liên miên, nhưng chính phủ quân phiệt Bắc Dương vẫn tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế 25%. Vậy thì sự giàu có của Trung Quốc rốt cuộc đã đi đâu mất?



Điều này phần lớn là do sự cướp bóc và lăng phí của Trung Cộng. Sau khi Trung Cộng nắm quyền, thông qua cải tạo công thương nghiệp và công xã hóa nhân dân, chỉ trong vài năm đã tập trung hết tài sản của nhân dân vào tay giai cấp nắm quyền lực của Trung Cộng, với cái tên mỹ miều là “chế độ công hữu”. Nó lừa gạt cưỡng đoạt, không từ thủ đoạn nào.

Không chỉ vậy, mấy chục năm nay, những chính sách vô cùng ngu muội cùng sự lăng phí, sự cướp bóc của các quan chức Trung Cộng, đã hao tổn rất nhiều tài sản quốc dân, làm cho đất nước chúng ta nghèo khổ đến cùng cực. Ví dụ, Trung Cộng khi mới lên nắm quyền đã phát động cái gọi là “chống Mỹ giúp Triều”, tổng cộng đã tiêu tốn 50-60 tỷ USD, lúc đó một nửa thu nhập của quốc

dân được dùng vào cuộc chiến tranh Triều Tiên; cuộc Đại nhảy vọt vào thập niên 60 của thế kỷ trước không chỉ khiến cho mẩy chục triệu người tử vong, mà còn gây ra sự tổn thất trực tiếp về kinh tế cho Trung Quốc ước tính hơn 120 tỷ USD (tính theo giá của thời đó, giống như dưới đây); 10 năm Cách mạng Văn hóa khiến cho kinh tế Trung Quốc tổn thất ít nhất 500 tỷ USD (con số này vẫn chưa tính đến những hậu quả to lớn khi vô số sách và văn vật bị tổn thất, tư tưởng con người bị sự trói buộc, cùng với sự băng hoại đạo đức của toàn xã hội và thể chế pháp luật, và còn những tổn thất gián tiếp khó tính toán được như 10 triệu hộ gia đình bị tịch thu, 20 triệu người bị phê bình, đánh đập tàn nhẫn, 100.000 người bị ép tự sát v.v.), con số này vượt quá tổng tài sản cố định trong 30 năm từ 1949 đến 1979; lấy tư tưởng chỉ đạo của Mao “Đại chiến Thế giới đánh sớm tốt hơn là đánh muộn”, cuộc đại chuyển dịch công nghiệp “ba tuyến công trình” đã gây ra tổn thất kinh tế 600 tỷ USD.

Từ thập niên 80 trở lại đây, sự phát triển kinh tế của Trung Quốc hoàn toàn do kết quả của việc Trung Cộng nói lồng sự khống chế, cộng với sự chăm chỉ lao động của người dân, chứ không phải cái mà Trung Cộng khoe khoang là “chiến tích chính trị” của nó. Nhưng đăng sau sự phồn vinh này còn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng. Mô hình phát triển kinh tế tiêu hao nhiều năng lượng, tỷ lệ thất nghiệp cao, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng (các chuyên gia tính toán hiện tại hệ số Gini tính khoảng cách thu nhập của người dân thành thị Trung Quốc khoảng 0.5-0.6, vượt xa giới hạn cảnh báo hệ số này theo quy định của Liên Hợp Quốc), tổn thất tài sản quốc hữu quy mô lớn (Trung Cộng thừa nhận năm 2004 tổn thất lên đến 352.1 tỷ nhân dân tệ) và tham quan vơ vét bồ trốn (Báo Pháp chế buổi tối ngày 16 tháng 08 năm 2004 đưa tin, theo Bộ Công thương lần đầu công bố: Trung Quốc hiện có hơn 4.000 tham quan bồ trốn, số tiền vơ vét tổng cộng lên đến 50 tỷ USD), đang đẩy nền kinh tế yếu ớt của Trung Quốc đến giới hạn của sự sụp đổ. Đã thế còn góp gió thành bão, Trung Cộng lại ra sức phát động cuộc đàn áp Pháp Luân Công, nó đã đem số tiền khổng lồ của quốc gia dùng vào việc đàn áp những người dân vô tội.



Hủy hoại đạo đức

Người ta hiện nay đã quá quen thuộc với những biểu hiện suy đồi về đạo đức trong xã hội như quan chức tham ô hủ bại, quan chức cấu kết với con buôn, cảnh sát cấu kết với trộm cướp, mại dâm, cờ bạc, ma túy thịnh hành, hàng giả tràn lan, khủng hoảng niềm tin v.v.. Một hình thức biểu hiệu khác của sự suy đồi đạo đức, tuy khá kín đáo nhưng tính nguy hại còn lớn hơn, đó chính là: ngay cả tiêu chuẩn đạo đức cũng nhau tuột dốc, người ta dùng cái tiêu chuẩn đạo đức đã bị tuột dốc kia mà đo lường hành vi của bản thân, lại còn cảm thấy bản thân mình rất tốt. Kỳ thực, xã hội Trung Quốc đã trượt đến điểm tận cùng của sự suy đồi đạo đức rồi.

Tình trạng này hoàn toàn là do Đảng Cộng sản gây nên. Trung Cộng nhồi nhét vào đầu người dân Thuyết vô Thần, Thuyết duy vật, Thuyết tiến hóa và quan niệm đấu tranh mạnh được yếu thua, phê phán Thuyết hữu Thần và tất cả tư tưởng chính thống, nó đã hủy hoại triệt để nền tảng đạo đức của người Trung Quốc. Đảng Cộng sản cho rằng, đạo đức là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, cuối cùng để phục vụ cho giai cấp thống trị, từ đó phủ nhận các chuẩn mực đạo đức phổ quát. Mặc dù Trung Cộng cao giọng hô hào “pháp trị”, khiến người dân nhầm tưởng rằng tình hình trước mắt là do hệ thống pháp

luật chưa kiện toàn gây nên. Nhưng nền tảng của pháp trị là đạo đức, đối với một người không có bất cứ ước chế đạo đức nào thì dù có pháp luật họ cũng không tuân theo. Trung Cộng ngự trị ở trên pháp luật, nó không chỉ cho phép phá vỡ việc thực thi pháp luật, mà còn chuyên đặt ra những quy định tà ác để bức hại người dân lương thiện. Trung Cộng dùng chế độ pháp luật để hợp lý hóa những lời dối trá, quan chức nói một dằng làm một nẻo, nếu không thì không cách nào tồn tại ở chốn quan trường. Người dân đều thấy được hết, tâm linh thần hội, ăn được tội gì không ăn, lấy được tội gì không lấy, anh xấu tôi còn xấu hơn anh, đạo đức xã hội trượt dốc hàng ngàn dặm mỗi ngày.

Trong sách “Quản tử”^[7] viết: “Lẽ nghĩa liêm sỉ, quốc chí tú duy; tú duy bất truelong, quốc nai diệt vong” (Lẽ nghĩa liêm sỉ, quốc gia phải duy trì được bốn đức tính này; bốn đức tính này mà không được duy trì thì đất nước rơi vào họa diệt vong). Trung Cộng đắm chìm trong vũ lực và tiền bạc, không hiểu được tác dụng lâu dài của đạo đức đối với việc trị quốc, trước những biểu hiện cực kỳ độc ác và phức tạp của nhân tính con người trong xã hội Trung Cộng ngày nay, nó căn bản không thể



[7] Sách Quản Tử tương truyền là tác phẩm của Quản Trọng (mất năm 645 trước CN). Tác giả tên thật là Di Ngộ, tự là Trọng, người đất Dĩnh Thượng, một chính trị gia lỗi lạc đầu thời Xuân Thu, từng giúp cho Tề Hoàn Công làm nên bá nghiệp. Sách Quản Tử ban đầu có đến 380 thiền, đến đời Hán được Lưu Hướng chỉnh lý còn 86 thiền.

giải quyết được. Nếu như nói trong lịch sử, giặc ngoại xâm từng khiến cho dân tộc Trung Hoa phải đối diện với nguy cơ mất nước, diệt vong, thì ngày nay, những con người với nhân tâm không thể khống chế được do Trung Cộng tạo nên lại khiến cho dân tộc Trung Hoa phải đối diện với nguy cơ đáng sợ hơn, trước nay chưa từng có.

Hủy hoại văn hóa

Đảng Cộng sản hủy hoại ba tôn giáo, dùng chữ giản thể để thay đổi văn hóa Trung Hoa, điên cuồng phá hoại các văn vật, bức hại các phần tử trí thức; sau Cách mạng Văn hóa, nền tảng Văn hóa truyền thống đã bị phá hủy hết, rồi nó lại tự tô vẽ một phần văn hóa bề mặt để kiếm tiền. Về vấn đề này, phần 1, phần 2 và phần 6 của Cửu Bình đã liệt kê đầy đủ, ở đây không nhắc lại nữa.

Trung Quốc trong lịch sử đã nhiều lần bị giặc ngoại xâm xâm lược. Như cuộc chiến tranh xâm lược do quân Nhật phát động đã gây ra cái chết cho hơn 20 triệu quân và dân Trung Quốc, gây tổn thất kinh tế trực tiếp 60 tỷ USD. Nhưng cái đảng mà Trung Cộng gọi là đảng “phục vụ nhân dân”, cái đảng tự cho nó là đại biểu cho “lợi ích căn bản của quang đại quần chúng”, đã gây ra tổn hại sâu sắc cho dân tộc Trung Hoa, mức tổn hại vượt xa rất nhiều lần chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, cũng vượt qua bất cứ cuộc xâm lược ngoại bang nào trong lịch sử.

Rất nhiều người Trung Quốc một mặt tự tôn mình là dân tộc Trung Hoa chính thống, cố gắng thể hiện khí phách của một nước lớn trước mặt người ngoại quốc; nhưng mặt khác lại tận lực duy hộ cho hình tượng của Đảng Cộng sản, không cho người khác phê bình đảng dù chỉ là một chút. Có lẽ họ không ý thức được rằng, thủ phạm đã phá hoại văn hóa Trung Hoa chính là Đảng Cộng sản – kẻ luôn muốn “đấu với Trời, đấu với Đất”, tham quan ô lại, bán nước hại dân, tội ác chồng chất. Nếu họ thực sự yêu nước thì điều nên làm đầu tiên đó là từ chối đứng cùng hàng ngũ với Trung Cộng. Không có Đảng Cộng sản thì mới có Trung Quốc mới.

V.2 – “ĐƯỢC CHA MẸ YÊU KHÔNG BẰNG ĐƯỢC ĐẢNG YÊU”

Đối với rất nhiều người Trung Quốc hiện nay, câu khẩu hiệu “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu” đã trở nên rất nực cười. Đến nay, Trung Cộng rất ít trực tiếp tuyên truyền câu khẩu hiệu này, không chỉ là vì người dân đã trở nên phản cảm với kiểu tuyên truyền trơ trẽn này, mà còn vì qua thời gian dài tuyên truyền lúc rỡ ràng lúc mập mờ, người ta đã tiếp thu nội hàm ở đảng sau câu khẩu hiệu này. Ví dụ như, khi trong lòng người ta đã vô thức mà coi Trung Cộng đồng nghĩa với tổ quốc, thì Trung Cộng chỉ cần tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, hát “Bài ca Trường Giang”, đã có thể khiến người ta vô thức mà nghĩ tới “đảng”. “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu” – câu khẩu hiệu này vẫn ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy của mỗi người dân Trung Quốc ngày nay.

Chúng ta hãy phân tích kỹ một chút câu khẩu hiệu “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu” này nói lên điều gì, làm thế nào đạt được mục đích tuyên truyền của nó.

v.2-1 – Các hình thức biểu hiện muôn hình muôn vẻ trong tuyên truyền

Trong hầu hết các bộ phim “cách mạng” đều có cảnh như sau: nhân vật anh hùng bị thương nặng, nhưng trước khi trút hơi thở cuối cùng còn phải lục tìm mảnh trong ngực áo, cẩn dặn người bên cạnh mình hãy thay mình đóng đợt đảng phí cuối cùng, hoặc nộp đơn xin gia nhập đảng. Những tình tiết kiểu như vậy cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, mục đích để nhấn mạnh một chủ đề “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”. Người bình thường trước khi lâm chung thường nghĩ đến cha mẹ, vợ con của mình, nhưng dưới sự tuyên truyền của Văn hóa đảng, người ta trước khi chết không nghĩ đến tình thân quyến mà lại nghĩ

đến đảng, đảng còn thân thiết hơn cả cha mẹ, phải đưa cho đảng thứ quý giá cuối cùng của mình rồi mới yên tâm nhắm mắt.

Trong số những tác phẩm có liên quan đến quân đội, thường có các chi tiết người chỉ huy và ủy viên chính trị quan tâm đến binh lính, ân cần hỏi han, quan tâm đến những khó khăn trong gia đình ra sao, cuối cùng để cho một binh lính thốt lên rằng quân đội là một “đại gia đình”, một “lò tôi luyện”, bản thân đã trở nên “trưởng thành”, “tiến bộ” trong “đại gia đình”, mà cha mẹ của cái “đại gia đình” ấy tất nhiên là “tổ chức của đảng”. Người làm việc tốt thường là “đảng viên ưu tú”, bí thư Đảng ủy luôn quan tâm đến đời sống của mọi người, việc kết hôn, phân nhà, sinh con, giải quyết mâu thuẫn .. cuối cùng đều phải nhờ bí thư chi bộ đến chủ trì, phân xử. Một cách vô thức tuyên truyền rằng có việc gì đều phải nhờ tổ chức, tin tưởng vào tổ chức, tin tưởng vào phương thức tư duy của đảng, từ đó dẫn dắt ý thức con người đến chủ đề “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”.

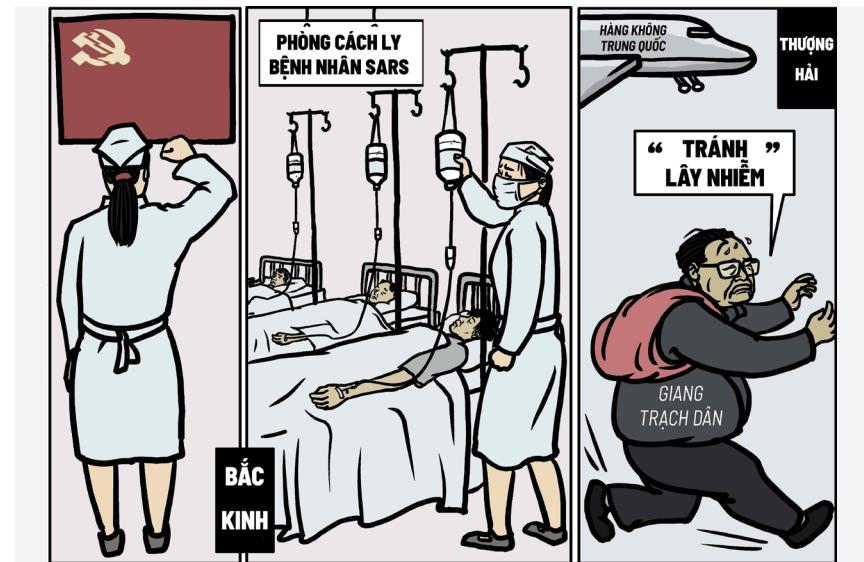
Còn rất nhiều ca khúc du dương, trầm bổng, xuyên suốt trong những lời ca ấy đều là chủ đề “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu” lúc rỡ nét lúc mập mờ. “Những đám mây trắng trời lững lờ trên bầu trời, dưới trời mây là những chú ngựa đang chạy, vung roi da khớp bốn phương, hàng trăm con chim bay lượn ...” (bài hát “Mặt trời mọc và lặn trên thảo nguyên”). Khi người ta hát những lời hát nồng nàn mang giai điệu dân gian này, trong đầu họ hiện ra khung cảnh tuyệt đẹp của thảo nguyên rộng gió với những đàn trâu bò gặm cỏ. Nhưng đây chỉ là phần dạo nhạc, câu cuối cùng của bài hát lại quay trở về chủ đề chính “Mao chủ tịch và Đảng Cộng sản, dạy dỗ chúng tôi trưởng thành, mặt trời không bao giờ lặn trên thảo nguyên”. Bài hát “Chúng tôi giờ hai mái chèo” có giai điệu rất du dương khiến rất nhiều người trưởng thành không thể nào quên được. “Con thuyền nhỏ rẽ sóng ra khơi, một ngọn tháp trắng tuyệt đẹp đổ bóng lên mặt biển, bốn bề vây quanh bởi cây xanh, tường đỏ”, khi người ta chìm đắm trong những ca từ như thơ như họa ấy thì bắt gặp một câu ca như thế vô tình làm nổi bật chủ đề: “Tôi hỏi anh, người chồng thân yêu của tôi, ai đã mang

đến cho chúng ta cuộc sống hạnh phúc này”. Đứa trẻ nào chẳng biết rằng cuộc sống này là do cha mẹ ban cho chúng ta, nhưng ý đồ sâu xa hơn của câu hỏi này hiển nhiên là chủ đề thâm sâu hơn “Đảng còn thân thiết hơn cả cha mẹ, Đảng đã mang lại cho chúng ta cuộc sống hạnh phúc”.

Trong tuyên truyền, Trung Cộng rất thích xây dựng những tấm gương điển hình, tất nhiên những tấm gương điển hình làm việc tốt này đều là đảng viên, đoàn viên. Bất cứ xã hội nào cũng đều có người tốt, lương thiện, quan tâm đến người khác. Nhưng Trung Cộng lại rất giỏi lôi kéo những người tốt vào “tổ chức của đảng”, nó cũng giỏi lợi dụng công cụ tuyên truyền để “mồi mọc ra những người tốt, việc tốt” trong các đảng viên. Con người ai cũng có mặt lương thiện, nhưng mặt lương thiện của các đảng viên lại được tuyên truyền phóng đại thành họ luôn quan tâm đến nỗi thống khổ của nhân dân, rằng vì họ đã gia nhập đảng nên đã phát huy được đảng tính; nhờ đảng bồi dưỡng, giáo dục mà họ có thể làm được những việc tốt này; “cảnh giới cao nhất của một người đảng viên là yêu dân” v.v.. Nó còn bắt những người bị đảng “quan tâm” phải biểu thị rằng: “Thật vinh dự khi sinh ra ở nước Trung Quốc mới, trưởng thành dưới lá cờ đỏ, luôn cảm nhận được sự ấm áp của đại gia đình chủ nghĩa xã hội”. Trong tuyên truyền, việc cổ xúy cho những hành động này đều ám chỉ rằng chỉ có đảng viên mới thực sự quan tâm đến bạn, quan tâm hơn cả cha mẹ bạn, vẫn là “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”.

Trung Cộng đã cướp bóc, lũng đoạn tài nguyên xã hội trên mọi mặt, người ta học hành, làm việc, lập gia đình, ăn ở đi lại, sinh lão bệnh tử đều ở trong cái xã hội bị Trung Cộng khống chế nghiêm ngặt. Vậy nên Trung Cộng liên tục sử dụng tuyên truyền để làm lấn lộn các khái niệm của con người, biến những điều kiện sống mà con người hiển nhiên có trong xã hội bình thường trở thành phúc lợi được “đảng” hoặc “chính phủ” ban cho, khiến người ta quên mất bản thân mình do cha mẹ sinh ra, tiền là thành quả sức lao động của chính mình, tạo nên tư duy văn hóa đảng đúng sai lẩn lộn. Ví dụ: “không có đảng của chúng ta thì làm sao có được cuộc sống tươi đẹp hiện tại”, “chính sách phúc lợi cho nhân dân của đảng

thật tốt”, “ngọn gió xuân cải cách thổi khắp nơi”. Người dân được hưởng một chút thuận lợi hay mức sống được nâng cao, đều do đảng ban cho, từ đó có thể thấy rõ thông điệp “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”.



Trong tuyên truyền, Trung Cộng không chỉ ca ngợi công lao của mình, nó cũng nêu ra các vấn đề mặt trái xã hội như phân hóa giàu nghèo, tham nhũng, các hiện tượng tệ nạn xã hội, thiên tai..., tuy nhiên lại dưới hình thức như các chương trình truyền hình “hỗ trợ người nghèo”, “lãnh đạo về quê”, “tặng áo ấm”, trên mạng internet ngày nào cũng rêu rao các khẩu hiệu quyết tâm “chống tham nhũng”, lãnh đạo nhân dân “đấu tranh chống lũ lụt giành thắng lợi”, chống dịch SARS thành công v.v. Khổ nạn của người dân đều bị biến thành vòng hào quang trên đầu Trung Cộng. “Chương trình phỏng vấn tiêu điểm” hàng ngày đều đề cập đến những mặt xấu xa và bất công trong xã hội. Khi những mặt xấu này được phơi bày, trong khi người ta đang cảm thấy bất mãn với xã hội hiện tại, thì người đưa ra giải pháp chắc chắn vẫn là bộ ngành các cấp liên quan của đảng và chính phủ. Trong tuyên truyền, những việc tốt khoe ra, xấu che lại thì

Trung Cộng lại càng thuần thực hơn, dù sự việc xấu tệ đến mức nào, cuối cùng vẫn là “chỉ cần vận dụng một cách thiết thực chính sách nào đó của đảng thì vấn đề nhất định sẽ được giải quyết”. Chủ đề của những tuyên truyền này chính là đảng ở bất cứ nơi đâu, không gì không thể làm được, đảng sẵn sàng quan tâm giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống của người dân Trung Quốc, đến cha mẹ cũng không có khả năng làm như vậy, đúng là “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”.

v.2-2 – Tuyên truyền khái niệm đảng là mẹ

“Tôi hát một bài sơn ca cho đảng nghe, tôi yêu đảng hơn cả mẹ mình, mẹ chỉ sinh ra thân thể tôi, còn ánh hào quang của đảng soi sáng trái tim tôi”.

“Ôi mẹ thân yêu, mẹ nuôi tôi lớn lên bằng dòng sữa ngọt ngào, ôi đảng thân yêu, người giống như mẹ nuôi nấng tôi trưởng thành, người dạy tôi yêu tổ quốc, khuyến khích tôi học tập”.



Hai bài hát này đã trở nên quá quen thuộc với người Trung Quốc ngày nay. Tại sao Trung Cộng lại hứng thú với thủ đoạn tuyên truyền nhân cách hóa như vậy?

Bởi vì “mẹ” là một từ thiêng liêng và thân thương với mỗi người. Mẹ sinh ra và nuôi nấng chúng ta, có ân nghĩa với chúng ta; mẹ lại rất yêu thương chúng ta, có tình cảm sâu nặng với chúng ta. Khi còn trẻ chúng ta dựa dẫm vào mẹ. Khi trưởng thành chúng ta phải phụng dưỡng mẹ, đây là đạo lý của đất trời. Xã hội truyền thống của Trung Quốc rất coi trọng chữ hiếu, cho dù là bậc đế vương, danh tướng chí cao vô thượng cũng phải vô cùng kính trọng đối với mẹ.

Đảng Cộng sản đã lợi dụng kiểu tâm lý này, nó cải trang mình thành mẹ để lừa gạt người Trung Quốc phải dựa dẫm vào nó, nghe lời và cung phụng nó. Mấy chục năm tuyên truyền như vậy, rất nhiều người đã thực sự coi Đảng Cộng sản là người nhà. Sau khi đảng làm chuyện xấu, người ta lạc quan tin tưởng rằng “mẹ đảng” vốn dĩ là tốt, chỉ là phương thức thực hiện không đúng, hoặc bị người khác lợi dụng, tóm lại là “đảng” không sai, “đảng” mà sai thì cũng có nguyên nhân hợp tình hợp lý.

Còn có một quan niệm liên quan, đó là “việc xấu trong nhà thì không thể khoe ra ngoài”. Nếu ai mà tiết lộ việc Đảng Cộng sản làm điều đồi bại với dân chúng, nhất là tiết lộ ra cộng đồng thế giới, thì chính là bôi nhọ hình tượng của “đảng và chính phủ”, những “nhân sỹ yêu nước” liền cảm thấy như thể bản thân mình bị phơi bày vậy, họ sẽ đứng lên dùng ngòi bút làm vũ khí.

Khoan hãy nói rằng đảng không phải là mẹ của chúng ta. Cứ giả dụ như nó là mẹ đì, nếu một người mẹ mà cầm con dao thái rau lên đe đe dọa đứa trẻ, thì hàng xóm không những nên quan tâm mà thậm chí còn nên gọi cảnh sát đến. Cứ coi như nói một cách nhẹ nhàng nhất, Trung Cộng chỉ là làm việc xấu còn tâm thì tốt, thì người dân cũng nên phơi bày ra, dùng áp lực mạnh mẽ của dư luận quốc tế để khiến cho nó không dám tiếp tục hành ác nữa.

Mặt khác, khi ngày càng nhiều sự thật lịch sử và nội tình của Trung Cộng được tiết lộ, chúng ta đã biết rằng việc Trung Cộng giết người, tham nhũng, lừa

gạt và đàn áp tàn bạo đối với người dân Trung Quốc chính là nguyên tắc lý luận mà nó công khai ca ngợi và là phuong châm chính sách quen thuộc của nó. Từ “Chinh phong”, “Phản huu”, “Đại Cách mạng Văn hóa”, cho đến bức hại Pháp Luân Công đều quyết không phải là “sự sai lầm” của Đảng Cộng sản, mà đó là sách lược nghiêm túc của nó, là một phần trong việc thực thi chính sách thống trị của nó. Do đó, Trung Cộng hoàn toàn không phải là người thân thiết hơn cả cha mẹ, mà là một tên cướp, tên lưu manh khoác áo “người tốt”, “người thân”.

v.2-3 – Nguyên nhân tâm lý của việc nhận giặc làm cha

Thời kỳ đầu thập niên 80, Hứa Linh Quân – nhân vật chính trong bộ phim nổi tiếng một thời “Người chăn ngựa” – bị dán nhãn cảnh hưu, bị đày đi lưu vong ở Nội Mông Cổ 20 năm. Cha mẹ cậu đã di cư sang Mỹ từ trước trở về nước thăm cậu, và mời cậu sang Mỹ sống, tuy nhiên cậu đã từ chối một cách mềm mỏng nhưng kiên quyết. Lý do là: những khổ nạn của bản thân cậu và của hàng trăm triệu người dân Trung Quốc chỉ là “một sự sai lầm của lịch sử”, là “người mẹ đã trách nhầm con”. Con cái không thể nào oán trách mẹ được, bởi vì mẹ luôn yêu con, luôn mong muốn điều tốt cho con, cho dù có lúc phương pháp không phù hợp lắm.

Lối suy nghĩ của Hứa Linh Quân rất phổ biến. “Mẹ đánh con”, “mẹ trách nhầm con” là lối ví von thường được sử dụng trong các tác phẩm văn nghệ vào giai đoạn cuối những năm 70 và đầu những năm 80, cũng là tâm thái mà rất nhiều phân tử trí thức và cán bộ đảng viên đã trải qua trong các cuộc vận động chính trị hết lần này đến lần khác của Trung Cộng. Chúng ta không cần hoài nghi về tính chân thực của loại tình cảm này, ở đây chúng tôi muốn phân tích một chút, biết bao nạn nhân đã nhiều lần bị Trung Cộng đùa giỡn, đàn áp tàn bạo, họ đã bỏ phí những ngày tháng thanh xuân tươi đẹp nhất của mình trong lao tù, trại lao động, vùng nông thôn hay nơi biên cương, thậm chí bị đảng ép gia đình ly tán, nhà tan cửa nát, tại sao họ lại dễ dàng chấp nhận sự “sám hối”

giả tạo của Trung Cộng đến như vậy?

Nội hàm chân thực của tuyên truyền “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu” là muốn người ta cuối cùng phải dựa dẫm, nghe theo Trung Cộng, kẻ còn thân thiết hơn cha mẹ. Người Trung Quốc vốn rất coi trọng chữ hiếu, luôn coi việc nhận nhầm cha mẹ là nỗi nhục nhã lớn, “nhận giặc làm cha” là một trong những câu sỉ nhục nặng nề nhất. Nhưng tại sao dưới sự thống trị của Trung Cộng, rất nhiều người dân Trung Quốc lại nhận nhầm Trung Cộng (mới có 80 tuổi) thành người mẹ của dân tộc Trung Hoa 5000 tuổi? Nguyên nhân đằng sau tâm lý này là gì? Có ba nguyên nhân chính, một là có liên quan đến việc tuyên truyền lừa gạt của Trung Cộng, hai nguyên nhân khác có liên quan đến tâm lý của người bị lừa gạt.

(1) – “Hai Đảng Cộng sản thật và giả

Đảng Cộng sản rất giỏi phất cao ngọn cờ “đạo đức”, nhưng nội hàm của những câu khẩu hiệu đạo đức này hoàn toàn để phục vụ cho mục đích cuối cùng của Trung Cộng. Ví dụ, “tòan tâm toàn ý phục vụ nhân dân” là phải phục vụ cho những người mà đảng xác định là nhân dân, còn đối với những người mà đảng xác định là kẻ thù thì phải vô tình, tàn nhẫn như gió quét lá rụng; “chí công vô tư” nghĩa là phải một lòng vì đảng, trọng tâm của việc “học theo tấm gương Lô Phong” là phải học tập lập trường giai cấp rõ ràng của Lô Phong, phải trung thành với đảng như những con ốc vít của đảng; “Ngũ giảng Tứ mỹ Tam nhiệt ái^[8] không tách rời “yêu Đảng Cộng sản, yêu Chủ nghĩa Xã hội”, “vẻ đẹp tâm hồn” nhất định là đẹp ở tình yêu Chủ nghĩa Xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; “văn minh tinh thần” là phải dùng tư tưởng chủ nghĩa Marx-Lenin để chiếm lĩnh tư tưởng văn hóa và dư luận; “lấy đức trị quốc” chính là phải lấy chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình làm cảnh giới cao nhất của “đức”;

[8] Ngũ giảng: coi trọng văn minh, lẽ phép, vệ sinh, trật tự, đạo đức; Tứ mỹ: tinh linh đẹp, ngôn ngữ đẹp, hành vi đẹp, môi trường đẹp; Tam nhiệt ái: yêu Tổ quốc, yêu Chủ nghĩa Xã hội, yêu Đảng Cộng sản.

“xã hội hài hòa” nhấn mạnh một “xã hội hài hòa theo Chủ nghĩa Xã hội” đồng lòng với đảng, là sự hài hòa với những người mà đảng thích; “bát vinh bát nhục” là dựa vào những điều đảng yêu và ghét để phân định đâu là vinh, đâu là nhục. Do cuộc vận động đạo đức của Trung Cộng đều lấy việc phục vụ cho Trung Cộng làm mục đích cao nhất, cho nên, cuộc vận động giáo dục đạo đức căn bản không có tác dụng, chỉ như một trận gió thổi qua, ngược lại khiến cho đạo đức xã hội Trung Quốc ngày càng tuột dốc, nguy cơ về đạo đức giờ đây đã trở thành mối nguy cơ xã hội mà Trung Quốc công nhận. Tuy nhiên, khách quan mà nói thì cuộc “vận động đạo đức” này lại giúp Trung Cộng khoác lên mình bộ cánh “đạo đức giả” để mị dân, Trung Cộng cũng đã quen với việc quy kết tất cả những sai lầm mà nó đã phạm trong lịch sử cho một vài cá nhân chịu tội thay, các kênh truyền thông miệng lưỡi của Trung Cộng lại còn mô tả nó như anh hùng “rửa nỗi nhục mất nước, chấn hưng Trung Hoa”. Suốt một thời gian dài như vậy, cho dù người dân trong lịch sử đã phải chịu bao đau khổ do Trung Cộng gây ra, trong mắt của rất nhiều người vẫn tồn tại một hình ảnh giả tạo của Trung Cộng, họ tưởng rằng “giả tưởng” này mới là “bản chất thật” của đảng, vậy nên cho dù bản thân họ phải chịu những tổn hại và oan khuất to lớn, họ vẫn có thiện ý với Trung Cộng, cho rằng xuất phát điểm của “đảng” là tốt.

(2) – Từ chối thừa nhận bản thân mình đã bị lừa

Đa phần những người bị lừa thường không muốn thừa nhận rằng mình đã bị lừa, bởi vì thừa nhận mình bị lừa dối cũng đồng nghĩa với thừa nhận bản thân mình đã từng ấu trĩ, nhẹ dạ, thiếu kinh nghiệm, không hiểu thời thế. Rất nhiều thanh niên từng ôm giữ lý tưởng cứu nước, cứu dân, nghe và tin theo sự tuyên truyền của Trung Cộng, tưởng rằng nó thực sự là “một lòng vì dân tộc”, do đó họ đã gia nhập Trung Cộng hoặc cùng đồng hành với nó, ôm giữ thái độ đồng tình và tán thưởng nó. Trong “sự nghiệp” của Trung Cộng, họ đã đỗ biết bao tâm huyết, dành biết bao tình cảm. Cuối cùng vào một ngày, họ phát hiện rằng lý tưởng trong sáng của mình đã bị

Trung Cộng biến thành trò đùa vô tình. Các cuộc thanh trừng nội bộ và sự sa đọa của Trung Cộng đã vượt xa bất cứ cái gọi là chính quyền của “giai cấp bóc lột” nào trong lịch sử. Những tai họa do chính quyền Trung Cộng gây ra cho nhân dân và đất nước cũng vượt xa bất cứ cuộc xâm lược ngoại xâm nào trong lịch sử. Vậy nên lúc này người dân nên tỉnh ngộ ra, nhận rõ những sai lầm trong nhận thức của bản thân và những điểm yếu trong tính cách, nhận rõ tại sao họ lại bị Trung Cộng lợi dụng biến trở thành công cụ để gây tai họa cho Trung Hoa. Từ đó tiến đến ra tay hành động để vạch trần nó, ngăn chặn nó, hoặc chí ít thì cũng rời xa nó, đừng nên tiếp tục nối giáo cho giặc nữa.

Tuy nhiên, những nhược điểm như bao che khuyết điểm, giữ thể diện, chấp trước mạnh mẽ vào cái tôi đã khiến họ không đủ tỉnh táo để đưa ra sự lựa chọn đó. Sâu trong ý thức của họ, việc phủ nhận Trung Cộng cũng tương đương với phủ nhận lý tưởng của bản thân, mà bản thân họ ban đầu đều ôm giữ nguyện vọng “tham gia cách mạng” tốt đẹp và đầy nhiệt huyết. Để không phủ nhận lý tưởng mà mình theo đuổi, họ đã vô tình hay hữu ý vờ như không biết hoặc coi nhẹ những tội ác của Đảng Cộng sản. Họ không ngờ rằng động cơ và kết quả của hành động thường trái ngược nhau; điều quan trọng là, động cơ của cá nhân mỗi đảng viên không phải là động cơ của cả tổ chức Trung Cộng, hành vi của cá nhân đảng viên cũng không phải là hành vi của cả tổ chức Trung Cộng, mà động cơ và hành vi của tổ chức Trung Cộng mới là cơ sở để nhận định bản chất của nó.

Chúng tôi không có ý chỉ trích một ai. Trung Cộng là một tổ chức tà ác chưa từng có từ xưa đến nay, miệng lưỡi nó có thể nói những điều vô cùng tốt đẹp nhưng sau lưng lại không từ một thủ đoạn xấu nào, sự tà ác và vô nhân tính của nó đã vượt quá cả thực tế và tưởng tượng của nhân loại. Khi Đảng Cộng sản phát triển ở Trung Quốc cũng là thời gian mà đất nước Trung Quốc đứng trước nguy cơ bức bách thù trong giặc ngoài, trong tình huống đó, muốn suy nghĩ một cách trầm tĩnh, phán đoán một cách lý trí quả thực không dễ. Giờ đây đã qua mấy chục năm, những người đã bị lừa gạt suốt một nửa cuộc

đời, thậm chí lâu hơn nữa, lần đầu tiên họ có cơ hội nhìn rõ được bản chất của Trung Cộng, phải thích ứng với nhược điểm tâm lý lớn, phải suy nghĩ lại một cách kỹ lưỡng về cuộc sống và sự nghiệp của bản thân, do vậy điều cần nhất đối với họ là một dũng khí và đạo đức lớn để đổi diện với bản thân.

(3) – Hội chứng Stockholm

Ngày 23 tháng 08 năm 1973, có hai tên cướp có vũ trang đã đột nhập vào một ngân hàng ở *Stockholm*, Thụy Điển, bọn chúng vừa điên cuồng nổ súng bừa bãi vừa nói: “Bữa tiệc đã bắt đầu rồi”. Hai tên cướp đã bắt giữ bốn nhân viên gồm ba nam giới và một phụ nữ. Cảnh sát lập tức bao vây hiện trường, đến ngày 28, họ đã đột kích thành công, cứu được những con tin và bắt được hai tên cướp. Trong suốt sáu ngày cảnh sát giằng co với mấy tên cướp, các con tin không những từ chối sự ứng cứu từ bên ngoài, mà còn cho rằng những cảnh sát đến cứu họ muốn làm hại họ, còn những kẻ bắt giữ họ mới đang bảo vệ họ. Điều khiến người ta kinh ngạc hơn là, sau khi mấy con tin này được cứu thoát, họ không những không tố cáo những tên cướp này mà còn ca ngợi chúng trước truyền thông và tòa án, họ cảm ơn chúng vì đã không giết mà đối xử tốt với họ. Trong số đó, một con tin nữ thậm chí còn đính hôn với một tên cướp, còn một con tin khác đã lập một quỹ quyên góp tiền trên toàn thế giới để ủng hộ cho tên cướp.

Khi sinh mệnh bị uy hiếp, dục vọng sống mạnh mẽ đã khiến những con tin này ủng hộ những kẻ bắt giữ họ, mà sự ủng hộ này còn tiếp tục kéo dài sau khi sự uy hiếp kết thúc. Hội chứng tinh thần này sau đó được gọi là “Hội chứng Stockholm”.

Để tạo nên hội chứng Stockholm cần có bốn điều kiện. Điều kiện thứ nhất là phải làm cho người ta thực sự cảm thấy sinh mệnh bị uy hiếp, khiến họ tin rằng những kẻ tra tấn này bắt cứ lúc nào cũng sẽ làm hại họ không chút do dự; Điều kiện thứ hai là kẻ tra tấn nhất định phải ban cho người bị hại một chút ân huệ nhỏ, khiến người bị hại tin rằng kẻ tra tấn chính là cứu tinh của họ; Điều kiện thứ ba là khống chế mọi tin tức đến với người bị hại, khiến

họ bị cách ly hoàn toàn với bên ngoài, không biết được bất cứ thông tin nào mà kẻ tra tấn không muốn họ biết; Điều kiện thứ tư là làm cho người bị hại cảm thấy không còn con đường nào thoát thân.

Không khó mà nhận ra rằng, Trung Cộng hội tụ tất cả các điều kiện để tạo nên hội chứng *Stockholm*. Sự tẩy não thành công một cách bất thường của Trung Cộng đối với người dân Trung Quốc, cơ chế của nó tương đồng một cách kinh ngạc với cơ chế sản sinh ra hội chứng *Stockholm*.

Trung Cộng đã tạo ra hội chứng *Stockholm* một cách khá quy mô, bắt đầu từ cuộc vận động “chỉnh phong, thẩm can, diệt phản” ở Diên An vào thập niên 40. Các bản khai nhận lỗi sửa sai của các đảng viên thông thường đều phải sửa ba, bốn lần, có bản được sửa đổi hơn mười ba lần, họ chỉ sợ không đủ sâu sắc thì khó mà qua nổi. Trong những ngày tháng đen tối của cuộc vận động, các cán bộ đều vô cùng căng thẳng, ăn không ngon, ngủ không yên. Các cán bộ đảng viên bị bạo lực uy hiếp, bị nhốt nhét vào đầu những lý luận của đảng, trải qua thời gian dài trong cảnh địa ngục tinh thần, cuối cùng cả thể xác lẫn tinh thần đều run rẩy quy phục trước uy quyền của “đảng”. Nhà văn Lưu Bạch Vũ nhớ lại, ông đã trải qua những đợt công kích trong cuộc vận động thẩm tra cán bộ, “mới từ không trung cao vạn trượng đáp xuống mặt đất bằng phẳng”, cái gọi là “mặt đất bằng phẳng” chính là măc phải hội chứng Stockholm, họ đã quên mất trạng thái lúc khỏe mạnh của mình.

Trong các cuộc vận động chính trị, Trung Cộng thường dùng thủ đoạn vừa đấm vừa xoa, mỗi đảng viên đều hy vọng được “đảng” tín nhiệm, được “đảng” coi là người của nó chứ không phải là kẻ thù, được làm



“công cụ đấu tranh của đảng” chứ không phải đối tượng bị đảng đả kích.

Một thủ đoạn quen thuộc khác của Trung Cộng là “tiến mươi bước, lùi một bước”, sau mỗi cuộc vận động nó lại hô hào “quảng đại hóa”, bắt đầu “phân biệt”, “cải chính”, “bình phản”. Những người không may vượt qua được trong các cuộc vận động thường rất hy vọng vào bình phản, khi đột nhiên được ban tặng cho một chút ân huệ nhỏ, họ thường cảm thấy vừa mừng vừa lo, cảm kích đối với Trung Cộng đến rơi nước mắt.

Nhà văn nữ Đinh Linh với quyển tiểu thuyết dài tập “Mặt trời chiếu trên sông Tang Can” đã giành giải thưởng “Văn học Stalin” vào năm 1951, từng làm mưa làm gió một thời trên văn đàn sau năm 1949. Nhà văn này gia nhập Trung Cộng vào năm 1932, bị xếp vào “thành phần phản động Quốc dân đảng” và bị giam lỏng ở Nam Kinh suốt ba năm, bị “đảng” mà cô ấy trung thành tuyệt đối lưu đày và giam giữ hai mươi năm, trong thời gian đó còn bị tra tấn đến tàn tật. Tuy “đảng không yêu cô ấy nhưng cô ấy vẫn yêu đảng”, sau cuộc “bình phản”, trong lần tái bản cuốn sách “Mặt trời chiếu trên sông Tang Can”, cô nói rằng cô vẫn “như một người chiến sĩ gọi tên Mao chủ tịch xông ra chiến trường”. Năm 1984, hai năm trước khi từ trần, Đinh Linh viết thư cho Trung ương Đảng: “Trong 52 năm qua, tôi luôn cảm thấy ấm áp, vinh dự, hạnh phúc, được đảng dẫn dắt, khiến tôi càng thêm gắn bó với đảng, càng thêm thấu hiểu nhân dân, càng thêm tin tưởng vào sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản”. Lúc đó Đinh Linh đã gần 80 tuổi, bà đã trải qua một phần tư cuộc đời trong cùi sắt của Trung Cộng, tận mắt chứng kiến sự bất công, tàn khốc, vô tình của Trung Cộng, vậy mà vẫn “như một người chiến sĩ gọi tên Mao chủ tịch xông ra chiến trường”, quả là khiến người ta cảm thấy không rét mà run.

Những người đã từng trải qua các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng, đã tận mắt chứng kiến bộ máy chuyên chế Trung Cộng dã man “càn quét”, “phá hủy”, “đập nát”, “phá tan”, đã bị Trung Cộng dọa cho không còn hồn vía. Những người Trung Quốc đáng thương đến nỗi ngay cả trong nhà mình cũng không dám nói to, ra nước ngoài sống cũng không dám mở xem

một chút các sách báo bị Trung Cộng coi là “phản động”. Khi họ nói hoặc hát rằng “Được cha mẹ yêu không bằng được đảng yêu”, “Ôi đảng, người mẹ thân yêu”, “Tôi coi đảng như mẹ”, chúng ta nghe như tiếng kêu rên rỉ của những tâm hồn bị dày xéo khi mắc phải hội chứng *Stockholm*.



Ba tình huống đã phân tích ở trên: bị Trung Cộng lừa gạt, chấp trước vào cái tội cá nhân, hội chứng *Stockholm*, đều có thể khiến người ta “tự giác” hô những câu khẩu hiệu mà Trung Cộng muốn họ hô. Hơn thế nữa, ngày nay ngày càng nhiều người qua thời gian dài được Trung Cộng huấn luyện, họ có thể dễ dàng mang hai bộ mặt, thay đổi hai giọng điệu. Họ dùng một bộ mặt, một giọng điệu để đối phó với các quan chức Trung Cộng, trong các báo cáo hội nghị và báo cáo tư tưởng, một bộ mặt kia để nói chuyện với bạn bè và người thân trong các bữa cơm gia đình thân mật. Vài năm trước, người dân Đại lục có một câu cửa miệng điển hình thể hiện tâm lý này: “Ăn nhiều cơm,

uống ít rượu, nghe lời vợ, đi theo đảng”. Tại sao phải nghe lời vợ? Bởi vì trong tâm người ta đều biết rằng, chỉ có người thân (bạn bè) mới quan tâm chân thành tới chúng ta; mặc dù “đảng” tự xưng là “toute cœur toute ý phục vụ nhân dân”, nhưng nó chưa từng quan tâm đến người dân sống chết ra sao, nhưng không biểu thị thái độ ủng hộ đảng thì không được, cho nên dành phải hô vài câu khẩu hiệu cho lấy lệ, cũng là “đồng ý cho xong chuyện”.

V.3 – PHẢI NGHE LỜI ĐẢNG, ĐI THEO ĐẢNG

Trong tuyên truyền, Trung Cộng không chỉ muốn người ta tin rằng “không có đảng Cộng Sản thì không có nước Trung Quốc mới”, khiến họ vô cùng “biết ơn” đảng; cũng không chỉ muốn người ta phải coi đảng như người thân thiết nhất, khiến họ tràn đầy “tình thân” với đảng; nó còn muốn biến người dân thành công cụ phục tùng, khiến họ nhất cử nhất động phải nghe theo nó, đi theo nó, phục vụ cho mục tiêu chính trị của nó.



V.3 - PHẢI NGHE LỜI ĐẢNG, ĐI THEO ĐẢNG

v.3-1 – Thủ đoạn tuyên truyền hai mặt

Để đạt được mục đích khiến người dân phải “nghe lời đảng, đi theo đảng”, Trung Cộng đã dùng thủ đoạn vừa đóng vai phản diện vừa đóng vai chính diện. Trong thời kỳ vận động chính trị nó đóng vai phản diện, còn bình thường nó đóng vai chính diện. Vai phản diện chính là phê bình, đả kích đối với những người có tư tưởng độc lập, sau đó chuyển thành bài học giáo huấn về phản diện để “giáo dục” dân chúng, khiến họ vì quá sợ hãi mà không thể không đi theo đảng. Mỗi cuộc vận động chính trị, vận động chính phong của Trung Cộng đều là những cuộc thanh trừng tàn khốc những người không trung thành với nó, đồng thời nó không ngừng gia tăng cảm giác khủng bố của người dân, khiến người dân phải luôn ghi tâm khắc cốt rằng: không nghe lời đảng, không đi theo đảng, thì sẽ không được yên ổn. Trong định nghĩa của Trung Cộng, chỉ có người biết nghe lời đảng, đồng lòng nhất trí với đảng, thì mới thuộc về “nhân dân”, thuộc về nhóm đa số ủng hộ đảng. Nếu không sẽ thuộc về “phản tử lạc hậu” bị phê phán, thậm chí thuộc về “nhóm thiểu số” bị đả kích. Suốt hai mươi mấy năm nay, Trung Cộng luôn phê phán cái gọi là “tự do hóa của giai cấp tư sản”, cũng là vì nó không thể chịu được tư tưởng độc lập và lựa chọn tự do của người dân, bởi điều đó át sẽ dẫn đến việc người dân có thể “không nghe lời đảng, không đi theo đảng”.

Mặt khác, Trung Cộng cũng rất giỏi đóng vai chính diện, nó làm cái gọi là “tuyên truyền chính diện”. “Nghe lời đảng, đi theo đảng” trở thành nội dung tuyên truyền chủ đạo ở khắp mọi nơi, từ việc tàng bốc thủ lĩnh đảng, vận động thần thánh hóa đảng; tàng bốc sự lãnh đạo, phương châm chính sách và cái gọi là “thành tích” của Trung Cộng; đến việc “giáo dục đảng tính”, dựng nên những tấm gương điển hình, khuôn mẫu v.v.

Tàng bốc thủ lĩnh đảng chính là để thần thánh hóa đảng, mục đích căn bản nhất là để duy trì sự thống trị của Trung Cộng, lôi kéo người ta nghe lời

đảng, đi theo đảng. Mao được tâng bốc thành “vị lãnh tụ vĩ đại, người thầy vĩ đại, thống soái vĩ đại, người lãnh đạo vĩ đại”, “một câu hơn cả vạn câu, mỗi câu đều là chân lý”, người dân tất nhiên chỉ cần nghe lời là được. Thời đó, mỗi người đều có một quyển sách “Hồng bảo thư”, ai ai cũng phải nghe lời “Mao chủ tịch”, trở thành người chiến sĩ giỏi của “Mao chủ tịch”. Cho dù Mao đã phạm nhiều lỗi lầm nghiêm trọng, trực tiếp gây ra nạn đói lớn nhất trong lịch sử nhân loại vào cuối thập niên 50 đầu thập niên 60, đại hội tổng kết năm 1962 của Trung Cộng vẫn khoác lác không biết ngượng rằng: “Trong thời gian khó khăn, chúng ta càng phải dựa dẫm và tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng, sự lãnh đạo của trung ương, sự lãnh đạo của Mao chủ tịch”. “Có như vậy, chúng ta mới càng dễ khắc phục khó khăn...” Sau Mao còn có “chủ tịch Hoa Quốc Phong – lãnh tụ anh minh”, sau đó là “tổng công trình sư” Đặng Tiểu Bình, đến cả Giang Trạch Dân cũng được tâng bốc là “người dẫn đường kế thừa quá khứ mở ra tương lai”. Sau sự ra đời của thuyết “Tam đại biểu”, bộ trưởng Bộ Tuyên truyền kêu gọi “phải cố gắng hết sức để thẩm nhuần tư tưởng quan trọng của “thuyết tam đại biểu vào người dân, trở thành kim chỉ nam hành động cho quảng đại cán bộ quần chúng, trở thành kim chỉ nam căn bản cho các công việc của chúng ta”. Thế nên ở một vài vùng nông thôn, trên các bức tường đột nhiên xuất hiện các biển ngữ lớn “Dùng thuyết tam đại biểu để chỉ đạo công việc giết mổ của chúng ta”.



năm 60, đại hội tổng kết năm 1962 của Trung Cộng vẫn khoác lác không biết ngượng rằng: “Trong thời gian khó khăn, chúng ta càng phải dựa dẫm và tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng, sự lãnh đạo của trung ương, sự lãnh đạo của Mao chủ tịch”. “Có như vậy, chúng ta mới càng dễ khắc phục khó khăn...” Sau Mao còn có “chủ tịch Hoa Quốc Phong – lãnh tụ anh minh”, sau đó là “tổng công trình sư” Đặng Tiểu Bình, đến cả Giang Trạch Dân cũng được tâng bốc là “người dẫn đường kế thừa quá khứ mở ra tương lai”. Sau sự ra đời của thuyết “Tam đại biểu”, bộ trưởng Bộ Tuyên truyền kêu gọi “phải cố gắng hết sức để thẩm nhuần tư tưởng quan trọng của “thuyết tam đại biểu vào người dân, trở thành kim chỉ nam hành động cho quảng đại cán bộ quần chúng, trở thành kim chỉ nam căn bản cho các công việc của chúng ta”. Thế nên ở một vài vùng nông thôn, trên các bức tường đột nhiên xuất hiện các biển ngữ lớn “Dùng thuyết tam đại biểu để chỉ đạo công việc giết mổ của chúng ta”.

“Nghe lời đảng, đi theo đảng” còn bị cố định bằng hình thức “pháp luật”. Hiến pháp vốn là pháp luật căn bản của một quốc gia, nhưng Trung Cộng lại đưa thêm câu “giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản” vào trong đó, yêu cầu người ta khi “tham gia và thảo luận chính trị” nhất thiết không được động tới sự lãnh đạo của đảng.

Ngoài ra, mỗi đại hội lớn của Trung Cộng đều được tuyên truyền thành “đại hội đoàn kết”, “đại hội thắng lợi”. Mỗi hội nghị của Trung Cộng người ta đều nêu cao tinh thần “linh hội sâu sắc”, “chăm chỉ học tập”, “quán triệt thực thi”, từ đó có thể “nghe lời đảng, đi theo đảng” tốt hơn. Đồng thời, Trung Cộng còn định kỳ thực hiện cái gọi là giáo dục “đảng tính”, cưỡng ép đảng viên học tập các loại văn kiện của Đảng, viết báo cáo tư tưởng, để đảm bảo tư tưởng của người ta phải nhất trí với Đảng. “Tư tưởng đúng đắn, kiên quyết phục tùng sự lãnh đạo của Đảng”, câu này đã trở thành ngôn từ điển hình trong báo cáo của Đảng.

Ngoài thần thánh hóa bản thân, Trung Cộng còn liên tục xây dựng nên các gương điển hình, nó tuyên truyền rằng “nghe lời đảng, đi theo đảng”

có thể đưa đến thắng lợi cách mạng, cải thiện đời sống nhân dân, v.v.. nhằm tô vẽ cho bộ mặt của nó, lừa gạt để lấy được lòng tin của người dân. Như nhân vật điển hình Lôi Phong được Trung Cộng hết lời ca ngợi, cuối cùng còn nhấn mạnh rằng anh ta “kiên trì nghe lời đảng, suốt đời đi theo đảng”. Đảng hô hào làm nông nghiệp trên quy mô lớn, Lôi Phong liền chủ động xin làm nông dân; đảng hô hào cần tăng cường sản xuất công nghiệp, anh ta lập tức bỏ nhà đi làm công nhân; đảng hô hào



thanh niên gia nhập quân đội, anh ta lại nhập ngũ. Lâm Bưu đề tặng anh ta: “Đọc sách của Mao chủ tịch, nghe lời của Mao chủ tịch, làm theo chỉ thị của Mao chủ tịch, trở thành người chiến sĩ giỏi của Mao chủ tịch”. Tuyên truyền ca ngợi Lôi Phong, học theo tấm gương Lôi Phong, cũng có nghĩa là yêu cầu người ta phải nghe lời đảng, đi theo đảng giống như anh ta. Khi dựng nên các tấm gương điển hình như Tiêu Dụ Lộc, Khổng Phồn Sâm, Trung Cộng cũng không quên đề cập đến “tư tưởng chủ đạo” “nghe lời đảng, đi theo đảng”. Khi Tiêu Dụ Lộc biết bản thân bị bệnh nặng, anh ta nhắn nhủ với vợ rằng: “Em phải mãi nghe lời đảng, sống và học tập theo Mao chủ tịch, công tác tốt, giáo dục con cái trở thành những người kế tục cho cách mạng”.

Các hình thức văn nghệ của Trung Cộng cũng nhồi nhét vào đầu người dân chủ đề “nghe lời đảng, đi theo đảng”. Trong bộ phim “Ngôi sao đỏ lấp lánh” có nhắc đến: “Trọng trách cách mạng đặt trên vai, lời giáo huấn của đảng khắc ghi trong tim, cách mạng đời đời nối tiếp như nước thủy triều, trước sau một lòng đi theo đảng; trong “Chiến trường địa đạo” viết: “Lời của chủ tịch khắc ghi trong tim, sợ gì kẻ thù diên cuồng”; trong “Kênh Sa Gia”, nhân vật anh hùng Quách Kiến Quang hát rằng: “Mao chủ tịch và Trung ương đảng chỉ đường dẫn lối cho chúng tôi trong trận chiến đấu tại Thủy Hương”; “Hải cảng” lại có câu “Kiên định nghe lời Đảng dũng mãnh tiến bước”.

Có thể có người cho rằng câu khẩu hiệu tuyên truyền “nghe lời đảng, đi theo đảng” đã là chuyện xưa rồi. Kỳ thực không phải vậy. Những kiểu vận động thần thánh hóa, học tập chính trị, hay là giáo dục đảng tính, nêu gương điển hình vẫn là hiện tượng thường thấy trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Từ thuyết “Tam đại biểu” đến “bát vinh bát nhục”, từ lời thề hiến thân của đảng viên dưới cờ, đến thái độ chính trị thể hiện sự “kiên trì giữ vững sự lãnh đạo của đảng”, “phục tùng mệnh lệnh của đảng”... của các quan chức quân đội, lính biên phòng, công nhân, nông dân, học sinh, trí thức đều đầy rẫy nội dung “nghe lời đảng, đi theo đảng”. Khi tìm kiếm trên mạng từ khóa “kiên trì sự lãnh đạo của đảng”, thật ngạc nhiên là có hơn 10 triệu tin liên quan (trong

khi từ khóa “Khổng Tử” cũng chỉ không quá 6 triệu tin mà thôi); tra từ khóa “mãi mãi đi theo đảng” cũng có thể thấy hơn 3 triệu tin liên quan.

Sau sự kiện Lục Tứ ngày 04 tháng 06 Trung Cộng nổ súng tàn sát người dân, “Trận phong ba chính trị diễn ra vào cuối xuân đầu hè năm 1989 khiến tôi càng nhận thức thanh tịnh rằng phải kiên trì nghe lời đảng, đi theo đảng ...” những câu như vậy tràn ngập trên các loại hình tuyên truyền, những câu này sau đó trở thành chuẩn mực được người ta viết trong các báo cáo tư tưởng. Năm 1999 Trung Cộng bức hại Pháp Luân Công, nó lại dấy lên các hoạt động biểu thị thái độ chính trị như “phê phán vạch trần”, “triệu dân ký tên” v.v.. Những người không hề hiểu gì về Pháp Luân Công cũng bị Trung Cộng dựng thành những điển hình để tuyên truyền: các cụ già đáng kính nói nào là: “Mấy người chúng tôi đều đã trên 60 tuổi, không tin Thần Phật, không tin tôn giáo, chỉ đi theo đảng”; các chiến sỹ viết thư về nhà: “Kiên quyết ủng hộ quyết định của trung ương, phải đoạn tuyệt hoàn toàn đối với Pháp Luân Công”... đó đều là những thủ đoạn quen thuộc trong tuyên truyền chính trị của Trung Cộng.

Đến nay, “mãi mãi đi theo đảng” vẫn là “chủ đề giáo dục” của Trung Cộng, nó đầu độc thế hệ tiếp theo bằng những cái gọi là hoạt động đọc sách, đọc báo, chiếu phim để tài cách mạng, “lắng nghe các bài ca cách mạng”, hoạt động tuyên truyền học tập “Tam đại biểu” cho học sinh trung học cơ sở, phổ thông, tổ chức các cuộc luận đàm theo chủ đề v.v.. Năm 2006, kỷ niệm 50 năm ngày Trung Cộng thành lập đảng, Đài Truyền hình Trung ương thực hiện các chương trình chuyên đề văn nghệ “Mãi mãi đi theo đảng”, từ các cơ quan, trường học, bệnh viện đến xóm làng, đường phố, đâu đâu cũng rập khuôn theo, các chương trình biểu diễn tương tự cũng ôn lén sân khấu.

Ngày nay, càng ngày càng có nhiều người không còn tin vào Đảng Cộng sản nữa, nhưng Trung Cộng vẫn tưởng là ai cũng dốc lòng theo mình mà tuyên truyền khắp nơi khẩu hiệu “Khi nào trong tâm còn kiên trì sự lãnh đạo của đảng, thì sự nghiệp của đảng và nhân dân mới phát triển thuận lợi,

khi nào vị trí lãnh đạo của đảng suy yếu trong tâm, thì sự nghiệp của đảng và của nhân dân sẽ thất bại”, nó lại còn khẳng định chắc chắn rằng “Cách mạng Trung Quốc và lịch sử dựng nước đã chứng minh điều đó”. Quả là dục vọng của Trung Cộng muốn người ta phải “nghe lời đảng, đi theo đảng” đã đến mức “tấu hỏa nhập ma” mất rồi.

v.3-2 – Nghe lời đảng mang lại cho người dân điều gì

Trải qua nhiều cuộc vận động và tuyên truyền chính trị, người Trung Quốc ngày nay đã sinh ra một tâm lý sợ hãi bản năng đối với Trung Cộng, họ quen với việc nghe lời đảng, đi theo đảng, rất nhiều người còn khuyên bảo người khác rằng “đối nghịch với đảng thì nhất định sẽ không có kết cục tốt đẹp”. Vậy thì rõ cuộc “nghe lời đảng, đi theo đảng” mang lại điều gì cho nhân dân?



Nghe lời đảng khiến cho người dân mất đi quyền suy nghĩ độc lập, hơn một tỷ người Trung Quốc mà chỉ có một “trí óc của đảng”. Đảng nói sao thì là vậy, đảng quyết định thế nào thì chấp hành như thế. Tinh thần suy nghĩ độc lập là điều kiện quan trọng cho sự phát triển thịnh vượng của một dân tộc, một dân tộc mà chỉ biết “nghe lời đảng” thì có thể tiến được bao xa?

Vấn đề càng nguy hiểm hơn là, Trung Cộng không phải là một chính đảng theo nghĩa thông thường, Trung Cộng là một tập đoàn tà giáo hắc ám lấy đấu tranh làm thú vui, lấy “đấu với Trời, đấu với Đất” và giết người làm trò tiêu khiển. Nó căn bản không có bất cứ nguyên tắc nào, không có bất cứ giới hạn đạo đức nào, thay đổi chóng mặt, mỗi lúc một kiểu. Trong các cuộc bức hại chính trị có tính chu kỳ của Trung Cộng, ngay cả người trung thành nhất với nó cũng không tránh khỏi tai họa.

Lưu Thiếu Kỳ là nhân vật đứng thứ hai trong số bảy người đứng đầu Trung Cộng, ông ta là người đầu tiên phát ngôn ra từ “tư tưởng Mao Trạch Đông” ở Diên An, là trợ thủ quan trọng giúp Mao Trạch Đông tiêu diệt những kẻ thù chính trị trong thập niên 40, là chủ tịch nước khi diễn ra cuộc Cách mạng Văn hóa. Nhưng trong Cách mạng Văn hóa, ông ta đã bị kết tội “phản bội, nội gián, phản bội giai cấp công nhân”, ông đã chết bi thảm sau ba năm bị bức hại thương tâm, lúc chết cơ thể đã không còn hình người, mái tóc bạc rối bù da đến 2 thước.

Năm 1955, “10 đại nguyên soái” được Trung Cộng phong quân hàm, ngoại trừ Chu Đức tuổi cao nên sau năm 1949 đã không còn quan tâm đến chính sự, nhờ thế mà được an toàn trong các cuộc đấu tranh chính trị, và La Vinh Hoàn mất sớm ra, tám vị còn lại đều không ai may mắn thoát khỏi các



cuộc đấu tranh chính trị. Bành Đức Hoài bị coi là thủ lĩnh “tập đoàn quân sự phản cách mạng”, sau khi phát động cuộc Cách mạng Văn hóa đến giữa năm 1971, ông ta đã phải chịu hơn 200 lần bị phê bình, sau khi chết, trên lọ đựng tro cốt của ông chỉ viết ba chữ “Vương Xuyên, nam”; Trần Nghị, Từ Hướng Tiên, Nhiếp Vinh Trăn, Diệp Kiếm Anh bị lên án là kẻ âm mưu “hai tháng binh biến”; Hạ Long bị chặt đầu; Lâm Bưu chính biến không thành, lên máy bay bỏ trốn, nhưng chết do máy bay bị rơi ở Mông Cổ, sau khi chết còn bị phê phán nặng nề.

Thời đầu Cách mạng Văn hóa, “các tiểu tướng hồng vệ binh” là những người đã thực hiện “cách mạng” triệt để nhất, nhưng hai năm sau họ cũng không còn giá trị để lợi dụng, bị lừa đi “vùng sâu vùng xa để tầng lớp trung nông cải tạo”.

“Tóm tắt về công trình 571” của Lâm Bưu có đoạn viết: “Phân tử thanh niên trí thức đi lên vùng sâu vùng xa chính là hình thức cải tạo lao động biến tướng”.

Trong các cuộc vận động chính trị liên tiếp, những nhóm người bị Trung Cộng bức hại tàn bạo có ai thực sự “phản bội đảng” không?

Trong cuộc phản cánh hữu năm 1957, trong số những phân tử trí thức bị phê bình, bị lưu đày, rất nhiều người là những văn nhân cánh tả vào trước thời kỳ Trung Cộng giành chính quyền, rất nhiều người đã đồng tình, ủng hộ Trung Cộng, thậm chí đã bỏ biết bao mồ hôi nước mắt để giúp Trung Cộng được lên nắm quyền. Thật cay đắng là những người năm đó đã mang hy vọng vô hạn vào Đảng Cộng sản, những người khi ở khu vực quản lý của Quốc Dân đảng đã từng mạo hiểm xông pha hô hào ủng hộ nhiều nhất cho Đảng



Cộng sản, thì đến năm 1957 họ lại chính là những người đầu tiên không may bị liệt vào phân tử cánh hữu, mà những người càng bô bô nhiêu công sức thì càng chịu bức hại nặng nề.

Những người theo Đảng Dân chủ như Chương Nai Khí, Chương Bá Quân, La Long Cơ, Trữ An Bình, Vương Tạo Thời, nhà giáo dục Tương Nam Tường, Giang Long Cơ, nhà văn Ba Kim, Ngải Thanh, Điện Hán, Đinh Linh, Triệu Thủ Lý, La Nghiêm Bân, Khang Trạc, Dương Mạt, học giả Dương Hiển Trần, Tiễn Bá Tân, Lữ Chấn Vũ, Lương Tư Thành, Mã Liên Lương, Hề Khiếu Bá, Chu Tín Phương, Thượng Tiểu Vân, Nghiêm Phượng Anh v.v.. đều phải chịu bức hại. Những người này đã là đảng viên hoặc đã qua cải tạo tư tưởng, đã tuyên thệ trung thành với Đảng Cộng sản, cũng đã có những đóng góp to lớn cho sự thành lập chính quyền của Trung Cộng, nhưng họ vẫn bị bức hại đến chết, đến tàn tật, chỉ có rất ít người may mắn sống sót, song thể xác và tinh thần đều chịu thương tích không thể phục hồi.

Tháng 11 năm 1956, Bộ Văn hóa và Hội liên hiệp Kịch Trung Quốc đã tổ chức “lễ kỷ niệm 60 năm sự nghiệp Cái Khiếu Thiên” ở Thượng Hải. Điện Hán đại diện cho Bộ Văn hóa trao tặng giải thưởng danh dự cho Cái Khiếu Thiên, và đã phát biểu bài “học tập nghệ thuật biểu diễn trác tuyệt của nhà nghệ thuật Cái Khiếu Thiên”. Cái Khiếu Thiên đã cảm động nói: “Người sinh ra tôi là cha mẹ, nhưng người hiểu tôi là Đảng Cộng sản!” Năm 1966, Cách mạng Văn hóa bùng phát, Cái Khiếu Thiên bị đám đông hung bạo lôi đi bêu đầu ngoài đường, đầu tiên bị đánh gãy chân, rồi bị ném vào thùng phân tiếp tục đi bêu đầu. Cái Khiếu Thiên lúc đó đã ngoài 60 tuổi không thể chịu được sự nhục nhã, mấy lần cố leo ra khỏi xe chở phân, lần nào cũng bị đám quần chúng điên cuồng hất trở lại. Vị vú sư nổi tiếng khắp Nam Bắc ấy đã bị tra tấn như vậy đến chết giữa thanh thiên bạch nhật.

Nhà văn Lão Xá phục tùng đảng về chính trị, luôn giữ tư thái là theo sát đảng, sau năm 1949, ông ta sáng tác một loạt tác phẩm như “Râu rồng”, “Xuân hoa thu thực”, “Đội xung kích thanh niên”, “Hồng đại viễn” và “Một

gia đình đại biểu” ca ngợi công lao của chính quyền Trung Cộng. Ngày 23 tháng 08 năm 1966, Lão Xá lúc đó là Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã bị hổng vệ binh bắt giữ, cùng với nhà văn Tiêu Quân, Lạc Tân Cơ, nghệ thuật gia Tuân Huệ Sinh v.v.. Họ đều bị cạo trọc đầu, bắt đeo nhẫn hiệu “phản tử xấu”, “phản động”, “đầu trâu mặt ngựa”, bị đỗ mực lên đầu. Hổng vệ binh cưỡng ép họ quỳ xung quanh đống lửa đốt các đồ hóa trang, sách vở của họ, chịu lê rủa tội bằng “ngọn lửa cách mạng”, chúng dùng dao cụ và dây da bọc đồng để đánh họ. Riêng Lão Xá bị Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật thành phố đưa về, nhưng chờ đợi ông lại là một trận đánh đậm tàn nhẫn khác. Lão Xá héo lát rằng mình yêu đảng, yêu chủ nghĩa xã hội, đổi lại là những trận đánh càng điên cuồng hơn. Ngày hôm sau, Lão Xá tự trầm mình ở hồ Thái Bình.

Những khẩu hiệu “chống tham nhũng”, “chống mua quan bán chức” trong phong trào học sinh năm 1989 hoàn toàn mang thái độ hợp tác và khuyên nhủ đối với chính quyền. Học sinh và dân chúng đã đồng lòng kiên trì theo nguyên tắc “hòa bình, lý trí, phi bạo lực”, thậm chí thủ lĩnh đại diện cho học sinh còn quỳ rất lâu trước Đại lễ đường Nhân dân khi gửi đơn thỉnh nguyện. Ngày 23 tháng 05, đội duy trì trật tự học sinh còn đưa ba đối tượng đã phá tượng Mao tại quảng trường Thiên An Môn đến giao nộp cho cảnh sát. 10 ngày sau, quân đội Trung Cộng vây đòn áp đầm máu ở Thiên An Môn.

Trong thời gian Đảng Cộng sản biểu diễn trò hề này, có hai sự kiện nhỏ có ý nghĩa rất sâu sắc.

Trong cuộc vận động phản cánh hữu, để tự cứu mình, các phần tử trí thức đã gắng sức biểu hiện bản thân rất “tích cực”, “có tinh thần cách mạng”, “luôn dựa vào đảng”, nhưng đảng đã đặt ra chỉ tiêu, dù họ biểu hiện tốt thế nào cũng không giải quyết được vấn đề. Ngày 11 tháng 10 năm 1957, Đại hội Trung ương Đoàn Thanh niên Bắc Kinh tổ chức phê bình hội nhà văn thanh niên, một nhà văn đứng lên đọc một bài phê phán rất gay gắt. Khi anh ta chuẩn bị đi xuống, khi cả hội trường đang vỗ tay nhiệt liệt, bí thư Hội Liên

hiệp Văn học Nghệ thuật Bắc Kinh đột nhiên lớn tiếng tuyên bố: “Các đồng chí, đừng có cố vữ cho hắn ta, đừng có bị những lời dối trá của hắn ta lừa gạt, hắn ta cũng bị xếp vào phần tử cánh hữu đấy!”

Ngày 05 tháng 08 năm 1967, sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị đấu tố và bị áp giải về văn phòng, ông ta cầm theo quyển Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, phản kháng lại nói: “Tôi là Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa, các anh đối đãi với cá nhân tôi thế nào không quan trọng, nhưng tôi phải bảo vệ sự tôn nghiêm của một vị Chủ tịch nước. Ai đã bái miễn Chủ tịch nước? Phải có thẩm phán, cũng phải thông qua Đại hội Đại biểu Nhân dân. Các anh làm như vậy là sỉ nhục quốc gia chúng ta. Cá nhân tôi cũng là một công dân, tại sao không cho tôi được nói? Hiến pháp bảo vệ quyền lợi thân thể của công dân không bị xâm phạm. Người phá hoại Hiến pháp sẽ phải chịu những chế tài pháp luật nghiêm trọng”. Đáng tiếc là Lưu Thiếu Kỳ đến bây giờ mới nghĩ đến việc bảo vệ “Hiến pháp”. Sau khi Trung Cộng giành được quyền lực, nó đã tổ chức biết bao nhiêu cuộc vận động chính trị, bức hại biết bao nhiêu con người, là nhân vật đứng thứ hai của Trung Cộng, Lưu Thiếu Kỳ khó mà chối bỏ được tội trạng. Khi ông ta “nghe lời đảng” mà đả kích người khác thì không nói đến bảo vệ Hiến pháp, vậy mà khi bản thân mình bị đấu tố mới nghĩ đến Hiến pháp.

Phàm là người “nghe lời đảng, đi theo đảng” đều không có kết cục tốt đẹp, đây là điều tất yếu.

Thứ nhất, Trung Cộng được thành lập dựa trên đấu tranh, và nó cũng duy trì sự thống trị bằng đấu tranh, “cái máy nghiên thịt cách mạng” một khi đã khởi động thì không dễ dừng lại được, trong quá trình đó, mỗi người đều phải trở thành nạn nhân của nó, chỉ là thời gian sớm hay muộn mà thôi. Trung Cộng rất giỏi kích động các nhóm quần chúng đấu tranh lẫn nhau, nói trắng ra nhóm bị kích động chỉ là công cụ để Trung Cộng lợi dụng, sau khi lợi dụng xong, bị Trung Cộng nhẹ thì tiện tay ném đi, nặng thì đàm đảo đấu tố, hoặc giết người diệt khẩu, làm con dê thế tội cho nó. Do đó, “hai

người lúc đầu, hại mình về sau” là số mệnh chung của nhóm người này. Có một câu chuyện về đạo lý này là “tự làm tự chịu”. Thương Uởng^[9] đã thay đổi pháp luật của nước Tần, sau khi Tần Lý Công chết, ông ta bị buộc phải sống lưu vong. Một lần ông muốn lưu lại một quán trọ, chủ quán trọ từ chối, nói theo pháp luật của Thương Quân, quán trọ nào nhận khách mà không chứng minh được thân phận thì chủ quán sẽ bị trừng phạt. Hình phạt nặng nề mà Thương Uởng ban hành cuối cùng đã hại chính ông ta. Người Trung Quốc thường có câu “chuyển đá tự rơi vào chân mình”. Đây chính là hiện tượng cơ chế đấu tranh phản lại người phát động đấu tranh. Hai ví dụ trên đây là bằng chứng sinh động cho hiện tượng này.

Thứ hai, Trung Cộng cần phải xây dựng chế độ độc tài một đảng, mọi lợi ích của đảng viên, bao gồm cả lợi ích của người lãnh đạo tối cao, đều phải phục tùng lợi ích của “đảng”. Do đó nó có thể tùy ý lựa chọn đối tượng bị đà kích, bất cứ cá nhân hay đoàn thể nào uy hiếp hoặc bị Trung Cộng cho là uy hiếp đến chế độ một đảng của nó thì đều bị trấn áp và thanh trừng; cho dù không có kẻ thù nhưng cứ đến một thời gian nhất định, Trung Cộng sẽ tạo ra một kẻ thù, gợi lại những ký ức của người dân về sự khủng bố, từ đó củng cố quyền lực của nó. Khi bất cứ lúc nào cũng có thể bị đảng coi là kẻ thù, con đường duy nhất để người ta tự bảo vệ mình là: cố gắng phỏng đoán tâm lý và động thái của đảng, tranh thủ lấy lòng đảng, biến “đảng tính” trở thành kim chỉ nam duy nhất cho hành động của mình. Chúng ta đều biết rằng, thân thể con người chỉ là cái xác, sinh mệnh chân chính của con người nằm ở tinh thần và linh hồn. Một thân thể mà không có linh hồn thì không khác gì động vật. Khi cố gắng đồng lòng nhất trí với “đảng”, người ta đã hoàn toàn giết chết sinh mệnh tinh thần của mình, đã biến tự ngã chân chính của mình thành kẻ thù. Theo nghĩa này, những người chiến thắng sống sót được qua các cuộc đấu tranh giành quyền lực của Trung Cộng cũng vẫn là kẻ bại trận,

[9] Thương Uởng (khoảng 390 TCN-338 TCN), còn gọi là Vệ Uởng hay Công Tôn Uởng, là nhà chính trị gia, pháp gia nổi tiếng, thừa tướng nước Tần của thời Chiến Quốc trong lịch sử Trung Quốc.

bởi vì cái chiến thắng là đảng tính, chứ không phải là nhân tính của bản thân họ, bản ngã thật sự của họ sớm đã chết rồi.

Thứ ba, “đi theo đảng” có nghĩa là thừa nhận triết học đấu tranh của Trung Cộng, chí ít về mặt khách quan đã tiếp thêm năng lượng cho nó đấu với trời, đấu với đất. Các cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ trong và ngoài đảng đã phá hoại đạo đức truyền thống và mối quan hệ giữa con người, làm bại hoại phong tục tập quán xã hội, phá hoại môi trường sống của tất cả mọi người. Người bị đấu tố phải chịu một kết cục bi thảm tất yếu, người đấu tố cũng mất đi sự thanh thản lương tâm. Để tránh cho bản thân khỏi bị đấu tố, mỗi người đều phải đề phòng, ngờ vực người khác một cách vô căn cứ, sống vô cùng khổ sở, mệt mỏi. Trong quá trình tranh đấu lẫn nhau, bản tính ác của người ta bị phóng đại lên đến mức tối đa, lòng đố kỵ, tham lam, ích kỷ, độc ác trở thành tính cách thường thấy trong cuộc sống của người dân Trung Quốc. Tất cả mọi người sống trong môi trường này đều tránh khỏi gánh chịu hậu quả của Văn hóa đảng.

v.3-3 – Một số hình thức đi theo đảng

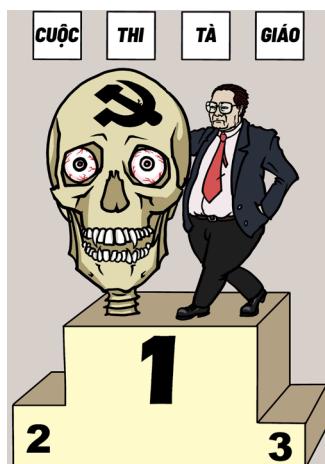
Có thể có người nói, Đảng Cộng sản ngày nay không còn như Đảng Cộng sản trước đây nữa, vả lại, hiện nay cũng không còn ai tin vào Đảng Cộng sản nữa. Người dân đều bận rộn với đời sống thường nhật, còn ai đi theo đảng nữa? Ngày nay người dân đối với Đảng Cộng sản đều là bằng mặt mà không bằng lòng, có người bạo gan còn suy nghĩ làm thế nào để đảng đi theo mình, không chừng có ngày Đảng Cộng sản thật sự sẽ thay đổi.

Cách suy nghĩ này thật viển vông. Tư tưởng mà không thực hiện được bằng hành động thì cũng giống như tờ séc không đổi ra được tiền mặt, bản thân nó chẳng có giá trị gì. Đảng Cộng sản chẳng hề sợ người ta chửi rủa nó trên bàn rượu hay chửi thầm trong nhặt ký, bởi vì tuy việc ngăn cấm tự do ngôn luận có thể cướp đoạt của người ta quyền được nói nhỏ trong phòng

kín hay oán trách trong lòng, nhưng có quyền được nói nhỏ trong phòng kín hay oán trách trong lòng cũng không có nghĩa là bạn có quyền tự do ngôn luận, bởi vì những lời nói không được công khai trước mặt mọi người thì không thể trở thành hành động lớn, cũng không thể gây ảnh hưởng lớn tới cuộc sống hiện tại.

Chúng ta hãy cùng phân tích xem hiện nay người Trung Quốc những ai vẫn còn đi theo đảng.

Công khai đi theo đảng. Một số người tuy hiểu rất rõ bản chất của Trung Cộng là tà giáo lưu manh, nhưng vì lợi ích cá nhân nên thuận theo sự tà ác của đảng, “đảng” cũng lợi dụng tâm địa lòng lang dạ sói của những người này để củng cố địa vị của nó. Những người này là cùng một giuộc với Trung Cộng, cấu kết với nó làm việc xấu, họ là những tay sai tà ác nhất của đảng.



Đi theo đảng một cách me muội. Trung Cộng khởi nghiệp dựa trên bạo lực và dối trá, nó không chỉ lừa dối “kẻ thù”, quần chúng nhân dân, xã hội quốc tế, đến “người của nó” cũng bị lừa dối. Rất nhiều người vì bị lừa dối mà gia nhập Trung Cộng, đến nay vẫn còn u mê trong những lời giả dối của Trung Cộng mà không thể tự mình thoát ra được. Những người này thuộc vào nhóm những người đi theo đảng một cách mê muội, chiếm số lượng không nhỏ ở Trung Quốc.

Bất đắc dĩ phải đi theo đảng. Một số người có hiểu biết nhất định về bản chất của Trung Cộng, cũng không muốn thông đồng với Trung Cộng làm chuyện xấu, bất đắc dĩ phải gia nhập Trung Cộng nhưng không thể thoát ra được, do vậy đành phó mặc buông xuôi, họ có một thái độ bi quan đối với hiện thực của Trung Quốc.

Tưởng rằng mình không đi theo đảng. Một số người tưởng rằng đã hiểu

rõ bản chất của đảng, nhận việc chính sách của đảng tạm thời cũng có lợi cho mình, họ ôm giữ tư tưởng “hôm nay có rượu thì cứ uống cho say” hoặc “kiếm đủ rồi sẽ rời đi ngay”, họ hăng hái kiếm tiền không từ thủ đoạn nào. Họ giúp Trung Cộng xây dựng một hình ảnh hào nhoáng trong ngắn hạn về cuộc sống phồn hoa đô thị, yên vui hưởng lạc, hình ảnh này không những đã lừa dối được cả xã hội phương Tây mà còn lừa dối cả người dân Trung Quốc. Thực ra, sở dĩ cái hoàn cảnh để những người này có thể tạm thời kiềm chế được chút đỉnh, cũng là do Trung Cộng cố ý tạo ra; lòng tham, sự thiển cận, tâm thái mong giàu có sau một đêm của họ cũng chính là kết quả do Trung Cộng hữu ý tạo nên. Những người này tạm thời làm hình mẫu cho Trung Cộng, nhưng sự giàu có của họ không hề được bảo đảm, Trung Cộng bắt cứ lúc nào cũng có thể biến họ trở thành tù nhân sau một đêm, do vậy họ sống mà không có chút cảm giác an toàn nào. Những người này tưởng rằng họ đang đua giốn với Trung Cộng, kỳ thực họ đang bị Trung Cộng đua giốn lại. Những vấn đề xã hội nan giải do họ và Trung Cộng cấu kết gây nên cuối cùng sẽ làm hại chính họ, cũng làm hại những người thân của họ.



Muốn đảng đi theo mình. Một số người có nhận thức khá rõ về Trung Cộng, cũng có chí hướng muốn cứu nước cứu dân, nhưng họ lại lựa chọn con đường thâm nhập vào nội bộ đảng, với ý đồ từng bước leo lên vào hàng ngũ cấp cao của Trung Cộng, thay đổi Trung Cộng từ bên trong. Rất nhiều người cũng ký thác hy vọng của đất nước Trung Quốc vào họ. Nhưng những người này trong quá trình dần dần leo lên các vị trí cấp cao của Trung Cộng, thì cũng dần dần bị Trung Cộng đồng hóa, bởi vì chốn quan trường của Trung Cộng là nơi mà kẻ dốt

thì thắng người giỏi thì thua, đào thải theo hướng ngược lại, cơ chế của nó không cho phép các chính trị gia được trực tiếp khống chế đường lối phát triển của “đảng”, Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương bị phế truất là những ví dụ điển hình nhất cho cơ chế này. Về điểm này, chúng tôi còn có thể đưa ra một vài ví dụ khác.

Từ năm 1959 đến năm 1962, Trung Quốc xảy ra nạn đói khủng khiếp, tỉnh An Huy có số người chết đói lên đến 7 triệu người. Một tai họa nghiêm trọng đến như vậy ở tỉnh An Huy, nguyên nhân là Tăng Hy Thánh – lúc đó là Bí thư tỉnh An Huy đã kiên quyết “đi theo đảng”. Sau đó năm 1962, Tăng Hy Thánh lại được kiêm nhiệm chức Bí thư tỉnh Sơn Đông, trong nạn đói năm đó, tỉnh Sơn Đông có 9 triệu người chết đói. Tăng Hy Thánh vì “đi theo đảng” mà khiến hàng triệu người chết đói, khiến nhân dân vô cùng căm phẫn, đối mặt với nguy cơ bị xử bắn. Nhưng do ông ta kiên trì đi theo con đường của Mao Trạch Đông, nên Mao tuyên bố ông ta là người tốt và bảo vệ ông ta.

Tăng Hy Thánh có một trợ lý tên là Trương Khải Phàm, là Phó Bí thư tỉnh An Huy. Năm 1959 nghe nói ở vùng nông thôn có nhiều người chết đói, ông liền xuống huyện Vô Vi điều tra. Huyện Vô Vi là một kho thóc của cả nước, một huyện rất lớn với 1,4 triệu dân, mà lúc đó thành phố Vu Hồ cũng chỉ có 300.000 dân. Khi Trương Khải Phàm xuống điều tra thì đã có 900.000 dân chết đói. Trương Khải Phàm bứt rứt lương tâm, quyết định giải tán nhà ăn công cộng, mở kho phát lương thực, cứu sống 500.000 dân. Nhưng Trương lại bị Tăng Hy Thánh bắt giữ, bị còng tay xích chân. Mao Trạch Đông quy kết Trương Khải Phàm là phản tử chủ nghĩa cơ hội cánh hữu, bị kết án 20 năm.

Mỗi đảng viên đều chịu sự kiểm soát của cơ chế tà ác như vậy. Trương Khải Phàm đã mở kho lương thực cứu sống 500.000 người, được người dân hết lời ca ngợi là “Bao Thanh Thiên”, nhưng lại là đối tượng bị Đảng Cộng sản hâm hại, bởi vì Trương Khải Phàm không đồng lòng với đảng. Còn Tăng Hy Thánh làm cho hàng triệu người dân chết đói thì lại không việc gì, bởi vì ông

ta đồng lòng với đảng. Trong các cuộc vận động chính trị liên tiếp, đảng liên tục huấn luyện đảng tính của người ta như vậy, khiến họ khi gặp vấn đề thì đầu tiên phải nghĩ đến lợi ích của đảng, chứ không được nghĩ đến nhân tính và lương tri. Như vậy, trong quá trình từng bước leo lên chốn quan trường Trung Cộng, họ cũng đồng thời phải liên tục gánh trên vai những tội lỗi của Trung Cộng. Khi bản thân họ đã nhúng chàm thì vận mệnh của họ cũng bị trói buộc vào vận mệnh của Trung Cộng. Lúc này dù không muốn đi theo đảng nữa, họ cũng không thể thoát ra nổi.

Còn một bộ phận người định “đầu cờ” với đảng, dùng phương thức “hợp lực” để thay đổi quỹ đạo lịch sử. Những người này cho rằng, phương hướng phát triển của lịch sử là do sự kết hợp của các lực lượng trong xã hội. Do đó, họ định dùng nỗ lực của bản thân để gây ảnh hưởng đến người dân và một bộ phận quan chức Trung Cộng, cuối cùng ép Trung Cộng phải thỏa hiệp, thay đổi quỹ đạo vận hành của nó, dần dần đưa nó vào quỹ đạo mới tốt đẹp. Khởi điểm mục đích của những người này là lương thiện, tốt đẹp. Nhưng Trung Cộng lại nắm toàn bộ quyền lực đối với bộ máy bạo lực và hệ thống tuyên truyền, lũng đoạn mọi quyền quyết định liên quan đến quốc kế dân sinh. Mong muốn và nỗ lực tốt đẹp của một số ít người, so với việc làm hại nước hại dân của Trung Cộng trên quy mô toàn quốc, quả là không đáng kể gì. Nếu ví chính quyền Trung Cộng hiện nay như một đoàn tàu hỏa đang lao về phía vực sâu, thì những hành khách trên tàu liệu có thể băng cách sấp xếp lại hay dọn dẹp vệ sinh trong các toa tàu mà tránh được hậu quả chết người không? Đối với người dân Trung Quốc mà nói, nếu không thể thay đổi được hướng đi của đoàn tàu, thì chỉ còn một con đường thoát đó là rời khỏi đoàn tàu.

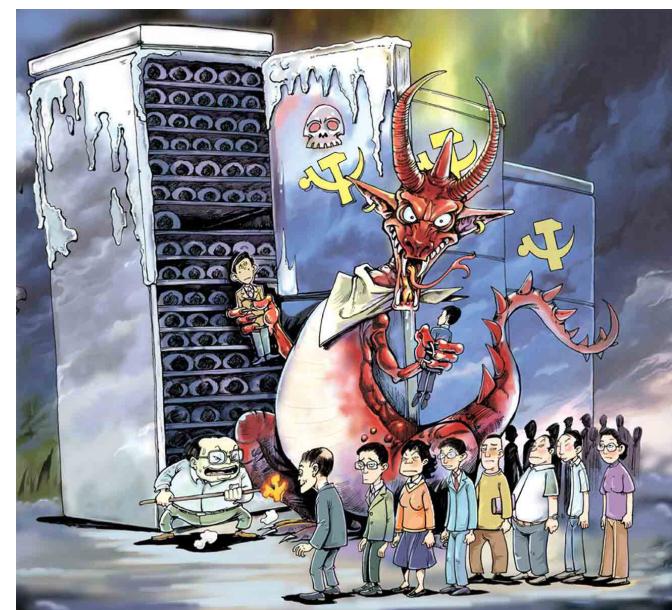
V.4 – ĐẢNG BẢO SAO THÌ LÀM VẬY

Một người bình thường hành động theo sự phán đoán của bản thân. Những phán đoán này cần phải dựa trên cơ sở những thông tin chính xác và các nguyên tắc đạo đức thông thường. Con người sở dĩ khác với máy móc là bởi con người có thể tự chủ trong hành động và có năng lực phán đoán. Nhưng Trung Cộng lại thường xuyên tuyên truyền rằng “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, còn coi đây là biểu hiện của “đảng tính mạnh mẽ”, “ý thức giác ngộ cao”, “tính tổ chức kỷ luật tốt”.

Trong những năm phong ba bão táp khoảng 30-40 năm trước, rất nhiều người nhiệt huyết hưởng ứng: “Nguyễn làm một viên gạch của cách mạng, theo đảng đi bất cứ nơi đâu”, “đảng bảo làm sao thì làm vậy”. “Làm sao” trong tiếng Trung bao hàm tất cả những việc làm có thể là việc bình thường, cũng có thể là những việc trái với đạo lý, tuyệt đối không thể làm như giết người hại mệnh, sát nhân phóng hỏa v.v.. Một câu nói “đảng bảo làm sao thì làm vậy” đã hủy hoại những tiêu chuẩn thiện ác và tuân theo đạo trời của xã hội Trung Quốc suốt mấy nghìn năm nay, trao toàn bộ quyền chỉ huy và quyền phán quyết tối cao cho Trung Cộng. Con người khi đó không hề nghĩ rằng đây là sự mù quáng, mê tín đi theo Trung Cộng, là điều hoang đường và bi thương, ngược lại người ta lại có cảm giác vô cùng vinh dự. Những người nghe và tin theo lời tuyên truyền “đảng bảo làm sao thì làm vậy” luôn xông pha hàng đầu trong các cuộc đấu tranh giai cấp bức hại chính gia đình, hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp của mình, hay đấu với Trời, đấu với Đất, hủy hoại thiên nhiên, hay tố giác người khác, họ lấy làm vinh dự khi trở thành đầy tớ của Trung Cộng, đảng chỉ đâu thì đánh đấy.

Đến đây, từ tuyên truyền Trung Cộng có “ân” với người dân Trung Quốc (không có Đảng Cộng sản thì không có Trung Quốc mới), có “tình” với người dân Trung Quốc (được cha yêu, được mẹ yêu không bằng được đảng yêu), yêu cầu người ta phải nghe lời nó (nghe lời đảng, đi theo đảng), Trung Cộng đã phát triển đến độ yêu cầu người ta hoàn toàn buông bỏ tư duy của họ, hiến dâng tất cả cho Trung Cộng, hoàn toàn trở thành công cụ trong tay Trung

Cộng. Trong cuộc vận động “Bảo tiên” (giữ gìn hoạt động giáo dục tiên tiến của đảng viên) mấy năm gần đây, Trung Cộng không chỉ muốn “đảng bảo làm sao thì phải làm vậy”, mà còn muốn “đảng không bảo làm thì không được làm”. Trong lịch sử chưa từng có bất cứ chính quyền nào lại tẩy não và nô dịch người dân triệt để như Trung Cộng.



**GIỮ
TƯƠI**

v.4-1 – Đảng bắt người ta làm những gì

Mùa hè năm 1967, trên dòng sông Tiêu Thủy chảy ngang qua vùng thung lũng châu Đạo nổi lên những xác chết trương phình, mặt sông nổi một lớp váng màu đỏ sậm. ... Khắp nơi đều là khẩu hiệu “chém sạch giết sạch ‘bốn loại phản tử xấu’, giữ màu đỏ vạn đời cho giang sơn”, khắp nơi đều là những thông báo giết người của “tòa án tối cao bắn nòng và trung nòng”, toàn huyện Đạo và khu vực lân cận hoàn toàn sống trong tình trạng khủng bố đỏ.

Đây là một đoạn mô tả trong “Ký sự về cuộc thảm sát ở vùng nông thôn huyện Đạo, Hồ Nam”, viết về tình cảnh bi thảm của cuộc đại thảm sát tại huyện Đạo, Hồ Nam thời Cách mạng Văn hóa. Cuộc đại thảm sát này diễn ra tại huyện Đạo, Hồ Nam trong thời gian hơn hai tháng, nhằm vào những người được gọi là “bốn loại phần tử” (địa chủ, phú nông, phản động và phần tử xấu) và gia đình người thân bốn đời của họ, toàn vùng đã có hơn 9.000 người bị giết. Người bị giết chủ yếu là những người bị liệt vào “bốn loại phần tử” và con cái của họ, người nhiều tuổi nhất 78 tuổi, nhỏ tuổi nhất mới được 10 ngày tuổi.



19 năm sau, một trong những người chịu trách nhiệm chính về cuộc đại thảm sát, Quan Hữu Trí, nguyên Bộ trưởng Vũ trang khu Thanh Đường, Tổng chỉ huy thuộc Ban Chỉ huy Tiên tiến Doanh Giang “hồng liên” (Bộ Tư lệnh Liên hợp chiến sĩ hồng quân theo tư tưởng Mao Trạch Đông), ở trong tù khi trả lời phỏng vấn ông đã nói như sau:

“Tôi vào quân đội đã 50 năm, đã gia nhập đảng trong quân đội, được đỗ bạt làm cán bộ. Năm 58 chuyển về huyện Đạo, ...tôi chưa từng bị xử phạt bất cứ tội gì, đều là đảng bảo làm sao thì làm vậy. ...Hàng ngày tôi đều được học rằng nhất định không được quên đấu tranh giai cấp, được học rằng kẻ thù giai cấp muốn phá hoại, muốn ngóc đầu trở lại giành quyền lực, Tưởng Giới Thạch

muốn tấn công Đại lục, tôi là người cầm súng, sao có thể yên tâm được? Khi đấu tranh vũ trang Cách mạng Văn hóa, lũ tạo phản đã cướp súng của bộ đội, lại nghe nói bốn phần tử muốn đảo chính, muốn phản lại chính quyền cách mạng, nên tôi tự giác đứng về phe ‘hồng liên’.”

Cũng giống như Quan Hữu Trí, rất nhiều người trong các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng đã giết người, đánh người, dã túc người khác, nhưng sau đó họ không những không sám hối, mà còn một mực cảm thấy không công bằng cho bản thân: chỉ là “đảng bảo làm sao thì họ làm vậy”, bản thân họ chỉ là một quân cờ, một công cụ của đảng, họ không chịu trách nhiệm cho những gì mình làm.

Chúng ta hãy nhìn lại xem Đảng Cộng sản bắt người ta làm những gì. Thực tế, trong hoạt động sản xuất sinh hoạt bình thường, về cơ bản không cần đảng bảo người ta làm gì. Trong bất cứ một xã hội bình thường nào, người ta đều phải làm việc, phải ma chay cưới hỏi, phải nghiên cứu khoa học, biểu diễn nghệ thuật, phải phát minh sáng tạo, người ta đều có nhu cầu đời sống tinh thần, giao tế xã hội. Cũng có nghĩa là, mọi hoạt động bình thường của con người đều không cần đảng phải động viên người ta đi làm. Những việc mà đảng hô hào khởi xướng, tuyên truyền cổ động người ta làm, có thể nói không phải là việc tốt, cũng không phải vì ổn định xã hội hay hạnh phúc của nhân dân, mà đều vì bảo vệ lợi ích độc đảng của nó.

Năm xưa, Trung Cộng tuyên truyền chỉ mình nó mới thực sự chống Nhật, lừa dối rất nhiều thanh niên nhiệt huyết đến Diên An, nhưng họ chỉ có thể vào mà không ra được, những người này bị cưỡng ép tẩy não, lúc hối hận thì đã muộn. Kỳ thực, lúc đó quân Nhật đã chiếm đóng hơn một nửa Trung Quốc, quân Quốc dân đã gian khổ kháng chiến chống Nhật, nếu thực sự muốn kháng Nhật thì không cần phải tập trung ở Diên An. Trung Cộng hô hào “Giải phóng toàn Trung Quốc” thực ra là phát động cuộc nội chiến toàn diện, lật đổ chính phủ hợp pháp, đưa chế độ thống trị tập quyền của Đảng Cộng sản từ Diên An mở rộng ra toàn Trung Quốc. Cuộc chiến “Chống Mỹ cứu giúp Triều Tiên”

khiến Trung Quốc mất đi hàng triệu mạng người cùng những khoản chi phí quân sự khổng lồ, Trung Cộng đã gần như vắt kiệt nền kinh tế lúc đó để giúp chính phủ lưu manh nhà Kim kéo dài sự hấp hối, đưa người dân Triều Tiên lún sâu vào hoạn nạn trầm trọng. Các cuộc vận động Đại nhảy vọt, Công xã, Nhanh chóng tiến lên chủ nghĩa xã hội, đã gây ra nạn đói khủng khiếp cướp đi sinh mạng của 40 triệu người. Cuộc Cách mạng Văn hóa gây ra sự hỗn loạn trên toàn đất nước, người chết vô số, kinh tế đất nước gần như kiệt quệ, những nhân tài ưu tú phiêu bạt các nơi, nền văn hóa truyền thống bị phá hủy gần như không còn. Cuộc vận động đưa “các phân tử trí thức về sống ở nông thôn” đã khiến rất nhiều người trí thức trẻ mất đi cơ hội được học tập, bỏ phí tuổi thanh xuân tươi đẹp ở vùng nông thôn hoặc nơi biên cương.

Dưới sự tuyên truyền Thuyết vô Thần và Thuyết duy vật của Trung Cộng, “đảng bảo làm sao thì làm vậy” câu nói này thực sự vô cùng đáng sợ. Bởi vì người ta không còn tin vào Đạo Trời nữa, chỉ cần có thể khiến cho đảng vui lòng, mang lại lợi thế cho mình, thì việc đói bại nào người ta cũng dám làm. Ví dụ điển hình nhất hiện nay là cuộc bức hại đối với Pháp Luân Công. Rất nhiều cảnh sát lấy chính sách bức hại làm cái cớ, nói rằng đó là do cấp trên chỉ đạo, do đó ra tay đánh đập các học viên Pháp Luân Công, thậm chí tra tấn người ta đến chết, còn cấu kết với các bác sĩ mổ hết nhân tính để mổ cướp nội tạng sống của các học viên Pháp Luân Công.



V.4 - ĐẢNG BẢO SAO THÌ LÀM VẬY

Mô hình “Khoán sản phẩm” và “Xí nghiệp nông thôn” được coi là hai sáng kiến tiên phong của nông dân Trung Quốc, thực ra đều là kết quả của việc Trung Cộng lợi lỏng quản lý. Người dân tự biết rõ nhất làm thế nào để quản lý cuộc sống tốt. Khi Trung Cộng không làm gì thì chính là lúc người dân được sống tốt nhất, Trung Cộng hê động tay vào việc gì thì chắc chắn gây tai họa cho dân. Lịch sử hơn 50 năm qua đã chứng minh một chân lý đơn giản như vậy.

v.4-2 – Các “công cụ phục tùng” phục vụ cho mục đích gì

Trung Cộng không những trăng trộn hô hào người dân “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, lợi dụng nhiệt huyết chính trị bị kích động và các phương thức tẩy não khiến người ta cam tâm tình nguyện chịu sự lừa gạt, khống chế và chỉ huy của nó, nó còn thường xuyên sử dụng các thủ đoạn lừa gạt, dùng những lý do nghe có vẻ quang minh chính đại như “thuận theo đại cục”, “vì lợi ích của nhân dân” để khiến người ta tin rằng “những việc đảng bảo làm” không phải là những việc bỉ ổi và tà ác, cho dù là sát nhân phóng hỏa, dù là tự mình hại mình thì cũng đều vì “sự nghiệp vĩ đại của đảng”.

Lý luận “công cụ phục tùng” của Trung Cộng lừa gạt người ta ở chỗ, Trung Cộng đồng thời cũng khẳng định nó có những phẩm chất chí công vô tư, châm chỉ tích cực, đặt lợi ích tập thể lên trên, chịu đựng khổ cực.. Cũng chính vì vậy, khi có người chỉ ra rằng Trung Cộng phá hoại đạo đức truyền thống, khiến cho đạo đức toàn xã hội trượt dốc, rất nhiều người không hiểu nổi: Trung Cộng dường như rất chú trọng xây dựng đạo đức, còn đưa ra một loạt những lý luận kiểu như “đạo đức Chủ nghĩa Xã hội”, “đạo đức Chủ nghĩa Cộng sản”, “tu dưỡng đạo đức của người đảng viên”, “tám điều vinh, tám điều nhục”, phát động phong trào “học theo Lôi Phong”, “học theo Tiêu Dụ Lộc”, “học theo Khổng Phồn Sâm”, hiện tượng này giải thích thế nào?

Suy nghĩ kỹ một chút, chúng ta không khó phát hiện rằng kiểu phương thức tư duy này khiến người ta trở nên mơ hồ khi phân biệt mục tiêu

đạo đức và thái độ làm việc. Nếu một sự việc bản thân nó là tốt, vậy thì thái độ chăm chỉ, chân thành, tiết kiệm của người thực hiện sẽ khởi tác dụng tốt; ngược lại, nếu một sự việc bản thân nó là xấu thì những phẩm chất này cũng sẽ làm tăng mức độ tà ác của nó. Một tên trộm cẩn cù, thật thà hiển nhiên là đáng sợ hơn một tên trộm lười nhác, một tên khủng bố khiêm tốn học hỏi, từ đó nấm vững những kỹ thuật cao chót chấn sẽ đáng sợ hơn một tên khủng bố có kỹ thuật tầm thường. Khi cả xã hội bị lôi cuốn theo một công việc có mục đích tà ác, thì việc chăm chỉ nghe lời để làm tốt công việc đó còn đáng sợ hơn sự lười biếng, tiêu cực.

Trung Cộng cố xúy rằng vì “lợi ích của đảng”, đảng viên phải “không do dự hy sinh lợi ích cá nhân, thậm chí hy sinh cả sinh mệnh bản thân”, “đây mới chính là biểu hiện cao nhất của đạo đức Chủ nghĩa Cộng sản, là biểu hiện cao nhất của tính nguyên tắc trong chính đảng của giai cấp vô sản, là biểu hiện cao nhất của ý thức chân chính của giai cấp vô sản”. Đảng viên không nên có mục tiêu cá nhân độc lập xa rời lợi ích của đảng”. Rất dễ nhận thấy “đạo đức”, “khái niệm vinh nhục” do đảng đề xướng, trên bề mặt thì tương đồng với luân lý đạo đức truyền thống, còn về bản chất vẫn để bảo vệ chế độ chuyên chế độc đảng của Trung Cộng.

Mọi người đều rất quen thuộc với câu chuyện “Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Một người muốn đi đến nước Sở, cho dù anh ta có một con ngựa chạy rất nhanh, có đầy đủ tiền đi đường, có một người đánh xe có bản lĩnh cao cường, nhưng nếu anh ta đi nhầm hướng thì vĩnh viễn cũng không đến được nước Sở. Vả lại trong hoàn cảnh đó, ngựa của anh ta càng tốt, tiền đi đường càng nhiều, người đánh xe ngựa càng tài giỏi, thì chỉ có thể khiến anh ta đi càng ngày càng xa nước Sở mà thôi. Khi người ta nghe lời đảng, tận tụy làm việc cho đảng; giúp đảng lừa gạt người dân, bức hại người dân; khi họ ca ngợi công đức của Trung Cộng, tô son trát phấn cho nó, chẳng phải là đang dốc sức giúp đỡ Trung Cộng đưa xã hội Trung Quốc đến bờ vực thẳm nhanh hơn hay sao?

v.4-3 – Biểu hiện ngày nay của “đảng bảo làm sao thì làm vậy”

Người Trung Quốc ngày nay ngày càng trở nên coi trọng hiện thực, không còn tin vào Chủ nghĩa Cộng sản nữa, họ càng không muốn tin theo bất cứ chủ nghĩa hay tín ngưỡng nào. Vậy nên, Trung Cộng bắt đầu chuyển sang một khía cạnh khác của câu khẩu hiệu “đảng bảo làm sao thì làm vậy”: đó là đảng không bảo làm thì không được làm, có nghĩa là không được làm những gì mà đảng không thích. Câu nói mà người dân thường nghe nhất là: “Sự việc này trung ương đã quyết định như vậy rồi, không cho làm thì đừng có làm.”

Một cách lặng lẽ kín đáo, Trung Cộng đã vạch ra những giới hạn mà đảng cho người ta được làm: “khởi nghiệp”, “kiếm tiền”, “làm giàu trong một đêm”, “chơi cổ phiếu”, “ăn ngon”, “cuộc sống hiện đại”, “thời thượng”, “giới trí thức”, “tình anh”, “xe hơi”, “bất động sản”, “giải trí”, “nghỉ ngơi”, “chuyện phiếm”, “phim kích dục”, “ngoại tình”, “mê hoặc sắc tình”... Đảng cho phép người ta tự do hưởng thụ cuộc sống vật chất, khuyến khích người ta phoning túng dục vọng, thỏa sức cờ bạc, rượu chè, trai gái, xã hội Trung Quốc ngày nay về mặt này rất “tự do”. Rất nhiều cán bộ Trung Cộng cũng “theo kịp thời đại”, “lấy mình làm gương”. Có thể rất nhiều người bối rối không hiểu vì sao “càng chống hủ bại lại càng hủ bại”, kỳ thực xét một cách nghiêm túc, sự hủ bại đó hoàn toàn nằm trong phạm vi “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, nếu như đảng thực sự không cho phép hủ bại, không tạo thuận lợi và đặc quyền cho đảng viên và cán bộ, thì ai còn muốn bán sinh mệnh của mình cho Đảng Cộng sản nữa? Bản thân Trung Cộng đã không còn cách nào để duy trì nữa rồi. Nhưng có một điểm khác biệt, làm bậy thì được còn những việc đảng không cho làm thì không được làm, những việc đó là: không được để xuất ý kiến với đảng, bàn luận về cải cách chính trị nhưng không được cải cách thật, không được nghiên cứu nghiêm túc về những vấn đề xã hội, càng không được có cách nhìn khác về sự thống trị của đảng. Nếu thoái đảng hoặc bảo người khác thoái đảng, thì đảng càng không cho phép làm.



Ngày nay khi phe Cộng sản đã sụp đổ, người ta đều xem thường Chủ nghĩa Cộng sản, để duy trì sự thống trị của mình, Trung Cộng lại càng phất cao ngọn cờ Đảng Cộng sản độc tài. Dưới sự thống trị của đảng, các vấn đề xã hội ngày càng trở nên gay gắt. Chênh lệch giàu nghèo lớn, chi phí khám bệnh đắt đỏ, học phí đắt đỏ, mua nhà đắt đỏ, tìm việc khó khăn, điều kiện phúc lợi xã hội yếu kém, tham nhũng hoành hành, đạo đức bại hoại, ô nhiễm môi trường, không có dân chủ, người dân không có quyền lên tiếng, trật tự trị an kém; khiêu dâm, đánh bạc, hút hít ma túy tràn lan, không tuân theo pháp luật, ngăn chặn quyền khiếu nại của người dân. Những vấn đề này chỉ Trung Cộng mới có thể đề cập, còn với cá nhân thì không được quyền nói đến, không cho phép “viết ra, tìm kiếm, công bố, truyền bá” vì bị coi là chứa “tiết lộ bí mật quốc gia, uy hiếp sự an toàn của quốc gia”, “các nội dung khác mà pháp luật cấm”. Nếu người ta muốn nỗ lực giải quyết những vấn đề xã hội này hoặc bảo vệ quyền lợi cơ bản của bản thân khi bị xâm phạm, vậy thì nhất

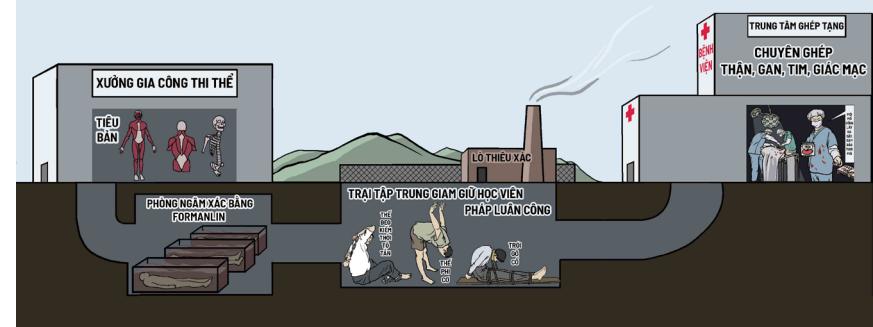
định là việc mà đảng không cho làm.

v.4-4 – Hậu quả tất yếu phải chịu

Trung Cộng phát động các cuộc vận động chính trị không có định kỳ. Mỗi cuộc vận động đều là một thảm họa lớn. Sở dĩ nó có thể phát động những cuộc vận động này là do người dân không dựa vào năng lực phán đoán của bản thân mà lại tư duy theo kiểu “đảng bảo làm sao thì làm vậy”. “Đảng bảo làm sao thì làm vậy” có nghĩa là một lòng đi theo triết học đấu tranh của đảng, tiếp năng lượng cho đảng đấu với trời, đấu với đất, hoàn thành mục tiêu thống trị của Trung Cộng.

Người ta theo Trung Cộng giết người, thế nên hàng triệu “địa chủ”, “nhà tư bản”, “phân tử trí thức” phải chịu đầu rơi máu chảy; người ta theo Trung Cộng làm Đại nhảy vọt, thế nên mấy chục triệu người chết đói; người ta theo Trung Cộng làm Đại Cách mạng Văn hóa, thế nên xã hội Trung Quốc phải trải qua một cuộc hủy hoại văn hóa và nhân tính chưa từng có; người ta vào hùa với nó tiêu diệt Pháp Luân Công, thế nên dân tộc Trung Hoa đã xảy ra một thảm kịch bức hại tín ngưỡng chưa từng có trong lịch sử.

TRUNG CỘNG MỔ CƯỚP NỘI TẠNG HỌC VIÊN PHÁP LUÂN CÔNG



Từ việc đĩa chủ cùng con cái của họ bị diệt trừ tận gốc, moi tim ăn thịt, Trương Chí Tân bị cắt yết hầu, chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ không qua xét xử theo trình tự pháp luật bị giam giữ bức hại đến chết, cho đến việc các học viên Pháp Luân Công bị mổ cướp nội tạng sống, còn cần thêm bao nhiêu bài học giáo huấn nữa mới khiến người ta thoát khỏi sự đau đớn của những lời tuyên truyền của Trung Cộng “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, khiến họ tỉnh ngộ không theo Trung Cộng làm điều ác nữa?

Khi bị trói buộc bởi câu “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, mọi người dân Trung Quốc đều trở thành người bị hại, những ai càng gắn bó với Trung Cộng thì càng bị hại nặng nề.

Trung Cộng gọi những vùng nghèo khó là “cũ, thiểu, biên, bần” (vùng căn cứ cũ, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng nghèo khó), cũ chính là chỉ những vùng “căn cứ địa cách mạng ở nông thôn” nơi mà Trung Cộng đã được thành lập. Trung Cộng có thể giành được chính quyền, phần lớn là nhờ công lao của những người nông dân đã quyên góp tiền của, lương thực, hiến dâng sinh mệnh của họ cho nó. Trần Nghị từng nói: “Chiến dịch Hoài Hải thắng lợi là nhờ sự hỗ trợ hiệu quả của quần chúng nhân dân”. Sau khi giành chính quyền, Trung Cộng không những không đền ơn đáp nghĩa, nỗ lực giúp đỡ người nông dân thoát nghèo, nó còn chưa bao giờ nương tay thu các loại phí của nông dân. Không chỉ dùng chế độ hộ khẩu để trói buộc người nông dân trên mảnh đất quê nhà, hiện nay nó còn cưỡng ép họ rời bỏ mảnh đất của tổ tiên, thu lại rồi bán với giá cao cho các nhà đầu tư bất động sản. Ở Trung Quốc hiện nay, phần lớn các khu vực khó khăn đều đã từng là “căn cứ địa cách mạng cũ”, mấy chục năm đã qua nhưng những khu vực này vẫn còn nghèo hơn cả thời trước khi Trung Cộng lên nắm quyền.

Tỉnh Thiểm Bắc là “căn cứ địa cách mạng cũ” của Trung Cộng, lương thực của vùng Thiểm Bắc đã cứu sống Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung ương của Trung Cộng đã cư trú ở Thiểm Bắc hơn 10 năm. Cây cối bị chặt hết, cỏ bị nhổ sạch, gạo bị ăn hết, nhân lực bị sử dụng hết, người dân Thiểm

Bắc đã hy sinh rất nhiều cho Trung Cộng. Sau ngày “cải cách”, ở Thiểm Bắc lại phát hiện ra có trữ lượng tài nguyên lớn, Trung Cộng lại đăng biển hiệu “vùng tài nguyên quốc gia” và cho tiến hành khai thác trên quy mô lớn, tài nguyên khai thác được đưa sang vùng khác, toàn bộ tiền bán tài nguyên đều vào túi của các xí nghiệp Trung Cộng, người dân khu vực này vẫn tiếp tục bị Trung Cộng bóc lột.

Trung Cộng tự xưng là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, khi giành chính quyền nó lại lợi dụng công nhân để tiến hành cuộc vận động công nhân, đấu tranh vũ trang; khi phản hưu nó để cho “công nhân được nói”, là lực lượng hậu thuẫn kiên cường cho “phản cánh hưu”. Thời Cách mạng Văn hóa, nó lại tổ chức “đội công nhân tuyên truyền”, để công nhân thu dọn mớ bòng bong; Trấn áp “cuộc vận động Ngũ tú” cũng dựa vào công nhân làm “đội công nhân duy trì trật tự”; Trong phong trào học sinh năm 1989 nó lại lôi kéo công nhân vào, để họ bảo vệ sự thống trị của Trung Cộng.

Sau khi Trung Cộng thành lập, để có thể lôi kéo công nhân đi theo đảng, trở thành công cụ đấu tranh của đảng, có thể cống hiến sức lao động cho đảng, nó đã từng trao cho công nhân Trung Quốc “bát cơm sắt” (công việc ổn định), phúc lợi xã hội và địa vị chính trị xã hội. Do đó sau ngày “cải cách mở cửa”, một bộ phận người trở nên giàu có, đây là chỉ những “thái tử đảng” (con cháu quan chức), quan chức, lãnh đạo, cốt cán, tinh anh. Tổ chức nghiên cứu về giới quan chức Trung Cộng tiết lộ rằng: những người đảm nhận các chức vụ chủ yếu trong năm lĩnh vực lớn là tài chính, ngoại thương, khai khoáng, xây dựng, chứng khoán phần lớn đều là con cháu của các cán bộ cấp cao. Vô số người giàu ở Trung Quốc, trên 90% là con cái của quan chức cấp cao, trong đó có hơn 2.900 con cái quan chức có tổng tài sản đến 2.000 tỷ nhân dân tệ. Còn những người công nhân đã từng theo “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, đỗ bao mồ hôi, hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho đảng, những tưởng rằng cả cuộc đời đều có thể được nhận “bát cơm sắt”, nhưng lại bị đảng vứt bỏ không chút thương xót, còn tặng cho một danh từ rất mỹ miều là “rời

vọng gác” (nghĩa là thất nghiệp). Các doanh nghiệp nhà nước có hàng chục triệu công nhân thất nghiệp, khi mất đi việc làm họ cũng đồng thời mất hết toàn bộ phúc lợi xã hội mà đơn vị cung cấp, bao gồm nhà ở, giáo dục, bảo hiểm y tế, lương hưu, v.v. Không chỉ vậy, hi vọng của người công nhân vào thế hệ tiếp theo cũng bị phá tan, một gia đình công nhân không cách nào trả nổi tiền học phí học đại học cho con cái, có nghĩa là họ khó mà chu cấp được cho đến khi con cái tốt nghiệp, con cái của công nhân không có chỗ dựa, cũng rất khó tìm được công việc tốt.

Quân đội là huyết mạch của Trung Cộng, đảng chỉ huy nòng súng, chỉ đạo quân đội đánh đâu thì đánh đó. Đối với mỗi người chiến sĩ và tướng lĩnh quân đội, đảng bảo làm sao thì làm vậy đơn giản là lê bát di bất dịch. Các quy định về điều kiện quân nhân xuất ngũ và các đai ngộ trong quân đội Trung Cộng đều do ủy viên quân ủy Bộ Chính trị Trung ương Trung Cộng công bố qua các văn kiện, và có thể thay đổi tùy ý. Một là hoàn toàn không bảo đảm rõ ràng bằng quy định pháp luật, hai là không được quản lý thống nhất bởi các bộ ngành hoặc cơ quan cho quân đội xuất ngũ toàn quốc. Sau khi sử dụng họ xong, Trung Cộng tùy ý ném họ trở lại xã hội, quân nhân xuất ngũ “đi từ đâu thì trở về nơi đó”, cơ bản không còn được hưởng tiếp đai ngộ phúc lợi. Thương binh cũng không còn chỗ dựa, đến Trung ương Đảng để khiếu nại cũng không được giải quyết, gửi đơn tố cáo lên Bắc Kinh thì bị cấm trên trả lại, còn bị quan chức địa phương khinh thường nói là “một đống giấy vụn”, “cố tố cáo lên Liên Hợp Quốc cũng vô dụng”.

Những người lính già đã từng tham gia cuộc chiến chống Mỹ cứu giúp Triều Tiên, ngoài những người có thể ở lại quân đội, những người trở thành liệt sĩ thì cuộc sống của người thân gia đình họ không hề được Trung Cộng quan tâm; những người bị thương tật vẫn còn sống thì đa phần trở về nông thôn, sống cuộc sống khổn khổ đầy chán nản, cảnh tuổi già lạnh lẽo cô đơn; những người bị bắt làm tù nhân sau khi trở về nước thì 20, 30 năm sau không cất đầu lên được. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, những người năm đó

được phong làm “anh hùng can đảm”, “công thần số một” giờ đây không được ai hỏi thăm, những chiến sĩ và tướng lĩnh đã chết thì được trợ cấp duy nhất một lần khoản tiền từ 800 đến 1000 tệ tùy theo cấp bậc, cuộc sống của gia đình họ không được ai quan tâm. Nghĩa trang liệt sỹ ở đèo Ma Lật, Vân Nam có chôn cất 957 liệt sỹ hy sinh, trong đó có 300 liệt sĩ suốt hơn 20 năm qua không có gia đình đến thăm, chủ yếu vì họ không có đủ tiền đi đường nên không đến được, có một số người thân đến được nghĩa trang thì không còn tiền trả về nhà.



Một biểu hiện ngày nay của khẩu hiệu “đảng bảo làm sao thì làm vậy” là truy cầu cuộc sống vật chất, vì Trung Cộng luôn mong người ta truy cầu lợi ích vật chất mà bỏ qua các quyền lợi khác. Hơn nữa, Đảng Cộng sản cũng đã thay đổi chính sách “tiêu diệt giai cấp bóc lột” trước đây, đến nhà tư bản cũng được phép gia nhập đảng. Trong số các tỷ phú hàng đầu Trung Quốc có tài sản bình quân 2,2 tỷ nhân dân tệ, tỷ lệ đảng viên chiếm 48,5%, gần một nửa

số tỷ phú hàng đầu là đảng viên. Vậy mà họ sau khi trở thành công cụ kinh tế cho đảng, hết lòng cống hiến cho đảng, hễ phân chia lợi nhuận không đều hoặc không lo lót tót cho một số quan chức “then chốt”, liên lập tức bị tống vào tù. Mưu Kỳ Trung, Dương Bân, Chu Chính Nghị, Lý Kinh Vỹ, Trương Hải đã lần lượt vào tù, “danh sách tỷ phú Trung Quốc” trở thành “danh sách tội phạm Trung Quốc”. Những người lợi dụng Đảng Cộng sản để trở nên giàu có lũ lượt mang con cái và tài sản ra nước ngoài, những bài học như thế quá nhiều. Cuộc đời vật đổi sao đổi, những nhà tư bản năm đó đã ủng hộ, đi theo Đảng Cộng sản, nay trở nên khuynh gia bại sản, nhà tan cửa nát chính là minh chứng cho điều đó.

Trên đây nói về bộ phận những kẻ ăn cháo đá bát, đến thời điểm then chốt, Trung Cộng để bảo vệ bản thân nó thì ngay cả những công cụ còn dùng được nó cũng có thể hy sinh hết. Khi cách mạng văn hóa kết thúc, toàn quốc có 17 tướng lính quân đội, 793 cảnh sát, tổng cộng là 810 người bị đưa đến Văn Nam bí mật thủ tiêu, để lừa gạt gia đình họ, chúng gửi cho gia đình tờ thông báo “hy sinh khi làm nhiệm vụ”, nhằm che dấu nội tình, giết người bit miệng. Lúc đó Cục trưởng Cục Công an Bắc Kinh là Lưu Truyền Tân trước khi bắt đầu bị điều tra đã lo sợ mà tự sát. Không chỉ vậy, Giang Trạch Dân cũng từng thông qua thân tín ở Mỹ để dò la ý tứ của Pháp Luân Công, ông ta đề xuất rằng có thể làm giống thời Cách mạng Văn hóa là xử bắn một số cảnh sát đã đánh chết các học viên Pháp Luân Công để đền mạng, đổi lại việc Pháp Luân Công sẽ không khởi tố ông ta, còn nói rằng có thể làm nghiêm túc hơn thời Cách mạng Văn hóa, bao nhiêu học viên Pháp Luân Công chết thì có thể bắn chết bấy nhiêu cảnh sát.

Vào mỗi giai đoạn lịch sử quan trọng, Trung Cộng đều biểu lộ đặc trưng của nó là “vứt bỏ cái thiện theo cái ác”. Nhưng Trung Cộng hành ác tất nhiên phải mượn tay của cá nhân đảng viên, khi Trung Cộng sụp đổ thì người phải chịu hậu quả cho tội ác tất nhiên cũng là cá nhân đảng viên, cũng giống như việc Đức quốc xã bại trận năm đó, đổi tượng bị đưa ra Nuremberg xét xử là

các đảng viên Đảng quốc xã. Cũng có nghĩa là, những người lấy lý do là “đảng bảo sao thì làm vậy”, “chỉ chấp hành mệnh lệnh”, “chấp hành nhiệm vụ” để giúp đỡ Trung Cộng làm việc ác, có thể hiện nay còn dựa được vào ô dù chính quyền Trung Cộng, tạm thời chưa bị đưa ra ánh sáng, nhưng sau khi Trung Cộng sụp đổ thì mỗi người sẽ phải đổi mặt với những chế tài pháp luật và những bản án chính nghĩa. Lúc đó thì chẳng còn ô dù của Trung Cộng để mà dựa dẫm nữa.



Không chỉ như vậy, bên trên tòa án của con người còn có tòa án của thiên thượng. Thiện hữu thiện bão, ác hữu ác bão, không thể dùng ý chí của con người để thay đổi quy luật tự nhiên. Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, Đạo gia giảng “Họa phúc đều do con người tự tạo ra”, Phật gia giảng quan hệ nhân quả, “Thiện ác hữu báo, như hình với bóng”, người ta làm gì thì bản thân đều phải gánh chịu hậu quả. Dân gian có câu “Thiện hữu thiện bão, ác hữu ác bão, không phải không báo ngay, chỉ là chưa đến lúc”. Từ xưa đến nay, ở cả phương Đông và phương Tây, những ví dụ về thiện ác hữu báo này nhiều không kể xiết. Nhìn lại lịch sử, những người đã trở thành công cụ của Trung Cộng, cho dù lúc đầu huy hoàng bao nhiêu thì số phận cuối cùng đều rất thê lương, cô quạnh. Đây chẳng phải là thể hiện của thiên lý báo ứng sao?

Con người luôn đồng thời tồn tại mặt thiện và mặt ác, đối mặt với sự lựa chọn lớn, trong tâm người ta sẽ có sự đấu tranh giữa thiện và ác. Nhưng đối với những đảng viên Đảng Cộng sản thì sự đấu tranh càng phức tạp hơn, bởi vì mỗi đảng viên đều tồn tại hai nhân cách “đảng tính” và “nhân tính”. “Nghe lời đảng, đi theo đảng”, “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, các khẩu hiệu này đều là đòn áp tín người, hủy diệt nhân tính, vì lợi ích của chế độ độc tài Trung Cộng mà làm điều ác. Ngày nay khi tội ác của Trung Cộng đã ngày càng chồng chất, nó đang nhanh chóng đi đến diệt vong, những người còn cố chấp “nghe lời đảng, đi theo đảng”, “đảng bảo làm sao thì làm vậy”, kỳ thực chính là biểu hiện của sự vô trách nhiệm đối với bản thân mình.

Giữ gìn mặt lương thiện trong nhân tính của con người, không để cho đảng chi phối hành động của bản thân, thoát xuất khỏi Trung Cộng, xóa sạch ấn tú của Văn hóa đảng trên thân thể, chúng ta mới có thể lựa chọn cho mình một tương lai tươi sáng.



CHƯƠNG VI



NHỮNG NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG ĐÃ TRỞ THÀNH THÓI QUEN

LỜI DẪN: NGÔN NGỮ – LINH HỒN VÀ KÝ ÚC CỦA DÂN TỘC

NGÔN NGỮ LÀ CÔNG CỤ ĐỂ CON NGƯỜI GHI NHỚ, TRAO ĐỔI THÔNG TIN, chia sẻ kinh nghiệm và giáo dục thế hệ sau. Ngôn ngữ là linh hồn và ký ức của một dân tộc, nó đúc kết những điều mà một dân tộc quan tâm nhất, quan niệm về giá trị, kiến thức về lịch sử, phương thức tư duy, giá trị thẩm mỹ, phong tục xã hội một dân tộc, nó phản ánh mối liên hệ của dân tộc đó với vũ trụ, vị trí của dân tộc đó trên thế giới, toàn bộ hướng đi của phương thức sinh tồn và phát triển của dân tộc đó. Ngôn ngữ vừa là một bộ phận của văn hóa và cũng là công cụ truyền tải văn hóa. Nó là bộ phận thành viên quan trọng nhất trong toàn bộ thể hệ lớn văn hóa.

Trong “Kinh dịch – Hé từ hạ” có viết rằng: Thời cổ đại Phục Hy trị vì thiên hạ, ông ngẩng lên thì quan sát các hiện tượng về nhật, nguyệt, các vì sao trên trời, cúi xuống thì quan sát quy luật biến hóa của núi sông nước chảy v.v., quan sát màu sắc bên ngoài của chim muông cùng thực vật thích nghi sinh tồn trên mặt đất, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở hiện tượng các sự vật, rồi bắt đầu sáng tạo ra bát quái, dùng để thông suốt với đức của thân minh, dùng để biểu trưng cho tình trạng của vạn sự vạn vật. (“*Cổ già Bào Hy thị chi vương thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng vu thiên, phủ tắc quan pháp vu địa, quan điều thú chi văn dã địa chi nghi, cản thủ chư thân, viễn thủ chư vật, dư thị sử tác bát quái, dĩ thông thần minh chi đức, dĩ loại vạn vật chi tình*”)

Đoạn văn này tuy là giảng về nguồn gốc của bát quái, nhưng chúng ta có thể dùng nó để khái quát về khởi nguồn của ngôn ngữ Trung Quốc. Người xưa đã lấy hình tượng của giới tự nhiên và con người, tạo thành những ký tự vừa trừu tượng vừa cụ thể, tượng trưng cho thiên địa vạn vật, và câu thông với thần linh – đây chính là nguồn gốc của Hán ngữ. Nguồn gốc của Hán ngữ đã quyết định mối quan hệ liên đới xảo diệu (tinh xảo và kỳ diệu) của hình dạng chữ và ngữ âm của nó với vũ trụ, ngôn ngữ trở thành cầu nối giữa ba yếu tố là Thiên – Địa – Nhân.

Ngôn ngữ đã đắp nặn nên diện mạo tinh thần của một dân tộc. Do đời sống tinh thần và vật chất của con người đều được truyền tải bằng ngôn ngữ, nên có thể nói, hình thái của một nền văn hóa chính là hình thái ngôn ngữ của dân tộc đó. Xét trên một ý nghĩa nhất định, thì sáng tạo văn hóa chính là sáng tạo nên một ngôn ngữ riêng biệt; hủy diệt văn hóa, chính là hủy diệt ngôn ngữ dùng để truyền tải nền văn hóa đó.

“Cố nhân vẫn, ngôn vi tâm thanh, văn dĩ tải đạo” (*Người xưa nói, lời là thanh âm của trái tim, văn để chở đạo*). Người xưa dùng tấm lòng thành kính để trân trọng văn tự ngôn ngữ được Trời ban cho. Từ những sách được lưu lại, chúng ta có thể ước lượng mà thấy được phong cách diện mạo ngôn ngữ và tinh thần của người xưa. Từ “Chu Dịch” huyền bí tinh thâm đến “Lão Tử” súc tích, thấu triệt; từ “Kinh Thi” ấm áp nồng hậu đến “Ly Tao” mỹ lệ thanh khiết; từ “Xuân Thu” dùng lời nhẹ mà nói đại nghĩa đến “Sử Ký” hùng tráng thâm sâu ưu nhã; từ kinh Phật dịch sang tiếng Hán một cách giản dị mộc mạc, đến thơ Đường khoáng đạt hoa mĩ, Tống từ hoa lệ uyển chuyển, Nguyên khúc tràn trề sức sống, Hán ngữ đã ghi chép lại trí huệ vĩ đại của dân tộc Trung Hoa, một thế giới nội tâm rộng lớn và không ngừng theo đuổi những giá trị tinh thần.

Một dân tộc tự tôn tất nhiên phải tôn trọng ngôn ngữ của mình, một dân tộc tự trọng tất nhiên phải bảo vệ ngôn ngữ của mình, một dân tộc không ngừng vươn lên tất nhiên phải sử dụng ngôn ngữ của mình một cách đúng đắn.

Thế nhưng, trong tiến trình văn minh của mình, Trung Quốc cận đại đã phải chịu cảnh thù trong giặc ngoài, bị áp bức, sỉ nhục, sự thất bại về quân sự và ngoại giao hết lần này đến lần khác đã khiến cho rất nhiều người dân dần mất đi sự tự tin đối với nền văn minh của Trung Quốc xưa, cũng mất đi sự tự tin vào ngôn ngữ Trung Quốc. Trong các cuộc vận động văn chương bạch thoại, vận động thế giới ngữ, phế bỏ chữ Hán, ném sách cổ vào nhà xí, ... phần tử trí thức đề xướng nên những phương thức “cải cách” ngày càng quyết liệt hơn. Những người dân với ý thức khủng hoảng nghiêm trọng không có thời

gian để suy nghĩ, thế là một số phương án nhận được sự tán đồng ở mức độ khá lớn của xã hội, và sự thuần chính của Hán ngữ cũng bắt đầu bị ăn mòn. Mặc dù vậy, sự phá hủy và biến dạng ngôn ngữ văn tự này chỉ mang tính cục bộ, không có sự can thiệp trên quy mô lớn của chính quyền, vậy nên nó không phải là đòn chí mạng đánh vào ngôn ngữ.

Sau khi cướp đoạt chính quyền, Trung Cộng coi văn hóa Trung Hoa truyền thống là chướng ngại lớn nhất đối với sự thống trị chuyên chế của nó. Với một đất nước đông dân như Trung Quốc, Trung Cộng không thể nào hoàn toàn hất truyền thống sang một bên, rồi làm ra một bộ mới, vì vậy nó chọn cách sống ký sinh, để hủy diệt nền văn hóa dân tộc từ bên trong. Thái độ của nó đối với Hán ngữ cũng không nhổ tận gốc, mà kế thừa hình thức bề mặt, rồi đưa vào đó nội dung văn hóa đảng, khiến cho độc tố văn hóa đảng bám trên thân thể của ngôn ngữ dân tộc. Cách làm này đối với Trung Cộng mà nói, có thể gọi là “bỏ vốn ít nhất, mà thu lợi lớn nhất”. Trung Cộng lợi dụng tất cả các công cụ mà nó có trong tay: các ban tuyên truyền, bộ văn hóa, bộ giáo dục, báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, đoàn thể văn nghệ, các hội nghị liên tiếp mãi không thôi, các văn kiện chất đống như núi, các cuộc vận động chính trị điên cuồng không ngừng nghỉ, để sáng tạo ra số lượng lớn các từ mới và các phương thức biểu đạt đặc thù của văn hóa đảng, rồi dùng từ điển, tự điển, các loại sách tham khảo, sách giáo khoa, các tài liệu quy hoạch lại ngôn ngữ để cố định chúng lại. Việc đơn giản hóa chữ viết khiến cho thế hệ trẻ không thể đọc được các sách cổ, trong khi giới văn nhân của Trung Cộng lại tuyên truyền rằng lãnh đạo đảng đã sáng tạo ra quy phạm ngôn ngữ mới và tiêu chuẩn mỹ thuật mới. Việc giáo dục văn hóa đảng xuyên suốt ngay từ bậc tiểu học đến trung học, đại học đã khiến cho học sinh coi thứ ngôn từ của đảng xấu xa, cứng nhắc, tà ác, đạo đức giả trở thành điều bình thường hiển nhiên. Cho đến ngày nay, những ngôn từ khuôn mẫu của đảng như đồng chí, tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, đấu tranh, chiến sỹ thi đua, đại biểu, tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, lãnh đạo, cấp trên, hiệu triệu, phấn đấu,

ủy ban, báo cáo tư tưởng, tự kiểm điểm, phê bình và tự phê bình, ...tràn ngập trong các văn kiện, báo chí, sách vở và trong cuộc sống thường nhật của người dân, ngôn từ của đảng nhiều đến che trời đây đất đã trở thành ngôn ngữ quen thuộc của hàng tỷ người Trung Quốc. Mọi người không ý thức được rằng mỗi giây phút mình đều đang sống trong không gian ngôn ngữ mà Trung Cộng hữu ý tạo nên, họ tưởng rằng ngôn từ của đảng dùng hiện đại là kết quả của sự phát triển tự nhiên của ngôn ngữ dân tộc, họ tưởng rằng mọi người bình thường trong thiên hạ đều nói như thế. Nếu thoát khỏi ngôn ngữ khuôn mẫu của đảng thì người ta thực sự không biết sẽ nói chuyện như thế nào.



Việc Trung Cộng lạm dụng và chiếm dụng chính quyền quốc gia gây tổn thương nghiêm trọng cho văn hóa và ngôn ngữ dân tộc, có thể nói là chưa từng có trong lịch sử. Ngôn ngữ là công cụ của tư duy. Ngôn ngữ bị văn hóa đảng làm ô nhiễm nghiêm trọng, gây tổn hại nặng nề đến năng lực của người dân trong việc xem xét lại về Trung Cộng, về văn hóa đảng và suy nghĩ cho tương lai dân tộc. Rất nhiều người đã phát hiện ra một hiện tượng kỳ lạ: Người ta dùng ngôn ngữ do Trung Cộng tạo ra để phê phán Trung Cộng, trong những bài viết phản nô lên án Trung Cộng vẫn gọi việc Trung Cộng thành lập chính quyền là “giải phóng”, có người trong “tuyên bố thoái đảng” vẫn nói “tôi ‘sinh ra ở nước Trung Quốc mới, lớn lên dưới lá cờ đỏ’” khiến cho người ta khó mà hiểu được rốt cuộc anh ta muốn vứt bỏ Trung Cộng hay là cảm kích Trung Cộng. Ngày nay, khi chính quyền Trung Cộng đang lung lay sấp đổ, người dân đang mong ngóng trở về với văn hóa nhân loại bình thường, việc nhận rõ thứ ngôn từ của đảng bám trên ngôn ngữ dân tộc và thanh trừ nó đã trở thành nhiệm vụ không thể trì hoãn.

VI.1 – GỌI NHAU BẰNG “ĐỒNG CHÍ”

Ngôn từ của đảng mà người Trung Quốc quen thuộc nhất là “đồng chí”: Đồng chí Trương, đồng chí Vương, đồng chí cũ, đồng chí nhô, đồng chí nam, đồng chí nữ, đồng chí tốt, đồng chí mới, đồng chí phụ huynh, đồng chí lãnh đạo, đồng chí lái xe, đồng chí cục trưởng, thậm chí là đồng chí chủ tịch,... Nó xuất hiện cả trong những lời thoại kinh điển trên phim ảnh và những ngôn từ thường dùng trong cuộc sống: “Tôi đã tìm thấy đồng chí rồi!”, “Các đồng chí hãy xông lên!”, “Đồng chí cách mạng cùng một chiến tuyến”, “đồng chí cách mạng cùng chung chiến hào”, “học tập theo đồng chí nào đó”, “Kính cẩn nghiêng mình trước đồng chí nào đó”, “các đồng chí vất vả quá... từ “đồng chí” đã được sử dụng rất phổ biến đến nỗi mọi người đều không cảm thấy rằng nó là ngôn từ của Đảng Cộng sản.

Có người tìm thấy từ “đồng chí” này trong một số sách cổ hoặc thành ngữ Trung Quốc, nhưng từ “đồng chí” mà Đảng Cộng sản phổ biến lại không mang ý nghĩa giống như trong sách cổ Trung Quốc, mà nó là một từ ngoại lai. Theo nghiên cứu, từ “đồng chí” bắt nguồn từ từ “comrade”, thường gặp trong những người theo Chủ nghĩa Xã hội thế kỷ 19. Người Nhật Bản là người đầu tiên dùng từ “đồng chí” để phiên dịch cho từ “comrade”, sau đó từ này đã tiến nhập vào Trung Quốc, dùng để gọi những người có cùng đường, cùng chí hướng với mình (đặc biệt là trong chính trị). Cuối thế kỷ 19, hoàng đế nhà Thanh – Quang Tự khi lên kế hoạch “Chính biến Mậu Tuất”, đã gọi những đại thần thuộc pháp biến pháp là “đồng chí”. Trong Đồng minh hội và Quốc Dân đảng – tổ được chức sáng lập trên cơ sở của Đồng minh hội, từ “đồng chí” cũng được sử dụng khá phổ biến. Nhưng khi sử dụng từ “đồng chí” trong Quốc Dân đảng, nó giống như là một danh từ phổ thông chứ không phải danh xưng. Khi xưng hô thì vẫn dùng “tiên sinh”, “cô”, “tiểu thư”. Ví dụ: “Trương tiên sinh là một đồng chí trung thành đáng tin cậy của chúng ta.”

Năm 1920, Mao Trạch Đông, La Học Toản khi gửi thư cho nhau cũng bắt đầu dùng từ “đồng chí”. Năm 1921, trong cương lĩnh “Đại hội đại biểu lần thứ nhất” của Đảng Cộng sản Trung Quốc có quy định: “Những người thừa nhận cương lĩnh và chính sách của đảng, nguyện trở thành đảng viên trung thành, được đảng viên giới thiệu, không phân giới tính, không phân quốc tịch, đều có thể được thu nạp làm đảng viên, trở thành đồng chí của chúng ta.” Đây là lần đầu tiên Đảng Cộng sản Trung Quốc sử dụng từ “đồng chí” trong văn bản chính thức và đưa vào đó hàm nghĩa mới. Sau năm 1923, trong nội bộ Trung Cộng, Đảng Cộng sản nước ngoài và trong các tổ chức công nhân, việc gọi nhau bằng “đồng chí” đã trở nên phổ biến.

Sau khi Trung Cộng cướp đoạt chính quyền, từ “đồng chí” được phổ biến đến mọi giai tầng, mọi ngõ ngách ở Trung Quốc Đại lục. Năm 1959, Trung Cộng đã ra chỉ thị yêu cầu mọi người phải gọi nhau là “đồng chí”. Trên thực tế, phạm vi sử dụng của từ “đồng chí” đã được mở rộng, nó không chỉ được

dùng trong nội bộ đảng mà còn trở thành cách xưng hô quen thuộc giữa những người dân với nhau, và nó được đặt trước họ tên của người ta, thậm chí đặt trước từ chỉ chức danh, nó trở thành một danh xưng được sử dụng thường xuyên nhất. Ví dụ: “đồng chí Trương là người trung thực và đáng tin cậy”, “đồng chí bộ trưởng”, “đồng chí công nhân”, “đồng chí phụ nữ”, v.v.

Những cách xưng hô trong giao tiếp quen thuộc của xã hội truyền thống Trung Quốc đã biến mất, thay vào đó người ta gọi nhau bằng “đồng chí”, nhưng lại mang ý nghĩa là “đồng” tình với “chí” hướng của đảng. “Đồng chí” đã rút sạch thuộc tính tự nhiên của con người, gắn lên cho con người tính chất “tập đoàn”, “đảng phái”, “bang phái”. Cách gọi này có ý lựa chọn rõ ràng, đồng chí nghĩa là thừa nhận tư tưởng của Trung Cộng, tuân theo mục tiêu “cách mạng” của Trung Cộng, phục tùng sự lãnh đạo của đảng, ẩn giấu đảng sau đó là ý đồ khống chế sự tự do của con người. Mọi người cứ tưởng rằng gọi nhau bằng “đồng chí” là thể hiện sự bình đẳng và thân thiết trong “đội ngũ cách mạng”. Nhưng hoàn toàn ngược lại, “đồng chí” khiến cho người ta mất đi ý chí tự do và trở thành công cụ bị thuần phục của đảng, đảng sau sự bình đẳng bề mặt là sự phân biệt đẳng cấp một cách nghiêm ngặt. Điều mà cụm từ “Đồng chí Mao Trạch Đông” phản ánh là quyền uy tuyệt đối, cụm từ “đồng chí Đặng Tiểu Bình” thể hiện địa vị lãnh đạo tất cả, cụm từ “đồng chí Giang Trạch Dân” thể hiện sự thăng tiến vùn vụt của một “nhà âm mưu”. Các cán bộ của Trung Cộng đã bao giờ coi người dân là các “đồng chí” ngang hàng với họ chưa?

Từ xưa, người Trung Quốc rất coi trọng cách xưng hô. Trong “Luận ngữ – Nhan Uyên” có viết rằng, Tể Cảnh Công hỏi Khổng Tử về đạo trị quốc, Khổng Tử nói: “Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con.” (*Quân quân, thắn thắn, phu phu, tử tử*). “Luận ngữ – Tử Lộ” có viết rằng, một lần Tử Lộ hỏi Khổng Tử: “Nếu vua nước Vệ mời thầy về giúp cai trị nước, thầy làm gì trước?” Khổng Tử nói: “Tất phải bắt đầu với việc ‘chính danh’ trước vậy!” “Danh bất chính tất lỗi nói không thuận. Lời nói mà không thuận tất việc chẳng thành. Việc chẳng thành thì tất lẽ nhạc không hưng thịnh. Lẽ nhạc không hưng thịnh thì tất hình

phạt chẳng vào khuôn phép, hình phạt mà không vào khuôn phép thì tất dân sẽ mất phương hướng, không biết phải làm sao.”



Trong quan niệm truyền thống, việc đặt và sử dụng tên phù hợp là xuất phát điểm của “vi chính” (*trị vì đất nước và xã hội*). Cách xưng hô phù hợp (*Ngũ luân: Quân thần, phụ tử, huynh đệ, phu thê, bằng hữu*) đặt con người vào đúng vị trí trong một mạng lưới các mối quan hệ xã hội hình thành một cách tự nhiên, khiến hành vi của con người có một chuẩn tắc mà tuân theo.

Ngôn ngữ không chỉ là biểu hiện bê ngoài của tư tưởng, ngôn ngữ cũng sáng tạo ra hiện thực vật chất. Trung Cộng không những phá bỏ đi hệ thống cách xưng hô dựa trên cơ sở là các luân lý tự nhiên của xã hội truyền thống, nó cũng phá bỏ đi chế độ tôn pháp (những tôn ti trật tự) truyền thống, khiến cho các cá nhân vốn đã xác định vị trí và có trật tự trong xã hội trở thành thành viên của những bang phái, giáo phái không vị trí và vô trật tự.

Các cách xưng hô phong phú bị đơn giản hóa thành “đồng chí”, thực ra là

để phục vụ cho triết học đấu tranh của Đảng Cộng sản. Từ “đồng chí” cũng chỉ trở thành cách xưng hô chủ yếu ở các quốc gia cộng sản tiến hành bạo lực cách mạng. Đặc trưng của cách xưng hô này trong xã hội học là: (1) tính độc lập cá thể kém; (2) quần thể bị phong bế mạnh mẽ; (3) xã hội thiển bao dung; (4) cảm giác bất an khá cao. Trong từ điển của Trung Cộng, nếu anh không phải là “đồng chí” thì là “kẻ thù”, là “kẻ lạc loài”, sẽ trở thành đối tượng của “chuyên chính dân chủ nhân dân”. Trong cuốn Tuyển tập Mao Trạch Đông do Trung Cộng phát hành, mở đầu có đoạn: “Ai là bằng hữu của chúng ta, ai là kẻ thù của chúng ta, đây là vấn đề trọng yếu nhất của cách mạng.” Những nhân sỹ “đảng phái dân chủ” tiếng tăm do Trung Cộng lập ra là “bằng hữu thân thiết” của Trung Cộng về mặt chính trị, Trung Cộng cũng gọi họ là “đồng chí”. “Đối với đồng chí thì phải nồng nhiệt như mùa xuân, đối với kẻ thù thì phải lạnh lùng như mùa đông”. Mọi người sớm đã quen với cái mùi vị chính trị khô cứng của từ “đồng chí”. Bất kể ai đã từng sống ở Trung Quốc đều biết rằng nếu bị Trung Cộng coi là kẻ thù thì sẽ như thế nào. Giữa thế kỷ trước, dù bạn thuộc “thành phần cao” (xuất thân từ “địa chủ”, “phú nông” hoặc gia đình “tư bản”) hoặc là có một chút vấn đề gì đó về lý lịch, nhưng nếu kẻ vốn vẫn khinh thường bạn từ lâu mà gọi bạn một tiếng “đồng chí” thì bạn có thể cảm động đến nỗi toàn thân run rẩy.

Trong đấu tranh chính trị, kẻ thất bại có thể sẽ đổi diện với nguy cơ mất đi tư cách “đồng chí”. Nếu bên thắng cho rằng đối phương chỉ phạm sai lầm, thì cho dù sai lầm nghiêm trọng, kẻ thất bại thông thường vẫn có thể được đứng trong hàng ngũ đảng, hơn nữa tên của họ mặc dù rất ít có cơ hội xuất hiện trên các văn bản chính thức, nhưng trong tình huống không thể tránh khỏi (ví dụ cáo phó) thì trên văn bản chính thức vẫn gọi họ là “đồng chí”. Nếu bên thắng cho rằng tính chất của bên thua còn nghiêm trọng hơn cả phạm sai lầm, thì bên thua thường sẽ bị coi là “phản cách mạng”, bị khai trừ khỏi đảng, từ đó trên văn bản chính thức cũng không được gọi là “đồng chí” nữa. Tương tự, trong chính trị quốc tế của Đảng Cộng sản, có gọi nhau bằng “đồng chí” hay không, phản

ánh việc hai nước vẫn cùng một chiến tuyến hay không.

“Đồng chí” diễn hình không có ý thức cá nhân, cũng không có ý thức công dân xã hội, không đảm nhận được trách nhiệm của một công dân trong xã hội, điều còn lại chỉ là phục tùng cấp trên trong tổ chức bang phái Trung Cộng. Rất nhiều “đồng chí” [hợp lại với nhau] không thể tạo thành một xã hội theo nghĩa thông thường, chỉ có thể trở thành đoàn thể và tôn giáo. Đoàn thể này dùng biện pháp khống chế để trói buộc nhân tâm và nắm giữ chính quyền quốc gia, biến xã hội thành thế hệ khép kín theo kiểu tà giáo. Như vậy, chúng ta không khó lý giải tại sao trong lịch sử của Trung Cộng, trong khi người ta chen nhau vào hàng ngũ “đồng chí”, họ cũng không ngại gì mà đánh người khác thành kẻ địch, để rồi cuối cùng mọi người đều coi nhau như địch.

Cách xưng hô này thông qua hàng trăm nghìn vạn lần ‘gọi-đáp’ trong thực tiễn, có tác dụng ám thị dẫn dụ mạnh mẽ, càng tô đậm hơn cảm giác thừa nhận của người ta đối với tập đoàn Trung Cộng. “Cửu Bình Cộng sản đảng” đã chỉ ra Trung Cộng là tà giáo hại người, cách xưng hô “đồng chí” chính là cách tập đoàn tà giáo này mê hoặc và khống chế tín đồ. Mỗi lần bạn vô thức đáp lại cách gọi “đồng chí” thì chính là đã thừa nhận thân phận của bạn tại giáo phái này, đã gia tăng sự khống chế vô hình của tà linh đối với bạn.

Sau “Cải cách mở cửa”, mặc dù trong các hội nghị và văn kiện chính thức của đảng, chính phủ và nội bộ quân đội, mọi người vẫn gọi nhau theo cách cũ là “đồng chí”, nhưng ngoài xã hội thì bắt đầu giảm dần. Khi xưng hô trong những trường hợp thông thường người ta không còn dùng từ ngữ mang đầy tính chính trị này nữa, mà dùng từ “ông”, “bà”, “cô” hoặc những từ thể hiện tình cảm như bác tài, ông chủ v.v.. Nhưng trong cuộc sống, việc mọi người vẫn thường hay trêu đùa gọi nhau là “đồng chí” vẫn còn ở khắp mọi nơi. Người mẹ gọi cô con gái không chịu nghe lời là “này đồng chí nhỏ, có nghe lời không”, bạn bè khi tụ tập thường nói “nào các đồng chí, cạn ly”, khi nhờ người khác giúp đỡ thường nói “chúng ta cùng là đồng chí cách mạng mà”. Cách gọi này tưởng chừng không có vấn đề gì, nhưng nó lại là phiên bản thâm sâu của việc

ngôn từ của đảng xâm nhập vào cuộc sống của người dân một cách vô thức. Chỉ cần người ta vẫn thích gọi nhau bằng “đồng chí” thì bất kể là có ý thức được hay không, mọi người vẫn chính là đồng lòng với chí hướng của Đảng Cộng sản, là đang duy hộ cho hệ thống ngôn từ của đảng Cộng sản, là đang duy trì chế độ chuyên chế độc tài của Đảng Cộng sản.

VI.2 – NHỮNG TỪ NGỮ ĐIỂN HÌNH CỦA ĐẢNG

Từ “đồng chí” chỉ là một ví dụ về ngôn ngữ quen thuộc của đảng. Ngày nay, hầu hết người Trung Quốc Đại lục từ nhỏ đã sống trong môi trường ngôn ngữ văn hóa đảng, họ đã quen với ngôn từ của đảng đến mức không cảm thấy gì kỳ quặc, cũng không cảm thấy những ngôn từ này có gì không tự nhiên. Nói cách khác, họ còn tưởng rằng mọi người bình thường đều nói như vậy.

Nhưng, sự thật không phải như vậy. Ngôn từ của đảng là do Đảng Cộng sản cố tình tạo ra và truyền bá để xây dựng và duy trì sự thống trị của nó, vì vậy trong những thể chế chính trị không phải Đảng Cộng sản thì người ta không cần thiết sử dụng những từ ngữ này; mà trước khi Đảng Cộng sản xuất hiện, người Trung Quốc cũng chưa từng nói như vậy. Suốt mấy chục năm dưới sự thống trị áp lực cao và bưng bít nhốt nhét, người Trung Quốc đã không chỉ thay đổi phương thức tư duy và thói quen ứng xử, mà còn thay đổi mạnh mẽ hệ thống ngôn ngữ Trung Quốc. Hiện nay, trong ngôn ngữ giao tiếp của người Trung Quốc Đại lục, một phần rất lớn đều là ngôn ngữ đã bị Trung Cộng cải biến hoặc tạo mới, hơn nữa đã trở thành quen miệng.

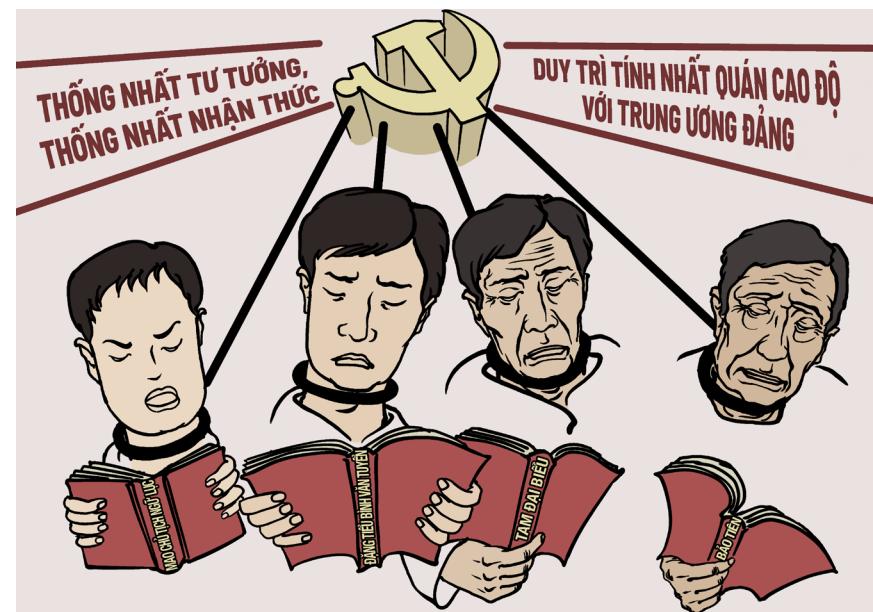
Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích một số ngôn từ rập khuôn điển hình của đảng. Cần nhấn mạnh rằng, những câu từ trong ngôn từ của đảng không nhất định là do Đảng Cộng sản tạo ra, hay là đặc trưng của xã hội do Đảng Cộng sản thống trị. Phàm là những câu từ bị chèn thêm hàm nghĩa đặc định mang màu sắc văn hóa đảng, đồng thời phục vụ cho sự thống trị của Đảng Cộng sản thì đều có thể coi là ngôn từ của đảng. Ví dụ từ “đoàn kết” nghĩa thông thường biểu

thị những cá nhân khác nhau cùng kết hợp lại vì một mục tiêu chung, trong các ngôn ngữ khác cũng có từ mang ý nghĩa tương tự. Nhưng trong triết học đấu tranh của văn hóa đảng, từ “đoàn kết” lại bị phủ lên một hàm nghĩa đặc định. Đối tượng được coi là “đoàn kết” với Trung Cộng, về mặt chính trị thì không thuộc vào cái mà Trung Cộng định nghĩa là “người của mình”, nhưng cũng không thuộc vào kẻ thù của Trung Cộng, ví dụ “đảng phái dân chủ” chính là đối tượng “đoàn kết” của Trung Cộng; cụm từ “khối đại đoàn kết” thường dùng trong văn hóa đảng có hàm ý là “một phần rất nhỏ các phần tử XXX” không nằm trong “khối đại đoàn kết”, vì đó là đối tượng bị đả kích, đấu tranh; Khi Trung Cộng tuyên bố hội nghị XXX của đảng là “một đại hội đoàn kết”, điều đó không có nghĩa là trong hội nghị không có ý kiến bất đồng, mà là lời tuyên bố rằng “Trung ương đảng với XXX đứng đầu” là “người thắng lợi” trong lần đấu tranh chính trị này, kẻ bất đồng ý kiến với “Trung ương đảng” sẽ bị thanh trừng, hoặc ít nhất thì trước mắt sẽ không có cơ hội biểu đạt ý kiến bất đồng. Cũng có nghĩa là, “đoàn kết” trong văn hóa đảng đã bị thêm vào hàm nghĩa đặc định phục vụ cho triết học đấu tranh, vì thế mà bị gọi là ngôn từ của đảng.

VI.2-1 – Tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, báo cáo tư tưởng – các thủ đoạn khống chế tinh thần của tà giáo Trung Cộng

Các cách nói như truyền đạt, lính hội “tinh thần hội nghị XXX”, “thống nhất nhận thức”, “kiên trì đường lối XXX”, đối với người sống trong xã hội bình thường thì đây là điều khó tưởng tượng. Trong một xã hội có nhiều loại người, khác nhau về thân phận địa vị, tư tưởng tín ngưỡng, sở thích, tại sao mọi người phải đi chung một con đường? Tại sao phải thống nhất “nhận thức”, phải truyền đạt, quán triệt tư tưởng XXX? Nho gia thời xưa của Trung Quốc giảng rằng “quân tử hòa nhì bất đồng” (tạm dịch: người quân tử trong giao tiếp thông thường có thể giữ thái độ ôn hòa, nhưng đối với vấn đề cụ thể thì có cách nhìn nhận khác đối phương), Tây phương có câu: “Mọi con

đường đều dẫn đến thành Rome”, đều có nghĩa là phải có thái độ bao dung, tôn trọng các ý kiến và lựa chọn khác với mình, như vậy mới tạo nên một xã hội muôn màu muôn vẻ.



Trung Cộng không ngừng thay đổi lập trường nguyên tắc của mình, không đi con đường thẳng, mà lại đi đường vòng, nó không ngừng thay đổi phương hướng, thậm chí nhiều lần quay trở lại con đường cũ. Nhưng tại mỗi thời khắc lịch sử, Trung Cộng luôn tuyên bố rằng nó đại biểu cho “đường lối” chính xác duy nhất. “Con đường đấu tranh” của Trung Cộng luôn là anh chét tôi sống, tàn nhẫn vô tình, bẩn thỉu vô liêm sỉ, người đi theo “đường lối phản động” sẽ bị hạ bệ một cách bi thảm, kẻ có “đường lối đúng đắn” thì vênh vách hống hách, cho rằng không ai bì nổi.

Mỗi khi Trung Cộng kết thúc một cuộc đấu tranh về đường lối, kẻ chiến thắng sẽ tuyên bố kẻ thua cuộc đã phạm phải sai lầm của “chủ nghĩa XXX”,

là tả khuynh, hữu khuynh, cánh tả, cánh hữu, bề ngoài là cánh hữu mà thực ra là cánh tả, bề ngoài là cánh tả mà thực ra là cánh hữu v.v.. Tóm lại, chỉ có kẻ thắng cuộc là đi trên “con đường Chủ nghĩa Xã hội”. Đối với những người dân thường, nhiệm vụ của họ là làm “báo cáo tư tưởng”, “đề cao nhận thức” – cuối cùng phải vứt bỏ đi nhân cách độc lập của mình, che giấu suy nghĩ chân thực của mình, thừa nhận kẻ thắng cuộc trong cuộc kiên trì đi theo “đường lối đấu tranh”, thể hiện sự trung thành với đảng.

Trong một cuộc hội nghị thông thường đều sẽ ra một nghị quyết. Bởi vì mọi người đều có nhận thức khác nhau đối với cùng một sự việc, hoặc việc gì cần rất nhiều người cùng phối hợp làm, thì mới cần phải họp mặt. Trong hội nghị mọi người trao đổi để thống nhất ý kiến và lập ra nghị quyết, sau hội nghị thì giải quyết sự việc theo nghị quyết đưa ra. Nếu trong hội nghị không thống nhất được ý kiến, thì cuối cùng cũng phải quyết định bằng cách bỏ phiếu. “Kết quả bỏ phiếu” là sự thống nhất các ý kiến khác nhau. Mặc dù các bên có thể không hoàn toàn hài lòng, nhưng đây cũng là cái giá phải trả tất yếu của các cuộc thảo luận dân chủ, người tham gia hội nghị cũng hiểu rõ điểm này. Còn “tinh thần hội nghị” thì không giống như vậy, nó đã tồn tại từ trước lúc họp hội nghị, nó là ý kiến đại biểu cho ý kiến của “Trung ương đảng”, “tổ chức cấp cao của đảng”, không liên quan gì tới ý kiến của người tham gia hội nghị. Người tham gia chỉ có thể “lĩnh hội” tinh thần hội nghị, “truyền đạt” tinh thần hội nghị, “quán triệt”, “kiên trì” tinh thần hội nghị, chứ tuyệt đối không được nghi ngờ, thách thức, phản đối tinh thần hội nghị. Người tham gia hội nghị chỉ là một con rối bị giật dây, cái dây điều khiển con rối đảng sau chính là Trung Cộng. Nếu mọi người có quan điểm khác nhau thì cần phải “nâng cao nhận thức”, cuối cùng đạt đến “thống nhất tư tưởng” với Trung Cộng, phục tùng theo sự khống chế tinh thần của Trung Cộng.

Trong văn hóa đảng, những từ ngữ này đã liên tục bị cưỡng chế sử dụng để trở thành từ ngữ quen dùng của mọi người, cuối cùng hình thành nên phản xạ có điều kiện trong tiềm thức của mọi người, khiến cho người ta

không thể ý thức được rằng mình đã bị biến thành cái vỏ trống rỗng, không còn tư tưởng tự do nữa.

VI.2-2 – Lãnh đạo, đơn vị, tổ chức, hồ sơ, thẩm tra chính trị, hộ khẩu – hình thức tổ chức giám sát chặt chẽ

Ngày nay, trong những từ ngữ thịnh hành của giới trẻ, từ “lãnh đạo” ngày càng được nhiều người dùng để chỉ “bà xã”. Chúng ta thường nghe thấy ai đó khi không quyết định được việc gì nói, “việc này phải về nhà hỏi lãnh đạo đã”. Điều này cho thấy từ “lãnh đạo” trong văn hóa đảng có phạm trù ý nghĩa rất rộng. Trong xã hội bình thường cũng có “lãnh đạo” – như ông chủ, chủ quản, giám đốc, v.v., nhưng lĩnh vực quản lý của họ chỉ trong phạm vi nghiệp vụ, phản đối lãnh đạo thì hậu quả xấu nhất cũng chỉ là bị “sa thải”. Nhưng trong văn hóa đảng, phạm vi quyền hạn của “lãnh đạo” rất lớn – gần như những việc mà “bà xã” có thể quản lý, thì “lãnh đạo” đều muốn nhúng tay vào, lãnh đạo có thể quản cả những việc mà vợ có muốn quản cũng không được, từ việc thăng chức, tăng lương đến việc kết hôn, ly hôn, sinh con, cho con đi học, v.v.. Phản đối “lãnh đạo” thì không chỉ mất miếng ăn, mà còn có thể phải đối mặt với sự “trừng phạt”, không những không ngẩng mặt lên được trước mặt đồng nghiệp, mà còn có thể bị thêm hồ sơ đen vào trong lý lịch, đi đến đâu cũng không thoát khỏi.

“Lãnh đạo” sở dĩ có thể quản lý mọi việc, nguyên nhân chủ yếu là do trong xã hội do Trung Cộng thống trị, mọi người phải sống trong các “đơn vị” suốt một thời gian dài. Tất cả những nhu cầu cơ bản như sinh, lão, bệnh, tử, ăn ở, đi lại, đều phải thông qua “đơn vị” giải quyết, hoặc cần “đơn vị” xác minh. Trong “đơn vị”, mỗi người đều có một cuốn “sổ bí mật ghi chép mọi việc tốt xấu” gọi là “lý lịch”, trong đó ghi rõ lai lịch của một người từ khi là học sinh đã đạt những thành tích gì, quá trình trưởng thành, quá trình bị chụp mũ chính trị cho đến khi được bỏ mũ chính trị, đến “vấn đề tác phong

sinh hoạt"... dường như không việc gì là không được ghi chép lại trong lý lịch. Một người nếu muốn "thuyên chuyển" khỏi "đơn vị" nào đó thì phải được "đơn vị" chấp nhận "thuyên chuyển", nếu "lãnh đạo" của đơn vị đó không chấp nhận thì có thể giữ "lý lịch" không cho đi. Điều khủng khiếp nhất là người bình thường không được phép xem "lý lịch", vì vậy hồ sơ này vĩnh viễn được giữ bí mật, người ta cũng không biết "lãnh đạo đơn vị" thêm thắt gì vào đó. Còn có một quá trình liên quan chặt chẽ đến "lý lịch" đó là "thẩm tra chính trị", trong quá trình này "lãnh đạo" có thể chọn đọc và thẩm tra tất cả ghi chép về những hoạt động xã hội trong quá khứ của ai đó, khi cần còn có thể cử người đến các "đơn vị cũ" để xác minh, mục đích là kiểm tra "sự trung thành với đảng" của người đó, trực tiếp quyết định việc người đó có thể được thăng chức hoặc là tham gia các "nhiệm vụ quan trọng" hay không.

Nhờ có "đơn vị", đảng chỉ cần đảm bảo rằng "lãnh đạo" "đơn vị" nằm dưới sự khống chế của mình thì nó có thể dễ dàng khống chế mỗi cá nhân trong xã hội.

Cơ cấu mà Trung Cộng phái vào các "đơn vị" làm đại diện là tổ chức (ví dụ như đảng bộ, chi bộ ...). Trong các bộ phim "chủ đề lịch sử cách mạng", nhân vật thường vui mừng phát khóc và nói rằng: "Cuối cùng đã tìm thấy tổ chức rồi." Hiện nay người ta cũng thường nói như vậy khi trêu đùa nhau. "Mất liên lạc với tổ chức" là việc rất đáng sợ. "Có việc gì hãy tìm tổ chức" là cách suy nghĩ giải quyết vấn đề của người Trung Quốc. "Tin vào tổ chức, tin vào đảng", "tổ chức sẽ đưa ra kết luận", "tổ chức sẽ làm rõ sự việc" là những câu nói mà người Trung Quốc thường nói để tự an ủi mình. "Có tổ chức" thường đi với "có kế hoạch, có dự kiến". "Pháp Luân Công có tổ chức" là một tội danh. "Tổ chức" thể hiện quyền lãnh đạo tối cao vô thượng. "Tổ chức đảng" là cơ quan chỉ huy đấu tranh với kẻ thù, là "pháo đài chiến đấu kiên cường". Cảm giác thuộc về đâu, cảm giác cô độc, cảm giác an toàn, cảm giác không an toàn, cảm giác tin tưởng, cảm giác tuyệt vọng, cảm giác sùng bái, cảm giác tội lỗi v.v. đều bị đảng ép nhập vào trong từ "tổ chức" này. "Đồng

chỉ" là cá thể cấu thành nên "tổ chức". "Đảng" chia xã hội thành các "đơn vị", để thuận tiện dùng các "tổ chức" mà phụ thể bám trên cơ thể của xã hội trên mọi phương diện.

Ngoài ra, Trung Cộng còn giám sát xã hội thêm một bước nữa bằng "hộ khẩu". "Hộ khẩu", "giấy tạm trú" cũng giống như "thẻ xanh", "visa công việc ngắn hạn" ở các nước phương Tây, chỉ khác là đối tượng hạn chế là công dân trong nước. Điều này đúng là sự giấu cốt đối với việc chính quyền Trung Cộng ký kết "tuyên ngôn nhân quyền thế giới." (*Trong đó điều thứ 13 quy định: "Con người có quyền tự do đi lại và cư trú tại quốc gia"*)



Tóm lại, một loạt những ngôn từ của đảng như "lãnh đạo", "đơn vị", "tổ chức", "điều lệnh", "điều động", "hồ sơ", "thẩm tra chính trị", "hộ khẩu", "giấy tạm trú" v.v. đã phản ánh đặc trưng cuộc sống bị tổ chức tà giáo Trung Cộng giám sát chặt chẽ của người ta. Chúng luôn luôn nhắc nhở mọi người một sự thật cơ bản rằng: Phổ thiên chi hạ, mạc phi đảng thổ (*dưới bầu trời này, không đâu không phải là đất của đảng*), những ai đứng "ngoài thể chế" thì gần như không còn đường sống. Trong xã hội truyền thống Trung Quốc, người làm cho dù đắc tội với ông chủ, không chịu được thì còn có thể về nhà tự trồng trọt nuôi bản thân; kể cả có đắc tội với hoàng đế cũng vẫn còn có thể

mai danh ẩn tích, bỏ trốn đến chân trời góc bể. Nhưng trong xã hội bị Trung Cộng khống chế chặt chẽ, “đơn vị”, “điều động”, “lý lịch”, “hộ khẩu” v.v. khiến cho họ không thể trốn đi đâu được nữa. Mặc dù hiện nay “đơn vị”, “điều động” đã dần dần nhạt nhòa trong cuộc sống của người dân, nhưng mô thức tư duy văn hóa đảng đã thành hình trong đầu não người ta, do vậy tư duy văn hóa đảng sinh ra từ mô thức ấy vẫn như những âm hôn còn lảng vảng, ví dụ “làm trái với đảng sẽ không có kết cục tốt đẹp”, “đảng cho tôi cơm ăn”, “đảng bồi dưỡng tôi trở thành người XXX”, v.v.

VI.2-3 – Tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, hiệu triệu, chiến sỹ thi đua, cấp trên, đại biểu, ủy ban – kết cấu tổ chức phân chia đảng cấp nghiêm ngặt

Xã hội Trung Cộng được xây dựng dựa trên một kết cấu tổ chức có tính thứ bậc nghiêm ngặt. Ở đó, ý chí của “đảng” là tối cao, do vậy chính sách của đảng không cần thảo luận và cũng không thể thảo luận, mọi người chỉ có thể “tuyên truyền”, “quán triệt”, “chấp hành”, hơn nữa “hiểu thì phải chấp hành, không hiểu cũng phải chấp hành, trong khi chấp hành sẽ hiểu rõ hơn”. Một nền văn hóa tốt đẹp được truyền bá bằng cách cảm hóa con người. Trung Cộng mặc dù hô hào rằng nó “phục vụ nhân dân”, “lấy dân làm gốc”, nhưng lại không thực sự vì lợi ích của nhân dân, vì vậy những chính sách nó đưa ra luôn đi ngược lại với lợi ích căn bản của dân, thế nên mới cần phải “tuyên truyền”, “hiệu triệu” người dân làm cái này làm cái kia. Những kẻ tích cực làm theo những lời “tuyên truyền”, “hiệu triệu” của nó, những người không có suy nghĩ độc lập, bọn họ được phong là “chiến sỹ thi đua”, là “đội quân danh dự”, nhưng thực ra chỉ là những “cái định ốc” thấp kém nhất trong xã hội phân chia giai tầng này mà thôi. Những lời “tuyên truyền”, “hiệu triệu” của Trung Cộng dùng bạo lực làm hậu thuẫn, dùng lợi ích làm miếng mồi, dùng lừa gạt làm thủ đoạn. Điều cần “quán triệt, chấp hành” là ý chí của Trung Cộng,

không có quan hệ gì với việc rốt cuộc nêu làm gì. Nếu có thành tích, thì nghĩa là đã nỗ lực “quán triệt, chấp hành” theo đảng, nếu xảy ra sai sót, gây ra sự cố, thì đó là vì không nỗ lực “quán triệt, chấp hành”, hoặc là kết quả của việc “giáo điều hóa phương châm, chính sách của đảng”, dù sao thì phương châm của đảng chính là “chân lý”.

Bên trên “đơn vị” thì có “đơn vị cấp trên”, bên trên lãnh đạo có “lãnh đạo cấp trên”, cuối cùng cao nhất là “Trung ương Đảng”. Văn kiện “trung ương”, “tinh thần hội nghị” truyền đạt xuống đến cấp nào, cấp nào được phép tiếp xúc với những thông tin nước ngoài nào, được hưởng điều gì, đều có quy định nghiêm ngặt. “Trung ương Đảng” là hiện thân của “chân lý”, “cấp trên” gần với “Trung ương Đảng” hơn “cấp dưới”, cũng có nghĩa là tiếp cận gần với “chân lý” hơn. Vì thế “cấp trên” xuống thăm “đơn vị cấp dưới” là đại biểu cho ý chí của đảng, gọi là “chỉ đạo”, “thị sát”, “thăm hỏi”, “đơn vị cấp dưới” phải ghi chép “tinh thần buổi nói chuyện”, phải “xin chỉ đạo”, “báo cáo”. Mặc dù có lúc từ thiện như “ngài cấp trên” (thủ trưởng), “anh cấp dưới” vẫn được dùng để biểu đạt mối quan hệ thân thiết giữa người với người, nhưng điều này không xóa bỏ được sự phân biệt đảng cấp giữa họ, giữa “cấp trên” và “cấp dưới” vẫn có sự ràng buộc, đó là “đảng” tối cao.

Trong xã hội bình thường, mọi người thông qua lựa chọn đại biểu nhân dân (ví dụ nghị viên) để tham gia vào quản lý xã hội, phát biểu ý kiến, dân chúng có thể tự do trao đổi ý kiến với đại biểu nhân dân bất cứ lúc nào. Nếu đại biểu được bầu ra không thể làm tròn chức trách khiến mọi người hài lòng thì dân chúng vẫn có thể bãi miễn họ trước nhiệm kỳ. Nhưng trong xã hội phân chia đảng cấp nghiêm ngặt của Trung Cộng, không phải ai cũng có cơ hội biểu đạt ý kiến của mình, Trung Cộng ở bên trên thường hô to rằng: Tôi đại biểu cho quần chúng nhân dân... nhưng quần chúng nhân dân không hề bảo Trung Cộng làm đại biểu. Trung Cộng tìm những người công khai thể hiện bất đồng ý kiến với nó và tách khỏi “quảng đại quần chúng nhân dân”, gọi họ là “thiểu số” để tấn công gay gắt, sau đó tự tuyên bố rằng mình đại biểu cho “quảng đại quần

chúng nhân dân”. Trung Cộng đã “thay mặt nhân dân” giết hại hàng trăm vạn người có tài sản trong “nhân dân” (“địa chủ”, “phú nông”, “nhà tư bản”), cũng “thay mặt nhân dân” bỏ đói hàng chục triệu người không có quyền thế trong “nhân dân” (như “nạn đói” do “Đại nhảy vọt”). Xã hội Trung Quốc cũng có “Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc” làm mặt tiền cho Trung Cộng, nhưng họ không phải được tuyển cử trực tiếp từ dân chúng, mà chức năng chủ yếu của họ là “đại biểu” cho Trung Cộng chứ không phải đại biểu cho nhân dân, mục đích tồn tại thực sự của họ chính là để “giơ tay đồng ý” với các quyết sách của Trung Cộng, tô vẽ cho bản chất độc tài của Trung Cộng.

Trong chế độ đảng cấp Trung Cộng, các kiểu “Ủy ban xxx”, “Văn phòng xxx” là những thực thể đặc quyền trực tiếp nghe theo mệnh lệnh cấp cao của Trung Cộng. Ví dụ trách nhiệm của “Ủy ban Chính trị và Pháp luật” của Trung Cộng nghe nói là “chỉ đạo và điều hành vĩ mô công tác chính trị và pháp luật”, “thống nhất tư tưởng và hành động chính trị pháp luật của các cơ quan, đảm bảo hoạt động chấp hành pháp luật của các bộ ngành chính trị và pháp luật luôn kiên trì đi theo phương hướng chính trị đúng đắn”. Lẽ ra bộ phận tư pháp, hành pháp vốn chỉ cần thực hiện nghiêm túc theo quy định pháp luật, ở các quốc gia pháp trị đều như vậy, cần gì phải “thống nhất tư tưởng”, “kiên trì phương hướng” về pháp luật? Thực ra chức trách của “Ủy ban Chính trị và Pháp luật” chính là đảm bảo khi hoạt động pháp luật bình thường và “lợi ích của đảng” phát sinh xung đột, thì cơ quan này sẽ kiên trì theo “đảng tính” chứ không phải kiên trì nguyên tắc pháp luật. Tương tự, sự thành lập của “Phòng 610” chính là để vận dụng những thủ đoạn vượt trên pháp luật để đối phó với đoàn thể tín ngưỡng Pháp Luân Công (nếu không chỉ cần công an, viện kiểm sát, tòa án là đủ, hoàn toàn không cần thành lập “Phòng 610”). Một ví dụ nữa là “Ủy ban Kế hoạch hóa Gia đình”, “Phòng Kế hoạch hóa Gia đình” có quyền bắt người, khám nhà, cưỡng chế đặt vòng, phá thai v.v.

Khi người ta đã quen với các ngôn từ của đảng như tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, hiệu triệu, chiến sỹ thi đua, cấp trên, đại biểu, ủy ban, thì

thực tế đang củng cố cơ cấu tổ chức phân chia đảng cấp nghiêm ngặt mà Trung Cộng xây dựng, khiến nó dễ dàng từ cái đỉnh của kim tự tháp — “trung ương” mà khống chế toàn xã hội.



VI.2-4 – Phấn đấu, tự kiểm điểm, đấu tranh, phê bình và tự phê bình – kích động đấu tranh tiếp năng lượng cho “đảng”

Trong đoạn kết bộ phim “Thị trấn Phù Dung”, Vương Thu Xá một tên điên vừa đi gõ chiêng vừa hô lớn “Vận động rồi! Vận động rồi!”, cái giọng khàn khàn của hắn vang lên suốt cả ngày khiến người ta phải ghê rợn. Từ “Dẹp nhóm AB” (*Một nhóm trong Quốc dân Đảng chủ trương chống lại Trung Cộng, được thành lập vào tháng 12 năm 1926 ở Giang Tây*), “Cuộc chỉnh phong tại Diên An”, “Trấn phản”, “Tam phản”, “Ngũ phản”, “Túc phản”, “Phản hữu”, “Vận động Tứ thanh”, “Đại Cách mạng Văn hóa”, “Phê phán Nho giáo”, “Phê phán Lâm Bưu và Khổng Tử”, “Phản kích lật đổ phe cánh hữu”, “chống ô nhiễm tinh thần”, “chống lại tự do hóa của giai cấp tư sản” đến “trấn áp bạo loạn phản cách mạng”, “chống lại Pháp Luân Công”... . Từ ngày Trung Cộng ra đời, nó liên tục tiến hành các cuộc “vận động”, đấu tranh không ngừng nghỉ. Triết học đấu tranh là cơ sở lý luận để Trung Cộng cướp đoạt chính quyền, cũng là phương thức sinh tồn tà giáo của Trung Cộng, không ngừng đấu tranh có thể đào thải những kẻ chống đối, bồi dưỡng “đảng tính” cho các đảng viên, bổ sung năng lượng cho đảng. Những từ ngữ của đảng mà mọi người quen dùng bao gồm: đấu tranh giai cấp, đấu tranh đường lối, đấu tranh tư tưởng, đấu tranh tinh thần, đấu tranh sống còn, đấu tranh chống kẻ thù, một cuộc đấu tranh..., lực lượng dựa vào để đấu tranh, đối tượng đả kích của đấu tranh, “lấy đấu tranh để giữ đoàn kết thì đoàn kết còn, lấy nhượng bộ để giữ đoàn kết thì đoàn kết vong” (*Mao Trạch Đông*).

Bị ảnh hưởng bởi ngôn từ của đảng, trong từ vựng của người Trung Quốc ngày nay, người ta đã coi đấu tranh là trạng thái bình thường của xã hội một cách không tự biết. Ví dụ khi người ta phải nỗ lực làm việc gì đó, họ thường quen dùng từ phấn đấu. “Phấn đấu vì ...”, “sau bao nhiêu năm phấn đấu, cuối cùng tôi đã...”, “phấn đấu thì sẽ phải có hy sinh, chết người là việc thường

xuyên xảy ra.” Người bình thường muôn làm gì chỉ cần nỗ lực là được, sao lại phải đấu? Một ví dụ nữa, trong cách dùng từ của rất nhiều người Trung Quốc, “thỏa hiệp” bị coi là mang nghĩa tiêu cực, nó luôn được liên

hệ với “đầu hàng”. Nhưng “thỏa hiệp” vốn là một từ trung tính. Trong các cuộc đàm phán về chính trị, kinh tế, đến cuối cùng thì các bên tham gia đều phải nhượng bộ, thỏa hiệp mới có thể đạt được kết quả đàm phán. Trong xã hội quốc tế, khi hai bên này sinh xung đột không chịu nhượng bộ thì kết quả luôn là chiến tranh, đổ máu, vì vậy trước tiên phải cam kết vứt bỏ vũ lực, chủ động nhượng bộ, thỏa hiệp và thúc đẩy hòa giải xung đột, thậm chí bên hòa giải còn được đề cử giải “Nobel hòa bình”. Nhưng trong văn hóa đảng, đấu tranh được coi là “động lực của sự phát triển lịch sử”, còn “thỏa hiệp” là xoa dịu mâu thuẫn, “cản trở” tiến bộ lịch sử, vì vậy nó có ý nghĩa tiêu cực.

“Tự kiểm điểm”, “phê bình và tự phê bình” là thủ đoạn triết khai đấu tranh của Trung Cộng. Phải nói rõ rằng, “tự kiểm điểm”, “tự phê bình” trong văn hóa đảng Trung Cộng hoàn toàn khác với “tự xem lại mình” ở văn hóa truyền thống. Tự xem lại mình là quá trình tự giác tu chính lại bản thân, lấy tiêu chuẩn tham chiếu là giá trị đạo đức truyền thống (trên thực tế cũng là tiêu chuẩn giá trị phổ quát), như “nhân lễ nghĩa trí tín”, mục đích là đạt được sự thăng hoa của tinh thần, sự thuần túy của nội tâm, vứt bỏ những dục vọng và truy cầu thấp hèn; còn “tự phê bình” hay “tự kiểm điểm” của Trung Cộng lại là thủ đoạn đấu tranh, mục đích của nó là “thống nhất tư tưởng”, triển khai đấu tranh, thanh trừng kẻ chống đối, tiêu chuẩn tham chiếu là giáo



điều của Trung Cộng. Nhưng do giáo điều của Trung Cộng không ngừng cải biến, “hôm nay đảng sẵn sàng vứt bỏ lập trường nguyên tắc đang được tuyên truyền hôm qua, và ngày mai, có thể đảng lại có một lập trường nguyên tắc mới, những việc như vậy đã có quá nhiều” (Trích *Cửu Bình Cộng sản đảng*), vì vậy tiêu chuẩn tham chiếu này trên thực tế đã trở thành tiêu chuẩn đo lường mức độ trung thành đổi với đảng, điều kiện trước tiên là “đảng luôn đúng, phân sai luôn thuộc về mình”. Vì vậy người “tự kiểm điểm” phải bê cong quan sát của mình, thông qua tự kiểm điểm để tăng thêm cho mình một tội, lấy đó để thể hiện lòng trung thành đổi với đảng một cách tuyệt đối. Mục đích cuối cùng của “tự kiểm điểm”, “tự phê bình” không phải là tự giác làm trong sạch tâm linh của chính mình, mà là làm biến dạng tâm linh của bản thân vì một loại lợi ích chính trị hoặc lợi ích vật chất nào đó, cho đến khi qua được “sự quan sát, khảo nghiệm của đảng”.

Mặt khác, “tự phê bình” trong cuộc sống thực tế là để “phê bình (người khác)”. Tuyệt đại bộ phận người Trung Quốc đều quen với cảnh này: “Trong buổi sinh hoạt đảng”, đảng viên sẽ nói mấy câu kiểu như là bản thân “tính cách nóng vội, phương pháp làm việc cần phải cải tiến”, sau đó sẽ quay ngoắt chủ đề, bắt đầu một tràng lê thê phê bình, công kích người khác. Đặc điểm này là hướng ngoại tìm, kích động người ta công kích lẫn nhau.

Những ngôn từ của đảng này đã làm thay đổi rất nhiều tư tưởng hành vi của con người một cách âm thầm lặng lẽ. Người Trung Quốc đã quen với ngôn từ của đảng, thì tự mình sẽ “lấy đầu tranh làm niềm vui” trong cuộc sống, và lấy những thủ thuật cẩn bã kẽ lừa người dối để làm hại người khác trong văn hóa cổ đại Trung Quốc ra để ứng dụng thêm, truyền thống “dĩ hòa vi quý” của Trung Quốc đã bị biến đổi thành kiểu “đầu tranh nội bộ” trong văn hóa đảng.

VI.3 – TRUNG CỘNG DÙNG NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG^[1] ĐỂ THIẾT LẬP LẠI CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

Cái mà chủ nghĩa Marx khởi xướng không phải để hiểu rõ về thế giới, mà là dùng bạo lực để cải biến thế giới. Nhưng khi một kiểu lý luận tự thi nhì phi (như đúng mà là sai) kích động được sự cuồng nhiệt của quần chúng, thì sẽ biến thành hành động bạo lực phi lý tính. Do vậy, từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản luôn rất coi trọng lý luận và ngôn ngữ để truyền đạt lý luận. Có thể nói ngôn ngữ là một trong những công cụ quan trọng nhất của Trung Cộng để “cải biến” thế giới.

Trung Cộng đang “cải thiện hoán địa” ở Trung Quốc, thay đổi hoàn toàn chế độ chính trị và kết cấu xã hội của Trung Quốc, thay đổi tín ngưỡng tinh thần, tập quán tư duy và phong cách sinh hoạt của người Trung Quốc, một trong những công cụ mà nó sử dụng, chính là ngôn ngữ – một mặt diệt trừ ngôn ngữ của con người truyền thống bình thường, mặt khác tạo ra ngôn từ của đảng hoặc biến ngôn ngữ đời thường thành ngôn từ của đảng, sau đó nó lại dùng ngôn từ của đảng để ước chế ép khuôn cuộc sống người Trung Quốc. Trong phần này chúng tôi dùng bảng biểu để liệt kê một số ngôn từ của đảng thường gặp, nhằm giúp bạn đọc có một sự hiểu biết trực quan đối với những ngôn từ của đảng xuất hiện ở mọi nơi mọi lúc mà người ta đã quá quen đến mức không thể nhận ra, sau đó luận bàn sâu hơn về việc ngôn từ của đảng đã thiết lập lại cuộc sống của người Trung Quốc như thế nào từ một số phương diện như thể chế chính trị, đời sống tinh thần và không gian riêng tư cá nhân.

VI.3-1 – NHỮNG NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG QUEN THUỘC ĐẾN MỨC KHÓ MÀ NHẬN RA

Trong xã hội Trung Quốc hiện đại, ngôn từ của đảng xuất hiện phổ biến trên

[1] Người dịch: bản gốc là “đảng thoại”, chữ thoại trong quan thoại, bạch thoại. “Đảng thoại” có thể hiểu là ngôn ngữ đảng, lời của đảng, từ ngữ của đảng, ngôn từ của đảng, ở đây người dịch chọn dùng từ “ngôn từ của đảng”

mọi lĩnh vực như tín ngưỡng tinh thần, thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, tư tưởng tình cảm cá nhân. Thông qua nó, Trung Cộng đã thể hiện đầy đủ bản chất tà giáo, lịch sử bạo lực, các thủ đoạn chính trị trong “vận động tri quốc” và “lưu manh tri quốc”, sự khống chế nghiêm ngặt đối với xã hội và tư tưởng con người, chế độ phân chia đảng cấp nghiêm ngặt, bóp méo và xuyên tạc sự thật lịch sử, bôi nhọ và vu tội cho các tín ngưỡng chân chính và xã hội nhân loại bình thường. Ngôn từ của đảng đã tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh, bao trùm mọi phương diện cuộc sống của người Trung Quốc.

Hãy xem bảng dưới đây (Bảng 1):

DANH XUNG	ĐỒNG CHÍ, LÃNH ĐẠO, CẤP TRÊN, BÍ THƯ, THƯ KÝ, CHIẾN HỮU, ÁI NHÂN
Thời kỳ lịch sử	Giải phóng, dựng nước, trước giải phóng, sau giải phóng, xã hội cũ, Trung Quốc mới, Xã hội Nô lệ, Xã hội Phong kiến, nửa Phong kiến nửa Thực dân, chiến tranh giải phóng, ba năm thiên tai, Đại Cách mạng Văn hóa, những năm tháng hoang đường, cải cách mở cửa, thời kỳ đổi mới, từ hội nghị lần thứ 3 đại hội toàn quốc lần thứ 11 cho đến nay, giao mùa xuân hạ năm 1989, mùa xuân năm 1992.
Xuất thân gia đình	Bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ; lũ cẩu tể (chó má); hắc ngũ loại (năm thành phần xấu xa); hồng ngũ loại (năm thành phần cách mạng), xuất thân tốt, duy thành phần luận; cha anh hùng, con hảo hán; xuất thân gia đình thuộc giai cấp bóc lột; lấy xuất thân giai cấp làm tiêu chuẩn đánh giá tốt xấu.
Thân phận cá nhân	Đảng viên, đoàn viên, đội viên, quần chúng, phản tử tích cực, đảng phái dân chủ, nhân sỹ yêu nước không đảng phái.
Định vị cá nhân	Tôi cống hiến cả cuộc đời cho đảng, tôi lớn lên ở nước Trung Quốc mới; tôi là thế hệ lớn lên dưới lá cờ đỏ; tôi được đảng một tay bồi dưỡng trưởng thành.

Cấp bậc thâm niên	Lão thành cách mạng, hồng quân cũ, thủ trưởng, cấp trên, anh ta có tư cách tốt hơn tôi, cán bộ về hưu, lãnh đạo nòng cốt đời thứ x, cán bộ lão thành đã từng tham gia kháng chiến trường kỳ, nhà cách mạng giai cấp vô sản.
Danh hiệu vinh quang	Chiến sỹ thi đua, đội quân danh dự, đảng viên ưu tú, đoàn viên ưu tú, đơn vị cờ đỏ, người con ngoan của đảng, người chiến sĩ giỏi của đảng, cán bộ tốt của đảng, nhà sản xuất tiên tiến, tôn vinh phụ nữ ngày 8-3, tay đột kích trưởng chinh mới, anh hùng lao động ngày 1-5.
Lý tưởng	Chủ nghĩa cộng sản, thiên đường nhân gian, xã hội no ấm, cùng hưởng sung túc, xã hội hòa bình, lấy đức trị quốc, cờ đỏ tung bay toàn thế giới, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.
Tư tưởng	Hoài nghi tất cả, mọi sự vật đều có hai mặt đối lập, sự thống nhất của hai mặt đối lập; thấy một mà hiểu hai, nhìn (sờ) qua là biết bản chất; thực sự cầu thị; phân tích tình hình; chân lý sáng tỏ nhờ tranh luận; anh không đánh thì hắn không chịu lùi; vứt bỏ ảo tưởng sẵn sàng đấu tranh; sức mạnh của các tấm gương là vô song chưa điều tra thì chưa có quyền phát ngôn; vũ khí phê phán không thể thay thế cho sự phê phán bằng vũ khí, không quét sạch bụi bẩn thì bụi bay lên khiến chúng ta phải chạy (<i>không dẹp sạch bọn phản động thì chúng sẽ phản lại ta</i>); thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý; mèo đen mèo trắng không quan trọng, miễn bắt được chuột đều là mèo tốt.
Tình hình trong nước	Thay đổi diện mạo; khắp nơi chim hót tưng bừng; cuộc đại loạn đã được lập lại trật tự; đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác; tình hình rất tốt, lại còn ngày càng tốt hơn.
Tình hình quốc tế	Nghiêng về một phía; diễn biến hòa bình; chủ quyền cao hơn nhân quyền; Trung Mỹ nhất định có chiến tranh; cây muối lặng mà gió chẳng ngừng; bạn bè chúng ta ở khắp năm châu;

	chủ nghĩa bá chủ và chính trị bạo quyền; Chiến tranh thế giới thứ 3 là không thể tránh khỏi; thế lực phản động người Hoa có chết hết thì chúng ta mới sống; hòa bình và phát triển là chủ đề của thế giới ngày nay; không phải lực lượng cách mạng áp đảo thế lực phản cách mạng, mà là ngược lại; chủ nghĩa đế quốc và tất cả thế lực phản động đều là lũ hổ giấy; chỉ có giải phóng toàn nhân loại thì giai cấp vô sản mới có thể được giải phóng thực sự.
Khởi nguồn bạo lực của đảng	Lấy vũ trang công nông làm cơ sở, chính quyền được lập nên từ nòng súng, làm cách mạng từ hai con dao nhỏ, “cách mạng chính là bạo động, là hành động tàn bạo của một giai cấp này lật đổ một giai cấp khác”
Đảng là nhất quán và chính xác	Nhìn về phía trước, xác định tư tưởng [trước hội nghị], đóng phí, lập lại trật tự, một cơn ác mộng, rút kinh nghiệm xương máu, sinh tử tồn vong, cứu lấy cách mạng cứu lấy đảng, luôn nhất trí với trung ương đảng, nghị quyết những vấn đề lịch sử trọng đại.
Đảng có lập trường độc lập	Đi ngược lại trào lưu, tạo phản có lý, phải tính món nợ chính trị, thà lấy kẻ vô văn hóa của chủ nghĩa xã hội chứ không lấy kẻ có văn hóa của chủ nghĩa tư bản, cái gì mà kẻ thù phản đối thì chúng ta phải ủng hộ, cái gì kẻ thù ủng hộ thì chúng ta phản đối.
Đảng tàn khốc vô tình	Nắm đấm thép, chuyên chính giai cấp vô sản, tiêu diệt từ trong trứng nước.
Đảng “khoan dung độ lượng”	Sát hạch, sửa lại kết luận sai, cải chính, kết luận, chứng thực chính sách, phát bù lương, sắp xếp công tác, xử lý khoan hồng, giữ lại để đảng xem xét, giao nộp cho tổ chức, cảnh cáo nghiêm khắc trong đảng, giữ lại những đảng viên đã bị khai trừ khỏi đảng, thật thà được khoan hồng, chống cự bị nghiêm trị.
Đảng có tình người	Trao tình thương, xuống cơ sở (quan tâm đến người dân), làm việc thực chất, giải quyết mọi khó khăn, đi sâu vào quần chúng, phụng sự nhân dân, thực hành chủ nghĩa nhân đạo cách mạng.

Đảng “quyết tâm sửa sai”	Chính đốn đảng, đảng phải quản đảng, thắt chặt kỷ luật đảng, chống tham nhũng, làm trong sạch đảng và nhà nước, nghiêm túc tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm.
Đảng quyết không rời khỏi vũ đài lịch sử	Không dao động, kiên trì lãnh đạo của đảng, để phòng diễn biến hòa bình, giang sơn màu đỏ vĩnh viễn không đổi màu, giang sơn của đảng được đánh đổi bằng sinh mệnh của hàng chục triệu người, giết 20 vạn người để đổi lấy hai mươi năm ổn định.
Văn kiện và hội nghị đảng	Phát biểu, báo cáo, hội nghị sửa chữa khuyết điểm, hội nghị giải quyết mâu thuẫn, hội nghị thảo luận, văn kiện trung ương, văn kiện của đảng, chỉ thị của cấp trên, tinh thần của trung ương, ý muốn của lãnh đạo, tiếng nói của trung ương đảng, đại hội đảng toàn quốc lần thứ x.
Kinh tế	Quốc doanh, chờ việc, thôi việc, rút lui nội bộ, đại nhảy vọt, tăng vọt sản lượng, đội sản xuất, chế độ bao cấp, chế độ hai giá, công tư hợp doanh (hình thức kinh doanh do nhà nước và tư nhân cùng góp vốn), công xã nhân dân, một bình ổn hai điều tiết, kinh tế kế hoạch, đặc khu kinh tế, về ưu đãi sức, chế độ sở hữu tập thể.
Quân sự	Tổng chính trị, tổng tham mưu, vượt chiến tuyến, đảng chỉ huy nòng súng, chủ tịch quân ủy, lực lượng hùng hậu vững mạnh, quân đội nhân dân, tình quân dân như cá với nước, quân đội của nhân dân yêu nhân dân.
Giáo dục	Học công nhân, học nông dân, mở lớp dạy học, vừa hồng vừa chuyên, giỏi chuyên môn nhưng thờ ơ chính trị, bốn đức tính tiêu chuẩn của con người mới, người tiếp nối cách mạng, tiếp thu giáo dục giai cấp, phát triển toàn diện đạo đức, trí tuệ, thể chất, năm lời dạy, bốn đức tính, ba yêu mến, tiến bước đi lên tiếp nối truyền thống của cha ông, chiếc khăn quàng đỏ được nhuộm bằng máu của các chiến sỹ cách mạng đã hy sinh.

Tin tức	Thông tin nội bộ, mẫn cảm, xử bắn, tự hạn chế, định hướng dư luận, miệng lưỡi của đảng, tốt đẹp phô ra xấu xa đê tiện, bộ tuyên truyền trung ương, trung tâm tuyên truyền của đảng, bộ phận thẩm tra cấp trên.
Đấu với Trời Đất	Chống lũ lụt, chống hạn hán, tiêu diệt tứ hại, thay trời đổi đất, bình nguyên nhân tạo, vây hồ thành ruộng, hăng hái làm thủy lợi, khiến núi cao phải cúi đầu, sông sâu phải rẽ lối.
Đấu với người	Xác định, giao nộp, kiểm tra, kiểm thảo, thẩm tra chính trị, chuyên chuyền, sàng lọc, thọc gậy bánh xe, ném thóp, chụp mũ, đánh đập, khai dao từ..., phỏng đại, vạch rõ giới hạn, đường lối sai lầm, anh sống tôi chết, gánh chịu mọi hậu quả từ sai lầm của mình, tạo ra bước đột phá, vùi lén dập xuồng, bới lông tìm vết, suốt đời không ngóc đầu lên được, đấu tranh tàn khốc đàn áp vô tình, kẻ thù không đầu hàng thì phải tiêu diệt chúng; quần chúng rất có mắt (mượn quần chúng để đe dọa kích người bất đồng ý kiến), đe đọa đỗ lại còn giày xéo.
Khẩu hiệu thời đại	“...hãy vùng lên”, “xxx vạn tuế”, “gìn giữ nước nhà”, “công xá nhân dân là tốt”, hăng hái phấn đấu, xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa nhanh chóng vừa tiết kiệm công sức, lấy ... làm cương lĩnh, đường lối chung chính là ngọn đèn soi sáng cho mọi hành động của chúng ta, đả đảo...”, “phản đối chủ nghĩa...”, “học theo tấm gương đồng chí xxx”, tìm thấy cách mạng, thúc đẩy sản xuất, “nghỉ học đi làm cách mạng”, “tiếp tục cách mạng dưới chế độ chuyên chính vô sản, “đội pháo...”, “chuẩn bị chiến tranh, đề phòng mất mùa, vì dân phục vụ, “làm trang trại cho nông nghiệp”, “tinh thần ngày quốc khánh của giai cấp công nhân”, “cùng nhau đoàn kết đánh bại...”, “hãy đoàn kết lại, giành lấy...”, “đoàn kết một lòng hướng về phía trước”, “chủ nghĩa xã hội không có nghèo đói, bần cùng”, “một trung tâm, hai phương hướng cơ bản”, “ba điều cần giảng”, “chiến lược ba bước”, “ba định hướng”, “ba đại biểu”,

	“ba điều có lợi”, “tứ hưu”, “tứ hóa”, “bốn nguyên tắc cơ bản”, “kế hoạch năm năm”, “nền văn minh... chủ nghĩa xã hội”, “nền kinh tế... chủ nghĩa xã hội”, “giai đoạn... chủ nghĩa xã hội”, “chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc”, “tiến hành xxx cho đến cùng”, “xxx áp đảo tất cả”.
Tư tưởng được đảng khuyến khích	Gian khổ cần kiệm, yêu ghét rõ ràng, hiến dâng hết mình, đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, ý thức giác ngộ chính trị cao, dựa vào đảng, tích cực cầu tiến, nghe lời đảng và đi theo đảng, đảng bảo làm gì thì làm nấy, trung với cách mạng trung với đảng, lập trường kiên định ý chí đấu tranh mạnh mẽ, một không sợ khổ hai không sợ chết, quay lưng lại với gia đình thuộc giai cấp bóc lột, nguyện làm con người cần mẫn, trung thành của cách mạng, nguyện làm chiếc đinh ốc trong bộ máy cách mạng, đối với kẻ thù phải tàn khốc vô tình như mùa đông khắc nghiệt, phấn đấu suốt đời vì sự nghiệp chủ nghĩa cộng sản.
Chụp mũ chính trị	Cánh hữu, xã hội đen, công kích tàn bạo, tà giáo, làm chính trị, phản tử tam phản, phá hoại hợp tác hóa, nhà tư bản bất hợp pháp, lịch sử phản cách mạng, phản cách mạng hiện hành, phản đảng phản chủ nghĩa xã hội, tự do hóa giai cấp tư sản, con hiên cháu thảo của giai cấp xx.
Danh từ thường gặp	Đường lối, phương châm, chính sách, phương hướng, nhiệm vụ, chế độ, nòng cốt, lãnh đạo, cán bộ, đội ngũ, nhân dân, quần chúng, kẻ địch, thế lực, bảo chứng, tượng đài, cải cách, giác ngộ, vũ khí, chiến tuyến, tính tổ chức, tính kỷ luật, tính khoa học, đội quân tiên phong, sức chiến đấu.
Động từ thường gặp	Tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, hiệu triệu, động viên, đấu tranh, phấn đấu, chiến đấu, chỉ trích, tổng kết, tiền tiến, thúc đẩy, kiên trì, cải thiện, phát triển, coi trọng, tăng cường, củng cố, giương cao, mất đi, nguy hại, dao động, xây dựng kiện toàn, tăng cường thêm một bước, tăng cường... thêm nữa.

Tính từ thường gấp	(Đảng) vĩ đại, quang vinh, chính xác, (đấu tranh) trường kỳ, gian khổ, phúc tạp, (con đường trải qua) vinh quang, chói lọi, (tinh thần) quả cảm, (gia nhập đảng, hy sinh) vinh dự vẻ vang, kiên quyết (ứng hộ), (lĩnh hội, nhận thức) sâu sắc, (lập trường) vững chắc, tự giác (giữ gìn, ngăn chặn), nghiêm túc (chấp hành), vô cùng (coi trọng), (ý nghĩa) trọng đại, (quan tâm, gấp mặt) thân thiết, khí phách hăng hái, tinh thần chiến đấu sục sôi, kiên định không dao động, quyết đoán nhanh chóng, rầm rộ oanh liệt, ngọn cờ tươi sáng.
--------------------	--

Những từ ngữ trong bảng trên, từ cách xưng hô trong giao tiếp như “đồng chí, lãnh đạo, cấp trên”, cho đến thời kỳ lịch sử “trước giải phóng, sau giải phóng”; từ xuất thân gia đình “bản nông, phú nông, địa chủ”, cho đến cách phân biệt đẳng cấp trong công việc “hồng quân, lão thành cách mạng”; từ các danh từ quen thuộc “đường lối, phương châm, chính sách”, cho đến các động từ thường gặp như “tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, hiệu triệu, động viên” v.v. tất cả đều là sản phẩm của văn hóa đảng. Chỉ cần xem qua một lượt cũng khiến người ta cảm thấy vô cùng áp lực và ngột ngạt.

VI.3-2 – Chế độ chính trị được hình thành trong ngôn từ của đảng

(1) – “Đảng” là nòng cốt của ngôn từ của đảng

“Đảng” là trung tâm của ngôn từ của đảng, những bộ phận khác của hệ thống ngôn từ của đảng đều được xây dựng xung quanh trung tâm “đảng”. Trong ngôn từ của đảng, bất kể có xuất hiện từ “đảng” hay không, chúng ta đều có thể suy luận và phát hiện ra đảng sau nó có bàn tay hắc ám của “đảng”. Ví dụ, từ “đồng chí” không xuất hiện chữ “đảng”, nhưng chúng ta chỉ cần hỏi một câu rằng “đồng lòng theo chí hướng của ai?” thì sẽ phát hiện ra bóng ma Trung Cộng ở đảng sau.

Từ khái niệm “đảng” sinh ra phạm trù “giáo điều của đảng” và “hoạt động của đảng”. “Giáo điều của đảng” là cơ sở lý luận của Đảng Cộng sản và dùng để lừa gạt người dân, chúng ta sẽ nói cụ thể hơn ở chương sau. “Hoạt động của đảng” là cơ chế vận hành của đảng để đảm bảo địa vị thống trị chính trị của nó không bao giờ thay đổi, bao gồm tổ chức, phương châm, chính sách, vận động, nhân viên, kỷ luật và chế độ thưởng phạt v.v.. phương hướng vận động của các quy định xã hội, khống chế tư tưởng và hành vi của con người một cách toàn diện, tạo thành mảnh đất văn hóa đảng lớn mạnh, hòa tan và nhào nặn nên ý thức tư tưởng của người dân.

(2) – “Thể chế chính trị Trung Cộng do ngôn từ của đảng xây dựng

Bảng dưới đây đã phác họa nên thể chế chính trị Trung Cộng thông qua ngôn từ của đảng thường gặp. (Bảng 2)

Lãnh tụ của đảng	Marx Engels Lenin Stalin Mao Trạch Đông; bốn vị lãnh tụ vĩ đại; nhà hoạch định cho công cuộc cải cách mở cửa; người mở đường dẫn lối; chiếm vị trí tối cao vô thượng; quyền uy tuyệt đối củaxxx đến từ quần chúng nhân dân.
Địa vị lãnh đạo nòng cốt của đảng	Nòng cốt của đảng; Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiên phong của giai cấp công nhân; lực lượng nòng cốt lãnh đạo sự nghiệp của chúng ta là Đảng Cộng sản Trung Quốc; sự lãnh đạo của Đảng là sự bảo đảm căn bản cho chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi lớn hơn; đảng là người thống soái và dẫn đường cho công cuộc cách mạng và sự nghiệp xây dựng chính đảng của giai cấp vô sản, là sự bảo đảm căn bản cho giai cấp vô sản tự giải phóng và tiến đến giải phóng toàn nhân loại, là sự bảo đảm căn bản cho sự phát triển không ngừng của chủ nghĩa cộng sản.
Đường lối của đảng	Đường lối chính trị, đường lối tư tưởng, đường lối tổ chức, đường lối văn hóa nghệ thuật, đường lối cán bộ, đường lối

	quần chúng, đường lối giai cấp, đường lối nông thôn, thống nhất đường lối; đường lối phong trào công nhân.
Chính sách của đảng	Đánh đổ địa chủ chia lại ruộng đất; hợp tác hóa; công xã nhân dân; đoàn kết đại đa số, đả kích thiểu số; có thành phần nhưng không phải duy thành phần luận; quan trọng là biểu hiện chính trị; khiến cho một bộ phận giàu lên; thu hẹp khoảng cách giữa thành phố và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp; không giết thì không giải tỏa được sự phẫn nộ của người dân; giấu nghề; ổn định áp đảo hết thảy; tiêu diệt tất cả nhân tố bất ổn định từ trong trứng nước; dò dẫm kinh nghiệm; mở cửa ra thế giới; đặc khu kinh tế.
Sự nghiệp xây dựng đảng	Tác phong của người cán bộ có ảnh hưởng đến bộ mặt xã hội; căn cứ cách mạng; con đường trường chinh; nhìn lại lịch sử; học tập lịch sử; tuyên dương truyền thống cách mạng quang vinh; chỉnh đốn đảng, chỉnh phong; cuộc vận động duy trì sự phát triển giáo dục tiên tiến; chỉnh đốn tổ chức; làm trong sạch nội bộ; đảng ký lại; phát triển tổ chức; sinh hoạt tổ chức; đưa chi bộ đảng vào nhân dân, quân đội; bảo đảm cho sự bất bại; thiên thu vạn đại vĩnh viễn không thay đổi; sự nghiệp cách mạng không có người kế tục; sự nghiệp cách mạng rốt cuộc sẽ kéo dài bao lâu.
Tác phong của đảng	Gian khổ cần cù; đoàn kết khẩn trương nghiêm túc sôi nổi; làm thành một khối với quần chúng; quan tâm đến nỗi khổ của quần chúng; không lấy một cây kim sợi chỉ của người dân; cán bộ xuống lao động với người dân; vai trò đầu tàu; phê bình và tự phê bình; chỉnh đốn tác phong của đảng.
Kỷ luật của đảng	Tuyệt đối phục tùng tổ chức; cấp dưới theo mệnh lệnh cấp trên, toàn đảng theo mệnh lệnh trung ương; không sợ hy sinh xương máu; không bao giờ phản bội; hiểu thì phải chấp hành, không hiểu cũng phải chấp hành; không có điều kiện sáng tác

	cũng phải sáng tác; đảng chỉ huy họng súng, tất cả do đảng ủy lãnh đạo; lãnh đạo tập thể; chế độ bảo mật.
Kết cấu tổ chức của đảng	Nhiệm vụ tình báo; cơ quan tình báo đảng; đội thiêu niên tiên phong; trung ương đoàn thanh niên cộng sản; liên đoàn; công đoàn; phòng nhân sự; phòng cán bộ; ban đối ngoại trung ương đảng; ban tổ chức; ban tuyên giáo trung ương đảng; quân ủy trung ương; chính ủy; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm bộ chính trị; chính trị viên; tỉnh ủy; bí thư tỉnh ủy; thành ủy; thư ký thành ủy; thư ký thứ nhất; thư ký thứ hai; tổ chức đảng; đảng ủy; thư ký; thư ký đảng ủy; thành viên đảng ủy; chi bộ; bí thư chi bộ; tổng bí thư chi bộ; ủy viên chi bộ; cán bộ công tác chính trị.
Sinh hoạt tổ chức của đảng	Truyền đạt báo cáo, nộp đảng phí, nộp đoàn phí; sinh hoạt tổ chức; ngày hoạt động tập thể đội; học tập chính trị; sinh hoạt chính trị; kiểm điểm tư tưởng; phê bình và tự phê bình; tìm hiểu tư tưởng của mọi người; tranh cử vào đảng, vào đoàn; đảng viên dự bị; thời gian dự bị; phát triển tổ chức; đổi tượng phát triển; đảng viên dự bị chuyên chính; được tổ chức bên trên nói chuyện; kinh phí hoạt động của đảng; tổ chức đảng; phân tử tích cực; đảng viên trù bị; tổ chức thử thách; hủy bỏ tư cách đảng viên dự bị; khuyến khích nhà tư bản gia nhập đảng, tổ chức đảng thuộc Giáo hội Ái quốc Tam tự ^[2] .
Đấu tranh giữa các phe phái trong đảng	Phe cải cách và phe bảo thủ; hai bộ tư lệnh; chính quyền đương thời đi theo con đường tư bản chủ nghĩa; hai điều ‘phàm lá’ ^[3] ; trong lịch sử đảng đã nhiều lần đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội của các phe cánh tả, cánh hữu.

[2] Giáo hội Ái quốc Tam tự là một tổ chức Giáo hội Tin lành quốc doanh do nhà nước điều khiển.

[3] Hai điều ‘phàm lá’: Phàm là quyết sách của Mao Trạch Đông, chúng ta đều phải kiên quyết ủng hộ; phàm là chỉ thị của Mao Trạch Đông, chúng ta đều phải tuân theo.

Văn kiện của đảng	Nguyên tắc chủ nghĩa Mác Lê; tư tưởng Mao Trạch Đông; tuyển tập các câu nói trứ danh của Mao; tuyển tập Mao Trạch Đông; bốn áng hùng văn; sổ tay của người chiến sĩ cách mạng; lý luận Đặng Tiểu Bình; văn kiện của đảng; tài liệu phân phát đến từng văn phòng; lịch sử đảng; lịch sử các cuộc vận động cộng sản quốc tế; báo cáo đại hội toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ x; nghị quyết xx của đảng; bài phát biểu của đồng chí xx tại hội nghị xx; tuyển tập các bài viết của Giang Trạch Dân.
Quan hệ giữa đảng cộng sản và các đảng phái chính trị khác	Thống nhất chiến tuyến; nhân sỹ dân chủ; cùng chung chí hướng; đổi mới chân thành; vinh nhục cùng chịu; trung thành với Đảng Cộng sản; trung thành ủng hộ Đảng Cộng sản; vật trang trí; Hội hiệp thương Dân chủ Chính trị; “Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, các đảng phái hợp tác”; Đảng Cộng sản Trung Quốc chấp chính còn các đảng phái khác tham chính (tham gia hoạt động chính trị); các đảng phái dân chủ là người bạn thân thiết của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đoàn kết hợp tác với đảng để tham gia hoạt động chính trị, chứ không phải là phản đối đảng hoặc đứng bên ngoài đảng”.
Quan hệ trung ương và địa phương	Toàn đảng phục vụ trung ương; thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động; thống nhất tiến độ; đoàn kết chặt chẽ trong nội bộ trung ương đảng; nhất trí cao với trung ương đảng do xxx lãnh đạo.
Quan hệ cấp trên và cấp dưới	Cấp dưới theo mệnh lệnh của cấp trên; hiểu thì phải chấp hành, không hiểu cũng phải chấp hành.
Quan hệ đảng và quân đội	Đưa chi bộ đảng vào quân đội; đảng chỉ huy họng súng; quyết không cho phép họng súng chỉ huy đảng

Quan hệ đảng và quần chúng	Nhân dân; chủ nhân của đất nước; giai cấp công-nông-binh làm chủ đất nước; sáng tạo ra động lực của lịch sử; bảo vệ tính tích cực của quần chúng cách mạng; công-nông-binh học làm thương mại; quan tâm đến nỗi khổ của dân; cùng chung hoạn nạn; đường lối quần chúng.
Tổ chức phản đảng	Bè lũ phản cách mạng; bom hẹn giờ ẩn trong đội ngũ cách mạng; đường lối chủ nghĩa hữu khuynh của Trần Độc Tú; bè lũ phản đảng Cao Nhiêu; bè lũ phản đảng Hồ Phong; bè lũ phản đảng Bành Đức Hoài; bè lũ phản cách mạng Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình; bè lũ phản đảng Lâm Bưu; bè lũ bốn tên; bè lũ phản bội.
Kỹ thuật tuyên truyền	Tham gia nội bộ; cơ quan thông tấn Tân Hoa Xã; cơ quan báo chí của Trung Cộng; tình hình mới của cải cách mở cửa; tuyên truyền kỹ luật; tinh thần của đảng; đại hội lần này là một đại hội đoàn kết, đại hội thống nhất tư tưởng, đại hội thắng lợi.

Có thể nói mỗi người Trung Quốc đều rất quen thuộc với những nội dung trong bảng trên. Trung Cộng đã dùng ngôn từ của đảng để đặt định ra từ cách xưng hô người có quyền lực tối cao trong đảng, cho đến địa vị độc tài, cơ chế vận hành, thủ đoạn thống trị của nó v.v.. Vậy mà người Trung Quốc ngày nay trong công tác, trên giảng đường, trong học tập chính trị vào mọi thời khắc đều không ngừng lặp lại những ngôn ngữ đó của Trung Cộng, họ tảng bốc nịnh hót lãnh đạo đảng, công nhận địa vị độc tài của Trung Cộng, tuân thủ sinh hoạt tổ chức và kỷ luật của đảng, đi theo đường lối, chính sách của đảng. Ngôn ngữ chính trị của Trung Cộng đã trở thành một phần cuộc sống của người dân. Có một số nhìn từ bề mặt sẽ không dễ nhận ra màu sắc văn hóa đảng bên trong, nhưng nếu chúng ta so sánh với Trung Quốc cổ đại và những quốc gia khác, hoặc phân tích những nhân tố đảng sau từ ngữ đó, thì chúng ta có thể thấy rằng những từ ngữ này hoàn toàn được hình thành trong quá trình

hoạt động của Trung Cộng, chứa đựng ý đồ rõ ràng của Trung Cộng, hoàn toàn không giống với ngôn ngữ của xã hội bình thường.



vi.3-3 – Đời sống tinh thần bị đảng cưỡng chế

Đảng Cộng sản đã ngụy trang tư tưởng chỉ đạo của nó thành “chân lý” duy nhất của thế giới và đời người, vì vậy tất nhiên phải ngụy tạo một hệ thống ngôn ngữ phủ khắp mọi phương diện xã hội. Tất cả những vấn đề được trả lời và giải đáp bởi tôn giáo, triết học, khoa học, lịch sử, luân lý đạo đức, văn học nghệ thuật trong xã hội truyền thống, đều có thể tìm được một cách nói thay thế trong hệ thống ngôn ngữ của đảng.

Chúng ta hãy xem “tín ngưỡng” của Trung Cộng. Tôn giáo chính thống giúp con người không ngừng đề cao tâm tính của mình (tiêu chuẩn đạo đức), nó câu thông với tiêu chuẩn của thế giới Thiên quốc, từ đó đạt đến “niết

bàn”, “viên mãn”, đạt được sinh mệnh vĩnh hằng. Còn Trung Cộng trước tiên tuyên truyền rằng Thiên quốc và Địa ngục đều không tồn tại, Thần là do con người sáng tạo ra; rồi tiến đến đem cái gọi là “tính tất yếu của lịch sử” ra sùng bái như Thần, và tuyên truyền rằng bản thân nó đại biểu cho “tính tất yếu của lịch sử”. Tính tất yếu của lịch sử này quy định: Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của lịch sử, thế là đảng cộng sản ngang nhiên hô hào bạo lực và tàn sát, từ đó biến mọi hành vi tội ác thành “hợp pháp”.

Chúng ta hãy xem lại đạo đức của Trung Cộng. Nội hàm của đạo đức truyền thống là “đạo và đức”, “nhân, nghĩa, lẽ, trí, tín”. “Đạo đức” mà đảng định nghĩa là “một trong những hình thái ý thức xã hội, là hoạt động cộng đồng của con người và chuẩn tắc, quy phạm của các hành vi trong đó. Đạo đức thông qua dư luận của xã hội và của một giai cấp nhất định để khởi tác dụng ước thúc đối với cuộc sống trong xã hội. Các giai cấp khác nhau có các quan niệm đạo đức khác nhau. Đạo đức của chủ nghĩa cộng sản là đạo đức tối cao của nhân loại” (“ Từ điển Hán ngữ hiện đại”, 1981, nhà xuất bản thương mại, Bắc Kinh).

Dễ dàng nhận thấy rằng, trong hệ thống ngôn từ của đảng, tất cả chân lý, lịch sử, đạo đức, tính nghệ thuật v.v. đều phục vụ cho sự thống trị của Trung Cộng.

Bảng dưới đây liệt kê những từ ngữ thường dùng của đảng trong quá trình cải tạo tư tưởng người Trung Quốc. (Bảng 3)

Phủ nhận chính tín	Tôn giáo là thuốc phiện tinh thần, chế độ phong kiến mê tín; phản ánh mơ hồ về thế giới khách quan; Chủ nghĩa Cộng sản là thiên đường; tính tất yếu của lịch sử; Giáo hội Ái quốc Tam tự.
Con người đến từ đâu	Thuyết tiến hóa; kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, kẻ thích nghi tồn tại; vai trò của lao động đối với quá trình vươn tiến hóa thành người.

Con người đi về đâu	Chủ nghĩa cộng sản; phân phối theo nhu cầu; tiêu diệt giai cấp; xây dựng thiên đường nhân gian; sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân là điều kiện tiền đề cho sự phát triển toàn diện của tất cả mọi người.
Ý nghĩa nhân sinh ở đâu	Làm người chiến sỹ tốt của Mao chủ tịch; làm chiếc ốc vít không bao giờ han gỉ của bộ máy cách mạng; phần đấu suốt đời vì sự nghiệp Chủ nghĩa Cộng sản; toàn bộ cuộc đời và tinh lực của tôi đều cống hiến cho sự nghiệp tráng lệ nhất thế giới – đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng nhân loại.
Cơ sở lý luận của đảng	Chủ nghĩa Marx Engels Lenin; tư tưởng Mao Trạch Đông; lý luận Đặng Tiểu Bình; bài giảng của Giang Trạch Dân; hình thái ý thức chủ nghĩa xã hội; giai đoạn sơ cấp, giai đoạn cao cấp của chủ nghĩa cộng sản; thực hiện lý tưởng chủ nghĩa cộng sản; đi theo con đường chủ nghĩa xã hội; vật chất vô cùng phong phú; phân phối theo nhu cầu; phân chia theo lao động; ngọn đèn chỉ đường; triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học là ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Marx Lenin; triết học đấu tranh; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử; chủ nghĩa duy vật; vật chất quyết định ý thức, ý thức quyết định lại vật chất; chủ nghĩa xã hội khoa học; cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng quyết định lại cơ sở kinh tế.
“Cái nhìn lịch sử” của đảng	Xã hội không có giai cấp; xã hội giai cấp; xã hội nguyên thủy; xã hội nô lệ; xã hội phong kiến; xã hội phong kiến nửa thực dân; cách mạng dân chủ cũ; cách mạng dân chủ mới; xã hội chủ nghĩa; thời kỳ đầu của chủ nghĩa xã hội.
“Quan điểm về đạo đức” của đảng	Đảng tính; công cụ thuần phục; trung thành vô hạn với XXX; bảo vệ cho đến chết; trung thành vô hạn với đảng; ba trung thành vô hạn; tình cảm giai cấp giản dị, chân thành; sự tu dưỡng của đảng viên cộng sản; hiến dâng tất cả cho đảng; tôi

	luyện ý chí như thế nào; mọi việc đều theo sự sắp xếp của tổ chức đảng; lợi ích của đảng cao hơn tất cả; đảng chỉ đâu thì đánh đấy; mang theo quyết tâm chiến đấu ra tiền tuyến dù phải hy sinh; chỉ nghĩ có lợi cho người khác mà không tơ hào cho bản thân; yêu Đảng Cộng sản Trung Quốc, yêu chủ nghĩa xã hội; chỉ thị của đảng là linh hồn của tất cả hành động của chúng ta; nắm lời khuyên, bốn phẩm chất, ba yêu mến; bốn phẩm chất của con người mới; giáo dục nhân sinh quan về khoa học; bát vinh bát nhục; quan niệm vinh nhục của chủ nghĩa xã hội.
“Cái nhìn văn hóa nghệ thuật” của đảng	Dao găm; ngọn giáo; hoa thơm; cổ độc; tính tư tưởng; ba điều vượt trội; tấm gương cách mạng; quan điểm cơ bản; đề tài lịch sử cách mạng; đề tài hiện thực cách mạng; chủ nghĩa lãng mạn cách mạng; chủ nghĩa hiện thực của chủ nghĩa xã hội; nghệ thuật là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng; nghệ thuật phục vụ công-nông-binh nghệ thuật phục vụ giai cấp vô sản.
Cải tạo tư tưởng	“Tụt quần” (sỉ nhục); từ bỏ thói quen xấu; rửa sạch; viết kiểm điểm; báo cáo tư tưởng; lũ thối tha; bước đường cùng; chính sách cơ bản lâu dài cho phần tử trí thức Trung Quốc; phương thức khống chế phần tử trí thức; phần tử trí thức chỉ là một lực lượng có thể lợi dụng được; giáo dục họ khắc phục tư tưởng sai lầm của địa chủ, giai cấp tư sản hoặc giai cấp tiểu tư sản.

Đối với người Trung Quốc mà nói, có lẽ “tôn giáo là thuốc phiện tinh thần”, “phong kiến mê tín” v.v.. đều là những câu nói cửa miệng, dùng để chỉ trích tín ngưỡng truyền thống. Nhưng rất ít người có thể suy xét kỹ lưỡng xem tại sao họ lại có suy nghĩ này, ngôn từ của họ rốt cuộc là từ đâu đến. Thực ra, Trung Quốc trong quá khứ hàng nghìn năm đều tồn tại các loại tín ngưỡng, việc một mực triệt để coi tín ngưỡng chính thống truyền thống là “phong kiến mê tín” hoàn toàn là sản phẩm của văn hóa đảng Trung Cộng.

Thật hài hước là khi người ta mù quáng tin tưởng Chủ nghĩa Cộng sản, hoàn toàn chịu sự khống chế tư tưởng của Trung Cộng, từ đó gây ra cho xã hội Trung Quốc những tai ương chính trị liên tiếp, thì lại rất ít người nghĩ rằng “Chủ nghĩa Cộng sản là thuốc phiện tinh thần”, “Đảng Cộng sản là tà giáo”, vì thông qua sự nhôi nhét lâu dài lặp đi lặp lại, Trung Cộng đã tạo ra một mối liên hệ chắc chắn giữa những từ như “thuốc phiện tinh thần”, “tà giáo” và một số đoàn thể bị Trung Cộng công kích, khiến người ta khó mà đột phá lối tư duy đã hình thành, sau đó quay ngược lại dùng những từ ngữ này để nhìn nhận Trung Cộng.

VI.3-4 – Ngôn từ của đảng xâm nhập mạnh mẽ không gian riêng tư

Trung Cộng khống chế xã hội một cách nghiêm ngặt cực đoan, các lĩnh vực vốn dĩ được chế ước quy phạm bởi các đạo đức luân lý, tập tục xã hội trong xã hội thông thường, thì cũng rơi vào bàn tay hắc ám của Trung Cộng. Dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, cuộc sống riêng tư của người Trung Quốc cũng tràn ngập ngôn từ của đảng. Ngôn ngữ bình thường của con người một khi được “đảng” coi trọng và sử dụng thì sẽ bị ô nhiễm thành ngôn từ của đảng; ngôn từ của đảng còn thâm nhập, lấn chiếm, cải biến và thôn tính một cách trắng trợn thể hệ ngôn ngữ của người bình thường.

Xã hội truyền thống gọi những người có quan hệ hôn nhân là “phu thê”, “vợ chồng”, “tướng công”, “phu nhân”, thời cận đại thì gọi là “ông nhà”, “bà nhà”, khách khí một chút gọi là “bố nó”, “mẹ nó”, thoải mái một chút gọi là “ông xã”, “bà xã”. Cho dù gọi thế nào đều thể hiện sự khác biệt giữa nam và nữ, trong đó bao hàm ý tôn trọng những đặc điểm giới tính khác nhau, từ đó tạo nên sự hòa hợp giữa hai giới.

Dưới chế độ Trung Cộng, mọi người gọi vợ/chồng mình là “ái nhân” (*người yêu*). “Ái nhân” vốn là cách gọi của những người ái mộ lẫn nhau, ý nghĩa

tương tự như “người yêu”, có nhiều nước dùng để chỉ người tình, đặc biệt là quan hệ ngoài hôn nhân, quan hệ bất chính. Tại các khu “căn cứ địa” của Trung Cộng, từ này được dùng rộng rãi để chỉ “sự hôn phối”, cả vợ lẫn chồng đều gọi chung là “ái nhân”, nghe nói rằng nó “phản ánh địa vị người phụ nữ đã được nâng cao và sự cải cách về kết cấu gia đình”. Nhà sử học Ngô Hàm khi mới đến “khu giải phóng”, nghe người ta giới thiệu vợ của Ngô Ngọc Chương: “Đây là ái nhân của ông Ngô.” Ông giật mình, trong lòng nghĩ, Ngô Ngọc Chương đã lớn tuổi thế rồi còn yêu đương gì nữa?

Từ “ái nhân” mặc dù không mang theo cái mùi mạnh như từ “đồng chí” nhưng đãng sau bất cứ từ ngữ nào cũng hàm chứa cái nhìn với cuộc sống và phong cách sinh sống. Cái gọi là “chủ nghĩa bình quân” mà Trung Cộng tuyên truyền đã cố gắng cáo bằng mọi sự khác biệt giữa người với người về phẩm chất đạo đức, trình độ văn hóa, địa vị xã hội, độ giàu có và khác biệt giới tính. Cách dùng của từ “ái nhân” phản ánh những quan niệm được Trung Cộng cổ súy như “nam nữ bình đẳng”, “phụ nữ là một nửa thế giới” (sẽ phân tích kỹ ở chương sau), làm biến đổi quan hệ giữa hai giới tính nam và nữ, đảo lộn kết cấu gia đình truyền thống, cuối cùng dẫn đến các vấn đề xã hội nan giải phức tạp. Con người vốn có nam có nữ, nam giới và nữ giới có vai trò và nghĩa vụ của mình, âm dương hòa hợp mới có được gia đình hòa hợp. Trung Cộng lại muốn người ta không phân biệt nam nữ, muốn nữ giới làm những việc của nam giới, thậm chí nữ giới cũng tham gia bạo lực, vận động “cách mạng”, như vậy người phụ nữ không những không còn dịu dàng, mà lại còn cứng rắn giống như nam giới, trong gia đình cũng xuất hiện đấu tranh và các va chạm “nhiệt tình cách mạng”, thế thì làm sao có thể có cuộc sống hài hòa được? Ngày nay, khi hình thái ý thức của Chủ nghĩa Cộng sản đã bị sụp đổ, từ “đồng chí” ngày càng bị quên lãng, không biết từ bao giờ, rất nhiều người đã gọi những người đồng tính là “đồng chí”. Nhưng người ta vẫn không ý thức được hàm nghĩa văn hóa đảng trong từ “ái nhân”, “ái nhân” vẫn là một trong những cách thường dùng để xưng hô vợ chồng của người Trung Quốc.

Cuộc sống thường nhật của người Trung Quốc trong mọi phương diện đều tràn ngập ngôn từ của đảng. Ví dụ, miêu tả một người hay cáu kỉnh, mọi người thường nói anh ta “đầu não sắc mùi đầu tranh gai cắp”; khen một người có tài đức vẹn toàn, người ta thường nói “vừa hồng vừa chuyên”; mô tả một người cần kiệm đảm đang, người ta sẽ nói “phấn đấu gian khổ” hoặc là “cần cù gian khổ”. Khi ai đó đau khổ tuyệt vọng, người khác sẽ an ủi anh ta rằng, phải “biến đau buồn thành sức mạnh”; có người đạt thành tích, người khác sẽ cảnh báo anh ta, chớ “kiêu căng, nóng nảy”, “đây mới chỉ là bước đầu trong cuộc Vạn lý Trường chinh”.

Từ khi sinh ra người ta đã bị bao vây bởi ngôn từ của đảng. Nhà ai mới sinh em bé, đồng nghiệp sẽ nói: “Nhà anh có người tiếp nối cách mạng rồi.” Đặt tên là “Hướng Đông”, “Vệ Đông”, “Kiến Quân”. Khi đi học ai cũng phải đeo “khăn quàng đỏ” (một góc cờ đỏ của Trung Cộng), thời tiểu học học giỏi thì được bình bầu làm “đội viên ưu tú”, thời trung học học giỏi thì được bình bầu làm “đoàn viên thanh niên ưu tú”. Phổ thông chia theo khối văn hóa và tự nhiên, chắc chắn sẽ có người khuyên rằng “học giỏi toán lý hóa thì đi đâu cũng không sợ”, vì dưới sự thống trị của Trung Cộng, môn văn rất gần với hình thái ý thức của đảng nên người ta cho đó là con đường nguy hiểm. Câu đầu tiên trong đánh giá cuối học kỳ chắc chắn là “học sinh này cần tiến bộ hơn về chính trị, tích cực tham gia tổ chức đảng (đoàn). Điển lý lịch, phải thêm “xuất thân gia đình” và “thành phần bản thân”. Lên đại học thì không tránh khỏi phải tiếp xúc với “bí thư đảng”, “bí thư đoàn”, “phụ đạo viên chính trị”. Kết bạn thì nói “chúng ta từ khắp nơi trên cả nước, đến với nhau vì một mục tiêu cách mạng”.

Khó khăn lắm mới tìm được một công việc, phải nói là mình “tham gia công tác” rồi. Ý nghĩa của “tham gia công tác” là: Chỉ có một loại công tác, đó là “công tác cách mạng” của Trung Cộng, ý nói là hiện nay tôi đã được kết nạp thành một thành viên trong đó rồi. “Tham gia công tác” có nghĩa là người này đã có “đơn vị”, đã tìm thấy “tổ chức”, mỗi tuần phải tham gia nửa ngày “học tập chính trị”, xét đánh cũng không được thay đổi. Kết hôn phải được “đơn vị” viết

“thư giới thiệu”, sinh con phải có “chỉ thị”. Cứ thế làm mấy chục năm, đến tuổi về hưu phải xét công luận tội theo các quy tắc của bộ máy quan liêu của Trung Cộng, ai trước đây tham gia “cách mạng” vào năm nào đó, thì giờ gọi là “cán bộ nghỉ hưu”, mấy năm sau tham gia “cách mạng” gọi là “cán bộ về hưu”, trẻ hơn một chút thì không có “về hưu”, chỉ là “xuống chức”, “rút lui nội bộ”, bị “tố chức” hất cẳng, ra ngoài “tự mưu sinh”. Có người không chịu nổi nỗi uất ức, liên chủ động đi kinh doanh buôn bán, “giữ chức nhưng ngừng nhận lương”, “lĩnh BHXH một lần”. Nếu chẳng may qua đời, nhận xét tốt nhất trong cáo phó là “trung với cách mạng, trung với đảng”, “sự ra đi của đồng chí xxx là mất mát to lớn của đảng ta, quân ta và nhân dân các dân tộc cả nước”, lẽ truy điệu sẽ không thể thiếu việc liệt kê tên những cán bộ đảng và nhà nước đã tới thăm người đó trong thời gian lâm bệnh nặng.

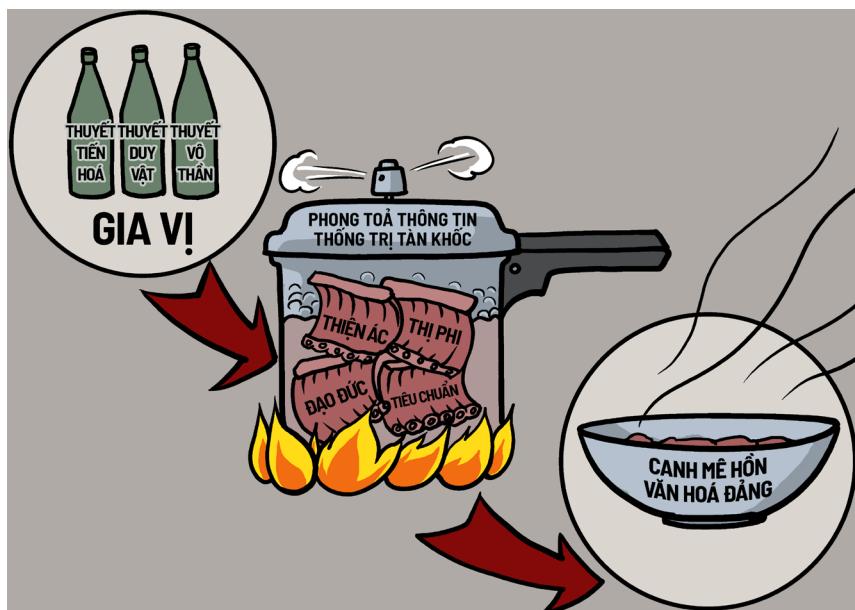
Kết quả của việc ngôn từ của đảng xâm lấn vào đời sống cá nhân là: Kết cấu của xã hội bình thường, cuộc sống gia đình, toàn bộ tư tưởng, tình cảm của người ta đều bị ô nhiễm bởi văn hóa đảng, con người mất đi hệ thống tham chiếu quan trọng để dựa vào mà đánh giá chính quyền Trung Cộng.

VI.4 – SỰ HÌNH THÀNH CỦA NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG ĐÃ TRẢI QUA QUÁ TRÌNH THANH LỌC QUY MÔ LỚN

Sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ là một quá trình tự nhiên. Tính ổn định cao của hệ thống chữ Hán có tác dụng hết sức quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và thống nhất của nền văn minh Hoa Hạ. Đối với một quốc gia có bề dày truyền thống lịch sử như Trung Quốc, sự quy phạm về ngôn ngữ, sự cẩn trọng và đúng mực về hành vi, đã trở nên hết sức trọng yếu, trở nên đặc biệt quan trọng.

Tuy nhiên, xuất phát điểm của các chính sách của Trung Cộng lại không phải nhằm mục đích gìn giữ sự toàn vẹn và thuần chính của văn hóa chính thống. Hoàn toàn ngược lại, để phá bỏ tất cả những chướng ngại trên con

đường thiết lập ách thống trị độc tài của nó, Trung Cộng cần phải nhanh chóng hoàn thành việc phủ nhận văn hóa truyền thống, đồng thời nhồi nhét vào đầu người dân các tà thuyết như thuyết vô thần, thuyết tiến hóa, triết học đấu tranh. Do vậy, Trung Cộng đã huy động chính quyền quốc gia để tiến hành cuộc chỉnh lý ngôn ngữ trên quy mô lớn. Huy động bộ máy quốc gia dùng mọi thủ đoạn để tuyên truyền ngôn từ của đảng khắp toàn quốc, đây là đặc điểm căn bản của việc xây dựng hệ thống ngôn từ của đảng.



VI.4-1 – Nguồn gốc của ngôn từ của đảng

Nói một cách khái quát, ngôn từ của đảng có sáu nguồn gốc chủ yếu: phiên dịch hàng loạt, do lãnh đạo tối cao của đảng sáng tác ra, sinh ra đồng thời với các tổ chức, biên tập có hệ thống, sự tò vè của các nhà văn, sự hợp tác của quần chúng.

Chủ nghĩa Marx – Lenin là một loại học thuyết ngoại lai, ngôn từ của đảng thời kỳ đầu tất nhiên phải dùng sách phiên dịch để làm phương tiện truyền đạt. Cuốn “Thiên diễn luận”^[4] xuất bản năm 1897 đã lần đầu tiên truyền bá học thuyết Darwin vào Trung Quốc, làm nền móng cho sự truyền bá của chủ nghĩa Mác-xít. Năm 1919, bản dịch hoàn chỉnh đầu tiên của “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” xuất hiện trên tạp chí “Thanh niên mới”, ngôn từ của đảng bắt đầu bám rễ vào mảnh đất Trung Hoa. Sau khi thành lập, một phần công việc chính của Trung Cộng là phiên dịch các tác phẩm của Marx, Engels, Lenin, Stalin, các văn kiện của Đảng Cộng sản Liên Xô cũng như tập trung thành lập các “phòng biên dịch”, “cục biên dịch”, v.v.. Ông Vương Thực Vị – người bị giết ở Diên An, đã từng làm việc tại “Phòng biên dịch học viện Marx-Lenin Trung ương Trung Cộng”. Những từ vựng cơ bản trong hình thái ý thức của Trung Cộng như “Chủ nghĩa Cộng sản”, “giai cấp vô sản”, “chủ nghĩa duy vật lịch sử”, “đấu tranh giai cấp”... đã ra đời từ những cuốn sách dịch này.



Lãnh đạo tối cao của Trung Cộng cũng là tác giả chính của ngôn từ của đảng. Mao Trạch Đông từng nói rằng phải “kết hợp chân lý phổ quát của chủ nghĩa Mác-xít với thực tiễn cách mạng Trung Quốc”, từ giữa những năm 30, ông ta đã bắt đầu sáng tạo một cách có ý thức những ngôn từ mang đậm màu sắc của đảng. Những lãnh đạo cùng thời hoặc sau thời của Mao cũng bắt chước làm theo, với ý đồ thông qua các “từ mới” này để đặt định ra địa vị quyền uy cho lý luận của mình, từ đó mà giữ vị thế bất bại trong các cuộc đấu tranh nội bộ đảng. “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác-xít”, “tiếp tục sự nghiệp cách mạng trong điều kiện chuyên chính của giai cấp vô sản”, “phe nắm quyền đi theo con đường chủ nghĩa tư sản”, “bốn kiên trì”, “xã hội chủ nghĩa mang đặc sắc Trung Quốc”, “phản đối tự do hóa của giai cấp tư sản”, “tam giảng”, “tam đại biểu”, “xã hội hài hòa”, “bát vinh bát nhục” đều là những từ mới do lãnh đạo đảng sáng tạo ra. Cần chỉ ra rằng, là một chính thể, Trung Cộng cần phải tạo căn cứ hợp pháp cho nó, cá nhân lãnh đạo Trung Cộng cũng cần phải tạo căn cứ hợp pháp cho họ. Do hầu hết các đời lãnh đạo Trung Cộng đều gây nợ máu, nên người kế nhiệm phải giữ một khoảng cách nhất định với người tiền nhiệm, nhưng họ lại không thể vượt quá giới hạn mà chính thể Trung Cộng đã định ra từ trước. Hoa Quốc Phong^[5] chính vì không dàn xếp tốt quan hệ hai bên, không từ bỏ mối quan hệ với Mao, lại còn đưa ra phương châm “hai điều phàm là”, nên chẳng bao lâu sau đã bị ép phải từ chức.

Trung Cộng là một đảng theo chủ nghĩa Lenin có tính tổ chức kỷ luật nghiêm ngặt. Ngôn từ của đảng “sinh ra đồng thời với các tổ chức” chỉ một số lượng lớn từ vựng được sản sinh gắn với hình thức tổ chức và các hoạt động

[4] Thiên diễn luận là bản dịch Trung văn cuối thế kỷ XIX của cuốn sách Evolution and Ethics của Hussley về thuyết tiến hóa.

[5] Hoa Quốc Phong, là người được chỉ định kế tục Mao Trạch Đông. Ông trở thành Phó Thủ tướng năm 1975, rồi quyền Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau khi Chu Ân Lai mất tháng 01 năm 1976, ông trở thành Thủ tướng và Phó Chủ tịch thứ nhất của Đảng tháng 04 năm 1976, và Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc khi Mao chết, tháng 9 năm 1976. Khi Đặng Tiểu Bình nắm quyền kiểm soát Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hoa Quốc Phong bị thay chức Thủ tướng bởi Triệu Tử Dương năm 1980, và chức Chủ tịch Đảng bởi Hồ Diệu Bang năm 1981.

thông thường của Trung Cộng. Một số từ vựng này là do Trung Cộng tạo ra; một số là từ vựng tiếng Hán hoặc là mượn từ tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Nhật, nhưng qua thời gian sử dụng lâu dài của Trung Cộng, toàn bộ các từ ngữ đều nhiễm nặng hơi thở Văn hóa đảng. Do chúng gắn bó với sự vận hành của tổ chức Trung Cộng, cấu thành nên hạt nhân kiên cố trong các văn kiện truyền từ trên xuống dưới trong nội bộ tổ chức Trung Cộng, vì vậy có thể nói chúng là những ngôn từ của đảng ẩn sâu nhất nhưng lại mạnh mẽ nhất. Những từ ngữ mà chúng tôi tập trung phân tích trong phần đầu chương này như “tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, đấu tranh, chiến sỹ thi đua, đại biểu, tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, lãnh đạo, hiệu triệu, phấn đấu, ủy ban, báo cáo tư tưởng, tự kiểm điểm, phê bình và tự phê bình” chính là thuộc loại ngôn từ của đảng này.

Biên soạn có hệ thống. Trung Cộng khống chế tất cả bộ máy tuyên truyền, bộ văn hóa giáo dục, cơ quan nghiên cứu khoa học, chỉ cần lãnh đạo tối cao của đảng hoặc “trung ương đảng” đặt ra cái gọi là “đường lối, phương châm, chính sách” thì những cơ quan này liên ra sức phát triển các luận chứng, liên tục tố vế cho chúng mang vẻ hào nhoáng, đường hoàng, Trung Quốc Đại lục đã xuất bản một lượng lớn những cuốn sách như “XX học chủ nghĩa Mác-xít”, “Tư tưởng XX của Mao Trạch Đông”, “Lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc”, những cuốn sách này tập hợp một số câu nói “bắt hổ” về một vấn đề nào đó của những “bậc thầy cách mạng”, sau đó được những nhà văn tay sai của đảng giỏi tông bốc, xu nịnh chế tác lại thành những tác phẩm “vĩ đại” dày cộp. Trong quá trình này cũng tạo ra một lượng lớn ngôn từ của đảng.

Sự tố vế của các nhà văn và sự hợp tác của quần chúng cũng là nguồn gốc của ngôn từ của đảng. Các nhà văn của ta đảng vì muốn nịnh bợ cấp trên để thăng quan phát tài mà đã chủ động phối hợp với Trung Cộng sáng tạo nên đống rác ruồi Văn hóa đảng. Những người dân sống dưới chế độ chuyên chế độc đảng, vì thuận theo hoặc vì không còn cách nào, cũng đều đã tham gia vào quá trình tạo ra ngôn từ của đảng. Ví dụ, luận điệu “Văn hóa truyền thống cản

trở hiện đại hóa” do các nhà văn của Trung Cộng tạo ra chính là một ví dụ về “sự tò vò của nhà văn”. Trung Cộng còn tự hào rằng “không có Đảng Cộng sản thì không có nước Trung Hoa mới”, những năm gần đây người dân Trung Quốc cũng tiếp thu những ẩn ý của Trung Cộng mà tự phát ngôn ra những câu như “không có Đảng Cộng sản thì Trung Quốc sẽ ra sao”, đây chính là kiểu “hợp tác của quần chúng”.

VI.4-2 – Sự hình thành và phát triển của ngôn từ của đảng

Muốn nhìn thấu Văn hóa đảng thì phải chú ý đến những yếu tố thay đổi và không thay đổi trong đó. Lá cờ lý tưởng của Đảng Cộng sản đang thay đổi, phương châm chính sách đang thay đổi, đối tượng đả kích cũng đang thay đổi; nhưng chế độ độc tài chuyên chính của đảng thì mãi mãi không đổi, bản chất tà giáo của nó mãi mãi không đổi, thủ đoạn lưu manh của nó mãi mãi không đổi. Vì vậy, mặc dù ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, ngôn từ của đảng gắn bó mật thiết với các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng, thể hiện những đặc điểm khác nhau, nhưng bên trong nó vẫn tồn tại một hạt nhân kiên cố, hạt nhân này chính là đại diện cho bản chất của Trung Cộng.

Sự phát triển của ngôn từ của đảng có thể chia thành những giai đoạn như sau:

(1) – 1919-1937: Giai đoạn phôi thai của ngôn từ của đảng

Năm 1919, bản dịch toàn văn “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” được xuất bản. Trung Cộng ban đầu được thành lập là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản vùng Viễn Đông, vì vậy từ cơ sở lý luận ban đầu cho đến hình thức tổ chức của Trung Cộng đều mô phỏng theo Quốc tế Cộng sản, ngoài các từ ngữ dịch ra cơ bản chưa hình thành ngôn từ đặc trưng của đảng. Thời gian này, lực lượng vũ trang được gọi là “hồng quân”, căn cứ địa được gọi là “khu Xô-Viết”, chính quyền cát cứ được gọi là “chính quyền Xô-Viết”, toàn phụ họa theo đảng cộng sản Liên Xô.

LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN GIAI CẤP TỰ SẢN TOÀN THẾ GIỚI !



(2) – 1938-1949: Khoác lên cái áo “Trung Quốc hóa”

Vì đấu tranh nội bộ đảng, sau khi tháo chạy khỏi Diên An, Mao Trạch Đông vội vàng giành lấy quyền giải thích riêng về chủ nghĩa Mác-xít. Trong hội nghị toàn quốc lần thứ 6 của Trung Cộng năm 1938, Mao đã lần đầu tiên đưa ra khái niệm “Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác-xít”. Sau đó trong cuộc chỉnh phong Diên An, Mao một mặt dùng những ngôn từ của đảng mới do tự mình sáng tác ra để đả kích kẻ thù chính trị, mặt khác dùng để tẩy não các cán bộ đảng viên; một mặt phản đối những từ ngữ dập khuôn, sáo rỗng, mặt khác dùng ngôn ngữ của mình để tiêu chuẩn hóa văn phong. Cán bộ đảng viên bị ép học thuộc ngôn ngữ của lãnh đạo Trung Cộng, ngôn ngữ của tập đoàn Trung Cộng bước đầu đã được hình thành.

(3) – 1949-1966: Giành quyền làm chủ ngôn ngữ

Trung Cộng đã giành lấy chính quyền ở Trung Quốc Đại lục, đồng thời cũng giành cả quyền thao túng ngôn ngữ trên mảnh đất này. Tất cả các linh

vực chi phối hệ thống ngôn ngữ tiêu chuẩn như xuất bản, báo chí, học thuật, giáo dục, đều do chính quyền nắm giữ, được giao cho bộ tuyên truyền mang tính độc nhất vô nhị của Trung Cộng cùng hệ thống tuyên truyền cấp dưới, hệ thống huấn luyện và tổ chức sinh hoạt cho cán bộ, các cơ quan giáo dục tư tưởng như trường cán bộ đảng trung ương và địa phương. Ngôn từ của đảng đã mở rộng đến các ngành nghề, các giai tầng, các độ tuổi, các ngõ ngách ở Trung Quốc. Nó không chỉ được hợp pháp hóa mà còn trở thành ngôn ngữ hợp pháp duy nhất. Trung Cộng bắt đầu dùng ngôn từ của đảng để quét sạch toàn bộ văn hóa truyền thống.

(4) – 1966-1976: Thời kỳ ngôn từ của đảng đại bùng phát

Mười năm cách mạng văn hóa là thời kỳ đại bùng phát, phô trương thanh thế của ngôn từ của đảng. Những bức báo tường dày đặc, những cuộc tranh luận lời lẽ đanh thép, những bài hịch văn phê phán kẻ phản bội, các sắc lệnh (chỉ thị tối cao)... Bạo lực ngôn ngữ bị đẩy đến đỉnh điểm, người dân kinh hồn bạt vía khi tận mắt chứng kiến sức mạnh phá hủy ngôn ngữ truyền thống. Ngôn từ của đảng đã hoàn toàn thay thế ngôn từ bình thường của con người, đến lúc này người Trung Quốc không còn biết nói những lời bình thường nữa.

(5) – 1976-1989: Thời kỳ ngôn từ của đảng hờn tật, biến dị

Sau “cải cách mở cửa”, Trung Cộng đã phần nào nới lỏng kiểm soát trong lĩnh vực kinh tế và văn hóa, một số ít từ ngữ của người bình thường được cho phép sử dụng trở lại, ví dụ đầu những năm 80 đã từng có các cuộc thảo luận về “chủ nghĩa nhân đạo”. Nhưng do Trung Cộng trong suốt 30 năm kể từ ngày thành lập liên tục nhốt nhét ngôn từ của đảng vào đầu người dân, cũng do Trung Cộng quyết không buông lỏng kiểm soát trong lĩnh vực chính trị, nên ngôn từ của đảng vẫn giữ vị trí chi phối trong hệ thống ngôn ngữ của người Trung Quốc, người ta đã mất đi khả năng phân biệt và khả năng miễn dịch đối với ngôn từ của đảng.

(6) – Từ năm 1989 cho đến nay: Thời kỳ suy đổi, bại hoại

Vào thời kỳ Giang Trạch Dân nắm quyền, đảng sau vẻ bê ngoài phồn vinh của xã hội Trung Quốc tiềm ẩn các loại mâu thuẫn, cuộc sống vô vị, đạo đức trượt dốc, tư tưởng khô kiệt, cải cách thụt lùi, tệ nạn xã hội tràn lan, ngôn từ của đảng càng thêm sáo rỗng, vô vị (“Dùng thuyết Tam đại biểu để chỉ đạo việc giết mổ của chúng ta” – biểu ngữ tại một cơ sở giết mổ gia súc ở Đồng Nhân, Quý Châu), nó thể hiện sự suy thoái vào thời kỳ cuối cách mạng. Ngôn từ của đảng thời kỳ cuối có ý đồ mượn thuật ngữ Tây phương, thuật ngữ khoa học kỹ thuật (công trình XX) và một số từ ngữ trong văn hóa truyền thống (đức trị) để cứu vãn vận mệnh suy vong của mình. Ngôn từ của đảng và một lượng lớn dân ca, truyện cười chính trị đã tạo nên hiện tượng cộng sinh lạ lùng, nó thể hiện sự suy đổi toàn diện của xã hội và thái độ tự chế giễu trong tuyệt vọng của người dân.

VI.4-3 – Ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn và ngôn từ của đảng mang tính chế độ

Căn cứ vào việc một từ ngữ có được sử dụng xuyên suốt qua các giai đoạn phát triển của Trung Cộng hay không, chúng ta có thể chia ngôn từ của đảng thành hai loại: “ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn” và “ngôn từ của đảng mang tính chế độ”. Ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn là ngôn từ của đảng được sáng tạo và sử dụng trong các cuộc vận động chính trị liên tiếp của Trung Cộng, nó mang tính tạm thời và dễ loại bỏ. Còn ngôn từ của đảng mang tính chế độ lại xuyên suốt qua các thời kỳ kể từ khi thành lập Trung Cộng đến nay, nó là ngôn ngữ nồng cốt nhất, trọng yếu nhất, và thể hiện rõ nhất bản chất của Trung Cộng. Ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn thể hiện ra cái “biến đổi” của Trung Cộng, còn ngôn từ của đảng mang tính chế độ thể hiện ra cái “bất biến” của Trung Cộng. Nếu ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn như là phù sa trôi theo dòng nước, thì ngôn từ của đảng mang

tính chế độ như lòng sông kiên cố. Sự lừa gạt của Trung Cộng thể hiện ở chỗ chúng thu hút sự chú ý của mọi người vào ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn, mỗi lần trải qua một cuộc vận động chính trị, chúng lại thay hình đổi dạng bằng cách nhanh chóng đào thải những ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn. Những người tưởng rằng “Trung Cộng đã thay đổi”, “Trung Cộng ngày hôm nay đã không còn là Trung Cộng ngày hôm qua nữa”, đều không nhận ra mối liên hệ giữa ngôn từ của đảng mang tính giai đoạn và ngôn từ của đảng mang tính chế độ này.

Những cuộc vận động chính trị không ngừng đã sản sinh ra rất nhiều từ ngữ mới, như ví dụ dưới đây (Bảng 4):

NIÊN ĐẠI	CUỘC VẬN ĐỘNG CHÍNH TRỊ	NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG
1942	Vận động Chính Phong	Chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa tự do, thẩm tra cán bộ, trừ gian, cứu giúp những người sa ngã, tin vịt, bức cung, tụt quần (sỷ nhục), cắt đuôi (loại bỏ tư tưởng xấu).
1947 - 1950	Cải cách ruộng đất	Tam kiểm, tam chỉnh, dựa vào bần nông, cố nông, đoàn kết trung nông, phú nông trung lập, vùng lên, đánh bọn cường hào, chia ruộng đất.
1951 - 1952	Tam phản ngũ phản	Nhà Tư bản bất hợp pháp, chống lại sự lanh đạo kinh tế quốc doanh, theo chủ nghĩa xã hội, nhảy dù, nhảy đứng (nhảy lầu tự sát)
1957	Phản hữu	Trăm hoa đua nở, dụ rắn khỏi hang, thủ đoạn âm mưu và dương mưu, cánh hữu, phản tử chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, mở rộng diện tấn công.

1958 - 1960	Đại nhảy vot	Đường lối chung chủ nghĩa xã hội, công xã nhân dân, nhất đại nhị công (<i>quy mô lớn và mức độ công hữu hóa cao</i>), ba mặt hồng kỵ (<i>tiến hành cách mạng trên ba phương diện</i>), cánh đồng sản lượng ngàn cân, ba năm thiên tai.
1963 - 1966	Tứ thanh	Vận động giáo dục chủ nghĩa xã hội ở nông thôn, đoàn kết bần nông, cố nông, trung nông, bốn loại cán bộ không trong sạch.
1966 - 1976	Đại Cách mạng Văn hóa	Tính bè phái, thực hiện phản cách mạng, trợ giúp cánh tả, càn quét, văn đấu, võ đấu, đấu tố, chuồng bò, phê bình sửa chữa, thuyết đinh cao, ngũ lục ca, trung tự vũ, sáng chỉ thị, tối báo cáo, đọc hàng ngày, hóng hải dương, hóng bảo thư, hóng vệ binh, phe tạo phản, phái theo tư bản, xú lão cùu, lũ chó má, phong trào lật lại bản án, đứng nhầm hàng ngũ, đại xuyên liên, tấm gương cách mạng, đại hội đỏ, hậu đài đen, đội tuyên truyền, đấu tư phê tu (đấu tranh chống tư hữu, phê phán chủ nghĩa xét lại, giai cấp tư sản), văn công võ vẹt (dùng ngòi bút làm vũ khí, dùng vũ lực để phòng vệ), hung vô miệt tư (đề cao tư tưởng giai cấp vô sản, xóa bỏ tư tưởng giai cấp tư sản), chiến sĩ cách mạng trẻ, kẻ phản động, tháng 2 ngược dòng, lên rừng xuống biển, cây đại thụ (chỉ vị thống soái Mao), phê Lâm phê Khổng (phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử), pháp quyền của giai cấp tư sản, quyền uy học thuật phản động, thanh lý đội ngũ giai cấp, trời đất bao la thì tha hồ phát huy tài năng.

1977 - 1989	Thời kỳ “cải cách mở cửa”	Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý, cải cách mở cửa, mò đá qua sông, mèo đen mèo trắng, bốn nguyên tắc cơ bản, bốn hiện đại hóa, ưu tiên một số người giàu lên, chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, gột rửa sự tha hóa về tinh thần, phản đối tự do hóa giai cấp tư sản, bốn loại người mới, năm phép tắc bốn đẹp ba yêu mến.(5 phép tắc: Văn minh, lẽ độ, vệ sinh, trật tự, đạo đức. 4 đẹp: Ngôn ngữ đẹp, tâm hồn đẹp, hành vi đẹp, môi trường đẹp. 3 yêu mến: Yêu tổ quốc, yêu Chủ nghĩa Xã hội, yêu Đảng Cộng sản Trung Quốc).
1989 - 2002	Thời kỳ Giang Trạch Dân	Tam giảng, tam đại biểu, tam điểm của Giang, theo kịp thời đại, văn hóa tiên tiến, ổn định áp đảo hết thảy.
Từ năm 2002 đến nay	Thời kỳ Hồ Cẩm Đào	Xã hội hài hòa, lấy dân làm gốc, bảo tồn (giữ vị trí tiên phong), bát vinh bát nhục, trỗi dậy trong hòa bình, quan điểm phát triển khoa học, quan điểm vinh nhục của Chủ nghĩa Xã hội.

Ngôn từ của đảng mang tính chế độ là những từ ngữ được tạo ra liên quan đến các hoạt động của đảng (sinh ra đồng thời với các tổ chức), như “tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, đấu tranh, chiến sỹ thi đua, đại biểu, tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, lãnh đạo, cấp trên, hiệu triệu, phán đấu, ủy ban, báo cáo tư tưởng, tự kiểm điểm, phê bình và tự phê bình” v.v.. Những từ ngữ này trực tiếp định ra địa vị quyền uy, cơ cấu tổ chức, sự khống chế tư tưởng, thủ đoạn thống trị và mối quan hệ với quần chúng nhân dân của “đảng”, đây là loại ngôn ngữ thể hiện rõ nhất tính chất tà giáo của Trung Cộng.

VI.4-4 – Mỗi quan hệ giữa ngôn từ của đảng và ngôn từ bình thường

(1) – Ngôn từ của đảng bám vào ngôn ngữ dân tộc

Trung Cộng không tự sáng tạo ra một loại ngôn ngữ nào, mà nó sử dụng phương thức kế thừa hình thức căn bản của ngôn ngữ dân tộc và nhái nhét vào đó nội hàm của Văn hóa đảng, làm biến dị từ bên trong nội hàm ngôn ngữ dân tộc Trung Hoa. Vì vậy, đối với Hán ngữ hiện đại bị ngôn từ của đảng bám phụ thể ấy, thì ngữ âm biến đổi không nhiều và vẫn sử dụng những từ vựng cơ bản, còn sự biến hóa về cú pháp chủ yếu là kết quả của việc Âu hóa Hán ngữ sau cuộc vận động văn bách thoại. Việc chỉnh lý và làm biến dị Hán ngữ dưới sự kiểm soát của Trung Cộng thể hiện ở những phương diện sau đây:

(2) – Sáng tạo ra lượng lớn từ mới

Như: Khu Xô-viết, vùng căn cứ giáp ranh, hồng quân, đấu tranh, trường chinh, thống nhất chiến tuyến, chỉnh phong, cải cách ruộng đất, tổ đổi công, hợp tác hóa, công tư hợp doanh (hình thức kinh doanh do nhà nước và tư nhân cùng góp vốn), túc phản, điêu cán bộ xuống cơ sở rèn luyện, đại nhảy vọt, đường lối chung, công xã nhân dân, an cương hiến pháp, quốc khánh, người thép, cánh đồng Đại Trại, tinh thần Long Giang, hồng vệ binh, tấm gương cách mạng, theo phe tư sản, phe tạo phản, đại liên hợp, đội tuyên truyền công nhân, trợ giúp phe cánh tả, đại phê bình, đại minh đại phóng, đội thanh trừng giai cấp, ủy ban cách mạng, hồng sắc nương tử quân, phiếu lương thực, phiếu vải, phiếu dầu, dấu ăn giai cấp, thống soái chính trị, gió đông áp đảo gió tây (*phe chính nghĩa áp đảo phe phản diện*), tóm hai tay v.v.. Những từ ngữ này đều do Trung Cộng tạo ra trong hoạt động hàng ngày và trong các cuộc vận động chính trị, mặc dù sử dụng yếu tố Hán ngữ, nhưng về bản chất lại khác hẳn với nội hàm văn hóa dân tộc, nó hoàn toàn mang màu sắc văn hóa đảng.

(3) – *Làm sai lệch ý nghĩa của Hán ngữ*

Một số từ vựng tiếng Hán vốn đã tồn tại, trải qua thời gian dài bị Trung Cộng sử dụng sai lệch ý nghĩa, nghĩa của những từ này bị bóp méo, nghĩa của từ sau khi bị bóp méo lại được cố định lại trong từ điển của Trung Cộng, trở thành nghĩa cơ bản hoặc một trong những nghĩa cơ bản của từ vựng đó, ví dụ như “tích phi thành thị” (cái sai lặp đi lặp lại, lâu dần thành cái đúng), “rập khuôn làm theo”, mọi người vẫn tưởng rằng nghĩa gốc của những từ này là như thế, nên không có cảm nhận về nhân tố văn hóa đảng trong đó.

Như: Bí thư (nghĩa gốc là nhân viên thư ký, một chức vụ gần giống với văn thư. Trung Cộng rêu rao mình “toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”, vì vậy nó gọi giáo chủ của tà giáo Trung Cộng mang quyền lực tối cao là “bí thư”, khiến người ta cảm giác sai là họ “gần gũi với dân”, “phục vụ nhân dân”), kiểm thảo (nghĩa gốc là kiểm tra, nghiên cứu, thảo luận, ở Đài Loan vẫn sử dụng theo nghĩa này. Ép mọi người “kiểm thảo” là một trong những thủ đoạn chủ yếu để Trung Cộng tiến hành áp chế tư tưởng của quần chúng, đảng viên. Dưới chế độ thống trị của Trung Cộng, từ đảng viên cấp dưới cho đến lãnh đạo trung ương, từ học sinh tiểu học đến giáo sư lâu năm, hầu như ai cũng từng bị ép viết “kiểm thảo”. Trong “sổ kiểm thảo”, mọi người bị ép nhận rằng mình đã phạm lỗi, phải đào bới thật sâu căn nguyên những sai lầm trong tư tưởng của bản thân, thể hiện quyết tâm đi theo “đảng”, mong được sự khoan hồng của tổ chức), mê tín (người ta chỉ cần say mê tin tưởng vào điều gì đó, thì chính là mê tín, bản thân từ này không có nghĩa xấu. Con người đều ở trong mê, chỉ khác nhau là có “tin” hay “không tin” mà thôi. Nếu người ở trong mê có thể tin Thần, tin thiên lý, tin thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo, thì toàn bộ xã hội sẽ giữ được tiêu chuẩn đức độ cao, như vậy đối với mỗi người trong đó đều có chỗ tốt. Trung Cộng đã nhốt nhét những nội hàm như “mê muội”, “lạc hậu”, “phản khoa học” vào trong từ “mê tín”, nó không chỉ làm biến dạng Hán ngữ, mà còn làm bại hoại đạo đức xã hội), giác ngộ (vốn là một từ mang sắc thái văn hóa tu luyện, chỉ con người thông qua tu luyện

mà đạt được đại trí huệ và năng lực to lớn, “Phật” trong tiếng Phạn vốn có nghĩa là người thông qua tu luyện mà giác ngộ; Đảng Cộng sản đã liên hệ từ này với mức độ bị tẩy não của các đảng viên, nếu đảng tính áp đảo nhân tính thì chính là “giác ngộ cao”, nếu không thì là “giác ngộ kém”) v.v.



Trung Cộng biến nghĩa ví von của một số từ thành nghĩa thông thường, khiến cho những từ này cũng bị nhuộm màu sắc Văn hóa đảng. Ví dụ: gánh nặng (nguyên nghĩa là bưu kiện, hiện nay thường được dùng để chỉ gánh nặng tư tưởng. Người bị Trung Cộng tẩy não thường phải đối mặt với sự xung đột giữa “đảng tính” và “nhân tính”, “nhân viên công tác tư tưởng chính trị” của Trung Cộng thường khuyên người ta “vứt bỏ gánh nặng tư tưởng”, có nghĩa là chỉ cần vứt bỏ nhân tính, thì sẽ không còn chịu sự dằn vặt lương tâm nữa), tóc, mũ, gậy (“túm tóc”, “chụp mũ”, “quật gậy” là những thủ đoạn thường dùng trong các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng. Túm tóc nghĩa là nắm chặt lấy điểm yếu của kẻ thù chính trị; chụp mũ nghĩa là quy cho kẻ thù chính trị

hoặc đối tượng đả kích một tội danh đáng sợ, như “phản đảng, phản xã hội chủ nghĩa”, “công kích ác liệt Mao chủ tịch”, “hữu khuynh” v.v. từ đó chiếm thế thượng phong về mặt “đạo nghĩa”, sau đó thẳng tay trừng trị mà không phải lo lắng gì; quật gậy chính là “đấu tranh tàn khốc, đả kích vô tình”).

Trung Cộng là một tổ chức tà giáo khống chế vô cùng chặt chẽ, nó dùng phương thức khống chế quân đội để mở rộng ra khống chế toàn xã hội. Thể hiện qua ngôn ngữ, chính là rất nhiều từ ngữ đằng đẵng sát khí dùng trong quân sự đã trở thành những từ ngữ thông dụng hàng ngày, đây cũng là một trong những lý do chính vì sao người Hoa hải ngoại và người dân Hồng Kông cảm thấy lời nói của người dân Đại lục đầy sát khí. Những từ ngữ thường thấy như: “đội ngũ” (chỉ tập thể, đoàn đội), chiến tuyến (chỉ một lĩnh vực nào đó, ở Trung Quốc đại lục có một tạp chí khoa học tên là “mặt trận khoa học xã hội”), “lính”, “chiến sỹ” (chỉ thành viên, nhân viên công tác, thường đi cùng với “mặt trận” như “một người lính mới trên mặt trận giao thông của đảng”), “tiêu diệt” (chỉ ăn xong, làm xong v.v. như “anh phải tiêu diệt hết đĩa rau này”), “trận tiêu diệt” (chỉ hoàn thành nhiệm vụ, như “chúng ta đánh một trận tiêu diệt nhé”), “sức chiến đấu” (“tôi không còn sức chiến đấu nữa rồi” nghĩa là “tôi không ăn nổi nữa rồi”), “thu dọn chiến trường” (chỉ việc khắc phục hậu quả, giải quyết vấn đề), “tinh binh giản chính” (chỉ việc sa thải nhân viên dư thừa) v.v.

(4) – *Thay đổi sắc thái tình cảm của từ vựng*

Giá trị quan của Văn hóa đảng và văn hóa truyền thống hoàn toàn tương phản với nhau, biến giả thành thật, biến ác thành thiện, biến xấu thành đẹp, biểu hiện qua ngôn ngữ chính là Trung Cộng đảo lộn hàm nghĩa tốt xấu của một số từ. Những từ “đấu tranh”, “tinh chiến đấu” chưa từng được ca ngợi trong văn hóa nhân loại bình thường, nhưng Trung Cộng lại coi nó là những hành vi, tư tưởng đúng đắn nhất và truyền bá rộng rãi. Đồng thời nó nhồi nhét nội hàm phản diện những từ vốn mang ý nghĩa tốt đẹp hoặc những từ trung tính, như “thiện nhân” (trong “vận động cải cách ruộng đất” Trung

Cộng thường dùng để nói về “địa chủ”, như “Vương đại thiện nhân”, “Lý đại thiện nhân”. Trung Cộng ra sức phủ báng, bôi nhọ “địa chủ”, nên “thiện nhân” bị biến thành đồng nghĩa với “ác nhân”), “trung thành”, “nhân ái”, “lẽ nghĩa”, “hiếu thuận”, “quan thanh liêm”, “công hầu đế vương”, “tài tử giai nhân” (Trung Cộng đã biến những từ này thành “chủ nghĩa phong kiến”), “nhân tính”, “dân chủ” (Trung Cộng gọi là “giai cấp tư sản”), “thành tích” (“chủ nghĩa thành tích” nghĩa là chỉ chú trọng nâng cao kỹ năng làm việc mà thiếu cái gọi là “tính cách mạng”) v.v.

(5) – *Thay đổi hàm nghĩa liên tưởng của từ vựng*

Nghĩa của một từ vựng bao gồm nghĩa lý tính, nghĩa cảm tính, nghĩa kết hợp, nghĩa liên tưởng. Nghĩa liên tưởng chỉ một từ ngữ được sử dụng nhiều lần lặp đi lặp lại, tạo nên mối liên hệ gần như nhất định với một số nghĩa nào đó, chỉ cần nhắc đến từ này người ta sẽ liên tưởng đến một câu nói, một bối cảnh xã hội, thậm chí là một bối cảnh không khí văn hóa nhất định.

Ví dụ, màu đỏ vốn là một màu sắc phổ thông, nhưng vì Trung Cộng dùng màu đỏ để chỉ “cách mạng”, “tinh cách mạng”, nên chỉ cần nhắc đến màu đỏ, người ta có thể liên tưởng đến rất nhiều thông tin liên quan đến cách mạng cộng sản, như “giang sơn màu đỏ”, “người tiếp nối màu đỏ”, “một trái tim màu đỏ, hai bàn tay chuẩn bị”, “du lịch màu đỏ”, “ký ức màu đỏ”, “ánh sao màu đỏ lấp lánh” v.v.

Do Trung Cộng khống chế xã hội toàn diện và nghiêm ngặt, Văn hóa đảng bị nhồi nhét trên quy mô lớn trong thời gian dài, số lượng những từ loại này rất nhiều, chỉ khác nhau về mức độ. Ví dụ, “mưa gió” (chỉ đấu tranh, như “trải qua mưa gió nhìn rõ thế sự”), “mặt hàng” (chỉ đồ vật, ví dụ như “mặt hàng lõi thời của giai cấp tư sản”), “bàn tính” (chỉ kế hoạch, ý tưởng, ví dụ “kẻ địch đã bàn tính sai”), “áo khoác” (chỉ vê bể ngoài, đồ ngụy trang, ví dụ Trung Cộng nói Lâm Bưu là “khoác áo của chủ nghĩa Marx Lenin, thực hành theo đạo Khổng, Mạnh”), “ban cho mưa nắng” (Nhắm tó vê cho bản thân, Trung Cộng thường dùng từ này để ví với “sự quan tâm của đảng”), “thăm

hỏi ân cần” (trải qua sự tuyên truyền lâu dài của Trung Cộng, từ này thường khiến người ta liên tưởng đến các cán bộ Trung Cộng “quan tâm đến quần chúng nhân dân”) v.v.

(6) – *Cố tình dào thải, gạt từ vựng truyền thống ra ngoài lề*

Trong quá trình xây dựng Văn hóa đảng, Trung Cộng một mặt tạo ra nhiều từ mới hoặc làm sai lệch, lạm dụng từ vựng Hán ngữ, mặt khác lại cố tình dào thải hoặc gạt từ vựng trong văn hóa truyền thống ra ngoài lề, ví dụ những từ ngữ liên quan đến tu luyện (Thái cực Bát Quái, Hà đồ Lạc thư, âm dương ngũ hành, Đan Kinh Đạo Tạng), những từ ngữ liên quan đến đạo đức truyền thống (nhân quả báo ứng, nhân nghĩa lẽ trí tín) v.v.. Trong xã hội truyền thống, “nhân quả báo ứng” gần như là nhận thức chung của các thành viên toàn xã hội, nó phát huy vai trò cực to lớn trong việc duy trì tiêu chuẩn đạo đức của người dân và ổn định trật tự xã hội. Trong Văn hóa đảng, từ này không bị bỏ đi hoàn toàn mà bị trùm lên nghĩa phản diện, trở thành đối tượng bị coi thường, khinh miệt, nhạo báng.

(7) – *Cấu trúc câu, hành văn và tu từ*

Ngôn từ của đảng còn biểu hiện ở một số cấu trúc câu, cách hành văn và các biện pháp tu từ. Tính đấu tranh của Trung Cộng thẩm thấu vào trong mọi phương thức dùng từ, biểu hiện là ngôn ngữ mang ý thức đấu tranh, có lời không từ từ nói, chuyện hay lại nói thành dở, thường dùng những câu hỏi vặn và câu nói mỉa mai, khiến cho đối phương rơi vào tình cảnh bị động mà lúng túng, khó xử.

Khi chứng minh một đạo lý, người bị ảnh hưởng bởi Văn hóa đảng không giảng đạo lý với một tâm thái bình tĩnh, ôn hòa, thiện chí giúp người, mà là cãi bướng, cướp từ đoạt lý, nắm được lý lẽ thì không nhượng bộ, không có lý thì cũng cãi bắng được, thái độ vênh váo, hung hăng. Có người từng chỉ ra một vài đặc điểm trong cái gọi là “Mao ngữ thể”, những đặc điểm này không nhiều thì ít đã thẩm thấu vào trong phương thức sử dụng ngôn ngữ của người Trung Quốc bình thường. Những đặc điểm này bao gồm:

Thứ nhất, định tính (ấn định đặc tích). Ví dụ: “XXX là người thế nào? Là con chó trung thành của thế lực phản động người Hoa ở Tây phương”. Thứ hai, xưng hô theo nhóm. Ưu điểm là không thể chứng minh được anh ta (người nói) đang bịa đặt, hơn nữa anh ta không cần chịu bất cứ trách nhiệm nào khi phát ngôn. Ví như nói: “Ai ai cũng biết, quảng đại nhân dân Trung Quốc đều đã sớm nhìn rõ bộ mặt thật của anh ta”. Thứ ba, đổi vai trò tìm chứng cứ, tức là đẩy trách nhiệm tìm chứng cứ cho đối phương, kỳ thực bản thân không thể chứng minh, nhưng lại làm như thế người khác không thể chứng minh, từ thường dùng nhất là “không thể cho ai biết” hoặc “có dụng ý xấu”. Ví dụ như: “Nhất cử nhất động của anh ta đều có mục đích chính trị mà không thể để cho ai biết”. Thứ tư, hết thảy chứng cứ đều là giả. Đối với những sự việc không thể phản bác được thì anh ta sẽ chụp mũ là “giả dối”, “ác ý”, “thông tin giả”. Ví dụ: “Anh ta cứ luôn miệng nói XXX, thực tế đều là giả dối, chỉ có đảng chúng ta mới thực sự bảo vệ XXX”. Sau khi tội ác mổ cướp nội tang học viên Pháp Luân Công của Trung Cộng bị phơi bày, “người phát ngôn tin tức” của Trung Cộng giáo hoạt nói rằng: “Gần đây một số kênh truyền thông nước ngoài ngụy tạo tin tức giả về hoạt động cấy ghép nội tang của nước ta, công kích ác ý chế độ tư pháp nước ta”. Thứ năm, tóm lại, không cho đối phương bắt cứ đường thoái lui nào. Như: “Cho dù anh ta giáo hoạt thế nào cũng không thể phủ nhận bộ mặt vốn có XXX của mình”. Thứ sáu, tự hạ thấp bản thân theo kiểu “Ta là lưu manh nên ta chẳng sợ ai”. Như: “Đảng viên Đảng cộng sản chúng ta chính là phải đả kích không thương tiếc kẻ phản động như anh ta, không được nhân nhượng chút nào”.

Câu từ và văn chương thẩm đắm lối tư duy biến dị và tà ác của Trung Cộng, có thể do từ ngữ đặc thù của Trung Cộng tạo thành, cũng có thể do từ ngữ phổ thông tạo thành. Bất luận thế nào, những câu từ và văn chương này đều được tạo nên bởi phương thức tư duy Văn hóa đảng, tất cả đều mang dấu ấn rõ nét của Văn hóa đảng.

(8) – *Ngôn từ của đảng là một hệ thống*

Ngôn ngữ tồn tại như một hệ thống. Cách biểu đạt ý nghĩa và cách sử dụng một từ chịu sự chế ước của cả hệ thống. Ngôn từ của đảng cũng được xây dựng theo hệ thống. Trong quá trình này, một mặt Trung Cộng tạo ra một lượng lớn từ ngữ (và cả một hệ thống từ ngữ xưng hô), mặt khác, từ ngữ trong cuộc sống thường nhật, từ ngữ trong văn hóa truyền thống, từ ngữ trong văn hóa ngoại quốc bị tổ chức lại trong hệ thống ngôn từ của đảng và mang ý nghĩa mới. Vì vậy, trong ngôn ngữ mà người Trung Quốc sử dụng hiện nay, mặc dù số lượng những từ vựng Hán ngữ vốn có là không ít, nhưng do ý nghĩa và cách dùng bị Trung Cộng cải biến mạnh mẽ, nên những từ phổ thông này đa số đều mang sắc thái Văn hóa đảng.

“Đảng” giống như một lực hấp dẫn mạnh mẽ. Nó giống như một hố đen vũ trụ lao vào hệ mặt trời, trong nháy mắt thay đổi cách sắp xếp các hành tinh trong hệ mặt trời, “đảng” xâm nhập vào khồng gian ngôn ngữ Trung Quốc, nó cũng làm thay đổi ý nghĩa từ Hán ngữ và cách biểu đạt từ vựng Hán ngữ. “Đảng” cũng giống như một nguồn gây ô nhiễm nặng nề. Những nơi nào Văn hóa đảng vươn đến thì ngôn ngữ bình thường ở đó đều khó tránh khỏi bị nhiễm độc.

VI.4-5 – Ngôn từ của đảng thực chất là ngôn từ của xã hội đen được Trung Cộng cưỡng chế truyền bá cho toàn thể thành viên xã hội

Từ khi thành lập, Trung Cộng đã là một bè lũ lưu manh, chỉ có điều sau đó nó cướp đoạt được chính quyền, “kẻ cướp chính quyền trở thành vua”, bè lũ lưu manh đã được chính quyền hóa, tà giáo đã trở thành quốc giáo, trong lịch sử nhân loại chưa từng xuất hiện tình huống này, do vậy dù có trí tưởng tượng phong phú đến đâu, thông thường người ta cũng không thể hình dung nổi hoặc hoàn toàn không dám nghĩ đến điều này. “Cửu Bình Cộng sản đảng” lần đầu tiên tiết lộ Trung Cộng là một tà linh, tà giáo và lưu manh phản vú

trụ, theo một ý nghĩa nhất định, quyển sách đã bắt đầu cho một quá trình “tìm lại sự thật”, giúp mọi người có thể có cái nhìn đúng đắn về Trung Cộng.

Vì vậy, ngôn từ của đảng thực chất là một loại ngôn từ xã hội đen, hoặc là “từ lóng tập đoàn”, “từ lóng chính trị”. Thực chất việc Trung Cộng phổ biến ngôn từ của đảng chính là đem ngôn từ xã hội đen truyền bá đến toàn thể thành viên xã hội.

Ngôn từ xã hội đen còn gọi là ngôn ngữ bí mật, là ngôn ngữ được sử dụng trong nội bộ nhóm xã hội đen hay bang phái nào đó. Loại ngôn ngữ này thường không có hệ thống ngữ pháp và ngữ âm độc lập, nó là một hiện tượng biến dị ngôn ngữ phụ thuộc vào ngôn ngữ xã hội bình thường. Ngôn từ của đảng hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn này.

Ngôn từ xã hội đen có chức năng giao tiếp, chức năng bảo mật và chức năng nhận biết. Chức năng giao tiếp nghĩa là ngôn từ xã hội đen có thể có tác dụng biểu đạt và trao đổi ý kiến trong nội bộ bang phái; chức năng bảo mật chỉ người ngoài bang phái không thể hiểu được hàm ý của ngôn từ xã hội đen; chức năng nhận biết nghĩa là thành viên bang phái căn cứ vào việc một người có sử dụng và hiểu được từ lóng của bang phái đó hay không để phán đoán xem người đó có phải là “người của ta” hay không. Đáng chú ý là, chức năng giao tiếp và chức năng bảo mật của ngôn từ xã hội đen được đồng thời thực hiện, bởi vì nếu không có hành động giao tiếp thì không cần phải giữ bí mật gì; việc sử dụng ngôn từ xã hội đen vừa có thể giúp các thành viên trong bang phái biểu đạt ý kiến với nhau mà vẫn có thể giữ được bí mật đối với người ngoại bang.

Ngôn từ của đảng cũng có ba chức năng như vậy, nhưng phương thức phát huy tác dụng của ngôn từ của đảng thì phức tạp hơn. Người ta đã quen thuộc với những lời thoại mang ngôn từ xã hội đen trong vở kịch cách mạng điển hình “Dùng mưu trí dọa hổ”, như “thiên vương cái địa hổ”, “bảo tháp trấn yêu ma”, nhìn bề mặt chữ thì hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của những lời thoại này, phải là người biết được quy tắc giải mã của ngôn từ xã

hội đen mới có thể hiểu được. Nhưng những câu đằng sau “sao mặt đỏ thê” và “sao lại sợ xanh mặt rồi”, nghe vừa giống lời của người thường, vừa giống ngôn từ xã hội đen, có thể được hiểu theo hai tầng nghĩa. Mọi “ngôn từ của đảng” của Trung Cộng đều có hai tầng nghĩa này. Tầng nghĩa đầu bao gồm “phản tử tam phản”, “tam danh tam cao”, “tam cảo nhất soán”, “tam hòa nhất thiểu”, “tam tự nhất bao”, “ba định hướng”, “ba lợi ích”, “ba điều học tập”, “tam đại biểu”, “một trọng tâm, hai điểm cơ bản”, “tăng cường một ý thức, hoàn thiện hai cơ chế, thực hiện ba chuyển biến, nắm vững ba nguyên tắc”, v.v. người trong xã hội bình thường nếu không được giải thích thì khi đọc hoặc nghe những cụm từ này sẽ hoàn toàn không hiểu (kể cả khi đã nghe giải thích cũng rất khó lý giải hoàn toàn). Một số từ khác, nhìn bề ngoài cũng giống như từ ngữ bình thường, nhưng lại bị Trung Cộng đưa vào hàm nghĩa đặc biệt, đối với những từ này không thể lý giải theo ý nghĩa trên mặt chữ được. Điểm phức tạp của ngôn từ đảng của Trung Cộng là ở chỗ, cùng một cụm từ ngôn từ của đảng nhưng dùng phương thức giải mã ở tầng thứ khác nhau có thể hiểu được những ý nghĩa khác nhau. Những người càng đứng trên đỉnh cao kim tự tháp quyền lực của Trung Cộng, càng nắm được phương thức giải mã tầng cao, thì càng có thể nhìn ra hàm nghĩa chân thực của ngôn từ của đảng Trung Cộng. Ví dụ, gần đây Trung Cộng kêu gọi “xã hội hòa bình”, “lấy dân làm gốc”, những đảng viên tầng thấp và người dân bình thường không nắm được phương thức giải mã ngôn từ xã hội đen có thể sẽ cảm thấy Đảng Cộng sản muốn làm điều tốt cho quần chúng nhân dân, nhưng cán bộ cấp trung của Trung Cộng nắm được phương pháp giải mã nhất định, sẽ có thể lý giải một cách khá chính xác rằng “bây giờ đã bước vào thời kỳ ‘hài hòa áp đảo tất cả’, nếu ai dám biểu tình tố cáo, khóc lóc kêu oan, nói những lời ‘không hài hòa’ thì bộ máy chuyên chính của đảng sẽ không để yên!” Trung tâm quyền lực của Trung Cộng mới nắm được công cụ giải mã cao cấp nhất, chỉ họ mới biết hàm nghĩa thâm sâu nhất của từ “hài hòa”, “lấy dân làm gốc”: Làn sóng thoái đảng đã khiến cho nỗi sợ hãi mất đảng của Trung Cộng tăng

lên đến cực điểm, hai khẩu hiệu này có lẽ có thể cứu mạng, cứu vãn vận mệnh sụp đổ tan rã của Trung Cộng.



Do cơ chế bảo mật phức tạp của ngôn từ của đảng Trung Cộng, rất nhiều người ngoại quốc, bao gồm rất nhiều chuyên gia, học giả, chính khách đều bị Trung Cộng lừa gạt mà không biết. Một vị học giả ngoại quốc đã phân tích đặc điểm dùng từ trong bài xã luận và báo cáo đại hội đảng Trung Cộng đăng trên “Nhân dân nhật báo” vào dịp Tết Nguyên đán, dùng phương pháp thống kê tần suất xuất hiện từ ngữ để phân tích xu hướng chính trị của Trung Cộng. Nhưng Trung Cộng là kẻ “nói nhưng không làm, làm nhưng không nói”, phương pháp nghiên cứu của vị học giả này không cách nào phát hiện ra xu hướng chính trị của Trung Cộng, cùng lắm chỉ có thể nhận ra xu hướng đối trả của Trung Cộng mà thôi.

Chức năng nhận biết của ngôn từ của đảng thể hiện ở chỗ, thông qua cách nói của một người, các đảng viên có thể nhận biết người này có phải

thành viên của đảng hay không và mức độ nhận thức của anh ta về văn hóa đảng đến đâu. Vào năm 2000 đã xảy ra sự kiện cựu lãnh đạo Trung Cộng Giang Trạch Dân quát mắng một nữ phóng viên Hồng Kông. Nếu nhìn lại bối cảnh lúc đó, chúng ta sẽ phát hiện ra câu hỏi của phóng viên Hồng Kông vô cùng đơn giản, thế nhưng qua câu hỏi đơn giản như vậy, Giang lại phán xét chính xác rằng: Cô phóng viên này không đồng tình với chính sách Hồng Kông của Trung Cộng, nên đã lớn tiếng quát tháo. (Phóng viên: Chủ tịch Giang, ngại cảm thấy việc ông Đổng liên tiếp giữ chức vụ có tốt không?/ Giang: Tốt chứ! / Phóng viên: Trung ương cũng ủng hộ ông ấy chứ?/ Giang: Đương nhiên rồi! / Phóng viên: Không lo rằng việc này sẽ ảnh hưởng đến nền tự trị của Hồng Kông sao? / Giang: (Lớn tiếng quát tháo)

Tháng 07 năm 2005, tổ phó “tổ lãnh đạo hoạt động bảo tồn”, thứ trưởng Bộ Tổ chức Trung ương Lý Cảnh Điện đã giới thiệu với giới truyền thông về tình hình “bảo tồn” của Trung Cộng. Có phóng viên hỏi: “Mấy tháng gần đây, ở vùng nông thôn Trung Quốc xuất hiện một số hiện tượng bạo loạn, xin ông cho biết Đảng Cộng sản Trung Quốc xử lý những vụ bạo loạn này như thế nào?” Lý Cảnh Điện trả lời: “Rất cảm ơn sự quan tâm của cô tới tình hình nông thôn Trung Quốc. Nhưng, tôi có thể khẳng định với cô rằng, những sự việc xảy ra gần đây ở nông thôn Trung Quốc, chúng tôi gọi là “sự kiện mang tính tập thể” chứ không gọi là bạo loạn”. Lý Cảnh Điện cũng đã ngay lập tức nhận ra cô phóng viên này không phải là thành viên của bang phái Trung Cộng.

Người Trung Quốc sống lâu dài trong chế độ Trung Cộng, để hiểu được tình hình chân thực của cục diện chính trị, họ đã phát triển bản lĩnh siêu thường đọc hiểu các văn kiện và báo chí Trung Cộng. Họ rất giỏi phán đoán xu hướng chính trị của Trung Cộng qua các câu chữ, thứ tự sắp xếp các lãnh đạo, hoặc sự thay đổi “cách đề xuất vấn đề” nào đó. Trung Cộng đã lũng đoạn tất cả các nguồn tin tức của người dân, nên người dân bất đắc dĩ phải làm như vậy. Họ có lẽ có thể phát hiện ra một chút manh mối của những thay

đổi về chính trị, nhưng vì phương thức giải mã ngôn từ của Trung Cộng cũng không ngừng thay đổi, nên cách “giải mã tự phát” này tất nhiên có chỗ phiến diện và sai khác, thậm chí sai khác hàng nghìn lần. Quan trọng hơn là thủ đoạn “làm chính trị” bẩn thỉu này của Trung Cộng còn không bằng cả bẩn đảng xã hội đen, người Trung Quốc sao có thể cho phép nó tiếp tục hại nước hại dân được?

Do tập đoàn Trung Cộng chiếm vị trí thống trị quốc gia, nên những “từ lóng tập đoàn”, “ngôn từ xã hội đen” trong ngôn từ của đảng đã được mở rộng thành một loại “từ lóng chính trị”. “Từ lóng chính trị” là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử ngôn ngữ học nhân loại, nó cũng chưa từng được phát hiện trong các hình thái xã hội khác, nó lấy lợi ích của tập đoàn làm nòng cốt, khống chế mọi phương thức giao tiếp bằng ngôn ngữ vì mục đích chính trị, truyền bá cương lĩnh, hình thái tư tưởng hẹp hòi, thậm chí tà ác, dùng phương thức hoạt động của bang phái để thay thế cho phương thức vận hành bình thường của quốc gia và xã hội, làm thay đổi tư tưởng và hành vi của con người, chiếm đoạt, khống chế tinh thần và linh hồn của dân tộc.

VI.5 – ĐẶC TRƯNG CỦA NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG

Ngôn từ của đảng có rất nhiều đặc điểm dễ nhận ra. Ví dụ, ngôn từ của đảng có tính “giả dối, phóng đại, vu khống”, man rợ, thô tục, sắc mùi máu tanh (theo thống kê “từ điển tần suất Hán ngữ hiện đại” do Trung Quốc Đại lục xuất bản năm 1986, trong số tất cả từ vựng Hán ngữ hiện đại bao gồm các thực từ và hư từ, tần suất sử dụng động từ “chết” đứng vị trí thứ 237, từ “giết” xếp vị trí thứ 940). Ngoài ra, do Đảng Cộng sản giành chính quyền bằng cách tao phán, quản lý người dân Trung Quốc theo kiểu quân sự hóa, nên từ ngữ mang màu sắc quân sự trong ngôn từ của đảng có rất nhiều. Ở đây chúng tôi tập trung phân tích bốn đặc trưng của ngôn từ của đảng.

vi.5-1 – Trung Cộng lũng đoạn quyền định nghĩa từ ngữ

Ngạn ngữ phương Tây có câu: “Việc của Caesar là của Caesar, việc của Thượng đế là của Thượng đế”. “Chính trị chỉ là một tầng diện của toàn bộ kết cấu xã hội, trong tình huống thông thường, chính trị sẽ cùng phát huy tác dụng với tín ngưỡng, đạo đức, tập tục, v.v.. Một chính quyền theo nghĩa thông thường sẽ không có ý định giải quyết tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống con người, càng không định giải quyết những vấn đề quan tâm cuối cùng của nhân sinh như “Con người từ đâu đến? Đi về đâu? Mục đích đời người là gì?” Nhưng Trung Cộng là một chính quyền tà giáo mà tôn giáo và chính trị được hợp nhất, nó tất nhiên phải đưa ra một bộ lý giải về trời, đất, con người, hành vi, sinh hoạt và tư tưởng con người để thay thế cho chức năng câu thúc và điều tiết xã hội của tín ngưỡng chính giáo, đạo đức truyền thống và phong tục tập quán. Ngôn từ của đảng do Trung Cộng tạo nên một cách có hệ thống đã cấu thành một thế giới ảo tưởng hoàn chỉnh, bao trùm kín kẽ lên thế giới chân thực, quy định ra thể chế chính trị và kết cấu xã hội, chế ước tư tưởng, hành vi của con người.

Nhìn từ bê ngoài, hệ thống ngôn từ của đảng là một quá trình biến hóa không ngừng, nhưng, quy tắc căn bản của hệ thống ngôn từ của đảng thì tuyệt đối không đổi, thay đổi thì cũng đồng nghĩa với việc tự nó giải thể. Quy tắc căn bản này là: Hệ thống ngôn từ của đảng là để phục vụ cho việc duy hộ sự thống trị độc tài của tà giáo Trung Cộng, sự “thay đổi” của ngôn từ của đảng cũng không được gây tổn hại đến lợi ích căn bản của “đảng”. Thế nên, “đảng” tất nhiên sẽ lùng đoạn quyền giải thích hệ thống ngôn từ của đảng. Điểm này cho thấy ngôn từ của đảng suy cho cùng là một hệ thống khép kín.

Trong cuốn “Từ điển Hán ngữ hiện đại” (Nhà xuất bản Thương vụ, 1981) của chính quyền Trung Cộng, một lượng lớn cách giải thích từ ngữ tràn ngập giáo dục chính trị, tuyên truyền tẩy não của Đảng Cộng sản, Đảng Cộng sản đã biến cuốn sách công cụ tra cứu theo nghĩa truyền thống thành

cuốn “từ điển chính trị văn hóa đảng hiện đại”. Những từ dưới đây xã hội bình thường vẫn đang sử dụng, nhưng Trung Cộng lại giải thích về những từ này hoàn toàn khác.



“Đảng – chính đảng, ở nước ta là chỉ Đảng Cộng sản Trung Quốc.” “Đảng” trong chữ chính thể nghĩa là “tôn sùng sự hắc ám”, Khổng Tử nói: “Quân tử quân nhi bất đảng” (nghĩa là: *người quân tử có thể quân tú nhưng không kết bè đảng*), “kết đảng” tất nhiên phải “mưu lợi riêng”, “cùng đảng” thì phải “phạt dị” (“phạt” kẻ khác biệt, không cùng đảng”), đây là một từ mang nghĩa xấu theo truyền thống. “Lập đảng vì công” (*thành lập đảng vì lợi ích chung*) vốn là cách nói tự bản thân nó đã có mâu thuẫn, trong tu từ học Tây phương được gọi là “từ sửa chữa có tính mâu thuẫn” (oxymoron). Trung Cộng dùng từ “đảng” làm danh từ riêng cho mình, đảng không đâu không có mặt, thống trị tất cả, từ này đã bị Trung Cộng cưỡng chế đưa vào nghĩa tốt, nghĩa chính diện.

"Giải phóng – cởi trói, được tự do và phát triển, chuyên dùng chỉ việc lật đổ sự thống trị phản động".

"Cách mạng – giai cấp bị áp bức dùng bạo lực để cướp đoạt chính quyền, phá bỏ chế độ xã hội cũ suy đồi, xây dựng chế độ xã hội mới tiến bộ. Cách mạng phá bỏ quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới".

"Dân chủ – chỉ việc về mặt chính trị thì người dân có quyền được tự do phát biểu ý kiến, tham gia quản lý chính quyền quốc gia. Dân chủ có tính giai cấp, như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ có dân chủ của giai cấp tư sản, không có dân chủ của giai cấp vô sản. Ở nước ta, nhân dân được hưởng dân chủ rộng rãi và chân chính nhất".

Trung Cộng không chỉ lũng đoạn quyền giải thích từ ngữ mà còn lũng đoạn quyền giải thích pháp luật, quyền giải thích chân lý, cũng tức là quyền khống chế đối với chân lý. Có quyền bá chủ ngôn ngữ rồi, Trung Cộng bất cứ lúc nào cũng có thể ngụy trang thành hóa thân của chân lý.

VI.5-2 – Tính đa tầng nghĩa và tính lừa gạt của ngôn từ của đảng

Văn hóa đảng mang tính đa tầng nghĩa, có thể phân thành Văn hóa đảng bề mặt, Văn hóa đảng trung tầng và Văn hóa đảng tầng thâm sâu. Văn hóa đảng bề mặt thì "hót như khưỚU", dùng để lừa gạt và khống chế đại chúng; Văn hóa đảng trung tầng dùng để duy trì các hoạt động căn bản của đảng; Văn hóa đảng tầng thâm sâu có mục đích để duy hộ sự sống còn của đảng, không gì không dùng đến nó, nó là đảm bảo căn bản cho sự tồn tại, phát triển của đảng. Đảng và lãnh đạo đảng không bị chế ước bởi Văn hóa đảng bề mặt, họ chỉ coi Văn hóa đảng bề mặt là một công cụ. Tính đa tầng thứ của Văn hóa đảng là một chướng ngại quan trọng khiến mọi người khó mà nhận thức được bản chất Văn hóa đảng.

Ngược lại, ngôn từ của đảng cũng có thể phân thành ngôn từ của đảng ở bề mặt, ngôn từ của đảng trung tầng và ngôn từ của đảng tầng thâm sâu. Ngôn

từ của đảng bề mặt bao gồm những ngôn ngữ mang hình thái ý thức tốt đẹp nhất của Trung Cộng, "vì nhân dân phục vụ", "nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa", "lấy đức trị quốc", "xã hội hài hòa", v.v.. Ngôn từ của đảng trung tầng phối hợp với quá trình vận hành bình thường của chính quyền Trung Cộng, người bình thường dễ lầm lộn nó với những từ ngữ hành chính được chính phủ sử dụng thông thường khi thực hiện chức năng quản lý. Ngôn từ của đảng trung tầng bao gồm những từ ngữ được phân tích kỹ ở phần trước như "tuyên truyền, quán triệt, chấp hành, đấu tranh, chiến sỹ thi đua, đại biểu, tinh thần hội nghị, đường lối, nhận thức, lãnh đạo, cấp trên, hiệu triệu, phấn đấu, ủy ban, báo cáo tư tưởng, tự kiểm điểm, phê bình và tự phê bình". Ngôn từ của đảng tầng thâm sâu không có đặc trưng về hình thái, rất có thể chỉ là tiếng lóng, nhưng vì nó phơi bày rõ tính cực đoan, tàn bạo, vô liêm sỉ, bản chất lưu manh của Trung Cộng, nên trong tình huống bình thường nó chỉ lưu truyền trong nội bộ thành phần nòng cốt của Trung Cộng. Loại ngôn từ của đảng này bao gồm những câu như: "Nịnh nọt, ton hót thì không tốt, nhưng vì công tác cách mạng thì lại tốt và nên làm" của Lưu Thiếu Kỳ, "Học sinh mà không nghe lời thì cho một liên đội súng máy (xử lý) là xong." của Đặng Tiểu Bình, "Pháp Luân Công giảng Chân – Thiện – Nhẫn, có thể thẳng tay mà đàn áp" của Giang Trạch Dân v.v.. Đáng chú ý là, có lúc Trung Cộng để cho ngôn từ của đảng tầng thâm sâu biểu hiện ra trên bề mặt để biểu đạt mục đích đặc biệt nào đó. Ví dụ như kiểu bộc bạch của Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình: "Ta là lưu manh thì ta còn sợ ai" đã kích động sự sùng bái bạo lực của rất nhiều người. Luật điệu của vị tướng Trung cộng Chu Thành Hổ: "Không tiếc hy sinh tất cả những thành phố tính từ Tây An về phía đông để đánh một trận đại chiến tranh hạt nhân với nước Mỹ, phát ngôn của nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trí Hạo Điển "đẹp sạch nước Mỹ", chính là Trung cộng giả vờ "vô tình" tiết lộ cho thế giới, nhằm mục đích thăm dò phản ứng của nước kia, đồng thời tuyên bố rõ ràng với đối phương rằng nó là một kẻ săn sàng liều chết, gây cú sốc tâm lý cho đối phương.



một cách máy móc ngôn từ của đảng trung tầng, và trở thành một phần tử của tổ chức tà giáo Trung Cộng. Tiến sâu hơn, người ta nếm trải những “lợi ích” của việc dựa vào Văn hóa đảng, tham nhuần hàm nghĩa chân thực của ngôn từ của đảng tầng thâm sâu (đuy hộ cho lợi ích và sinh tồn của đảng một cách ích kỷ, cực đoan), từ đó hoàn toàn trói buộc bản thân vào đảng, vinh cùng hưởng, nhục cùng chịu.

Con người hiện nay phản đồng đều vô cùng phản cảm với ngôn từ của đảng trên bề mặt, họ không nhận thức rõ ràng ngôn từ của đảng ở trung tầng thực chất là để duy hộ sự thống trị độc tài của Trung Cộng, còn đối với ngôn từ của đảng tầng thâm sâu họ không biết hoặc không dám tin rằng những từ ngữ cực đoan, ích kỷ, tàn bạo, vô liêm sỉ này mới thể hiện bản chất thực sự của Trung Cộng. Xét một cách tương đối, tính lừa gạt của ngôn từ của đảng bề mặt khá yếu, tính lừa gạt của ngôn từ của đảng trung tầng khá mạnh. Ngôn

Quá trình một người bình thường bị Văn hóa đảng khống chế là một quá trình từ nồng cạn đến thâm sâu. Ban đầu bị ngôn từ của đảng bê mặt lừa gạt (sự kích động trong thời kỳ cách mạng, sự ngây thơ, trong sáng của lớp thiếu niên nhi đồng, tinh thần sục sôi nhiệt huyết của lớp thanh niên), tiến thêm một bước là thái độ phản cảm với ngôn từ của đảng bê mặt (nhưng lại không dám nói ra), rồi khi quen thuộc với nó đến mức thành tự nhiên như ngựa quen đường cũ, người ta lặp lại

từ của đảng tầng thâm sâu không che đậy sự tà ác của đảng, nhưng không thể xuất hiện trên các văn kiện và các kênh truyền thông chính thức, không thể quảng bá rộng cho người ta biết. Mặt khác, mức độ tà ác của Trung Cộng vượt khỏi sức tưởng tượng của người bình thường, nên để hiểu được ngôn từ của đảng tầng thâm sâu rốt cuộc có ý nghĩa gì, điều này cũng cần phải có dũng khí lớn và trí tuệ sáng suốt.

Cần nói rõ rằng, mặc dù ở Trung Quốc hiện nay hầu như không còn ai tin vào ngôn từ của đảng bê mặt nữa, nhưng trong tuyên truyền Trung Cộng lại không thể tách khỏi ngôn từ của đảng bê mặt, vì Trung Cộng cần dùng nó để lừa gạt người ngoại quốc, và tung hỏa mù trong nội bộ Trung Cộng để lừa gạt lẫn nhau, đồng thời lừa gạt lương tâm của các đảng viên.

VI.5-3 – Tính trừu tượng và tính ngụy biện của ngôn từ của đảng

Lời nói của người bình thường luôn luôn cụ thể, có cảm xúc, dễ hiểu và dễ nắm bắt. Cố nhân Trung Quốc chú trọng tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, “tự thiện tử dĩ chí vu thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân làm căn bản” (Nghĩa là: *tự Thiện tử cho đến thường dân, tất cả đều lấy việc tu thân làm căn bản*). Một người cho dù có khát vọng lớn đến đâu cũng đều phải bắt đầu từ những việc cơ bản nhất như làm việc tì mỉ, trước sau như một, hiếu kính phụ mẫu, yêu thương huynh đệ. Tín ngưỡng chính thống và hệ thống đạo đức luôn luôn dùng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu để biểu đạt, ví dụ những tiêu chuẩn như “không được giết người”, “không được trộm cướp”, “không được tạo bằng chứng giả hám hại người khác” trong “10 điều răn của Chúa”, vô cùng cụ thể và không cần trình độ giáo dục cao, ai ai cũng có thể hiểu và thực hành theo.

Nhưng, “ngôn từ của đảng” của Trung Cộng lại mơ hồ, trừu tượng khác thường. Tính trừu tượng cao của ngôn từ của đảng khiến cho Trung Cộng rất dễ đổi trắng thay đen, sớm nắng chiều mưa, đùa cợt, ngụy biện, lừa gạt người dân trong nước và thế giới. Trung Cộng cưỡng ép nhốt nhét bộ từ ngữ của

đảng này vào đầu những người trí thức và người dân thường, có thể đạt đến mức khiến người ta thà tin vào thứ ngôn ngữ rườm rà, khó hiểu của Trung Cộng chứ không tin vào sự phán đoán thông thường của bản thân.

Trước cái gọi là “cải cách ruộng đất”, vùng nông thôn phía Bắc Trung Quốc có mối quan hệ gia tộc vô cùng hòa thuận, hoàn toàn không có kiểu đấu tranh gai cáp một sống hai chết, giữa địa chủ và người làm thuê là mối quan hệ hợp tác, hỗ trợ. Nhưng sau khi Đảng Cộng sản đến, ngoài việc kích động, xúi giục lũ lưu manh địa phương tạo phản, nó còn tiêm nhiễm vào người nông dân sự hận thù gai cáp. Đa số mọi người mặc dù cả đời chưa từng gặp phải “địa chủ ác bá” như Trung Cộng miêu tả, nhưng Trung Cộng lại ngụy biện rằng, cướp bóc và áp bức nhân dân lao động là “bản chất gai cáp” của “gai cáp địa chủ”, vì vậy trải nghiệm mang tính “cá biệt” của những người nông dân không thể làm thay đổi kết luận mang tính “khoa học” của “chủ nghĩa Marx Lenin”, “tư tưởng Mao Trạch Đông”. Một mặt mọi người xuất phát từ sợ hãi và lãng quên, mặt khác không cách nào bác bỏ được cách nói trừu tượng của Trung Cộng về “bản chất gai cáp”, nên dần dần người ta bắt đầu tin tưởng thực sự có tồn tại một gai cáp địa chủ, gai cáp này áp bức bóc lột những người dân nghèo khổ, muốn sống yên ổn thì hoặc là tiêu diệt bọn họ, hoặc phải khiến cho họ sống dưới nền chuyên chính vô sản “chỉ được im lặng ngoan ngoãn, không được nói bùa làm càn”.

Hiện tượng này vô cùng điển hình. Sở dĩ sự đối trá của Trung Cộng có thể thuận lợi, thông suốt, không gặp trở ngại là do tính trừu tượng và tính ngụy biện xảo trá của ngôn từ của đảng có mối quan hệ rất lớn. Trong các cuộc vận động chính trị hết lần này đến lần khác trong lịch sử của Trung Cộng, đều đã từng xuất hiện loại hiện tượng này – không tin tưởng những tình cảm, luân lý tự nhiên như tình thân, tình bằng hữu, thậm chí không tin vào trải nghiệm của bản thân mình, mà lại tin theo những lý luận cực đoan của Đảng Cộng sản trái ngược với cái tình cảm lý thông thường. Cũng vì thế mà gây ra biết bao thảm cảnh cha con phản bội lẫn nhau, vợ chồng thù hận

lẫn nhau trong thời Cách mạng Văn hóa.

Theo thống kê trong cuốn “Từ điển tần suất Hán ngữ hiện đại”, xét về tần suất sử dụng, từ “chủ nghĩa” xếp ở vị trí thứ 37 trên tổng số các từ vựng Hán ngữ hiện đại (bao gồm thực từ và hư từ), và xếp thứ 4 trong số tất cả danh từ (chỉ đứng sau từ “nhân” và hai từ chỉ phương vị “trên”, “trong”). “Chủ nghĩa” xuất hiện 253 lần trong báo cáo đại hội thứ 12 của Trung Cộng, 250 lần trong đại hội thứ 13, 216 lần trong đại hội thứ 14, 253 lần trong đại hội thứ 15, 155 lần trong đại hội thứ 16. Trong các văn kiện, báo chí, sách giáo khoa của Trung Cộng, những cụm từ đứng đầu là “chủ nghĩa” thường gặp là chủ nghĩa Marx Lenin, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa mệnh lệnh, chủ nghĩa gia tộc, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa mạo hiểm, chủ nghĩa đào tẩu, chủ nghĩa bế quan, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa anh hùng, chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa một cuốn sách, chủ nghĩa một cốc nước, v.v.. Cho đến nay, có lẽ không ai có thể làm rõ những từ này rốt cuộc đại biểu cho ý nghĩa gì, nhưng trong các cuộc vận động chính trị của Trung Cộng, cái mủ “chủ nghĩa XX” đã từng đầy hàng nghìn hàng vạn người vào chõ chết.

Tính trừu tượng của ngôn từ của đảng thuận tiện cho Trung Cộng tùy ý giải thích từ ngữ dựa theo nhu cầu chính trị của nó. Nếu từ ngữ sử dụng quá cụ thể, thẳng thắn, mọi người đều có thể hiểu, thì Trung Cộng không dễ dàng mà lừa gạt như vậy. Trừu tượng một chút, mọi người đều thấy mơ hồ, thì Trung Cộng có thể tùy ý giải thích. “Chủ nghĩa xã hội” thời của Mao Trạch Đông là “tiếp tục cách mạng dưới điều kiện chuyên chính gai cáp vô sản”, thời Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền lại để xuất nghèo khổ thì không phải là “chủ nghĩa xã hội”, thời của Giang thì có thể cho nhà tư bản gia nhập đảng, rốt cuộc cái gì là “chủ nghĩa xã hội”? Nói trắng ra – phàm là thứ mà

Đảng Cộng sản làm thì đều là “chủ nghĩa xã hội”.

Những ngôn từ của đảng trùu tượng như “giai cấp”, “đường lối”, “nhận thức”, “cánh tả”, “cánh hữu”, “tiến bộ”, “phản động”, “chế độ công hữu” (người dân chỉ được sở hữu trên lý thuyết, chỉ Trung Cộng thực sự được sở hữu), “chủ nghĩa xã hội”, “đặc sắc Trung Quốc” v.v. đã tạo nên những tấm màn đen trùng trùng, mà tập đoàn quyền lực Trung Cộng nấp ở đằng sau tấm màn đó, vì lợi ích và sự sống còn của tập đoàn, một mặt trong nội bộ nó cấu xé lẫn nhau một cách vô liêm sỉ, mặt khác nó vẫn phạm tội trắng trợn với người dân.



VI.5-4 – Tính tiếp thu và tính sáng tạo của ngôn từ của đảng

Ngôn từ của đảng còn có đặc điểm là tính thu nạp và tính sáng tạo. Tính thu nạp chỉ Trung Cộng có sở trường trong việc chỉnh lý, thu nạp ngôn từ của người bình thường và biến nó thành của mình, thậm chí dùng lời phê bình của người khác để làm đẹp cho mình. Trung Cộng còn vô liêm sỉ đến mức lấy tất cả thành quả văn minh trong lịch sử nhân loại để biện hộ cho bản thân.

Những từ vốn mang ý nghĩa tốt đẹp như “ái quốc”, “sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”, “lấy đức trị quốc” bị Trung Cộng trộm dùng trong thời gian dài, hiện nay người ta hầu như không thể sử dụng những từ này một cách bình thường mà không cảm thấy phản cảm.

Tính sáng tạo nghĩa là sau khi đã hình thành tư duy Văn hóa đảng thì có thể sáng tạo ra từ mới, thể hiện “sức sống đi cùng thời đại của chính quyền Trung Cộng”. Trung Cộng có tổ chức nghiêm ngặt và sự khống chế nghiêm ngặt đối với xã hội. Một khi đầu não của chính quyền tà ác này – người lãnh đạo hoặc trung ương đảng – đã quyết định phương châm chính sách gì, thì những tổ chức cấp dưới của chính quyền sẽ giống như tay chân của nó, hoàn toàn chấp hành chính sách này, trong quá trình thực hiện đã sinh ra một lượng lớn ngôn từ của đảng.

Trong những năm gần đây phương thức chủ yếu để sáng tạo từ mới của Trung Cộng bao gồm: Văn hóa đảng + từ dùng trong văn hóa truyền thống, ví dụ “đức trị”, “xã hội hài hòa”; Văn hóa đảng + thuật ngữ khoa học kỹ thuật, ví dụ “công trình XX” (công trình hy vọng, công trình an cư, công trình cung cấp thực phẩm, công trình cung cấp lương thực, công trình tái tuyển dụng, công trình 211, năm công trình; Văn hóa đảng + thuật ngữ Tây phương, ví dụ “ý thức xx” (ý thức chính đảng, ý thức thủ đô, v.v.

Hậu quả của tính thu nạp và tính sáng tạo của ngôn từ của đảng là: Sau khi một loạt ngôn từ của đảng bị đào thải rồi, thì một loạt “ngôn từ của đảng” mới lại được nhanh chóng tạo ra; trong quá trình sử dụng, ngôn từ của đảng bị pha trộn, biến dạng làm xuất hiện một số lượng khổng lồ, muôn hình vạn trạng các biến thể của nó, nội hàm Văn hóa đảng của những từ mới này khiến cho người ta khó mà đề phòng được.

VI.6 – HẬU QUẢ CỦA VIỆC PHỔ BIẾN NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG

VI.6-1 – Hiện thực mất nước qua văn hóa và ngôn ngữ

Trong lịch sử Trung Quốc và nhân loại, kẻ ngoại lai đến xâm lược chỉ chiếm lĩnh đất đai, chứ không thể thuần phục được cả một dân tộc, bởi vì chỉ cần người dân bị xâm lược còn giữ được tinh thần dân tộc thì sẽ không dễ dàng bị khuất phục. Trong lời dẫn của bài này có nói, ngôn ngữ tạo nên diện mạo tinh thần bản sắc dân tộc. Vì vậy để hủy hoại tinh thần của dân tộc, kẻ xâm lược ngoài việc chiếm hữu đất đai, còn phải phá hủy văn hóa truyền thống vốn có của dân tộc đó; mà hủy hoại ngôn ngữ – công cụ tải thể của nền văn hóa, chính là một trong những thủ đoạn hữu hiệu nhất để hủy diệt văn hóa dân tộc, tinh thần dân tộc. Ví dụ trong cuộc chiến Phổ – Pháp năm 1870, nước Phổ sau khi chiếm nước Pháp, liên minh toan bắt phải dạy tiếng Đức ở các trường học nằm trong khu vực chiếm đóng, cấm dùng tiếng Pháp. Trung Cộng đã áp dụng nhiều thủ đoạn để hủy hoại văn hóa truyền thống Trung Hoa, làm biến dạng và thay thế ngôn ngữ là một trong số đó.

Ngược lại với thái độ ngôn ngữ chú trọng “bồi dưỡng đạo đức, hoàn thiện phẩm cách, giáo hóa nhân tính” của văn hóa truyền thống, ngôn ngữ của Trung Cộng là để phục vụ cho lợi ích của tập đoàn này, giả dối là linh hồn của ngôn ngữ Trung Cộng. Ngôn ngữ của Trung Cộng không chỉ giả dối mà còn méo mó, lệch lạc. Nó dùng một bộ từ vựng thật giả giả, âm thầm biến dạng tư tưởng của con người. Nó dùng một hệ thống ngôn ngữ kiểu treo đầu dê bán thịt chó, thay đổi hoàn toàn chiều hướng phát triển của lịch sử dân tộc, cuối cùng hủy diệt truyền thống và tinh thần dân tộc Trung Hoa được Thân truyền lại mà người dân không hề biết. Văn hóa chính thống của Trung Hoa đã hoàn toàn biến mất, và bị thay thế toàn diện bằng nội dung Văn hóa đảng. Dân tộc Trung Hoa từ đó đã chênh ra khỏi quan hệ hài hòa với vũ trụ, bị đặt sai vị trí trên thế giới, đối lập với tinh thần vốn có của nhân loại, phương thức sinh tồn và hướng phát triển của cả dân tộc Trung Hoa đã đi ngược lại với quy đạo mà tạo hóa đã sắp đặt.

Nguồn gốc của ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc là gì, đa số người Trung Quốc ngày nay đều không biết, họ còn tưởng rằng người Trung Quốc từ xưa đến nay vẫn nói như vậy. Hệ thống ngôn từ của đảng đã bóp nghẹt tinh thần và sức sống dân tộc, tăng cường, củng cố năng lượng và sức trói buộc của hệ thống phản nhân loại này.

Trong lịch sử người Trung Quốc vẫn luôn tự hào về khả năng đồng hóa mạnh mẽ của văn hóa Trung Quốc. Văn hóa Trung Quốc trong thời kỳ hòa bình vô cùng huy hoàng khiến cho các nước khác phải đến chầu bái, ngay cả khi Trung Quốc bại trận hay mất nước thì khả năng đồng hóa các nền văn hóa dị tộc của nó vẫn biểu hiện mạnh mẽ. Triều đình Nguyên Mông và Mãn Thanh đã bị khuất phục bởi sự bác đại tinh thần của văn hóa Trung Hoa, cam tâm tình nguyện thần phục trước sức mạnh thần kỳ ấy, họ đã truyền thừa những tinh hoa của dân tộc Trung Hoa.

Qua phân tích tổng hợp số lượng lớn từ ngữ, chúng ta không thể không đổi diện với một hiện thực quan trọng: Lịch sử không thể khuất phục của văn hóa Trung Hoa đã bị viết lại. Văn hóa Trung Hoa đã bị Đảng cộng sản thay thế bằng chủ nghĩa Marx Lenin tà ác ngoại lai, trên phương diện văn hóa và ngôn ngữ thì người Trung Quốc đã sớm bị mất nước rồi.

VI.6-2 – Ngôn từ của đảng cưỡng chế thay đổi cuộc sống của người dân Trung Quốc

Ngôn từ của đảng là bộ phận ngôn ngữ được người Trung Quốc hiện nay sử dụng nhiều nhất, có tính hành động và tính chi phối mạnh nhất. Tính chi phối của ngôn từ của đảng biểu hiện chủ yếu ở: thứ nhất, ngôn từ của đảng có tần suất sử dụng cao; thứ hai, ngôn từ của đảng có uy quyền cao.

Theo thống kê “Từ điển tần suất Hán ngữ hiện đại”, thứ tự về tần suất sử dụng của một số từ ngữ đảng điển hình trong toàn bộ từ vựng Hán ngữ hiện đại (bao gồm cả những hư từ như “của”, “và”) như sau: “cách mạng” 71, “đồng

chí” 83, “giai cấp” 149, “kẻ thù” 153, “đấu tranh” 209, “giải phóng” 285, “lãnh đạo” 312, “giai cấp vô sản” 372, “đường lối” 561, “đại biểu” 570, “chiến đấu” 602, “phản động” 617. Ngoài ra, từ “đảng” là một từ không thường dùng trong xã hội truyền thống, nhưng sau khi Trung Cộng thành lập, tần suất sử dụng của từ “đảng” nhanh chóng nhảy lên vị trí 119, “Đảng Cộng sản” vị trí 331, đây gần như là danh từ có tần suất sử dụng cao nhất, có thể thấy rõ ràng rằng hiện nay Trung Cộng đang đứng ở địa vị độc đảng độc tài ở Trung Quốc.

Tính uy quyền cao của ngôn từ của đảng thể hiện ở việc nó lấy bạo lực của Trung Cộng làm hậu thuẫn, nó chiếm lĩnh những lĩnh vực ngôn ngữ có sức ảnh hưởng nhất như chính trị, kinh tế, tư pháp, giáo dục, tin tức. Những thể loại ngôn ngữ của xã hội chính thống liên quan đến luân thường đạo lý, ăn ở đi lại, tình yêu đôi lứa không hoàn toàn biến mất nhưng chỉ nằm ở vị trí ngoài rìa và dễ bị chi phối. Cho dù người ta có muốn hay không, trong các hoàn cảnh chính thức, công khai đều bị bắt sử dụng ngôn từ của đảng. Ngôn từ của đảng và hậu quả mà ngôn từ của đảng mang lại (lý luận của Trung Cộng phải được “học tập”, “lĩnh hội”, chính sách của Trung Cộng phải được “quán triệt”, “chấp hành”, v.v.) đã cưỡng chế thay đổi cuộc sống của người Trung Quốc, đem đến cho người dân Trung Quốc những tai họa nghiêm trọng.

VI.6-3 – Ngôn từ của đảng – cái nhìn phiến diện của người Trung Quốc ngày nay

Ngôn ngữ là công cụ tư tưởng, tư tưởng của con người thể hiện ở sự kết hợp của từ và câu. Ngôn từ của đảng đã cải biến cách nhìn nhận về thế giới của con người, nó thể hiện cái nhìn phiến diện của người Trung Quốc ngày nay.

(1) – *Ngôn từ của đảng khiến cho người ta bảo vệ ác đảng Trung Cộng một cách không tự biết*

Ngôn từ của đảng, dù là ngôn từ do Trung Cộng tạo ra, hay là ngôn từ

bị Trung Cộng cải tạo, mục đích tồn tại của chúng chính là để duy trì, bảo vệ nền thống trị của ác đảng Trung Cộng. Dùng tư liệu ngôn ngữ đã bị bóp méo mà Trung Cộng cung cấp cho người dân thì người dân không thể nhìn thấy được dáng vẻ chân thực của thế giới, mà chỉ có thể nhìn thấy dáng vẻ của thế giới mà Trung Cộng muốn mọi người nhìn thấy.

Bộ từ vựng mà Trung Cộng tự phát minh ra, đã mô tả lại lịch sử thành lập của nó. Nếu một người dùng bộ từ ngữ này để suy xét về lịch sử Trung Cộng thì chỉ có thể có được những kết luận mà Trung Cộng muốn cho anh ta biết. Hãy xem bảng dưới đây (Bảng 5):

NGÔN NGỮ ĐẢNG	THỰC CHẤT	PHÂN TÍCH
Khởi nghĩa (Khởi nghĩa Nam Xương, Khởi nghĩa Thu Thâu)	Phiến loạn, bạo động	Khởi nghĩa là chỉ cuộc kháng nghị vì mục đích chính nghĩa. Cái gọi là “khởi nghĩa” của Trung Cộng là phiến loạn, bạo động, lật đổ chính quyền hợp pháp đương thời.
Trường chinh, Bắc Thượng kháng Nhật	Trốn chạy, rút lui	Sau năm 1931, khi đang diễn ra cuộc chiến chống quân xâm lược Nhật Bản, Trung Cộng đã phát động cuộc phiến loạn tại Giang Tây, tiến hành “cát cứ vũ trang”, sau khi bị bao vây tiêu diệt đã tháo chạy tán loạn về phía Tây Nam. Cuộc Bắc Thượng sau đó vốn là muôn tháo chạy sang Nga, nên đành phải trú lại Diên An, sau khi quân Nhật xâm lược toàn Trung Quốc, Đảng Cộng sản thừa cơ phát triển lớn mạnh, cuối cùng mang tai họa đớ đến cho cả nước.

Chỉnh đốn tác phong	Tẩy não Diên An, khủng bố Diên An	“Chỉnh” là tư tưởng được chỉnh đốn, quản lý, quy phạm. Từ “chỉnh đốn tác phong” ám chỉ với mọi người rằng: “đảng đang quản đảng”, Trung Cộng đang “gia tăng kiến thiết của mình”. Đang nỗ lực biến “tác phong của đảng” thành chính thống. Thực ra “chỉnh đốn tác phong” nghĩa là Trung Cộng tăng cường tẩy não các cán bộ đảng viên, là cuộc tổng diễn tập cho những cuộc vận động chính trị về sau của Trung Cộng.
Giải phóng	Trung Cộng cướp chính quyền	“Giải phóng” chỉ sự phá bỏ mọi trói buộc, giành được tự do. Sau khi Trung Cộng thành lập chính quyền, cả nước Trung Quốc biến thành một nhà tù lớn, nhân dân cả nước đều sống trong sự nô dịch.
Đi về địa phương	Đi đây	Chỉ khác nhau một vài chữ, nhưng có thể thấy được sự giải hoạt của Trung Cộng trong việc che giấu hành vi ác độc của mình.
Ba năm thiên tai	Nạn đói lớn ba năm	Nạn đói ba năm là một tai họa do con người gây nên bởi chính sách mông muội của Trung Cộng.
Đại Cách mạng Văn hoa	Đại phá hoại văn hóa, đại tẩy não toàn dân, đại thanh trừng chính trị	Văn hóa truyền thống tin tưởng mệnh của vua do trời định, “cách mạng” chỉ “sự thay đổi thiên mệnh”, như “Cuộc cách mạng Thang Vũ, thuận ý trời mà hợp ý dân” trong “Dịch Cách”. Trung Cộng đã bóp méo ý nghĩa của từ “cách mạng”, vốn để chỉ “hành động bạo lực lật đổ giai cấp thống trị”, bóp méo nó trở thành một từ mang ý nghĩa tán dương. Từ “Đại Cách mạng Văn hóa” đã

		che giấu đi bản chất của cuộc vận động, có tính lừa gạt nhất là với thế hệ trẻ và người nước ngoài.
Lên rừng xuống biển	Lao động cải tạo trái hình dành cho phần tử trí thức trẻ	Từ “lên rừng xuống biển” khiến cho người ta liên tưởng đến sự lãng mạn, ấm áp, đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho một số thanh niên thời đó có cảm giác hoài niệm về khoảng thời gian ấy.
Cải cách mở cửa	Nới lỏng quản ly kinh tế, quản ly chính trị để duy trì chính quyền	Bế quan tỏa cảng, suy thoái kinh tế là do Trung Cộng gây ra. “Cải cách mở cửa” chẳng qua chỉ là phục hồi lại một phần phương thức hoạt động kinh tế trước khi Trung Cộng cướp chính quyền. Không hề có sự nới lỏng về lĩnh vực chính trị.
Bạo loạn phản cách mạng, sóng gió chính trị	Vận động dân chủ năm 1989	Ban đầu Trung Cộng gọi cuộc vận động dân chủ năm 1989 là “bạo loạn”, sau đó bắt đầu sử dụng từ “sóng gió chính trị” với ý đồ khiến mọi người hiểu nhầm rằng Trung Cộng cũng chỉ là nạn nhân của “sóng gió”.

Những năm gần đây, Trung Cộng lại tạo ra một lượng lớn những từ ẩn ngữ chính trị, để tô son trát phấn, che đậy bộ mặt thật xấu xa của nó. Ví dụ gọi thất nghiệp là “đợi việc”, “hạ cương vị”, “nghỉ việc nội bộ”. “Đợi việc” ám chỉ là sẽ có việc trong tương lai, “hạ cương vị” tức là trước đây đã từng có công việc, mà không nhắc đến hiện nay không có việc. Ví dụ khác, dưới sự thống trị của Trung Cộng, những người dân nghèo khổ bị gọi là “nhóm người yếu thế”, ám chỉ tình cảnh nghèo khổ của họ là do nguyên nhân ở tự bản thân họ.

Ngôn từ của đảng đang “ẩn ngữ chính trị” của Trung Cộng có một vài hình thức chủ yếu như sau:

Hình thức đổi trắng thay đen, như “khởi nghĩa”, “giải phóng”.

Hình thức không phân biệt đảng và quốc gia, như “kiến quốc”, “ái quốc”, “thế lực phản động”.

Hình thức khuấy đục nước, như “10 năm tai họa”, “năm tháng hoang đường”, “sóng gió chính trị”. Nó có đặc điểm là dùng một từ mập mờ không rõ để gọi một sự kiện lịch sử nào đó, khiến cho người ta không thể nào nhận ra vai trò gây tội ác của Trung Cộng trong đó.

Hình thức nói sai thành đúng, như “trường chinh”, “cải cách mở cửa”. Hình thức này có đặc điểm việc xấu nói thành việc tốt, gọi “đống rác rưởi” được Trung Cộng vớt lên sau thời kỳ khủng hoảng là “công lao vĩ đại” của Trung Cộng hoặc là “quyết sách sáng suốt” của lãnh đạo Trung Cộng.

Hình thức giương đồng kích tây, như “bốn hiện đại hóa”, “phát triển là con đường tất yếu”. “Bốn hiện đại hóa” bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, khoa học kỹ thuật, nhưng không nhắc đến “hiện đại hóa chính trị” (bản thân khái niệm “hiện đại hóa” cũng cần phải kiểm tra lại, nhưng ở đây chúng ta chưa bàn đến); trình độ văn minh xã hội và mức độ phúc lợi của người dân được quyết định bởi nhiều điều kiện cùng lúc, Trung Cộng chỉ nhấn mạnh đến phát triển kinh tế một cách phiến diện, mà che giấu hiện thực rằng: chính trị hủ bại, đạo đức suy đồi, môi trường ô nhiễm do sự thống trị độc tài mang lại mới là nguyên nhân khiến cho môi trường sống của người dân ngày càng tồi tệ hơn.

Hình thức “giấu đầu hở đuôi” như, “trỗi dậy trong hòa bình”. Một người đến thăm nhà bạn chấn chấn sẽ không nói rằng: “Không phải tôi đến cướp nhà anh đâu”. Biết bao đất nước có nền kinh tế phát triển nhưng cũng không có nước nào tự xưng mình là “trỗi dậy trong hòa bình”. Cách nói này của Trung Cộng lộ rõ dã tâm quân sự của nó đằng sau sự phát triển kinh tế.

Do sự lũng đoạn của Trung Cộng trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tin tức, nên người Trung Quốc hiện nay khi bàn luận về một vấn đề nào đó thì khó mà không sử dụng những từ vựng mà Trung Cộng

tạo ra, mà những từ vựng này lại dẫn người ta đến kết luận phải duy trì sự thống trị của ác đảng Trung Cộng. Sự thống soái của ngôn từ của đảng khiến cho người dân rất khó tự duy và phát ngôn bình thường.



(2) – Ngôn từ của đảng khiến người ta không thể suy nghĩ bình thường

Việc ngôn từ của đảng khiến người ta không thể suy nghĩ bình thường thể hiện ở rất nhiều phương diện, trong đó phương diện chủ yếu là phá hoại các quy tắc đạo đức cơ bản.

Người trong xã hội truyền thống tin tưởng rằng mọi người đều có lòng trắc ẩn, sự quan tâm, yêu mến giữa người với người là yêu cầu cơ bản làm người. Vì mục đích cướp đoạt và củng cố quyền lực, Trung Cộng cần phải không ngừng kích động sự thù hận của người dân. Nhưng lòng nhân ái đối với đồng loại của người dân không thể ngay lập tức mà nhổ bỏ được, thế nên Trung Cộng đã sáng tạo ra “kẻ thù giai cấp”, “năm loại phần tử xấu”, “phân tử X giáo” một loạt những từ để ma quỷ hóa những nhóm người mà nó muốn loại bỏ, khiến cho các đảng viên khi bức hại những người này không những không cảm thấy có tội, ngược lại còn có một loại “cảm giác tự hào” rằng mình thuộc loại “lê thăng khí hùng”.

Dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, từ “bán đứng” được thay thế bởi

những từ ngữ mang ý ca ngợi trong Văn hóa đảng như “báo cáo tư tưởng”, “trao trái tim cho đảng”, “đại nghĩa diệt thân”, “tố giác vạch trần”, “hỗ trợ chính phủ làm rõ tình hình”. Từ “bán đứng” không chỉ không bị lên án bởi đạo đức lương tâm, mà còn được chính quyền ca ngợi là “hành động chính nghĩa” xuất phát từ “tình cảm cách mạng cao thượng”, “lập trường cách mạng kiên định”, “tình cảm cách mạng của giai cấp vô sản”, “trung thành tận tụy với đảng”, nó xóa bỏ cảm giác khinh bỉ của người bình thường đối với những hành vi thấp hèn như “bán đứng”, “mật báo”, khuyến khích người ta quay lưng lại với những chuẩn tắc đạo đức cơ bản của xã hội nhân loại.

Ngôn từ của đảng là một hệ thống có tính phong bế, bản thân hệ thống này là tà ác và biến dị. Trong môi trường lớn Văn hóa đảng biến dị này, một số cách tư duy lố bịch lại trở thành rất bình thường. Ví dụ “Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý” được Trung Cộng hô hào gần 30 năm nay, người dân đã quá quen đến nỗi trở thành bình thường, coi nó là những quy tắc vàng, chính xác không cần nghi ngờ gì. Nhưng suy nghĩ kỹ một chút, chúng ta sẽ phát hiện ra câu nói này nghe lố bịch như kiểu “vải vóc là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm thước đố”, “hàng hóa là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm cái cân”. Nếu nhất định phải dùng cú pháp này, vậy nói “chân lý là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm thực tiễn” còn hợp lý một chút. Có thể sẽ có người nói, anh đã hiểu sai ý của câu này rồi, ý của nó là như thế này, vào lúc đó nó có nghĩa là “lập lại trật tự”, “giải phóng tư tưởng”. Vấn đề chính là ở chỗ này. Phải đặt câu nói này vào trong hiện thực xã hội lố bịch do Trung Cộng tạo ra thì nó mới thể hiện ra sự “có lý”. Điều này lại càng cho thấy Văn hóa đảng là một hệ thống lố bịch và biến dị. Những ví dụ như thế có rất nhiều, chúng tôi sẽ không đề cập thêm nữa.

(3) – Ngôn từ của đảng khiến người ta khó có thể giao lưu với người ở xã hội bình thường

Sau khi tiếp thu ngôn từ của đảng do Trung Cộng định nghĩa, thì người ta không thể biểu đạt ý kiến của mình cho những người sống bên ngoài Văn

hóa đảng một cách rõ ràng, cũng khó có thể nghe và hiểu được hàm nghĩa chân chính trong câu nói của những người sống bên ngoài Văn hóa đảng. Một ví dụ điển hình là cách hiểu về từ “nhân quyền” của người Trung Quốc và người Tây phương hoàn toàn khác nhau. Nhân quyền là quyền lợi cơ bản của người dân. Khi một người phương Tây bàn về bảo vệ nhân quyền thì điều họ quan tâm là quyền lợi của người dân không bị chính phủ xâm hại. Tương tự, khi một người phương Tây bàn về vấn đề nhân quyền với người Trung Quốc thì họ đứng về phía người dân Trung Quốc chứ không phải đứng về phía chính quyền Trung Cộng, lúc này một người bình thường nên cảm ơn người đó mới đúng. Nhưng qua sự tuyên truyền lâu dài của Trung Cộng, rất nhiều người Trung Cộng nhận thức rằng: “Đây nhất định là chủ nghĩa bá quyền Tây phương dùng nhân quyền làm cái cớ để xâm phạm vào chính trị trong nước”, “Chủ nghĩa đế quốc Mỹ mãi mãi muốn tiêu diệt chúng ta”, nghe thấy người Tây phương nói đến nhân quyền, những người này, còn bất bình hơn cả quan chức Trung Cộng. Hậu quả của sự hiểu lầm trong giao tiếp này không chỉ làm tổn hại đến hình tượng của người Trung Quốc, quan trọng hơn còn khiến cho người Trung Quốc không thể tiếp nhận những thông tin bên ngoài một cách bình tĩnh, cởi mở, từ đó mà mất đi cơ hội phát triển của dân tộc, khiến cho cả dân tộc luôn bị cách ly với văn minh nhân loại bình thường.

– LỜI KẾT – THANH TRỪ NGÔN TỪ CỦA ĐẢNG, NÓI NGÔN TỪ CỦA NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

I – Làm thế nào phân biệt ngôn từ của đảng

Muốn bài trừ ngôn từ của đảng, thì trước tiên phải có thể phân biệt được ngôn từ của đảng. Nguyên tắc cơ bản để phân biệt ngôn từ của đảng là: Thuận theo ngôn từ của đảng mà suy nghĩ thì nhất định sẽ đưa đến kết luận

là phải duy hộ sự thống trị của Trung Cộng, đây chính là “ý nghĩa tinh tế, sâu xa” của ngôn từ của đảng. Chúng ta lại tiếp tục bàn về một số cách đơn giản để phân biệt ngôn từ của đảng.

Hỏi thêm một câu tại sao. Những năm gần đây “làm chính trị” đã trở thành một tội danh đáng sợ. Nhưng, chẳng phải Trung Cộng tự xưng là đảng chính trị sao? Chẳng phải nó kêu gọi mọi người đều phải tham gia tổ chức của nó, phải ủng hộ nó, hơn nữa phải quan tâm đến “quốc gia đại sự” hay sao? Hỏi như vậy thì chúng ta sẽ phát hiện ra, Trung Cộng chỉ cho phép nó làm chính trị chứ không cho người dân tham gia chính trị. Giống như cách nói “làm việc thật”. Tại sao “làm việc thật” cũng có thể trở thành cái cớ để quan chức Trung Cộng khoe khoang, khoác lác? Lê nào quan chức chính phủ lại không nên làm việc thật? Không làm việc thật thì chẳng nhẽ làm “việc giả” sao? Hỏi như vậy, chúng ta sẽ phát hiện, công việc thực sự của quan chức Trung Cộng là chỉnh đốn, khống chế tư tưởng của người dân, rồi làm một chút “công trình thành tích”, “công trình thể diện”, vì vậy đối với họ mà nói, làm được một hoặc hai “việc thật” đã rất đáng khoe khoang rồi.

Thử hỏi xem ai là người nói: Do ai làm? Làm cho ai? Ví dụ khẩu hiệu “ổn định áp đảo tất cả”, chúng ta thử hỏi: Sự ổn định của ai áp đảo tất cả? Sự ổn định của bách tính trăm họ, hay là sự ổn định của đảng cộng sản? Khi chúng ta phát hiện ra đáp án là vế sau thì có thể hiểu rằng khẩu hiệu này cũng là do Trung Cộng hô hào để duy hộ sự thống trị của bản thân nó.

Chúng ta hãy xem những từ này thường kết hợp với những từ nào. Ví dụ, “tuyên truyền” (chính sách của đảng), “quán triệt” (tinh thần trung ương), “chấp hành” (nghị quyết của đảng), “giương cao” (ngọn cờ vĩ đại...) v.v.

Chúng ta hãy xem từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, hoặc là từ trái nghĩa với từ đó là gì. Khi điền sơ yếu lý lịch, nếu một người không phải là đảng viên Trung Cộng, cũng không phải đoàn viên đoàn thanh niên cộng sản, cũng không phải “đảng phái dân chủ” thì phải điền ở cột “thành phần chính trị” là “quần chúng”. Tại sao không điền là “người vô đảng phái”? “Quần chúng” và “người vô đảng

phái” có ý nghĩa tương tự nhau đúng không? Sau khi so sánh, chúng ta phát hiện rằng, “quần chúng” không phải là “người vô đảng phái”. “Người vô đảng phái” là thành phần vô đảng vô phái, còn “quần chúng” là người có nguyện vọng gia nhập đảng nhưng không đủ tư cách, “đảng” không cần anh, anh chỉ cần chịu sự “lãnh đạo” của đảng. Vì vậy, theo nghĩa này từ “quần chúng” mà chúng ta sử dụng cũng là từ của ngôn từ của đảng. Những năm gần đây một số nhà văn ở Trung Quốc đại lục khi nhắc đến Trung Cộng liên dùng từ “đảng cầm quyền”. Tại sao không gọi thẳng là “Đảng Cộng sản”? “Đảng cầm quyền” đối lập với “đảng không cầm quyền”, ở Trung Quốc hoàn toàn không có đảng không cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và cái gọi là “đảng phái dân chủ” là mối quan hệ giữa đảng độc tài và đảng “bình hoà”, chứ không phải là mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và đảng không cầm quyền. Sử dụng từ “đảng cầm quyền” tạo nên giả tưởng rằng Trung Cộng là chính phủ do dân bầu, để che giấu sự thống trị độc tài của Trung Cộng. Tương tự như vậy, cách nói “nâng cao năng lực cầm quyền” cũng tạo cho người ta cảm giác Trung Cộng đang thực hiện chức năng quản lý chính phủ bình thường. Thực ra, “nâng cao năng lực cầm quyền” được hiểu chính xác là củng cố quyền lực độc tài.



Chúng ta biến đổi hoàn cảnh một chút để xem xét. Thủ tướng tượng xem liệu có khả năng xảy ra những tình huống như sau: Thị trưởng thành phố Los

Angeles trong một cuộc hội nghị đã phát biểu rằng: “Chúng ta phải nghiêm túc lính hội tinh thần bài phát biểu quan trọng của đồng chí XX tổng bí thư Đảng Cộng hòa California về vấn đề XX”; cầu thủ bóng rổ nổi tiếng của NBA (Hiệp hội bóng rổ quốc gia Mỹ) trong chương trình truyền hình “Đứa con phượng Tây” đã trả lời phỏng vấn rằng: “Chúng ta đạt được giải quán quân lần này, đầu tiên là nhờ công lao của lãnh đạo đảng dân chủ...”

Ngoài ra, so sánh theo chiều ngang hoặc so sánh theo chiều dọc, cũng chính là so sánh với xã hội truyền thống Trung Quốc hoặc so sánh với xã hội quốc tế, đây cũng là phương pháp hiệu quả để phân biệt ngôn từ của đảng.

2 – Chú ý hiện tượng “bối cảnh hóa ngôn từ của đảng”

Cùng với sự sụp đổ của hình thái ý thức Trung Cộng, Văn hóa đảng đã trở thành đối tượng để dân chúng Trung Quốc đưa ra làm trò cười, rất nhiều câu vè, truyện cười, truyện trào phúng, châm biếm được sáng tác dựa theo ngôn từ của đảng đã trở thành đề tài câu chuyện của người dân trong những buổi trà dư tửu hậu. Ví dụ người ta dùng những câu như “cách mạng không phải là mời khách thì là ăn cơm”, “cán bộ không ngại ăn uống vất vả, trăm chén nghìn cốc chỉ mong được nghỉ ngơi” để đả kích phong trào ăn uống của giới quan chức, những người dân ở tầng lớp thấp kém thì dùng những câu như “Suốt 30 năm cuộc sống vất vả, nghèo khổ, ngủ một giấc (tỉnh dậy) là quay trở lại thời kỳ trước giải phóng”, “Chính phủ là Hoàng Thế Nhân, Chúng tôi là Dương Bạch Lao^[6]” để thể hiện sự bất mãn với chính sách kinh tế của Trung Cộng.

Sau khi Văn hóa đảng được xác lập, ngôn từ của đảng đã trở thành phương thức ngôn ngữ tiêu chuẩn. Phép “tu từ” của người ta đã xa rời phương

[6] Hoàng Thế Nhân, Dương Bạch Lao: Tên hai nhân vật trong phim Bạch Mao Nữ nổi tiếng mấy chục năm trước của Trung Quốc. Dương Bạch Lao là nông dân nghèo làm thuê cho địa chủ Hoàng Thế Nhân, mà quanh năm chẳng đủ ăn, chẳng đủ tiền nộp tờ, dần đến mắc nợ không thể trả nổi.

pháp biểu đạt chuẩn mực. Hiện tượng tu từ sinh ra từ ngôn từ của đảng được liệt kê trên đây là sự chê giêу đối với ngôn từ của đảng, nhưng cũng đồng nghĩa với việc thừa nhận rằng ngôn từ của đảng là làm chủ, nâng cao địa vị “chẩn mực” của ngôn từ của đảng. Lúc này ngôn từ của đảng từ chỗ sáng lùi vào chỗ tối, từ ý thức đi vào tiềm thức của con người, nó vẫn phát huy vai trò của mình theo cách thức mà người ta khó phát hiện hơn. Chúng tôi gọi hiện tượng này là hiện tượng “bối cảnh hóa ngôn từ của đảng”.

Ngôn từ của đảng bị biến dạng vẫn là ngôn từ của đảng, hơn nữa còn là thứ ngôn từ của đảng ở tầng thâm sâu hơn. Bất cứ từ ngữ nào cũng mang theo những tín tức nhất định, ngôn từ của đảng bị biến dạng trong những câu truyện cười, câu vè dân gian trong vô tri vô giác vẫn phát huy sức ảnh hưởng đối với tư duy con người. Chúng ta nên hết sức tránh sử dụng loại ngôn ngữ này.

Hiện nay ở Trung Quốc Đại lục, ngày càng có nhiều người công khai lên án, tố cáo Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong lúc này, mọi người nên sử dụng ngôn ngữ của người thường và tư duy của người thường để mắng ác đảng, chứ không phải ở trong văn hóa đảng, dùng ngôn từ của đảng để mắng ác đảng.

Cần phải nhấn mạnh rằng, một số ngôn từ của đảng vốn là ngôn ngữ của xã hội nhân loại bình thường, nhưng sau khi bị Đảng Cộng sản cải tạo, bị sử dụng lặp đi lặp lại trong môi trường văn hóa đảng nên đã bị nhiễm nặng màu sắc văn hóa đảng. Đây không có nghĩa là chúng ta từ nay về sau không thể sử dụng những ngôn ngữ này nữa. Ngược lại, chúng ta có thể, và hơn nữa nên dùng những từ này một cách đường đường chính chính theo ý nghĩa bình thường, trong ngữ cảnh bình thường, giống như trong “Cửu bình Cộng sản đảng” đã gọi Trung Cộng là “tà giáo”.

3 – Tìm kiếm chân tướng, liều giải chân tướng, truyền rộng chân tướng

Sở dĩ Đảng Cộng sản có thể xây dựng và mở rộng một hệ thống ngôn từ của

đảng lớn mạnh đến thế chỉ trong mấy chục năm ngắn ngủi là do nó dựa vào những thủ đoạn cưỡng chế bạo lực, môi trường tin tức bị phong tỏa và sự tuyên truyền nhồi nhét rợp trời. Vì vậy, để phá bỏ ngôn từ của đảng không chỉ cần dũng khí đạo đức thường, cần ý thức trách nhiệm đạo đức để cự tuyệt với văn hóa đảng, mà còn cần tiếp xúc nhiều với những thông tin chân thực được biểu đạt bằng ngôn ngữ nhân loại bình thường. Nếu người dân Trung Quốc không muốn tiếp tục sống trong dối trá, thì họ không thể không bắt đầu từ việc nỗ lực tìm kiếm chân tướng, liều giải chân tướng, truyền rộnぐ chân tướng.

Văn hóa Trung Hoa mới cần có ngôn ngữ mới, ngôn ngữ mới sẽ được sáng tạo nên bởi những con người có được cuộc đời mới dựa trên đạo đức.

CHƯƠNG VII



VĂN HÓA ĐẢNG TRONG CUỘC SỐNG



BẤT KỲ MỘT NỀN VĂN MINH VĨ ĐẠI NÀO CŨNG ĐỀU PHẢI TRẢI QUA MỘT quá trình diễn biến và tích lũy dài lâu. Trong 5.000 năm văn hóa Trung Hoa, các thế hệ đế vương suốt từ đời này đến đời khác qua đi, hết triều đại này tới triều đại khác lại kết thúc, nhưng những giá trị cốt lõi như kính Thiên, tín Thần, yêu dân, yêu vật lại không hề mất đi.

Dưới sự dẫn dắt của những giá trị này, xã hội Trung Quốc truyền thống tồn tại những bộ phận xã hội khác nhau nhằm thỏa mãn các lớp nhu cầu khác nhau của con người — nhu cầu sinh tồn, nhu cầu tình cảm, nhu cầu an toàn, nhu cầu tinh thần, v.v.. Sự tồn tại của chính trị là nhằm phục vụ xã hội, sự tồn tại của xã hội là để phục vụ con người, chứ không phải ngược lại. Những nội dung cơ bản của xã hội như tín ngưỡng tôn giáo, lý luận đạo đức, phong tục tập quán có tác dụng ước chế và dẫn dắt đối với chính trị. Khi chính quyền đi chêch hướng với quỹ đạo của chính nghĩa, con người có thể dựa vào chuẩn tắc được xã hội công nhận để đặt ra quy phạm cho chính quyền, chỉnh lý chính quyền, thậm chí lật đổ chính quyền (thay trời hành đạo), xây dựng lại chính quyền. Khổng Tử từng nói: “Lẽ thất nhị cầu chư dã”, nghĩa là nếu triều đình mất đi lẽ nghĩa, thì phải tìm lại lẽ nghĩa từ trong dân gian. Tầm quan trọng của một xã hội lành mạnh, giàu sức sống thậm chí còn cao hơn cả chính quyền rất nhiều.

Nội hàm tinh thần uyên thâm của văn hóa Trung Quốc truyền thống đã quyết định xã hội Trung Quốc truyền thống trên tổng thể là một xã hội lành mạnh và giàu sức sống. Xã hội lành mạnh có nghĩa là tâm trí của người dân lành mạnh hoàn thiện, mà người dân với tâm trí lành mạnh hoàn thiện sẽ không thể để mặc cho Đảng Cộng sản lừa gạt và đe dọa. Do đó, Đảng Cộng sản phải nhổ tận gốc nhân tố truyền thống trong đời sống xã hội, thay thế nó bằng Văn hóa đảng.

Dưới sự thống trị của Đảng Cộng sản, xã hội bị chính trị hóa cao độ, chính trị bị nhất nguyên hóa cao độ. Đảng Cộng sản tuyên bố rằng “bất phá bất lập” (không phá bỏ thì không lập cái mới được), “đại phá đại lập”, muốn

"thay đổi phong tục", "phá cựu lập tân". Trong một thời đại giết chóc, những gì bị phá trừ là nền văn minh cổ 5.000 năm của Trung Hoa, cái kiến lập nên là cái gen tà ác Văn hóa đảng của Trung Cộng.



Có thể có người cho rằng mình không bị Văn hóa đảng ô nhiễm, ví như rất ít xem thời sự trên báo và tivi, hoặc căn bản là không tham gia học tập chính trị. Nhưng điều mà Trung Cộng thực hành là "Đảng lãnh đạo tất cả", chứ không phải là "Đảng lãnh đạo tất cả trừ cuộc sống cá nhân bạn". Văn hóa đảng thẩm thấu vào cuộc sống của người dân Trung Quốc không chừa một khe hở nào. Có thể nói rằng, chỉ cần sống tại Trung Quốc Đại lục từ sau năm 1949 thì không thể không bị Văn hóa đảng đầu độc.

Văn hóa đảng phá hoại sâu sắc và triệt để xã hội Trung Quốc. Ngày nghỉ lễ và lịch pháp, cưới xin, ma chay, ăn mặc đi lại, thậm chí gia đình và sinh nở, đều bị Trung Cộng nhào nặn theo ý muốn của nó. Dưới đây chúng ta sẽ lấy một vài ví dụ đơn giản để bắt đầu thảo luận về Văn hóa đảng trong cuộc sống.

VII.1 – GỌI HOÀNG LỊCH CỦA TRUNG QUỐC THÀNH LỊCH NÔNG NGHIỆP HOẶC ÂM LỊCH, GỌI NĂM MỚI TRUNG QUỐC THÀNH TIẾT XUÂN

Người Trung Quốc hiện giờ gọi lịch pháp truyền thống thành nông lịch hoặc âm lịch, gọi ngày "Mùng 1 tháng Giêng" thành "tiết xuân"; "nông lịch", "tiết xuân" v.v. được dùng ở đây có hàm nghĩa văn hóa đảng rất rõ ràng. Sự biến đổi của một danh từ xem như không có gì trọng yếu, nhưng sự truyền thừa của mấy nghìn năm lịch sử lại có thể vì điều này mà bị chặt đứt.

VII.1.1 – Gọi Hoàng Lịch Trung Quốc thành lịch nông nghiệp hoặc âm lịch

Người Trung Quốc vô cùng coi trọng lịch sử, lịch sử Trung Quốc được ghi chép lại với độ tường tận và chuẩn xác vượt xa lịch sử Châu Âu và Châu Phi vốn có độ dài tương tự. Đây đương nhiên là do người Trung Quốc có tinh thần sứ mệnh ghi lại lịch sử, nhưng quan trọng hơn là người Trung Quốc có được một công cụ đặc biệt hữu hiệu cho việc biên tập lịch sử – phương thức ghi năm.

Nói một cách đơn giản, "lịch sử" chính là việc ghi lại vào "năm nào" đã xảy ra "việc gì". Nếu không giải quyết được vấn đề ghi năm thì sẽ gây trở ngại rất lớn cho việc chép sử. Cũng chính vì vậy niên đại lịch sử Châu Âu trước khi thống nhất lịch pháp (thế kỷ 17- 18) thường là mơ hồ, thậm chí hỗn loạn.

Lịch pháp truyền thống của Trung Quốc dùng Can Chi để ghi năm. Cái gọi là "Can Chi" là tên gọi tắt của "Thiên can" và "Địa chi". Trong đó "Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý" là mười Thiên Can, "Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi" là mươi hai Địa Chi. Ghi năm theo trình tự Can Chi lấy ra mỗi thứ một chữ, bắt đầu bằng chữ Giáp, 60 năm tuân hoàn một lần, lặp đi lặp lại cho tới vô cùng. Phương thức ghi năm bằng Can Chi này giúp lịch sử Trung Quốc giải quyết được vấn đề xác định

nhiên đại, mấy nghìn năm sau người Trung Quốc vẫn có thể dễ dàng đổi chiếu năm trong sử sách Trung Quốc với năm theo lịch phương Tây.

Mặt khác, người Trung Quốc cũng dùng Can Chi ghi tháng, ngày và giờ. Nói cách khác, do Can Chi bao hàm Thiên Can, Địa Chi mỗi loại một chữ, mỗi một thời khắc đều được đánh dấu bằng Can Chi của năm, tháng, ngày, giờ, do đó tổng cộng có tám chữ. Ví dụ, 6 giờ sáng ngày 06 tháng 06 năm 2006, cũng thuộc về “giờ Tân Mão, ngày Bính Dần, tháng Giáp Ngọ, năm Bính Tuất”, khi đó “Sinh thần bát tự” (giờ-ngày-tháng-năm sinh) của một người được gọi là “Bính Tuất, Giáp Ngọ, Bính Dần, Tân Mão”.

Lịch pháp sớm nhất của Trung Quốc là do Hoàng đế Hiên Viên ban bố. Hoàng đế Hiên Viên được tôn xưng là “Nhân văn sơ tổ” (Ông tổ nhân văn), do đó một phần có thể thấy được người Trung Quốc rất coi trọng lịch pháp. “Ngũ Đế bản kỷ” trong “Sử ký” có ghi lại Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu và Thuấn đều đã tiến hành chỉnh sửa lịch pháp, trong thời đại Đế Thuấn, con người phân chia số ngày, tiết khí trong một năm cũng đã tương đối chính xác.



Do Hoàng đế Hiên Viên là người sáng lập ra văn hóa Đạo gia, bởi vậy người Trung Quốc từ thuở văn minh sơ khai đã rất coi trọng học thuyết âm dương của Đạo gia. Lịch pháp cũng biểu đạt khái niệm cân bằng âm dương, lịch pháp truyền thống của Trung Quốc là lịch kết hợp giữa âm và dương, chứ không đơn thuần là âm lịch, cũng không đơn thuần là dương lịch.

Công lịch mà mọi người thường dùng ngày nay chính là một loại thái dương lịch (gọi tắt là lịch dương), nó lấy chu kỳ trái đất quay quanh mặt trời làm cơ sở, do đó cách phân chia tháng đó không có liên quan gì tới trăng tròn trăng khuyết, chỉ là một tên gọi mà thôi (tên gọi của tháng trong tiếng Trung gọi là “Nguyệt”, chữ Nguyệt nghĩa là mặt trăng); lịch Hồi giáo là một loại lịch âm điển hình, cơ sở tính tháng của nó hoàn toàn dùng chu kỳ tròn khuyết của mặt trăng, mỗi năm 12 tháng, khoảng 354 ngày, cho nên cứ 33 năm lại sai khác một năm so với công lịch.

Cổ nhân Trung Quốc chú trọng âm dương hòa hợp đã lập ra lịch pháp truyền thống, đồng thời quan tâm tới cả chu kỳ mặt trăng tròn khuyết và chu kỳ trái đất xoay quanh mặt trời.

Độ dài bình quân của tháng trong lịch đó gần giống với tháng Sóc vọng^[1], việc xác định “ngày sóc” (tức là mặt trăng nằm giữa mặt trời và trái đất, mặt trăng sẽ hướng phía không được mặt trời chiếu sáng về phía trái đất, ngày hôm đó đứng trên trái đất không nhìn thấy mặt trăng), là ngày mùng 1 của mỗi tháng, cho nên giữa tháng là “ngày vọng” (ngày rằm – ngày trăng tròn); thông qua việc đặt ra tháng nhuận, khiến độ dài bình quân của lịch năm tiếp cận với năm hối quy là một loại lịch kết hợp âm dương “tháng âm năm dương”. Nó vừa có thể khiến mỗi một năm về cơ bản đều phù hợp với thay đổi của các mùa, lại có thể khiến ngày của mỗi tháng đối ứng với mặt trăng. Hơn nữa ngay từ thời Thuấn Đế đã miêu tả chính xác và đã phân chia rõ ràng 24 tiết khí biến đổi theo

[1] Người dịch: Tháng Sóc vọng là chu kỳ mà mặt Trăng thể hiện ra hình dạng y hệt nhau khi nhìn từ Trái Đất. Một tháng Sóc vọng có độ dài là 29 ngày 12 giờ 44 phút 2,8 giây. Một tháng âm lịch lấy độ dài 29 hoặc 30 ngày là căn cứ theo điều này.

mùa, tiết khí trong lịch pháp truyền thống quyết định bởi chu kỳ thay đổi của vị trí trái đất xoay quanh mặt trời, thuộc về phạm trù thái dương lịch.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc coi trọng “Thiên nhân hợp nhất”, Đạo gia cho rằng con người chính là một tiểu vũ trụ, bởi vậy rất coi trọng việc quan sát thiên tượng. Thời đầu nhà Hán khi Tư Mã Thiên viết “Sử Ký”, ông đã viết riêng một chương “Thiên quan thư”, trình bày hết sức tỉ mỉ vị trí, quy luật chuyển vận của tinh cầu và sự ảnh hưởng của nó đến sự việc tại nhân gian.

Do Thiên Can Địa Chi đổi ứng với ngũ hành, hơn nữa còn đổi ứng với phương vị, màu sắc, các mùa các tiết, ngũ tạng, kết cấu xã hội, v.v. do đó nó đã trở thành căn cứ chủ yếu của dự đoán học Chu Dịch. Khi lấy Can Chi để ghi tháng (nguyệt), “tháng” ở đây cũng là tháng trong lịch pháp truyền thống dựa trên cơ sở hình dạng trăng tròn khuyết, tức là Chu Dịch dự đoán cũng phải căn cứ vào lịch pháp truyền thống.

Sau khi lịch sử hoàng triều được kiến lập, Hoàng đế lên ngôi, hoặc phát sinh đại sự, thiên tai,... đều sửa niên hiệu, do đó trong lịch pháp lại thêm vào niên hiệu. Ví như chúng ta đã quen thuộc với “Trinh Quán”, “Vĩnh Lạc”, “Khang Hy”, v.v. đều là niên hiệu. Bởi vì Lịch Thư truyền thống của hoàng triều đều do các Hoàng đế ban bố, có liên hệ trực tiếp đến niên hiệu của Hoàng đế, đồng thời do chính quyền khắc ấn, do đó lịch pháp truyền thống được gọi là “hoàng lịch” (皇曆- chữ Hoàng trong chữ Ngọc Hoàng, hoàng triều). Cũng bởi vì lịch pháp sớm nhất khởi nguồn từ Hoàng Đế, do đó cũng gọi là “Hoàng lịch” (黃曆 – chữ Hoàng là màu vàng, Hoàng Đế ở đây là đế chỉ 1 trong Ngũ Đế).

Hoàng lịch lấy Can Chi để ghi năm, bao gồm bảng biểu ngày tháng của 24 tiết khí, cát, hung, hợp, kỵ của mỗi ngày, liên quan tới những phương diện như hôn nhân gia đình, nghi thức nghi lễ, xây dựng, vận chuyển, cuộc sống thường ngày, tế tự an táng, v.v..

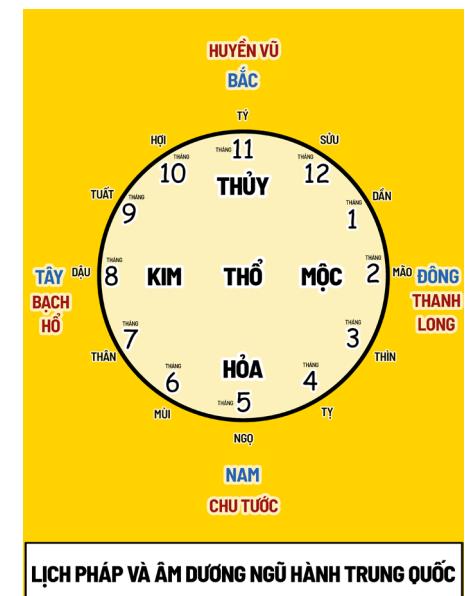
Lịch pháp Trung Quốc thể hiện đầy đủ tư tưởng Âm Dương Ngũ Hành, ẩn chứa quy luật diễn hóa tuần hoàn của tự nhiên, tức là kết quả tác dụng của tương tác giữa thời (thời gian) và không (phương vị), và giữa “âm” và “dương”,

đồng thời phản ánh sự lý giải của cổ nhân Trung Quốc về quy luật của vũ trụ về tương sinh tương khắc, họa phúc hoán chuyển, thay triều đổi代, tuần hoàn tới lui, điều phản ánh phía sau là văn hóa Đạo gia và giá trị quan của xã hội Trung Quốc truyền thống kính sợ Thiên Địa Thần minh, cân nhắc tới thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Lịch pháp Trung Quốc hợp nhất từ nội hàm cân bằng âm dương, thiên nhân hợp nhất, dự đoán học đã trở thành đối tượng tiêu diệt của Trung Cộng.

Sau khi thành lập chính quyền, Trung Cộng bắt đầu cho rằng “Hoàng lịch” đại diện cho trật tự thống trị của xã hội truyền thống, đồng thời trong đó có rất nhiều nội dung liên quan đến dự đoán học, phong thủy, v.v. cho nên đã hủy bỏ “Hoàng lịch” (chữ Hoàng trong Hoàng triều). Gọi là “Hoàng lịch” (lịch màu vàng) hoặc “Hạ lịch” sẽ khiến người ta hồi tưởng lại lịch sử (hồi tưởng lại Hoàng đế trong ngũ đế, dân tộc Hoa Hạ), thế là gọi lịch pháp truyền thống là “âm lịch”. Có thể nói cách gọi “âm lịch” là sai, lịch pháp Trung Quốc là “âm dương hợp lịch”, khi gọi “âm lịch” đã phá vỡ đi quan niệm âm dương cân bằng trong văn hóa truyền thống. Thế nhưng, Trung Cộng cho rằng “âm” vẫn là cách nói của Đạo gia, vẫn là mang theo nội hàm tu luyện, vì thế vào năm 1968, Trung Cộng mượn cớ phá bỏ “Tứ Cựu” đã gọi lịch pháp truyền thống thành “Nông lịch”.

Trung Cộng gọi Hoàng lịch truyền thống thành Nông lịch, khiến người ta sinh ra một loại ảo giác, dường như tác dụng của lịch pháp truyền thống



LỊCH PHÁP VÀ ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH TRUNG QUỐC

chỉ giới hạn trong nông nghiệp, cần thiết cho việc tính toán thời vụ. Điều này cũng nhất quán với nguyên tắc Chủ nghĩa duy vật của Trung Cộng: Cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, tác dụng của lịch pháp sinh ra trong xã hội nông nghiệp chỉ giới hạn trong việc nhà nông, chỉ hữu dụng với nông dân, không có quan hệ gì nhiều đối với xã hội hiện đại và những người khác. Lịch pháp truyền thống do đó mà bị gạt sang một bên. Trên thực tế như đã nói ở trên, tác dụng của Hoàng lịch truyền thống tuyệt nhiên không chỉ giới hạn trong nông nghiệp, nó có mối quan hệ trực tiếp với cuộc sống của nhân dân, là trực tiếp phản ánh mối quan hệ giữa “Thiên Địa Nhân”, lấy Thiên Can Địa Chi làm cơ sở, căn cứ theo ngũ hành sinh khắc mà xác định cát, hung, hợp, kỵ trong mỗi ngày, cho đến các loại các hoạt động tế tự, ngày tết trong năm vốn dựa vào hạch tâm là kính thiên tín thần. Những nội dung văn hóa có mối liên quan mật thiết với cuộc sống thường nhật, khiến người Trung Quốc luôn nhớ về văn hóa truyền thống của mình. Trung Cộng gọi nó với cái tên đơn giản là Nông lịch, trên thực tế nó đã dùng việc này hạ thấp giá trị và rút sạch nội hàm văn hóa rộng lớn tinh thâm ẩn chứa trong Hoàng lịch truyền thống, cắt đứt sự truyền thừa của văn hóa truyền thống. Thanh niên trẻ ngày nay nói đến Nông lịch, chỉ biết nó có liên quan đến vài ngày lễ truyền thống thớt còn sót lại và liên quan tới việc nhà nông, chứ không biết trong đó ẩn chứa nội hàm văn hóa truyền thống sâu sắc. Ngoài ra trong Văn hóa đàng Trung Cộng, thông thường nông dân thường được liên hệ với “giác ngộ chính trị” không cao, và “phong kiến, ngu muội, lạc hậu”, Trung Cộng gọi Hoàng lịch thành Nông lịch là sự xúc phạm đối với lịch pháp truyền thống.

VII.1-2 – Gọi tân niên thành tiết xuân

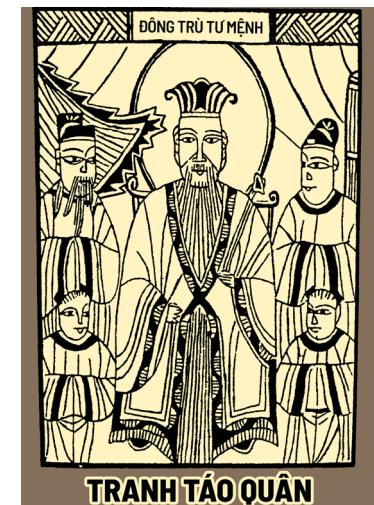
Tết năm mới là ngày lễ truyền thống lớn nhất trong xã hội người Hoa. Trong “Thuyết văn giải tự” ý nghĩa của từ “năm” là “ngũ cốc đại thực” (ngũ cốc chín). Cỗ nhán sau khi được mùa phải cảm tạ Thần linh bảo hộ, do đó sẽ tiến

hành nghi thức quan trọng là tế tự và cảm tạ Thần linh, đồng thời cầu xin năm sau mưa thuận gió hòa.

Năm mới truyền thống là bắt đầu từ mùng tám tháng Chạp, kết thúc vào ngày 15 tháng Giêng. “Ngày mùng tám tháng Chạp” là ngày Phật tổ Thích Ca Mâu Ni khai ngộ thành Phật, dân gian và chùa chiền vào ngày này đều ăn cháo mùng tám tháng Chạp, cầu nguyện cho năm mới ngũ cốc dồi dào, lục súc hưng vượng.

Tiếp theo là “ngày tết ông Táo” 23 tháng Chạp, ngày này là ngày Táo Quân lên trời. Nhân gian cho rằng Táo Quân giám sát nhất cử nhất động một gia đình trong một năm, đến ngày 23 tháng Chạp phải lên thiên đình để báo cáo. Đến Giao thừa mới dán ảnh Táo Quân mới lên. Hoạt động này là một kiểu biểu đạt “trên đầu ba tắc có Thần linh” của người Trung Quốc. Tin tưởng vào sự coi sóc và bảo hộ của Táo Quân, mọi người tự nhiên sẽ kiêm chế hành vi của bản thân mình.

Ngày 30 tháng Chạp cũng gọi là “đêm giao thừa”, là cao trào chúc mừng tân niên, đây là ngày “Tế Thần tế tổ”. Trong đó bày bàn lễ Thiên Địa, dán tranh Thần lên cánh cửa, đón Thần Phúc, Thần Tài, Thần Quý, Thần Hỷ, Thần Thái Tuế, thỉnh tượng Táo Quân, câu đối tết, đốt pháo dây, v.v. đều liên quan đến truyền thống kính Thần của người Trung Quốc. Bàn lễ Thiên Địa là bàn thờ tạm thời để cung phụng và nghênh đón Thần Phật. Câu đối xuân vốn là tấm bùa bằng gỗ đào, vì trong truyền thuyết quỷ sợ gỗ cây đào, đến thời Ngũ Đại, Thục chủ Mạnh Húc đã viết lên bùa đào câu “Tân niên nạp dư khánh, Gia tiết hiệu trường xuân” (*Năm mới hưởng ân trạch đời trước, Tiết lành báo hiệu trường xuân*) đã chính thức trở thành sự khởi nguồn của câu đối xuân.



Cúng tế tổ tiên cũng là một phần quan trọng trong năm mới, đa số là bài vị tổ tiên trong nhà được đặt theo thứ tự tại sảnh chính, đỗ lê cúng được bày ra, sau đó người tế bái theo thứ tự từ già đến trẻ dâng hương quỳ lạy. Trong “Luận Ngũ” viết “Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hỉ.” (*Lo hậu sự cho phụ mẫu một cách chu đáo, thành kính tưởng niệm tổ tiên sẽ khiến đạo đức, phong tục của nhân dân quy về đạo dày thuần phác*), bởi vì cúng tế tổ tiên không chỉ là thể hiện đạo hiếu, mà còn là sự kế thừa truyền thống đạo đức của người xưa.

Ngày 27 tháng 09 năm 1949, Trung Cộng bàn bạc việc sắp xếp xây dựng chính sách sau khi cướp được chính quyền, đổi ngày “mùng một tháng Giêng” thành “tiết xuân”, dường như chỉ là ngày lễ thông thường để chào mừng “mùa xuân”. Đây là cách gọi tưởng đúng nhưng mà lại là sai, cũng là sự cần thiết để Trung Cộng phê phán, thay thế Văn hóa Truyền thống, tuyên truyền Thuyết vô Thần. Sự thay đổi này khiến nội hàm văn hóa cảm tạ Thần linh bảo hộ, tôn kính Thần minh và tiên tổ trong lễ đón năm mới truyền thống bị gỡ bỏ.

Lúc này, lời chúc cát tường trong năm mới biến thành những lời nói chính trị “Chúc bạn năm nay có thể đến Bắc Kinh, gặp được Mao chủ tịch”, “Tinh thần cách mạng truyền đời đời” v.v., câu đổi Tết biến thành “Đổi đời không quên Cộng sản Đảng, hạnh phúc không quên Mao chủ tịch”, “Kính thần tế tổ” biến thành “Úc khổ tư điêm” (*Hoài niệm nỗi đắng cay vị ngọt bùi*), tổ chức xem điện ảnh chính trị, tổ chức liên hoan mang “ý nghĩa giáo dục”, tiến hành “chúc Tết đoàn thể”, hát “Nhân dân công xã nhiều làn gió mới, các bà các cô đều ca hát, tiết xuân không làm chuyện mê tín, mọi người lên sân khấu diễn văn nghệ”. Tranh dán Tết từ kính Thần cầu phúc biến thành “Đại nhảy vọt”, “Công xã nhân dân là tốt”, “Tiết xuân học lão tam thiền” (*Tiết xuân học ba bài văn của Mao Trạch Đông*), “toàn gia học công báo”. “Nhân dân Nhật báo” đã miêu tả cảnh nhân dân đón năm mới như sau: “Có người dự tính nhân lúc gia đình đoàn viên mà mở lớp học tư tưởng Mao Trạch Đông.” Có người chuẩn bị đêm 30 ăn “Úc khổ phạn” (*Cơm hối úc lại sự vất vả*), “Bữa cơm tất niên” này là bữa cơm giáo dục giai cấp, chúng ta nhất định phải nuốt vào trong

bụng, ghi nhớ vào tâm khảm, vĩnh viễn không quên nỗi khổ giai cấp, vĩnh viễn cùng Đảng làm cách mạng! Còn có người lên kế hoạch mở cuộc họp phê phán trong gia đình, hoặc chuẩn bị đi thăm họ hàng, bè bạn, cùng nhau giao lưu về những “thu hoạch tư tưởng”, bàn luận về “hình thế lớn tốt đẹp của đại Cách mạng Văn hóa”, một ngày lễ Tết truyền thống chính tông của Trung Quốc lại trở thành những buổi học chính trị tẩy não nhân dân, nhồi nhét Văn hóa đảng.

Sau khi cuộc cách mạng văn hóa kết thúc, phong thức chúc mừng truyền thống cũng được khôi phục, nhưng sau 30 năm phá hoại, thế hệ mới đã không thể nào lấy lại được truyền thống. “Đêm hội liên hoan mừng xuân mới” gần 20 năm nay đã bị Trung Cộng cống súy thành “phong tục dân gian mới” của nhân dân Trung Quốc, nhưng toàn bộ đêm hội đều là hát “giai điệu chính”, chủ đề có liên quan tới hình thái ý thức xuyên suốt từ đầu tới cuối, hơn nữa phong cách càng ngày càng thiên về hướng thô tục, thấp hèn. Sự theo đuổi về tinh thần và hoài cảm nhân sinh vào dịp năm mới có ảnh hưởng suốt hàng trăm hàng nghìn năm qua đã bị Trung Cộng phá hoại, vắt kiệt.

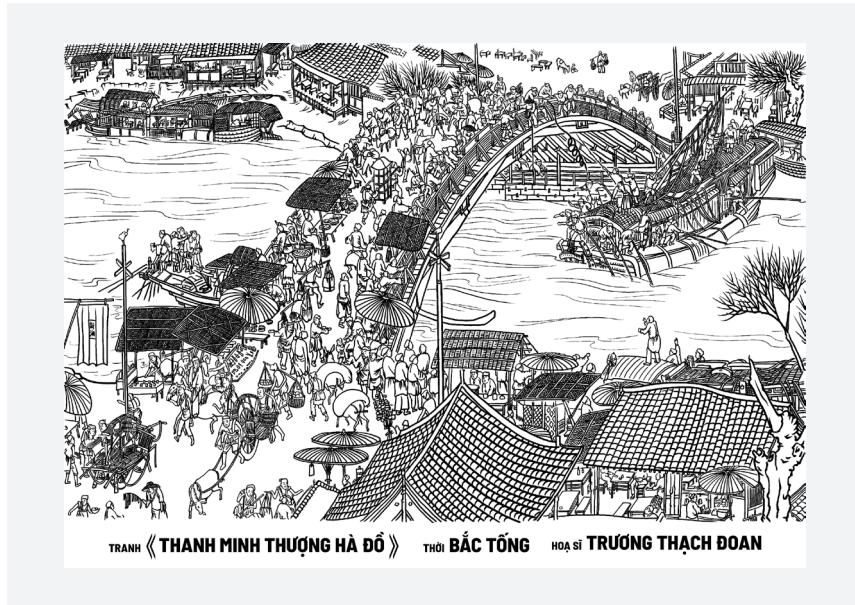
VII.2 – PHÁ BỎ TIẾT MỤC TRUYỀN THỐNG, ĂN TẾT ĐẢNG DO ĐẢNG SẮP ĐẶT

Trong các ngày lễ truyền thống, ngoài năm mới bị Trung Cộng gọi là “Tiết xuân” ra, còn có rất nhiều những ngày lễ khác bị Trung Cộng hủy bỏ, thay thế nó chính là lễ đảng, dùng Văn hóa đảng thay thế ảnh hưởng của Văn hóa truyền thống đối với cuộc sống của con người.

Ngày lễ truyền thống của Trung Quốc đều có quan hệ mật thiết với tu luyện và Thần Phật. Những ngày lễ Tết truyền thống khá quan trọng của Trung Quốc ngoài năm mới ra còn có Tết Nguyên Tiêu, Tết Thanh Minh, Tết Đoan Ngogo, Lễ Vu Lan Bồn, Tết Trung Thu, Tết Dương Lịch, Đông Chí, ngoài ra còn có Lễ tắm Phật, Lễ tình nhân Thất Tịch...

Tết Nguyên Tiêu là vào “ngày 15 tháng Giêng”, vốn có từ “Tiết Thượng

Nguyên” trong Đạo giáo, theo truyền thuyết là ngày giáng sinh của Thiên Quan Đại Đế. Hán Minh Đế – Lưu Trang vì sùng tín Phật Pháp nên đã hạ lệnh cho đèn chùa và nhân dân thắp đèn vào ngày này, tượng trưng cho sự quang minh của Phật Pháp. Do đó, Tết Nguyên Tiêu cũng trở thành Tết đèn lồng.



Tết Thanh Minh là lúc tảo mộ cúng bái tổ tiên; Tết Đoan Ngọ vừa bắt nguồn từ việc tế tự Khuất Nguyên, vừa bắt nguồn từ việc sùng bái Long Thần. Tết Trung Thu bắt nguồn từ thời nhà Chu, vào mỗi dịp Trung thu hàng năm Chu Thiên Vương phải tế nguyệt, sau đó dân dân lưu lại tập tục ngắm trăng. Tết Trùng Dương vào ngày mùng 9 tháng 9, theo chiêm tinh học của Trung Quốc, “cửu” tượng trưng cho cao nhất (*Đạo gia nói chín tầng trời*), rộng nhất (*cửu châu phượng viễn*), sâu nhất (*dưới 9 tầng đất*), trường cửu..., lúc đó mọi người ngắm hoa cúc, đeo nhành thù du, uống rượu hoa cúc. Đông Chí lại là ngày đăng đàn tế Trời.

Lễ tắm Phật vào mùng 8 tháng 4, còn gọi là lễ Phật đản, Hội Long Hoa là

ngày Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời. Vào ngày này, các thiện nam tín nữ tới chùa dâng hương, tham gia hội ăn chay, tổ chức các hoạt động bố thí, phóng sinh v.v. Thất Tịch là ngày mùng 7 tháng 7, bắt nguồn từ truyền thuyết Ngưu Lang Chúc Nữ. Lễ Vu Lan vào ngày 15 tháng 7, là ngày xá tội vong nhân, bắt nguồn từ điển tích Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật Thích Ca Mâu Ni, thiết đãi cơm chay cho chúng tăng, để mẹ ông thoát khỏi đường ngạ quỷ.

Điểm qua những ngày lễ Tết của Trung Quốc, có thể thấy không ngày lễ Tết nào không liên quan tới tế tự, Thần thoại hay Phật giáo, Đạo giáo. Nếu những ngày Tết này có thể lưu giữ và chúc mừng theo truyền thống thì phần có liên quan tới Thần trong Văn hóa truyền thống Trung Quốc sẽ được lưu truyền đời đời, đây là điều mà Đảng Cộng sản không thể chịu được. Nhằm cắt đứt sự truyền thừa và liên hệ giữa người Trung Quốc và đạo đức Văn hóa truyền thống cùng giá trị Văn hóa truyền thống Trung Hoa, khiến người Trung Quốc không còn có được Văn hóa truyền thống bảo hộ và nuôi dưỡng, hoàn toàn bị phai nhạt và thầm dâng Văn hóa đảng, tẩy não nhân dân bằng tập tục thường ngày, Trung Cộng ngoài việc lưu giữ ngày lễ “mùng 1 tháng Giêng” nhưng đổi thành ngày “tiết xuân” ra, những ngày lễ Tết truyền thống khác không có ngày nào được pháp luật của Trung Cộng quy định là ngày nghỉ. Các ngày lễ truyền thống của dân tộc bị Trung Cộng đè nén tới mức mất đi không gian tồn tại, buộc phải rời khỏi vũ đài lịch sử một cách nuối tiếc.

Đồng thời, Trung Cộng còn chế định ra các “ngày lễ” khác, phục vụ cho việc thống trị của nó. “Những ngày lễ đảng” này bao gồm “Ngày phụ nữ mùng 8 tháng 3”, “Ngày lao động mùng 1 tháng 5”, “Ngày thanh niên mùng 4 tháng 5”, “Ngày thiếu nhi mùng 1 tháng 6”, “sinh nhật Đảng”, “Ngày lễ thành lập quân đội mùng 1 tháng 8”, “Ngày Quốc khánh mùng 1 tháng 10”, v.v..

Vào mỗi ngày lễ, thông thường việc hồi tưởng lại khởi nguồn của ngày lễ đó sẽ là chủ đề nóng trong ngày, tuy nhiên với những ngày lễ mà Trung Cộng chỉ định, không ngày nào không liên quan tới “đấu tranh giai cấp” hoặc “cách mạng”, hoặc là kỷ niệm các mốc thời gian của bản thân nó, cách làm chính trị

hóa ngày lễ này, mục đích chính là khiến con người thuần phục hình thái ý thức của nó và chúc mừng sự thành lập cũng như phát triển của Trung Cộng. Không chỉ có vậy, trong ngày lễ của đảng không chỉ nghỉ phép nghỉ ngơi, mỗi khi tới ngày lễ đảng, nó liền tổ chức “thi đấu ca hát”, “hội diễn văn nghệ”..., ca ngợi công đức của ác đảng. Điều cần phải nhấn mạnh là: Trung Cộng lại thường đội thêm cho ngày lễ của nó hai chữ “quốc tế”, dường như đúng là ngày lễ long trọng của toàn thế giới. Khi ra tới nước ngoài mọi người mới phát hiện ra rằng ngoài vài người anh em nhỏ theo Chủ nghĩa Cộng sản ra, người nước ngoài người ta đều là nghỉ lễ ngày tết truyền thống dân tộc, căn bản không có ngày lễ “8 tháng 3”, “1 tháng 5”, “1 tháng 6”. Đảng Cộng sản cố ý tuyên truyền rằng “công nhân, phụ nữ và thiếu nhi” mới là giai cấp và quần thể bị kỳ thị, cỗ vũ họ đứng lên đấu tranh. Kỳ thực, điều chính xác là “công nhân, phụ nữ và thiếu nhi” của những nước có Đảng Cộng sản mới là người thực sự bị bức hại. Đảng Cộng sản lợi dụng mấy ngày lễ tết này chỉ là để phù hợp với yêu cầu đấu tranh giai cấp của nó.

Hoạt động thường thấy trong “ngày lễ phụ nữ mùng 8 tháng 3” là tuyển chọn gương điển hình hoặc là “tay cờ đỏ 8 tháng 3”, tổ chức hội thể thao nữ giới làm chủ, diễn xuất văn nghệ v.v. Những năm gần đây việc chúc mừng ngày lễ 8 tháng 3 được yêu cầu phải sáng tạo, nhưng cho dù sau bao nhiêu năm, có thể khái quát chủ đề là: mượn ngày lễ tết để làm sâu đậm thêm một bước nữa Văn hóa đảng “nửa vùng trời nữ giới”, “nam nữ bình đẳng”, thể hiện “sự quan tâm” của đảng với nữ giới, làm nổi bật việc đảng để phụ nữ “vùng lên” đạt được địa vị “bình đẳng”, đồng thời để những tấm gương nữ thể hiện lòng trung thành với đảng, tẩy não những người khác.

“Tết lao động 1 tháng 5” bắt nguồn vào ngày 1 tháng 5 năm 1886, từ việc tổ chức cuộc bãi công và diễu hành biểu tình quy mô lớn với khoảng 350.000 người tham gia, với trung tâm cuộc biểu tình là ở Chicago của Mỹ, những người biểu tình yêu cầu cải thiện điều kiện lao động, thực thi chế độ làm việc 8 tiếng. Ngày 1 tháng 5 trở thành ngày lễ của đảng, nó tổ chức hoạt động chúc mừng

nhồi nhét “tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội”, ngoài ra còn một phương diện đặc sắc nữa chính là bình xét “lao động gương mẫu”, từ dưới lên trên, vinh danh những người làm việc xuất sắc, có thành tựu, hoặc những đại biểu nổi bật của các ngành các nghề, thậm chí trực tiếp thu hút gia nhập đảng, khiến mọi người cảm thấy mình được thừa nhận, được khẳng định, niềm vui ngập tràn không quên rằng tất cả đều là đảng ban cho. Thông qua việc đưa những người ưu tú này vào mặt trận thống nhất, mà tiến hành khống chế thêm một bước nữa với các ngành các nghề, đồng thời mở rộng mặt tiền của mình.

“Ngày tết thanh niên 4 tháng 5” bắt nguồn từ hoạt động “4 tháng 5” năm 1919, vốn là một cuộc vận động yêu nước duy hộ chủ quyền, qua tuyên truyền của Đảng Cộng sản (Trung Quốc) lại thành tiêu chí “Giai cấp vô sản Trung Quốc đã giác ngộ, lần đầu tiên trở thành lực lượng chính trị độc lập, bước lên vũ đài chính trị”.

Đa số những quốc gia chúc mừng “ngày tết thiếu nhi 1 tháng 6” đều là nước “chủ nghĩa xã hội” hay “từng là chủ nghĩa xã hội”. Nguồn gốc của “Tết thiếu nhi” cũng không rõ ràng, Trung Cộng cũng quy kết cho ngày lễ này là “chống đế quốc”, hoạt động chúc mừng “Tết thiếu nhi” là do Liên hiệp Phụ nữ quản, dù là đi công viên, hay diễn văn nghệ, trẻ nhỏ ăn tết nhưng không được làm những việc mà chúng muốn làm, trẻ nhỏ phải nói “lời trẻ nhỏ” mà người lớn muốn nghe, mọi hoạt động đều do thầy cô giáo một tay tổ chức, ý nghĩa của nó không chỉ đơn thuần là chúc mừng và giải trí, chủ đề của những hoạt động như “ngũ giảng tứ mỹ” (*5 điều được coi trọng, bốn đức tính*), “làm người kế tục”, “mừng 1 tháng 6 biết vinh nhục” đều phải phù hợp với chính sách và yêu cầu của một giai đoạn nào đó. Những điều mà trẻ em từ tai, mắt tiếp thu được, bị tiêm nhiễm đều là một bộ những thứ dùng danh nghĩa văn nghệ để đạt được mục đích chính trị, còn có “ngày chủ đề về đội”, “thi ca hát”, những đứa trẻ ngày thơ từ nhỏ đã bị cưỡng ép phải thích ứng với cách làm việc giả tạo hư ngụy này.

Không chỉ có vậy trước và sau ngày 1 tháng 6 là ngày gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong, tuyên thệ dưới lá “cờ đội”: Quyết tâm tiếp nhận sự lãnh đạo

của Đảng Cộng sản, “phấn đấu trọn đời vì sự nghiệp của Chủ nghĩa Cộng sản”, từ nhỏ đã lôi kéo trẻ nhỏ vào chính trị tà ác của Trung Cộng.

“1 tháng 7” lại là “ngày lễ” không rõ ràng, bởi vì Trung Cộng không phải thành lập vào ngày 1 tháng 7, nhưng lại được Trung Cộng quy định là ngày “sinh nhật đảng”. Trên thực tế, Trung Cộng là do Đảng Cộng sản Liên Xô tháng 8 năm 1920 cử Voitinsky đại diện tới Trung Quốc thành lập, tên của đảng cũng là do Đảng Cộng sản Liên Xô Việt đặt, lúc đó lấy tên là “Chi bộ Trung Quốc của Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ 3) – còn gọi là Đảng Cộng sản Trung Quốc”, sứ mệnh của nó là cách mạng giai cấp vô sản “lật đổ Trung Hoa dân quốc và tiêu diệt Quốc dân đảng Trung Quốc” do Đảng Cộng sản Liên Xô ủy thác. Cuộc họp được tổ chức vào tháng 7 năm 1921 chỉ là đại hội đại biểu của Trung Cộng. Theo suy luận thì Đảng Cộng sản có trước, sau đó mới có đại hội đại biểu.

Đại hội Trung Cộng lần thứ nhất là do người Liên Xô bỏ tiền ra tổ chức. Sau này Trần Công Bác đi theo Uông Tinh Vệ^[2] mà trở thành đại Hán gian thứ hai, là một trong những sáng lập viên của Trung Cộng, là đại biểu trong đại hội lần thứ nhất. Y dẫn vợ mới cưới nhân dịp dự họp tới Thượng Hải “du lịch tiền chùa”, ở khách sạn Đại Đông. Ngày 31 tháng 7, bên cạnh chỗ ở của Trần Công Bác đã xảy ra một vụ án giết người vì tình. Sau đó, cảnh sát thuộc khu vực tờ giới nước Pháp tới làm án, Trung Cộng mới rời sang quận Nam Hồ, Thành phố Gia Hưng để mở cuộc họp. Khi đó, việc thành lập chính đảng là hợp pháp và cảnh sát đến không phải để bắt người của Trung Cộng, nhưng Trung Cộng lại hiem ác tuyên truyền việc cảnh sát đến là “đấu tranh đối đầu”. Năm 1981, Phòng Nghiên cứu Lịch sử đảng Trung Cộng căn cứ theo “Báo cáo”

[2] Uông Tinh Vệ: Một chính trị gia thời Trung Hoa Dân Quốc. Ông ban đầu được biết đến là một thành viên của phe tả trong Quốc Dân đảng, nhưng về sau đã ngày càng trở nên chống cộng sau khi những nỗ lực thất bại của ông nhằm cộng tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Hoạt động chính trị của ông đột ngột chuyển sang hữu sau đó, khi ông kết giao với người Nhật. Vì tham gia chính phủ thân Nhật, Uông thường bị gọi là Hán gian và tên của ông tại Trung Quốc trở thành một thuật ngữ dùng để ám chỉ kẻ phản bội.



vào đầu tháng 8 năm 1921 về vụ án giết người vì tình, suy ra thời gian thành lập Trung Cộng là ngày 23 tháng 7, đồng thời viết vào “Niên biểu đại sự lịch sử đảng Trung Cộng”.

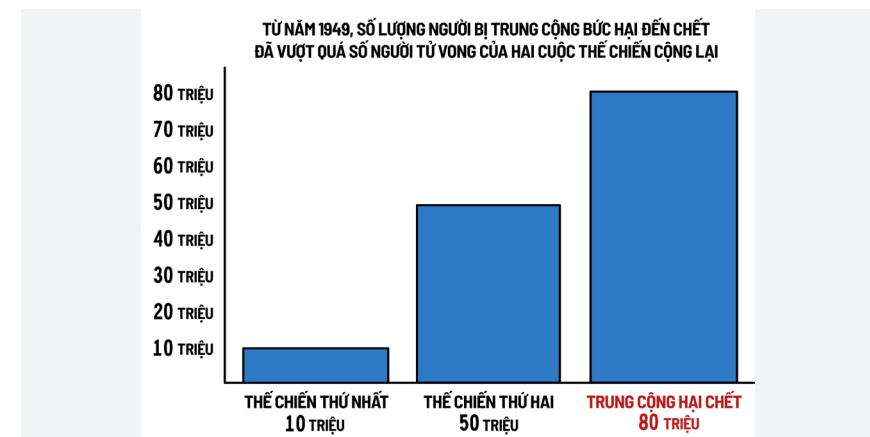
“1 tháng 7” tuy là “ngày lễ” nhưng không phải “ngày nghỉ”, mà là thời cơ quan trọng cho Đảng ủy các cấp và Ban tuyên giáo Trung ương của Trung Cộng dốc toàn lực để tuyên truyền ra ngoài xã hội. Đối ngoại là như vậy, đối nội cũng không khác. Đảng viên phải tham gia các hoạt động và tổ chức, lãnh đạo các cấp của đảng cần phát biểu, cũng là cơ hội mỗi năm nạp lại điện cho đảng viên, tăng cường đảng tính. Ngoài ra, đảng viên mới gia nhập đảng cũng được chọn nhiều vào đêm trước ngày 1 tháng 7. Toàn xã hội thừa nhận sự tồn tại ngày 1 tháng 7 là ngày lễ, cũng chính là thừa nhận sự chiếm cứ của Trung Cộng với Trung Quốc. Toàn bộ ngày lễ này mỗi năm một lần lại khởi tác dụng tiếp máu cho Trung Cộng, tăng cường sức sống cho Trung Cộng.

“Ngày lễ thành lập quân đội 1 tháng 8” là chúc mừng cho cuộc bạo động

mà Trung Cộng gọi là “cuộc khởi nghĩa Nam Xương”. Bối cảnh lúc đó là quân cách mạng Quốc Dân dưới sự lãnh đạo của Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh Bắc Phật vào năm 1926, chinh phạt chính phủ Bắc Dương. Nhờ sự ủng hộ của nhân dân, quân Bắc Phật tiến triển khá thuận lợi, quốc gia sắp được thống nhất thì do Stalin đích thân hạ lệnh, Trung Cộng lại đơn phương không ngừng phá hoại cuộc Bắc Phật, thậm chí còn dùng biện pháp bạo động vũ trang đánh đuổi Quốc dân Đảng về Quảng Đông, nhằm ngăn Quốc dân Đảng đánh đổ quân phiệt Bắc Dương. Tưởng Giới Thạch buộc phải thanh trừ Đảng Cộng sản vào ngày 12 tháng 4 năm 1927, còn Trung Cộng phát động cuộc bạo động Nam Xương vào ngày 1 tháng 8 cùng năm, làm ra khu vực cát cứ vũ trang. Do bạo động Nam Xương là bắt đầu cho việc Trung Cộng nắm quân đội của mình, cho nên được gọi là “Lễ thành lập quân đội”.



“1 tháng 10” là kỷ niệm ngày Trung Cộng thành lập chính quyền “Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa” vào ngày 01 tháng 10 năm 1949, nhưng lại yêu cầu nhân dân toàn quốc cùng nhau chúc mừng cái gọi là “ngày Quốc khánh”. Hoạt động “Quốc khánh” được giao phó ý nghĩa chính trị trọng đại, là chủ thể của các lễ chúc mừng, tổ chức yến tiệc quốc gia, duyệt binh, đốt pháo bông, diễu hành. Một mặt Trung Cộng khoe khoang vũ trang, làm nhân dân khiếp sợ, mặt khác dùng pháo bông, tiệc quốc gia, vườn cây cảnh để tô vê thái bình, dùng ảnh chân dung lớn của Tôn Trung Sơn đặt tại quảng trường Thiên An Môn để chiêu dụ Đài Loan vào mặt trận thống nhất, dùng diễu hành nhằm ngụy tạo giả tướng “vạn dân ủng hộ”. Lúc này, tivi thường phải phát hình ảnh “đại lễ khai quốc”, hoài niệm công lao “giải phóng” vất vả của Trung Cộng, dùng hành vi của con người để định nghĩa Trung Quốc là nước do Trung Cộng thành lập, tô đậm hơn khái niệm “không có đảng cộng sản thì không có Trung Quốc mới” làm nhầm lẫn thêm khái niệm đảng và quốc gia, tạo ảo giác dường như Trung Quốc là do Trung Cộng lập nên.



Trên thực tế, hiện nay có rất nhiều người Hoa coi ngày 1 tháng 10 là “ngày quốc tang”. Từ khi Trung Cộng thành lập đảng tới nay, nó đã mang lại cho người Trung Quốc những khổ nạn bất tận, đặc biệt là sau khi cướp được chính

quyền trên cả nước, Trung Cộng đã khiến khoảng 80 triệu người Trung Quốc tử vong một cách bất thường, bán đứng mấy triệu km² lãnh thổ, tận diệt tinh hoa văn hóa Trung Hoa, phá hoại phương diện đạo đức và sinh thái một cách không thể văn hối. Trung Cộng ép buộc nhân dân chúc mừng sự thành lập và phát triển lớn mạnh của nó, cũng đồng nghĩa với việc chúc mừng khổ nạn ngày càng sâu hơn của mình.

VII.3 – NGƯỜI TRẺ KẾT HÔN, VIỆC MỚI LÀM THEO CÁCH MỚI, KHÔNG BÁI TRỜI ĐẤT, KHÔNG BÁI THẦN, MÀ HÁT BÀI CA CẢM ƠN ĐÁNG

Trung Cộng biến ngày “1 tháng 5” và “1 tháng 10” thành kỳ nghỉ 7 ngày, tuy số ngày nhiều nhưng không thể tự ý linh động điều chỉnh. Người Trung Quốc thường lên kế hoạch đi du lịch, kết hôn hoặc những hoạt động quan trọng khác vào những ngày này, những hoạt động này thường lưu lại hồi ức tốt đẹp cho con người, thậm chí nhiều năm sau có lẽ sẽ vẫn chỉ vào tấm hình kết hôn của mình hoặc bức ảnh kỷ niệm du lịch mà nói: “Đây là bức ảnh chụp vào ngày lễ “Quốc khánh” năm nào đó của tôi”. Từ đó ngầm liên hệ ngày lễ của Trung Cộng với sự kiện quan trọng trong cuộc sống bình thường của con người một cách không tự biết.

VII.3-1 – Hôn lễ trong văn hóa truyền thống

Văn hóa truyền thống coi trọng 4 lễ tiết lớn: quán lễ, hôn lễ, táng lễ và tế lễ.

“Quán lễ” (lễ trao mū) là chỉ lễ thành người, theo lễ tiết Nho gia, con trai 20 tuổi thường làm lễ trao mū để biểu thị đã thành niên, có nghĩa là đã thực sự bắt đầu gánh vác trách nhiệm xã hội. “Tang lễ” là nghi lễ an táng sau khi con người qua đời, thường thỉnh tăng ni đạo sĩ niệm kinh cho vong hồn. “Tế lễ” tức là lễ tiết cúng tổ tiên, tế Thần. Sau khi Trung Cộng cướp chính quyền,

ba nghi lễ trên đều bị vứt bỏ, điều này có liên quan tới nhân tố kính Trời kính Thần, “thận trung truy viễn” (thận trọng chu đáo trong việc hậu sự và tưởng niệm tổ tiên).

Còn “Hôn lễ” dù sao cũng là một trong bốn đại sự của đời người, “tử sinh khế khoát, dũ tử thành thuyết. Chấp tử chi thủ, dũ tử giai lão.” (Dù sinh tử hay ly hợp, cũng nguyện kết duyên cùng người, nắm tay người, cùng người đi tới cuối đời). Dù là cổ nhân Trung Quốc hay người phương Tây, thì hôn nhân là lời hẹn ước trọn đời, phải bái lạy trời đất Thần linh, làm việc này một cách long trọng.

Trong “Lễ ký” có dành riêng một chương nói về “ý nghĩa hôn nhân” gọi là “Hôn nghĩa” (昏义), (“Hôn 昏” trong hoàng hôn, là chữ đồng âm, giống với “hôn 婚” trong hôn lễ”, bởi vì hôn lễ của cổ nhân thường tổ chức vào lúc hoàng hôn), quy định 6 lễ là “Nạp Thái, Văn danh, Nạp Cát, Nạp chinh, Thỉnh kỳ, Thân nghênh”. Trong đó “Nạp Thái” chỉ ngỏ lời kết thân, “Văn danh” là chỉ hỏi họ tên của nhà gái để tiện bốc que hung cát, “Nạp Cát” chỉ việc báo cho nhà gái biết tin lành, “Nạp Chinh” chỉ nhà trai tặng sinh lê cho nhà gái; “Thỉnh kỳ” lại chỉ sau khi nhà trai bốc que chọn ngày hôn lễ, thỉnh cầu nhà gái đồng ý, “Thân nghênh” lại chỉ nhà trai tới đón nhà gái.

Nho gia cho rằng, hôn lễ là sự hòa hợp giữa hai họ, trên thì có chức trách tiến hành tế tự nơi tông miếu, dưới thì dưỡng dục đời sau, đó là buổi lễ hợp lê thể hiện sự cung kính, cẩn thận, tôn trọng hôn nhân. Ngày đón dâu, nam nữ phải bái thiên địa trước, xin Trời đất làm chứng cho hôn nhân của mình, bái cao đường, cảm tạ công ơn dưỡng dục của cha mẹ, và xin cha mẹ chứng kiến hôn lễ, phu thê giao bái, thể hiện sự kính trọng như khách giữa hai người.

Ở Tây phương các giáo đồ kết hôn thì phải đến giáo đường, xin Thiên chúa chứng giám, những người không tin vào tín ngưỡng cũng phải đọc lời thề “Từ nay trở đi, dù thuận lợi hay khó khăn, dù giàu hay nghèo, dù khỏe mạnh hay bệnh tật, anh (em) cũng sẽ yêu thương bảo vệ em (anh), trân quý em (anh) cho đến thiên trường địa cửu. Anh (em) hứa trọn đời chung thủy

với em (anh)."

VII.3-2 – Trung Cộng làm lệch lạc hôn nhân

Hôn nhân trong văn hóa chính thống một mặt biểu đạt sự tôn kính với Trời đất, Thần linh, mặt khác lại biểu đạt luân thường đạo lý thông qua tiệc vui biếu lộ bên ngoài mà không mất đi lề tiết trang trọng, có sự kính trọng với tổ tiên, hiếu thuận với cha mẹ, ân và nghĩa giữa vợ chồng với nhau.

Chi tiết của hôn lễ thường trở thành hồi ức hạnh phúc nhất trong cuộc đời mỗi người, do đó Đảng Cộng sản cũng nhất định muốn dùng hôn lễ là phương thức quan trọng để củng cố và duy trì sự thống trị của nó. Dưới sự xen vào của Trung Cộng, hôn sự được khoác lên một màu sắc chính trị của đảng vô cùng mạnh mẽ. Ví như kết hôn thì phải được "tổ chức của đảng" phê chuẩn, việc yêu nhau, thành hôn giữa những người không cùng địa vị "giai cấp" sẽ bị cảnh cáo hoặc không được phê chuẩn. Còn cán bộ của đảng thường do "tổ chức" giới thiệu cho một người, cho nên những gia đình như vậy thường vô cùng cảm kích đảng, trở thành "lô-cốt nhỏ" của đảng, nghi lễ hôn nhân được cổ động là "việc mới làm cách mới", không còn bái Thiên địa Thần linh, mà đổi thành hát những ca khúc ca ngợi đảng, dùng đảng thay thế vị trí truyền thống của Thần.

Trong cuốn "Bách niên phong tục biến thiên" đã nhắc đến hình thức hôn lễ sau khi Trung Cộng xây dựng chính quyền, ngoài việc bỏ đi trang phục áo dài truyền thống của nam và mũ phượng khăn quàng vai của nữ, đổi thành mặc trang phục của Lenin, người chứng hôn cũng đổi từ thiêng, địa, phụ mẫu thành "bí thư chi bộ đảng". Thời gian kết hôn cũng chọn vào những ngày lễ mà đảng quy định như "1 tháng 5", "1 tháng 10", "bái thiên địa" phụ mẫu trở thành "cúi đầu trước tượng chủ tịch Mao".

Đến thời Cách mạng Văn hóa, trước khi kết hôn phải đọc một đoạn Mao ngũ lục: "Chúng ta đều tới từ khắp cả nước, đến với nhau vì một mục

tiêu cách mạng chung. Tất cả những người trong hàng ngũ cách mạng đều phải quan tâm lẫn nhau, yêu thương nhau, giúp đỡ nhau." Nâng việc hôn nhân lên thành "cách mạng" cao độ. Hãy chú ý một chi tiết, chính là "tất cả những người trong hàng ngũ cách mạng" mới phải "quan tâm lẫn nhau, yêu thương nhau, giúp đỡ nhau" tính cách mạng cao hơn cả nhân tính. Đồng thời còn hát "Trời bao la đất bao la không bao la bằng ân tình của đảng", "Cha mẹ yêu thương cũng đều không sâu đậm bằng ân tình của chủ tịch Mao", "Tư tưởng Mao Trạch Đông là báu vật gia truyền, nếu ai phản đối nó, người đó chính là kẻ thù của chúng ta". Trong buổi lễ hôn nhân còn phải buộc chặt sợi dây "đấu tranh giai cấp", thể hiện sự trung thành với Mao.

Bài hát "Trời bao la đất bao la" này bắt đầu được truyền ra từ sau trận động đất ở Hình Đài năm 1966. Trong hôn lễ việc hát những ca khúc có dạng "thơ ca ngợi" này, chính là thủ đoạn của Đảng Cộng sản nhằm thần thánh hóa bản thân nó, và khiến con người khi nhớ lại hồi ức ngọt ngào về ngày cưới lại tự động nhớ lại những lời hát ca ngợi Trung Cộng.

Kể cả vào thời gian rất lâu sau Cách mạng Văn hóa, hôn sự của rất nhiều người có đơn vị công tác, đặc biệt là những người có chút chức vị vẫn không thể tránh khỏi sự can thiệp của tổ chức đảng, lãnh đạo đảng, cô dâu chú rể vẫn phải thể hiện lòng biết ơn với sự quan tâm của đảng. Dù cho Trung Cộng hiện nay không còn nhúng tay trực tiếp vào hình thức hôn nhân cụ thể nữa, nhưng sau mấy chục năm ngăn cách, lễ nghi hôn nhân truyền thống đã bị vứt bỏ, mà điều theo đó bị vứt bỏ là cảm giác thần thánh và tinh thần trách nhiệm với hôn nhân. Rất nhiều hôn lễ ngày nay, ngoài việc làm náo loạn đến âm ī ra đã không còn tìm thấy sự thần thánh và quy phạm lễ nghi truyền thống trong đó. Rất nhiều mâu thuẫn trong gia đình, tình cảm vợ chồng rạn nứt, tình một đêm thịnh hành đều có liên quan tới việc Trung Cộng phá hoại quan niệm hôn nhân và hình thức hôn lễ chính thống.



VII.4 – KHỐNG CHẾ SINH ĐẺ, VỢ CHỒNG LÀ ĐỒNG CHÍ CÁCH MẠNG. NAM NỮ ĐỀU GIỐNG NHAU, PHỤ NỮ GÁNH VÁC NỬA VÙNG TRỜI

Một biểu hiện cụ thể về việc văn hóa đảng hiện diện ở khắp mọi nơi, chính là bên cạnh việc hoàn toàn chiếm cứ những lĩnh vực công cộng như chính trị, kinh tế, đảng còn can thiệp vào cuộc sống gia đình, trước nay đều được cho là của lĩnh vực cá nhân hay phạm trù riêng tư. Kết hôn hay không, kết hôn với ai, sinh mấy con, khi nào mới được sinh, đảng quản hết thảy, hơn nữa còn huy động cả bộ máy bạo lực quốc gia tới quản.

Vợ chồng vốn là duyên phận, tình yêu và hôn nhân là chủ đề vĩnh viễn, mang màu sắc lâng mạn của nhân loại, gia đình là bến đỗ bình yên của cuộc hành trình nhân sinh. Sự hòa thuận trong gia đình, tình cảm vợ chồng ân ái, đó là hạnh phúc mà người ta đều mong ước. Nhưng Trung Cộng lại trực tiếp lái chiến trường đấu tranh giai cấp tới từng gia đình. Vợ chồng trở thành “đồng chí cách mạng” có lập trường rõ ràng, đấu tranh chính trị đi theo từ nỗi

công tác tới nhà bếp và phòng ngủ sau khi hết giờ làm, tạo thành mối quan hệ gia đình biến dị.

Thiên thượng tạo nên con người, chia thành nam nữ, là để âm dương của họ bổ sung cho nhau, nhu cương giúp đỡ lẫn nhau, do đó nam nữ hai bên người ta có sở trường riêng về đặc tính và sức khỏe, năng lực. Nhưng Đảng Cộng sản lại biến phụ nữ thành đàn ông, cổ động nam nữ như nhau, phụ nữ có thể gánh vác nửa vùng trời. Điều này không chỉ khiến địa vị của phụ nữ trong việc học hành tìm việc và trên quan trường chính trị được nâng lên, ngược lại còn xóa bỏ và vắt kiệt sự hiền淑 dị dàng của phụ nữ Trung Quốc, tạo thành hậu quả ác nghiệt âm thịnh dương suy đặc trưng trong xã hội Đại lục.

VII.4-1 – Khống chế sinh sản

Trung Cộng có một “quốc sách” cơ bản (kỳ thực chính là đảng sách – “chính sách của đảng”) gọi là “Sinh sản có kế hoạch”, xã hội quốc tế gọi nó là “chính sách một con” do nó liên quan tới lợi ích của phụ nữ và trẻ em nên có rất nhiều tranh cãi trên thế giới. Chúng ta tạm thời gác lại không nói tới những chuyện thị phi này, chỉ riêng việc bản thân chính sách này được công bố cũng đã mang nhân tố Văn hóa đảng sâu đậm không sợ Thần linh, Trời không sợ Đất không sợ, điều gì cũng dám làm, muốn làm gì thì làm của Đảng Cộng sản.

Dù là xã hội hoàng triều truyền thống của Trung Quốc hay là những quốc gia theo chủ nghĩa độc tài như phát xít, chính phủ của nó cũng không can thiệp tới đời sống riêng tư của dân chúng, đặc biệt là vấn đề liên quan tới sinh đẻ. Đảng Cộng sản thì không như vậy.

Năm 1956, báo cáo chính trị trong Đại hội lần thứ 8 của Trung Cộng đã nêu ra chủ trương hạn chế sinh sản, đây chính là sự mở rộng trực tiếp của thể chế “kinh tế kế hoạch” mà Đảng Cộng sản không gì không quản, tức là cái gì cũng đưa vào trong kế hoạch. Ngày 27 tháng 2 năm 1957, trong Hội nghị Quốc

vụ tối cao, Mao Trạch Đông nói: “Với vấn đề sản xuất trong nhà máy, sản xuất vải, sản xuất bàn ghế, sản xuất gang thép, đều có kế hoạch, còn đối với việc sinh sản của bản thân nhân loại thì lại không có kế hoạch, đó chính là chủ nghĩa vô chính phủ. Nhân loại phải khống chế bản thân mình, phải đạt được việc tăng trưởng có kế hoạch, đôi khi còn có thể khiến nó có thể gia tăng thêm một chút, đôi khi có thể dừng lại một chút.” Theo tư tưởng bắt nguồn từ Thuyết Duy vật như vậy thì vì số lượng sinh con và sản lượng luyện thép, dệt vải cũng đều có thể so sánh tương đương, đều là “sản xuất” trong mắt đảng, vậy thì cũng giống như việc đảng lên kế hoạch kinh tế, khống chế sức sản xuất các loại sản phẩm, Đảng Cộng sản khống chế nhân khẩu cũng không có gì kỳ lạ. Sau khi “vệ tinh lương thực” trong cuộc Đại Nhảy vọt năm 1957 bay lên trời, Mao và Trung Cộng đã thay đổi cách nhìn, “nhiều người là việc tốt” đã trở thành tư tưởng chủ đạo. “Nhiều người sức mạnh lớn”, “Con người không chỉ có một cái miệng, mà còn có một đôi tay, có thể sáng tạo ra thế giới”, cổ vũ phụ nữ Trung Quốc sinh càng nhiều càng vang và ban tặng danh hiệu “bà mẹ vinh quang” cho người phụ nữ có 10 con trở lên. Lúc đó “Lý luận mới về nhân khẩu” của Mã Dân Sơ, hiệu trưởng trường đại học Bắc Kinh bị coi là “Luận điệu hoang đường của giai cấp tư sản” và “công kích điên cuồng của cánh hữu”, đã bị “vạch trần, phê phán triệt để”.

Chính sách dân số của Trung Cộng đã khiến cho dân số của Trung Quốc những năm 60, 70 tăng trưởng chóng mặt. Ngày 6 tháng 3 năm 1981, Trung Cộng thành lập Ủy ban Kế hoạch sinh sản, yêu cầu cưỡng chế sinh ít con, “kế hoạch sinh sản” dần trở thành “quốc sách” cơ bản của Trung Cộng.

“Kế hoạch sinh sản” của Trung Cộng và “kế hoạch hóa gia đình” của nước ngoài có sự khác biệt về bản chất. “Kế hoạch hóa gia đình” thông thường được chính phủ hỗ trợ, phục vụ và tư vấn những vấn đề liên quan, do nhân dân tự nguyện tiến hành. Còn “kế hoạch sinh sản” của Trung Cộng là nghĩa vụ công dân được hiến pháp quy định, để xướng (rất nhiều đơn vị là cưỡng chế) kết hôn muộn sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh một con (trừ dân tộc thiểu

số), phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ phải được lãnh đạo cấp chỉ tiêu mới được phép có thai.

“Kế hoạch sinh sản” được bảo hộ thực thi bằng phương pháp cưỡng chế cực đoan. Khi bào thai chưa ra đời, hoặc trong tình trạng thai nhi còn nhỏ và việc phá thai khả thi, thì “nhân viên chấp pháp” của Ủy ban Kế hoạch hóa cưỡng chế người mang thai ngoài kế hoạch tới bệnh viện phá thai. Nếu như thai nhi sau khi sinh mới bị phát hiện thì Ủy ban Kế hoạch sinh sản sẽ phạt nặng với gia đình đó “theo pháp luật”. Trong thực tế vận hành Đảng Cộng sản, từ trước đến nay, đều dùng bạo lực thẳng tay, về cơ bản nhân quyền không nằm trong phạm vi suy xét của nó. “Kế hoạch sinh sản” thực thi trên diện rộng, thời gian dài, lại can thiệp tới sinh mệnh của thai nhi, quá trình này được thực thi tàn khốc dị thường. Đặc biệt là với những người nông dân “sinh vượt mức” bị Trung Cộng trị cho đến mức không chút kiêng dè gì. Đầu trẻ về cơ bản đã đủ tháng hoặc đầy tháng mà không có thẻ cho phép sinh thì không cho phép sống sót chào đời. Dù đã sinh ra, thì bác sĩ y tá cũng phải giết chết đứa bé sơ sinh vô tội ngay khi vẫn còn sống. Theo ước tính, từ khi “kế hoạch sinh sản” bắt đầu, ít nhất đã có 40 triệu thai nhi hoặc trẻ sơ sinh bị Trung Cộng giết chết.

Từ khẩu hiệu và biểu ngữ tại vùng nông thôn Trung Quốc cũng có thể cảm nhận được sát khí bùng bùng. “Thà nát nhà, cũng không để vong quốc”, “uống thuốc trừ sâu tự sát sẽ không cần, treo cổ thì đưa dây thừng”, “một người sinh đẻ vượt mức, toàn thôn phải triệt sản”, “một thai sinh, hai thai triệt sản, ba thai bốn thai nạo! nạo! nạo!, một thai đeo vòng, hai thai triệt sản, ba bốn thai giết giết giết! “Thà máu chảy thành sông, cũng không cho sinh quá thêm một trẻ”, “Thà thêm 10 phân mộ cũng không thêm một con người!” Những khẩu hiệu tàn nhẫn này có thể thấy khắp nơi tại Trung Quốc, hơn nữa không phải chỉ là nói suông. Tịch thu tài sản, dỡ nhà, bắt người, liên lụy người nhà, giết trẻ sơ sinh, v.v. đã khiến người ta nhìn nhiều thành quen.

Năm 2006, giới truyền thông Trung Quốc Đại lục đã đưa tin một chuyện như sau: Hoàng Cầu Sinh, một nông dân tại thôn Thái Diếm, khu Hoàng Pha,

thành phố Vũ Hán do gia cảnh vô cùng bần hàn, không có tiền lo lót trên dưới nên người của Ủy ban Kế hoạch sinh sản đã xông vào nhà anh, đưa vợ anh Hoàng, người đã mang bầu chín tháng tới phòng phẫu thuật của Ủy ban Kế hoạch Sinh sản, tiêm cho chị ấy một mũi thuốc đọa thai, ngay chiều hôm đó vợ anh Hoàng sinh con. Nhưng mũi tiêm đó chưa khiến cho thai nhi chết đi, người của Ủy ban Kế hoạch Sinh sản chứng kiến tình hình đó đã ép Hoàng mang đứa trẻ còn sống vứt đi. Khoảng 5 giờ chiều, một bà lão họ Lưu nghe bà con lối phố nói trong nhà vệ sinh đằng sau Phòng Tài chính của xã có tiếng khóc của trẻ nhỏ. Bà Lưu trước kia từng làm bác sĩ đã nhanh chóng lẩn theo tiếng khóc tìm thấy đứa trẻ, quả nhiên là trong bệ tiểu nhà vệ sinh phát ra bé trai sơ sinh này, chỉ nhìn thấy nó ngoài đầu ra thì toàn thân lẩn trong phân và nước tiểu. Bà Lưu nhanh chóng tiến về phía trước bế đứa trẻ lên, sau khi vệ sinh đơn giản, liền bế ngay vào phòng khám gần đó, cắt dây rốn cho đứa trẻ, tiêm thuốc sát trùng. Sau khi xử lý mọi việc đâu vào đấy, bà Lưu dùng túi bọc đứa trẻ lại, ngồi trước cửa nhà cho đứa trẻ uống nước. Đúng vào lúc này, năm người trong ủy ban kế hoạch sinh sản của xã đã xuất hiện trước cửa nhà bà Lưu, một người trong số họ không nói không rằng cướp đứa trẻ khỏi tay bà Lưu, ném xuống đất. Lúc đó chỉ nghe thấy một tiếng nghẹt thở, đứa trẻ đau đớn từ chi co giật, người của Ủy ban Kế hoạch hóa vẫn chưa dừng lại, còn bước lên đá cho đứa bé một cái. Sau đó đám người này lôi đứa trẻ đi, đi rất xa mà vẫn nghe thấy tiếng khóc của thằng bé. Cuối cùng người của Ủy ban Kế hoạch sinh sản đặt đứa bé trong ruộng lúa nước dìm cho chết đuối. Những trường hợp như vậy tại Trung Quốc Đại lục không phải là hiện tượng cá biệt.

Chính sách “kế hoạch sinh sản” là một biểu hiện cụ thể về giáo dục Thuyết vô Thần của Trung Cộng. Dù cho xảy ra thiên tai rất lớn hoặc chiến tranh, thì tội giết trẻ sơ sinh luôn là tội phản nhân loại rất nặng, còn quan chức các cấp dưới sự giáo dục của “Thuyết vô Thần” của Trung Cộng chỉ biết vâng lời Trung Cộng, hoàn toàn không có khái niệm đạo đức cơ bản về “nhân mệnh quan thiên” (sinh mệnh con người liên quan tới trời), hoàn toàn vô cảm trước việc

giết hại trẻ sơ sinh.

Những nước phương Tây có một truyền thống, khi gặp phải nguy hiểm thường nhường lại cơ hội sống cho trẻ em và phụ nữ. Một dân tộc tôn trọng quyền lợi của kẻ yếu mới có thể thực sự trân trọng quyền lợi của tất cả mọi người. Việc Trung Cộng miệt thị quyền con người của trẻ sơ sinh đã hoàn toàn biểu lộ ra rằng: Trung Cộng căn bản không hề tôn trọng nhân quyền của bất kỳ ai. Trung Cộng áp bức nông dân, thờ ơ với tai nạn sập hầm mỏ, bức hại những người đi thiền nguyện một cách vô tình, thậm chí còn thảm sát trẻ sơ sinh, đều phản ánh giá trị quan “kẻ yếu làm mồi cho kẻ mạnh” của Trung Cộng. Kết quả là những ghi chép về nhân quyền của Trung Cộng tiếp tục xấu đi.

Người ta có thể sẽ tìm ra đủ loại lý do giải thích, rằng nếu không khống chế một cách cưỡng chế, đến lúc dân số Trung Quốc bùng nổ thì làm thế nào? Đây chỉ là bề mặt của vấn đề, mà nhân tố Văn hóa đảng trong quyết sách của Trung Cộng mới chính là thực chất của vấn đề. Đảng Cộng sản chỉ cần hứng lên, muốn nhiêu người thì cổ động sinh nhiêu, nhiêu người quá không nuôi nổi, vỗ trán một cái lại không từ bất kỳ thủ đoạn nào, giết nhiêu tới mức âm hồn thai nhi không thể tiêu tán trên mảnh đất Trung Hoa rộng lớn. Sinh nhiêu hay sinh ít, xem ra là hai thái cực, nhưng cái nào cũng là biểu hiện của thói quen lưu manh bá đạo điều gì cũng dám làm, muốn làm gì thì làm nấy của Trung Cộng. Dân số hiện nay tăng thêm hàng mấy trăm triệu so với ba mươi năm về trước, nhưng những năm này Trung Cộng nói lồng một chút về lĩnh vực kinh tế, bớt quản đi một chút, người ta chẳng phải ăn no hơn, nhà cửa rộng rãi hơn hay sao? Có thể thấy, cốt lõi của vấn đề không phải là dân số mà là bản thân Trung Cộng.

Vấn đề dân số là vấn đề mà đa số các quốc gia trên thế giới đều phải đối mặt, nhưng hiện nay trong phạm vi thế giới, quốc gia mà ở đó chính phủ cưỡng chế thực thi kế hoạch sinh sản chủ yếu chỉ có Trung Quốc. Điều này không phải là phản đối cách giải quyết vấn đề dân số, mà là phản đối cái cách thức thích làm gì thì làm, bất kính với Thần linh, đặc biệt là giết người hại mệnh

của Trung Cộng.

Việc Trung Cộng khống chế sinh sản đã gây nên hậu quả nghiêm trọng, biểu hiện là cơ cấu dân số nhanh chóng già đi, số người về hưu không ngừng tăng lên, còn số người trong độ tuổi lao động ngày càng giảm đi, hệ thống lương hưu xã hội luôn thiếu hụt nghiêm trọng phải đổi mới với áp lực sụp đổ. Hiện nay một cặp vợ chồng phải phụng dưỡng bốn người già, đồng thời còn phải nuôi một đứa con. Một đứa con hoàn toàn không thể bảo đảm tuyệt đối nó sẽ thành tài, nếu đứa con không nêu người thì cha mẹ về già sẽ mất đi chỗ dựa, còn quốc gia lại không có cơ chế cứu trợ. Tại vùng nông thôn Trung Quốc, khi một gia đình đã sinh con gái, thì sau khi con gái lấy chồng mà cha mẹ cao tuổi thì sẽ không có ai để nương tựa, cũng không còn sức lực để làm việc nhà nông, sẽ mất đi nguồn sống.

Kế hoạch sinh sản còn khiến tỷ lệ giới tính nam nữ được sinh ra hiện nay của Trung Quốc mất cân bằng. Trước kia sinh con gái còn có thể sinh tiếp, cho tới khi có con trai thì thôi. Hiện nay người ta chỉ có thể sinh một con, rất nhiều người đã chọn giới tính cho con bằng cách phá thai, để có người nối dõi tông đường, truyền thừa hương hỏa, mà nạo thai bé gái, giữ lại thai bé trai, kết quả đã khiến tỷ lệ trẻ sơ sinh nam và nữ mất cân bằng nghiêm trọng, như hiện nay đã đạt tới tỷ lệ 120:100, điều này đồng nghĩa với 20 năm sau, sẽ có 1/6 đàn ông (khoảng 40 triệu người) sẽ không tìm được người phòi ngẫu, từ đó gieo mầm họa lớn về vấn đề an toàn cho xã hội.

Khống chế sinh sản còn khiến một thế hệ người trẻ tại thành phố ít có anh chị em, những đứa trẻ con một thường trở thành “tiểu hoàng đế” được nuông chiều, tạo nên “tính kiêu ngạo, quen được nuông chiều” nghiêm trọng và tùy tiện, ích kỷ, thiếu đi tinh thần trách nhiệm và thiếu sự quan tâm, yêu thương dành cho người khác. Khi thế hệ những cậu ấm cô chiêu con một này trở thành nòng cốt của xã hội, đặc điểm tính cách của họ sẽ ảnh hưởng tới toàn xã hội Trung Quốc.

Ký thực, cũng giống như quy luật tồn tại trong giới tự nhiên, số lượng dân

số bản thân nó cũng tồn tại cơ chế điều tiết, cũng như trong “Thi kinh” có nói: “Thiên sinh chung dân, hữu vật hữu tắc” (*Trời sinh bách tính, vạn vật đều nằm trong nguyên tắc*). Đối với một chính phủ thông thường sẽ có rất nhiều cách điều tiết dân số. Nhân khẩu học và tài liệu thống kê của Liên Hợp Quốc đã thể hiện rõ ràng những nơi có cơ chế an sinh xã hội hoàn thiện và trình độ giáo dục của nhân dân cao thì tỷ lệ sinh sản sẽ tự nhiên giảm bớt. Theo con số thống kê của Trung Quốc, chỉ cần phụ nữ được giáo dục tới trung học cơ sở thì tỷ lệ sinh sản sẽ giảm tới 2.13, từ đó khiến cho dân số đạt được mức cân bằng, những người phụ nữ được giáo dục tới hết trung học và đại học thì tỷ lệ sinh sẽ giảm thêm tới 1.82 và 1.11 (những căn cứ trên là theo số liệu thống kê năm 1986, hiện nay đang giảm xuống thêm một bước nữa).

Trung Cộng đã quen với chính sách giết chóc và cưỡng chế, tràn đầy hứng thú với việc phá thai, còn việc giáo dục vốn có tác dụng căn bản thì nó không hề có chút hứng thú, tỷ lệ đầu tư cho giáo dục thấp đến mức người ta không còn gì để nói (không tới 4% GDP, xếp gần chót thế giới, không bằng cả nước Uganda ở Châu Phi). Theo tài liệu Trung Cộng công bố, kinh phí giáo dục bắt buộc trên toàn quốc năm 2006 cân khoảng 226 tỷ nhân dân tệ, nhưng khoản tiền công quỹ ăn uống chỉ riêng trong năm 2004 đã đạt tới 370 tỷ nhân dân tệ. Nói cách khác, chỉ cần Trung Cộng dừng ăn uống bằng công quỹ đã đủ để những đứa trẻ trong độ tuổi đi học được giáo dục miễn phí, mà trình độ giáo dục nâng cao sẽ có tác dụng giảm áp lực tăng trưởng dân số.

Trong thế kỷ này có rất nhiều quốc gia đã áp dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Ví dụ như Ấn Độ, những người kết hôn sau khi vượt quá độ tuổi kết hôn tối thiểu được pháp luật quy định là 21 tuổi sẽ được thưởng, những cặp vợ chồng sau khi sinh được hai con mà chủ động triệt sản sẽ được chiếu cố về phương diện phúc lợi gia đình và bảo hiểm y tế, nhưng không phải là biện pháp mang tính ép buộc. Ở những nước như Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ cũng tiến hành lập pháp đối với kế hoạch hóa gia đình, nhưng pháp luật của những nước này đều quy định rõ ràng: Vợ chồng có quyền tự do quyết định số con và

khoảng cách sinh.

Những quốc gia phương Tây phải đổi mới với tỷ lệ sinh sản thấp, biện pháp ứng phó chính là khuyến khích thông qua hỗ trợ về kinh tế hoặc giảm thuế, chính phủ cũng không thể khống chế sinh sản bằng thủ đoạn cưỡng chế. Trên thực tế, không hề có chính phủ một quốc gia nào lại đi quản vấn đề sinh sản của mỗi gia đình, càng không dùng cơ cấu bạo lực để đảm bảo việc thực thi chính sách sinh sản. Áp dụng cách khống chế sinh sản chỉ có Trung Quốc dưới sự thống trị của Trung Cộng, khiến vấn đề xã hội cũng trở nên gay gắt xưa nay chưa từng có trong lịch sử.

VII.4-2 – Vợ chồng là đồng chí cách mạng

Dù là phương Đông hay phương Tây, văn hóa truyền thống đều lấy “gia đình” làm trung tâm. Tại một nước công nghiệp hóa phát triển nhất như nước Mỹ, có “quan niệm gia đình” vẫn được coi là phẩm chất đạo đức quan trọng.

Đối với con người mà nói, gia đình là nơi thư giãn, giữa vợ chồng có ân nghĩa, có sự tin cậy nương tựa vào nhau, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Giữa vợ chồng với nhau, mở lòng dốc bầu tâm sự là phương thức quan trọng nhất để giải tỏa áp lực tâm lý, cũng là con đường quan trọng để duy trì sự lành mạnh về tâm lý, từ đó đảm bảo sức khỏe sinh lý.

Trong “Kinh Thi” có viết: “Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt” (*Vợ chồng hòa hợp, như gảy đàn cầm đàn sắt*). Trong gia đình truyền thống đàn ông chủ yếu lo việc bên ngoài, phụ nữ chủ yếu lo việc bên trong, đàn ông cương trực biết quan tâm, là nơi che mưa che gió cho vợ con; phụ nữ dịu dàng hiền hậu, chủ quản việc gia đình, cũng là người hiên trợ giúp chồng. Vợ chồng như đàn cầm và đàn sắt hòa hợp với nhau, tâm đầu ý hợp. Cuộc hôn nhân tốt đẹp chú trọng tới việc khoan dung lẫn nhau, có thể lượng thứ cho đối phương, dâng khay ngang mày, tương kính như tân chính là một minh họa cho trạng thái này.

Văn hóa Đảng của Trung Cộng không chỉ làm biến dạng ý nghĩa thực hôn lễ

của con người, khống chế cả sinh sản của con người, mà đồng thời nó còn quy định lại mối quan hệ đạo đức giữa vợ chồng. Trung Cộng phê phán Văn hóa truyền thống, coi mối quan hệ luân thường của con người là cám bã phong kiến lạc hậu, hạ thấp tình cảm ấm áp và nhân tính trong gia đình thành nhân tính của giai cấp tiểu tư sản, là biểu hiện của việc không đủ đảng tính và tính cách mạng, từ đó mà khiến cho mối quan hệ vợ chồng mất đi cái nền tảng vốn có. Sau khi nhân tính bị tách rời, đảng còn phải nhốt nhét đảng tính, cổ vũ vợ chồng là “đồng chí cách mạng”, không thừa nhận tình cảm và luân lý giữa vợ chồng. Vợ chồng “đồng tâm” là phải đồng tâm với đảng, “đồng chí [hướng]” là phải cùng chí hướng với đảng. Sự tin tưởng giữa vợ chồng không thể vượt quá sự tin tưởng với đảng; ân nghĩa giữa vợ chồng tuyệt đối không được cao hơn lòng trung thành với đảng.

Cuộc sống gia đình là mục đích của hôn nhân, Trung Cộng lại hoàn toàn ngược lại, nam nữ kết hợp hoàn toàn không phải là để lập gia đình, mà là vì đảng, trở thành một đơn vị của đảng, là thủ đoạn và công cụ để đảng làm cách mạng, cho nên vợ chồng đã trở thành “đồng chí cách mạng”. Tằng Chí, phu nhân của Đào Chú, được Trung Cộng thừa nhận là một trong mười “nhà cách mạng nữ” từng viết về quan niệm hôn nhân của mình trong hồi ức “Một người cách mạng may mắn còn sót lại”: Đối với một đảng viên Cộng sản, cuộc sống vợ chồng chỉ là thứ yếu, điều quan trọng là sinh mệnh chính trị.

Trong “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” đã biểu thị rõ phái “tiêu diệt gia đình”: “Chúng ta phải thay thế giáo dục gia đình bằng giáo dục xã hội, chính là phải tiêu diệt mối quan hệ thân mật nhất giữa con người.” Mối quan hệ thân thiết gia đình, người thân vẫn luôn là cái lõi tự nhiên trong trời đất; vợ chồng, con cái, cha mẹ, bạn bè, mối quan hệ thông thường giữa người với người đã cấu thành xã hội nhân loại. Nhân loại cũng vì có hình thức gia đình vợ chồng mới có thể sinh sôi và phát triển dưới sự cầu thúc của lý tính và đạo nghĩa. Nhưng Đảng Cộng sản thay đổi quan hệ luân thường giữa vợ chồng bằng mối quan hệ lợi ích giữa “đồng chí cách mạng” với nhau, làm biến dạng ý nghĩa thực căn

bản của xã hội nhân loại từ căn bản.

Như đã phân tích trong Chương 6 “Ngôn từ của Đảng đã trở thành thói quen” của cuốn sách này, giữa vợ chồng mà xưng hô “đồng chí”, là khiến vợ chồng ngay trong cuộc sống đời thường luôn luôn ghi nhớ “thân phận trong tôn giáo” của mình, khiến cái bóng tà giáo Trung Cộng trùm lên cả gia đình. Đầu tiên là “đồng chí”, sau đó mới là vợ chồng. Nếu một bên bị Trung Cộng coi là kẻ địch, thì sẽ không thuộc về hàng ngũ “đồng chí”, do đó mới phải vạch rõ ranh giới, vứt bỏ bạn đời, đứng về phía tổ chức đảng. Coi vợ chồng như “đồng chí cách mạng”, phá vỡ mối thân tình truyền thống giữa vợ chồng, phá hoại ân nghĩa và sự tin cậy giữa vợ chồng với nhau, người ta không dám tin ngay cả người cùng mình đều ấp tay gối. Một khi mối quan hệ “đồng chí cách mạng” bị phá vỡ, luân lý giữa vợ chồng cũng không còn tác dụng, trực tiếp tạo thành những việc vợ chồng tố cáo vạch trần lẩn nhau mất hết nhân tính trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa và trong những cuộc vận động chính trị.

Đối với con người mà nói thì người làm họ bị tổn thương nhiều nhất chính là những người thân cận nhất của mình. Vì họ biết hầu như toàn bộ ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm của bạn. Một khi bị người mà mình tin tưởng nhất làm tổn thương, con người rất có thể sẽ cảm thấy như trời sập xuống, không chốn dung thân, biến người mènh mang mà không thể tin tưởng một ai, từ đó hoài nghi tất cả. Đây chính là điều mà Đảng Cộng sản cần.

Sau khi “Cách mạng Văn hóa” kết thúc, nhân tố cách mạng dần dần nhạt đi, mối quan hệ “đồng chí cách mạng” này đã trở thành “mối quan hệ đồng chí [hướng]” trong cuộc sống, chỉ vì mục đích và lợi ích cụ thể để duy trì gia đình, sự chia sẻ tình cảm và săn sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng vô cùng thiếu thốn, cuộc sống gia đình trở nên đơn điệu buồn chán. Rất nhiều gia đình sau khi con cái lớn lên, vợ chồng thậm chí không biết sau này phải làm gì.

VII.4-3 – Nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời

Tục ngữ có câu nam nữ khác nhau, còn dưới ảnh hưởng nhiều năm của Văn hóa đảng, nhắc đến nữ giới, rất nhiều người tự nhiên nghĩ tới những lời như “thời đại khác rồi, nam nữ đều giống nhau”, “phụ nữ có thể gánh vác nửa vùng trời”. Nhưng nam nữ vốn không giống nhau.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc chú trọng cân bằng âm dương, kỳ thực chính là chú trọng tới quy luật vạn vật diều hòa lẫn nhau, trong đó bao gồm nam nữ. Nam là dương, nữ là âm, đặc tính của nam là cương trực, đặc tính của nữ là nhu mì mềm mại. Hai đặc tính nhu cương bổ trợ cho nhau, cộng sinh hài hòa, chứ không phải là ý mạnh hiếp yếu. Luân lý đạo đức mấy nghìn năm của Trung Quốc đề xướng ân ái giữa vợ chồng là điều quan trọng, nam đối ngoại, phải gánh vác trách nhiệm gia đình, phải nuôi dưỡng gia đình, yêu thương và bảo vệ vợ con mình, có trách nhiệm với vợ suốt cuộc đời; nữ đối nội, trên phải kính cha mẹ chồng, đỡ đầu chồng dạy bảo con cái, phải yêu thương chồng của mình.

Gia đình là tế bào cơ bản của xã hội, trong xã hội Trung Quốc cổ đại, gia đình và gia tộc đóng vai trò còn quan trọng hơn. Lý tưởng nhân sinh của cổ nhân là “tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ”, cũng mang theo cùng đạo lý, “bình thiên hạ” chỉ là mở rộng đạo “tề gia” tới một phạm vi lớn hơn. Trong mối quan hệ gia đình, quan hệ “vợ chồng” là phương diện quan trọng nhất. “Trung Dung” giảng: “Quân tử chi đạo, tạo đoan hổ phu phụ, cập kỳ chí dã, sát hổ thiên địa” (*Đạo của người quân tử, bắt đầu từ đạo lý vợ chồng nồng cạn, đi đến đỉnh cao, là hiểu rõ trời đất*). Việc Trung Cộng cổ vũ “nam nữ đều giống nhau” đã trực tiếp phá vỡ sự cân bằng và hài hòa của gia đình, là một bước quan trọng để Trung Cộng lật đổ trật tự xã hội truyền thống.

Trong xã hội truyền thống, nữ giới dù không có thành tựu nổi bật về những phương diện như chính trị, kinh tế, khoa học, quân sự, nhưng về phương diện dạy dỗ con cái, duy trì đạo đức và duy trì trật tự xã hội bình thường lại phát huy tác dụng không thể thay thế. Đặc biệt là người mẹ sẽ gieo

tình yêu vào tâm hồn non nớt của đứa trẻ, đợi sau này khi đứa trẻ lớn lên sẽ mang tình yêu này truyền ra xã hội. Giống như “Mạnh mẫu tam thiên”^[3] (*Mẹ Mạnh Tử ba lần chuyển nhà*) và “Nhạc mẫu thích tự”^[4] (*Mẹ Nhạc khắc chữ*), hâu như mỗi một người dân Trung Quốc đều quá đỗi quen thuộc. Nếu không có sự dạy dỗ của Nhạc mẫu thấu hiểu đại nghĩa thì có lẽ cũng không có nghĩa cử vĩ đại Nhạc Phi “tận trung báo quốc” sau này.

Trung Cộng cổ động “Nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời”, ép buộc nữ giới thay đổi vai trò hiền thê từ mẫu, khiến phụ nữ xung phong lâm trận giống đàn ông, đi làm những việc mình khó đảm đương nổi. Mặt khác, gánh nặng chăm sóc người già, giáo dục trẻ nhỏ không người gánh vác hoặc không thể gánh vác tốt, việc giáo dục trẻ nhỏ hoàn toàn ỷ lại vào thế hệ trước (ông bà nội, ông bà ngoại) hoặc nhà trường và xã hội, do đó sẽ gây ra những vấn đề xã hội phức tạp khó giải quyết.

Cổ động “Nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời” là sự cần thiết để Trung Cộng tiến hành toàn dân đấu tranh. Bởi vì phụ nữ truyền thống rất ít can thiệp vào các hoạt động xã hội, như vậy, người mà Trung Cộng có thể thao túng cũng ít đi một nửa. Trung Cộng tuyên truyền mình “giải phóng” phụ nữ, thực chất là khuyến khích phụ nữ tham gia cái được gọi là hoạt động cách mạng, biến những người phụ nữ hiền淑 dịu dàng, không ra khỏi nhà nửa bước thành “đội ngũ những cô gái sắt” và “đội quân nương tử màu đỏ”, cuốn toàn xã hội vào trong cuộc vận động tạo phản của Trung Cộng.

Trên bề mặt “Nam nữ đều giống nhau” có vẻ như nâng cao địa vị của phụ nữ, nhưng người ta lại không biết rằng quan niệm này được thiết lập dựa trên việc tán đồng Văn hóa đảng. Kiểu ép buộc phụ nữ đảm đương rất nhiều công

[3] Mạnh mẫu tam thiên: Mẫu thân của Mạnh Tử dọn nhà ba lần để chọn nơi ở tốt cho Mạnh Tử. (Lần thứ nhất, nhà ở gần nghĩa địa. Lần thứ hai, nhà ở gần chợ mua bán. Cuối cùng mẹ của Mạnh Tử dọn nhà một lần nữa để ở gần trường học, cho Mạnh Tử hoàn cảnh tốt về giáo dục).

[4] Nhạc mẫu thích tự: Điển cố kể về việc Nhạc mẫu thích chữ lén lút con mình là Nhạc Phi. Để thể hiện tấm lòng trung thành với tổ quốc, quyết tâm ra tiền tuyến giết giặc Kim xâm lược Đại Tống, Nhạc mẫu đã khắc bốn chữ “Tinh trung báo quốc” lén lút Nhạc Phi.

việc không phù hợp mà hoàn toàn không quan tâm tới sự khác biệt về sinh lý, dùng tiêu chuẩn của đàn ông để yêu cầu phụ nữ, thực tế chính là sự bất công với phụ nữ, cũng thực sự là sự nô dịch phụ nữ trong Văn hóa đảng.

Khổng Tử giảng: “Quân tử hòa nhì bất đồng” (*Quân tử hòa đồng nhưng vẫn mang nét khác biệt*), quả thực là đặc điểm khác biệt của mỗi cá nhân đã cấu thành nên một xã hội nhiều màu sắc. Mỗi người có một sở trường riêng, tôn trọng lẫn nhau, đối đãi công bằng. Còn với Trung Cộng, phải “thống nhất tư tưởng”, biến xã hội thành một xã hội nhất nguyên hóa (đơn điệu). Nam nữ hai giới trời đất sinh ra khác nhau, nhưng Trung Cộng lại nhốt nhét tư tưởng “Kẻ yếu làm mồi cho kẻ mạnh”, khiến phụ nữ cảm thấy nếu yếu thế hơn đàn ông thì sẽ thành vật hy sinh, hoặc bị áp bức. Còn phụ nữ nếu muốn bảo vệ bản thân thì phải dũng dã dấn lên.

Phụ nữ từ bỏ sự nhu mì theo đuổi sự cương trực, cũng chính là vứt bỏ sở trường của mình, dùng sở đoản của mình đi tranh với sở trường của đàn ông, cho nên mất đi rất nhiều bản sắc của chính mình. Phụ nữ ngoài học tập, công tác ra còn cần phải làm một người vợ hiền, lại phải sinh người nối dõi, còn phải trăn trở đắn đo việc mình có cần làm mẹ hiền hay không, cũng phải chạy đua tranh giải với đàn ông, rồi lại phải làm người phụ nữ biết tô vẽ thêu thùa. Phụ nữ Trung Quốc tự mình cũng cảm thấy áp lực này, cảm thấy làm phụ nữ thật mệt mỏi.

Quan niệm “Nam nữ như nhau” đã dẫn đến hiện tượng âm thịnh dương suy trên mảnh đất Trung Hoa rộng lớn. Hình tượng phụ nữ mà kiểu Văn hóa đảng này tạo thành chính là Lưu Hồ Lan, Lý Thiết Mai, chị Giang, chị A Khánh, v.v. ai cũng mắt to trợn tròn, đi bộ hùng hổ như cọp, nói chuyện giọng sang sảng khí thế hùng tráng. Vẻ nhẹ nhàng ôn hòa của phụ nữ Trung Quốc thời xưa bị cố ý vứt bỏ. Vẻ điềm này, rất nhiều phụ nữ cũng đã phát hiện ra qua sách báo, truyền hình, thấy rằng phụ nữ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan biết trang điểm hơn, trông nữ tính hơn. Phụ nữ dưới sự chỉ đạo của Văn hóa đảng, trong quá trình nam tính hóa dần mất đi đặc tính dịu dàng của mình, trở nên

thô bạo ngang ngược, hạch tâm của việc nhấn mạnh phụ nữ thực hiện giá trị nhân sinh chính là quan niệm cấp tiến chiến thắng đàn ông, khiến cho xã hội ngày nay rất nhiều cô gái mất đi đặc trưng của phụ nữ, cung tạo nên cuộc cạnh tranh ác tính giữa nam và nữ, mối quan hệ hôn nhân gia đình căng thẳng.

Trong cuộc hôn nhân và gia đình đã bị Văn hóa đảng làm cho biến dạng, về mặt tinh thần người ta rất khó tìm được cảm giác gia đình là nơi quay về. Phụ nữ phải gánh vác nửa vùng trời, làm những việc mà đàn ông phải làm, át sê khiến phụ nữ trở nên dũng mãnh như đàn ông. Trong nhà không ai phục ai, tranh đấu thắng thua với nhau khiến gia đình mất đi sự ấm áp. Đàn ông oán trách phụ nữ không nữ tính, phụ nữ cũng hận người đàn ông của mình không cương quyết, hèn nhát yếu đuối. Người đàn ông bị phụ nữ áp chế, không thể đội trời đạp đất, mang sự tôn nghiêm của nam tử hán, mà bị biến thành “vợ quản chặt”. Rất nhiều người đàn ông không thể thể hiện được sự tôn nghiêm của mình trong nhà, bèn ra ngoài tìm người phụ nữ biết phục tùng và tôn trọng đàn ông, kết quả tạo nên càng nhiều mâu thuẫn hơn, tinh thần trách nhiệm với hôn nhân của con người ngày càng nhạt nhòa. Tỷ lệ ly hôn cao trong xã hội Trung Quốc hiện đại, ngoại tình tràn lan có liên quan rất nhiều tới việc gia đình bị Văn hóa đảng phá hoại.

“Nam nữ đều giống nhau” còn thể hiện trong cách ăn mặc của phụ nữ. Thơ của Mao từng họa thơ rằng “không thích hồng trang (mặc màu hồng), thích vú trang”. Kỳ thực, yêu thích cái đẹp là thiên tính của con người, lại càng là thiên tính của phụ nữ. Phụ nữ Trung Quốc rốt cuộc thích gì sao có thể do người đàn ông lãnh đạo Đảng Cộng sản quyết định? Trong suốt mấy chục năm trời, phụ nữ Trung Quốc chỉ được mặc ba màu: xanh lam, đen, xám, kiểu cách của trang phục cũng hạn chế với vài kiểu như trang phục của Lenin, trang phục của lục quân. Chỉ cần cô gái nào dám mặc quần áo có chút hình hoa, nhẹ thì bị phê bình, nặng thì bị phê phán. Đảng Cộng sản từng phái người chuyên đi bẻ gãy giày cao gót của phụ nữ, dùng dao cắt nát những chiếc quần may bằng vải tốt. Người nước ngoài khi tới Trung Quốc, thấy phụ nữ Trung Quốc

mặc trang phục không phân biệt được giới tính, quả thực phải giật mình, còn tưởng là Trung Quốc nghèo tới mức phụ nữ không có váy để mặc, đành phải mặc quần của chồng đi ngoài phố.

Trang phục của người ta hiện nay dù muôn hình muôn vẻ nhưng quan niệm về Văn hóa đảng đã được nhồi nhét vẫn còn ngoan cố phát huy tác dụng. So với người của những quốc gia khác, phụ nữ Trung Quốc ăn mặc không phù hợp, nói năng thô lỗ lớn tiếng, không đủ sự tinh tế lý giải người khác, hành vi cũng thường tỏ ra vô lễ. Những biểu hiện đẹp của nữ tính như nhu mỳ, ưu nhã, đoan trang, tinh tế, chu đáo đều bị Đảng Cộng sản phá hoại, chỉ còn sót lại không được vài phần.

VII.5 – CHỐNG HẠN HÁN, LŨ LỤT, ĐẤU VỚI TRỜI ĐẤU VỚI ĐẤT, ĐẢNG CHỈ ĐÂU ĐÁNH ĐÓ, MANG QUAN NIỆM ĐẤU TRANH GIAI CẤP

VII.5-1 – Chống hạn hán, lũ lụt, đấu với Trời đấu với Đất

Nhắc tới thiên tai tự nhiên, trong đầu óc chúng ta sẽ tự nhiên hiện ra cảnh tượng chống hạn hán, lũ lụt, sẽ xuất hiện cảnh những người xếp thành hàng, đắp đập, người còn đê còn, cố thủ tới cùng... Thái độ của Đảng Cộng sản với tự nhiên là: “đấu với Trời đấu với Đất”. Chịu ảnh hưởng của Văn hóa đảng, rất nhiều người Trung Quốc tin rằng muốn xử lý thiên tai nhất định phải dùng phương pháp đối kháng này mới làm được. “Cải tạo tự nhiên”, “chiến Thiên đấu địa” được giải thích thành anh hùng khí khái. Nhưng dùng thân người bằng máu bằng thịt chiến đấu sinh tử với quỷ lũ, đắp đi đắp lại, tình hình nguy hiểm vẫn liên tiếp không ngừng, nước lũ vẫn phá vỡ con đê, đứng trước tự nhiên, con người tuyệt không phải là bất khả chiến bại.

Đối đầu với thiên tai, “Đại Vũ trị thủy” trong Trung Quốc cổ đại và công trình đập Đô Giang đã lưu lại cho hậu thế rất nhiều gợi mở.

Câu chuyện Đại Vũ trị thủy chúng ta đều rất quen thuộc. Cổn, phụ thân của Vũ dùng “đập” để trị thủy, nhưng “chín năm mà nước chảy không ngừng, không có hiệu quả”. Đại Vũ dùng cách “khơi thông” để trị thủy, gắp núi xé núi, gắp dốc đắp đê, khơi thông dòng nước, thuận theo thế dòng chảy mà dẫn nước, cuối cùng đưa ra biển.

Công trình thủy lợi cổ đại “Đô Giang Yển” được Tổ chức Giáo dục Khoa học Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận là “Di sản Văn hóa Thế giới”, xứng danh là tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đồng bằng Tứ Xuyên có Đô Giang Yển, biến họa nước trở thành thủy lợi, mới trở thành “Thiên phủ chi quốc” (*vùng đất thiên đường*) nổi tiếng màu mỡ phì nhiêu. Điều thần kỳ nhất là, trải qua hơn 2.200 năm đắp đê, nó vẫn luôn bồi đắp cho đồng bằng Tứ Xuyên, tới nay vẫn nuôi dưỡng không mệt mỏi “Thiên cổ chi quốc” này. Trên thế giới cũng không một công trình nào khác có được sinh mệnh kéo dài như vậy.

Đô Giang Yển gồm một con đê nông hình miệng cá ngăn nước phân lũ nằm giữa sông Mân, chia sông Mân thành sông trong và sông ngoài. Con đê này không phải dùng để ngăn nước lũ mà nằm ngay giữa dòng sông, tự động chia nước thành bên 4 bên 6, mùa nước lũ, nước chảy vào sông ngoài 6 phần, sông trong 4 phần, còn mùa nước cạn, nước chảy vào sông trong 6 phần, sông ngoài 4 phần. Nước chảy vào sông trong đổ vào “Cửa Bảo Bình” chảy về phía Đông cấp nước cho vùng đồng bằng Xuyên Tây. Để tiến thêm một bước nữa khống chế dung lượng nước chảy vào cửa khẩu Bảo Bình, tại phần đuôi của đập chia nước miệng cá, lại tu sửa mương Bình Thủy dùng để phân nước lũ và đương tràn lũ “đập Phi Sa”. Khi mực nước sông trong quá cao, nước lũ sẽ men theo mương Bình Thủy qua đập Phi Sa ra sông ngoài, đảm bảo khu thủy lợi sông trong tránh khỏi bị ngập úng. Dòng nước xoáy từ đập Phi Cát chảy vào dòng nước sông ngoài đảm bảo bùn cát không tích tụ tại phía trước và phía sau cửa Bảo Bình. Toàn bộ công trình đập Đô Giang đã thể hiện một cách đầy đủ tư tưởng thuận theo tự nhiên và “Thiên nhân hợp nhất” của cổ nhân

Trung Quốc, không đối đầu với tự nhiên mà khéo léo mượn sức mạnh của tự nhiên vận dụng một cách kỳ diệu biến hại thành lợi, chung sống hòa bình với tự nhiên.

Những quốc gia phương Tây hiện đại dùng cách phân khu vùng lũ giảm nhẹ tác hại của nước lũ, giảm tác dụng phá hoại đối với xã hội, kinh tế, môi trường sinh thái xuống mức tối thiểu và giá thành chống lũ giảm thấp nhất, cũng là sự trùng hợp kỳ diệu với “nhân thế lợi đảo” [của người Trung Quốc, tức thuận theo xu thế của sự vật mà dẫn dắt sao cho có lợi nhất]. Còn với dân thường, phương pháp chống lũ tiêu chuẩn chính là rời khỏi nhà, mua bảo hiểm trước, dùng mọi cách bảo vệ đồ đạc trong nhà, cố gắng giảm thiểu tổn thất, chứ không giống Trung Cộng quyết làm bằng được, đối đầu với tự nhiên, làm chuyện trái Thiên ý.

Ngoài ra, cổ nhân Trung Quốc cũng nhận thức được sự xuất hiện của thiên tai chính là lời cảnh cáo cho những hành vi thất đạo của quốc gia, cảnh báo chính quyền và nhân dân đương thời, nếu không hối cải thì tai họa lớn hơn sẽ ập đến. Khi Thương Thang lên ngôi trời hạn hán lớn, nên vua Thang lập đàn tại rừng dâu cầu khẩn Thiên thượng sẽ kiểm điểm lại hành vi của bản thân mình, nhờ vậy mà thiên tai được hóa giải. Đây chính là nguồn gốc của điển cố lịch sử “Thang đảo tang lâm” (*Thương Thang tế lê cầu mưa trong rừng dâu*).

Dù là Đại Vũ trị thủy, đập Đô Giang hay vua Thành Thang tế lê cầu mưa trong rừng dâu, đều phản ánh thái độ đối với thiên tai trong Văn hóa truyền thống của Trung Quốc: Nhân thế lợi đảo, tu đức cầu an, thuận theo thiên lý và quy luật tự nhiên. Còn Trung Cộng tin thờ Thuyết vô Thần, vẫn luôn tự thần thánh hóa bản thân và ngụy tạo bản thân thành Thần, tự khoe là “Vĩ đại, quang minh, chính xác”, đương nhiên sẽ không coi thiên tai là lời cảnh báo với chính quyền bạo lực của nó, càng không biết hối cải hướng thiện. Còn thủ đoạn trị quốc mà Trung Cộng thường dùng lại chịu sự chỉ đạo sâu sắc của tư tưởng đấu tranh, do đó đã quen với việc đối kháng với thiên tai.

Mặt khác, chịu ảnh hưởng của Thuyết duy vật, Trung Cộng chỉ chú trọng

xem tự nhiên có thể mang tới những lợi ích kinh tế hoặc nông nghiệp có thể nhìn thấy được hay không, nhưng lại xem nhẹ những quy luật sinh thái khách quan và cơ bản nhất, chỉ coi tự nhiên như đối tượng có thể cải tạo và lợi dụng. Chính vì sự dã man của tư tưởng này, Đảng Cộng sản rất thích làm những “công trình lớn”, động viên toàn dân cùng nhau vật lộn mà làm. Để diễn vai nhân vật không gì là không thể và triển hiện lá gan “dám bảo nhặt nguyệt hoán đổi trời mới”, Trung Cộng “quây hồ làm ruộng”, “đốt rừng làm ruộng”, “diệt cỏ làm ruộng” một cách ngu xuẩn, mang tới cho người Trung Quốc biết bao nhiêu tổn thất và thiên tai sinh thái khó có thể ước tính được.

Ví như sông Trường Giang, tự cổ Trung Quốc chỉ có Hà hoạn (nạn sông) từ Hoàng Hà chứ không có nạn sông từ Trường Giang, tức là chỉ Hoàng Hà thường dâng nước thành lũ, còn Trường Giang thì ít khi có lũ. Chính là vì rừng nguyên sinh trên thượng du Trường Giang có năng lực trữ khoảng 400 tỷ khối nước, nhưng sau khi Trung Cộng cướp chính quyền nó đã tàn phá rừng nguyên thủy bừa bãi, khiến khả năng dự trữ nước giảm mạnh xuống còn 100 tỷ khối, khả năng trữ nước 300 tỷ khối đã bị Trung Cộng phá hoại, tương đương với 10 công trình Tam Hiệp (khả năng trữ nước của Tam Hiệp không quá 30 tỷ khối). Còn việc Trung Cộng quây hồ làm ruộng khiến khu vực trung hạ lưu của Trường Giang trong vòng 50 năm đã mất đi 12.000 km² diện tích sông hồ, vượt quá tổng diện tích của 5 hồ nước ngọt lớn hiện nay. Muốn trị nước lũ hoàn toàn có thể trồng cây gây rừng, bảo tồn thủy thổ, và vứt bỏ cách làm phá hoại thủ công “quây hồ thành ruộng” này, nhưng trong từ điển Văn hóa đảng lại hoàn toàn không có từ “thuận theo tự nhiên”.

Tại khu Nội Mông Cổ, Trung Cộng diệt cỏ làm ruộng, thảm thực vật được hình thành hàng nghìn năm bị diệt dưới một mồi lửa, sau đó gieo giống trồng trọt hoa màu. Ba năm đầu do thổ nhưỡng được che phủ bởi lớp mùn đã được tích lũy hàng nghìn năm nên không cần bón phân cũng thu được vụ mùa bội thu. Nhưng ngọt bùi cũng chỉ kéo dài được ba năm, hoa màu không có khả năng cố định đất và nước, gió lớn thổi lại thêm nước mưa xói mòn, đất

nhanh chóng bị cát hóa, từng vùng từng vùng thảo nguyên nghìn năm bị vắt kiệt, chỉ ba năm khai khẩn cải tạo đất đã để lại cho con cháu từng vùng từng vùng sa mạc và bão cát mù trời không thể vãn hồi.

Để trồng trọt trên đất phèn, binh đoàn Tân Cương của Trung Cộng đã lăng phí mõi m้า vài nghìn khối nước để “rửa mặn”, tức là dùng nước ngâm đất nhiều lần, sau khi đất ngâm nước bão hòa, nước thẩm xuống sẽ đưa muối và kiềm trong lớp đất canh tác vào tầng thổ nhưỡng sâu hơn. Hai ba năm sau, mực nước ngầm dâng lên, sẽ mang muối kiềm quay trở lại mặt đất, đất canh tác không thể dùng được nữa, tầng thực vật vốn có sẽ bị tiêu diệt, chỉ còn lại một vùng sa mạc. Chỉ trong những năm 1950, Trung Cộng dùng cách này mà đã tạo ra 2 triệu mảnh sa mạc. Mực nước sông Tarim hạ thấp, cuối cùng đã ngừng chảy, khiến vùng Lục Châu dọc theo dòng sông vốn được tưới tiêu nay cũng bị hoang mạc hóa, tạo thành một tai nạn sinh thái không thể cứu vãn.

Không chỉ có vậy, Trung Cộng còn bồi dưỡng ra những người được gọi là “nhà khoa học” để xuất cách nghĩ điên cuồng là dùng bom nguyên tử đánh bom cho nổ núi Himalaya để mở một cái cổng rộng 50km, để khí nóng ẩm của Ấn Độ Dương tràn sang Nepal, thổi vào vùng cao nguyên Thanh Tạng, căn nguyên của nó cũng là “đấu với Trời, đấu với Đất”.

Dưới ảnh hưởng của quan niệm về tự nhiên như vậy, con người nhằm đạt được mục đích kinh tế hoặc chính trị đã phá hoại môi trường tự nhiên một cách không kiềm chế, gây ra các loại thiên tai tự nhiên và các vấn đề môi trường. Đối với việc chống lũ, chống hạn hán rất nhiều người đã quen với cảnh oanh oanh liệt liệt khi sự việc xảy ra, nhưng lại xem nhẹ nguyên nhân gây ra thiên tai. Trên thực tế, nguyên nhân căn bản của những vấn đề môi trường tại Trung Quốc hiện nay chính là tư duy Văn hóa đảng “chiến Thiên đấu Địa”.

vii.5-2 – Đảng chỉ đâu đánh đó, có quan niệm đấu tranh giai cấp

Sau một thời gian dài bị nhồi nhét Văn hóa đảng, trong cuộc sống của người ta “đảng chỉ đâu đánh đó”, ai ai cũng đều mang quan niệm đấu tranh. Biểu hiện cụ thể là hiện nay một khi đảng “định tội” cho một nhóm người nào đó, thậm chí chỉ là hơi ám chỉ thì toàn xã hội hoặc chủ động tham dự bức hại hoặc kỳ thị, xa lánh nhóm người bị đảng án định là “phân tử đối lập”, hoặc giữ thái độ cảnh giác, và lạnh nhạt với nạn nhân bị đả kích, còn ngôn luận và hành vi của dân chúng lại thêm một bước nữa trở thành căn cứ để đảng tuyên truyền nó “được quảng đại quần chúng nhân dân ủng hộ”.

Có người cảm thấy Trung Cộng ngày nay không hề còn đấu tranh giai cấp nữa, tư tưởng của người ta đều tập trung vào kinh doanh, kiếm tiền, đa phần ý thức chính trị đã phai nhạt, Văn hóa đảng không hề ảnh hưởng lớn tới cuộc sống hàng ngày. Còn có một số người tự cho rằng mình đã dày dạn trải qua mưa gió chính trị thời gian dài, sớm đã nhìn thấu bản chất của Văn hóa đảng, đã chán ngán những cuộc vận động chính trị của Trung Cộng, đã hoàn toàn không bị nó gây ảnh hưởng.

Trên thực tế, mấy chục năm nay Trung Cộng phát động những cuộc đấu tranh trị người tàn khốc, lan tới từng thành viên trong xã hội. Văn hóa đảng với nền tảng là Thuyết vô Thần và tư tưởng đấu tranh kết hợp với hình thức đấu tranh phổ biến trên toàn xã hội, vài năm lại phát động một lần, hầu như đã ngấm sâu vào cuộc sống của từng người trong xã hội. Con người hoặc vì bị lừa gạt, kích động mù quáng theo Trung Cộng hành ác, hoặc chủ động theo Trung Cộng trị người vì sinh tồn và lợi ích của mình, hoặc không có cách nào khác, đành phải biểu đạt thái độ đối với các cuộc vận động của Trung Cộng, hoặc chán ghét không muốn tìm hiểu sự thực có liên quan, kỳ thực đều là trực tiếp hoặc gián tiếp phối hợp với Trung Cộng tăng cường sự khống chế tư tưởng của nó đối với từng thành viên trong xã hội, đều là dưới tác dụng của văn hóa đảng mà múa theo cây gậy chỉ huy của Trung Cộng để nhảy múa, xung phong liêu chết.

Vì bị lừa gạt, kích động mù quáng mà theo Trung Cộng “chỉ đâu đánh đó”

Với tình huống này, hôm nay những người hiểu một chút về lịch sử đều khá quen thuộc. Ảo mộng “thiên đường tại nhân gian” mà Trung Cộng cổ súy những năm 50, 60 của thế kỷ trước, vẫn được rất nhiều người mong ngóng, cộng thêm Trung Cộng từ đầu tới cuối dùng những lời dối trá tuyên truyền Marx-Engels-Lenin-Mao Trạch Đông vĩ đại, do bị kích động và lừa gạt, dưới sự hiệu triệu của Trung Cộng mà đã làm ra nhất nhiều hành động không thể tưởng tượng được.

Như Trung Cộng hiệu triệu làm công xã nhân dân, người ta đều một bầu nhiệt huyết sôi sục, phải “rảo bước mà bước lên Chủ nghĩa Cộng sản”. Sau vài tháng, làn sóng công xã nhân dân đã nhấn chìm các vùng nông thôn. Từng nhà từng hộ đều giao hết khẩu phần ăn dự trữ lên cho nhà ăn một cách miễn phí. Không tới vài năm sau đã xảy ra thảm cảnh nạn đói hoành hành.

Trung Cộng mở rộng luyện thép, toàn Trung Quốc trên dưới đều phải coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đều luyện thép bằng những biện pháp thô sơ, người nông thôn đập nồi, người thành phố dỡ bỏ song sắt cửa sổ, dỡ đường ống sưởi ấm, dùng lò đất nung luyện ra mấy triệu tấn sắt không hề có tác dụng gì. Đồng thời cũng có rất nhiều nông dân vứt bỏ công việc đồng áng đi “tìm mỏ”, “luyện thép”, một lượng lớn hoa màu thối nát không có người thu hoạch về kho, hoặc thu hoạch vội vàng mà rơi vãi một lượng lớn. Có người ước tính ở Tứ Xuyên “lương thực bị vứt bỏ lãng phí là...hơn 2,2 triệu tấn, chiếm khoảng trên dưới 10% tổng sản lượng.” Tỉnh Hà Nam thì có 50% lương thực vụ thu bị vứt bỏ trên đồng ruộng không thu hoạch về kho.

Trung Cộng để xuất trừ tú hại, thế là ngay cả loài chim nhỏ cũng trở thành đối tượng “đấu tranh”. Già trẻ gái trai khua chổi, đập bát đập nồi, la hét ầm trời, công trường nhấn còi báo động, nhấn còi ô tô inh ỏi, khiến đàn chim sâu thất kinh bay mất, không còn nơi hạ cánh, cuối cùng chết vì sợ vì mệt. Chim sâu giảm nhanh, nạn côn trùng lại tăng mạnh, khiến nông sản thất thu lớn, nạn đói nghiêm trọng.



Năm 1968, Mao Trạch Đông ra chỉ thị: “Thanh niên tri thức tới nông thôn, tiếp nhận lại giáo dục của nông dân nghèo là vô cùng cần thiết”. Thế là rất nhiều người nhiệt huyết sôi sục, hàng triệu sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, trung học ở thành thị cáo biệt cha mẹ, người thân và quê nhà tới nông thôn và vùng biên cương để “chiến Thiên đấu Địa”, tiếp tục dấy lên cao trào “cách mạng” mới (thực chất là bị cải tạo lao động một cách biến tướng).

Thời “Cách mạng Văn hóa”, Trung Cộng cổ động phá “tứ cựu”, rất nhanh chóng đền chùa, đạo quán, tượng Phật và các di tích cổ, tranh chữ, đồ cổ liền trở thành đối tượng bị đập phá. Vô số văn vật bị đốt cháy. Ngay cả mộ của bậc danh nhân, hài cốt của người chết cũng là mục tiêu đấu tranh “cách mạng”. Đến năm 1966, phàm là những người có tên tuổi trong sách cổ như Khổng Tử, Vương Nghĩa Chi, Nhạc Phi, Hải Thụy, Trương Cư Chính, Viên Sùng Hoán, Bồ Tùng Linh, v.v., chỉ cần tìm thấy được, hầu như đều bị đào mộ vào năm 1966.

Trung Cộng muốn cắt cái đuôi chủ nghĩa tư sản, rau cỏ củ quả phía trước phía sau nhà của nông dân, gia cầm gia súc rất nhanh đều bị cắt, bị cướp

đi. Có vài nông dân vì giải quyết khó khăn cuộc sống mà trộm vài quả trứng để đổi lấy đồ dùng hàng ngày thì lập tức bị cho là “cái đuôi của chủ nghĩa tư bản” bị tố cáo, vạch trần.

Những điều này tạo thành một sức phá hoại điên cuồng và những hành vi hết sức hoang đường, có quan hệ mật thiết với loại tâm thái mù quáng “Đảng chỉ đâu đánh đó”.



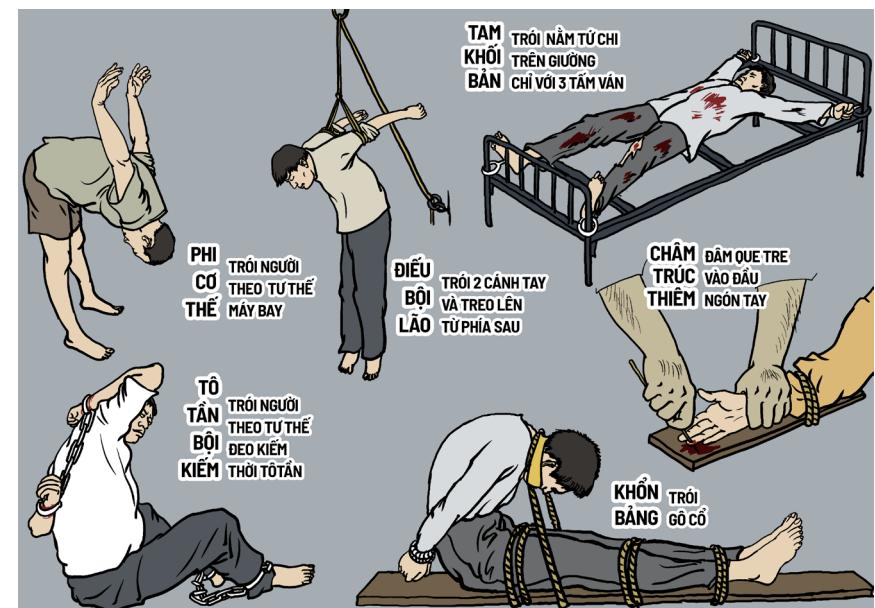
Vì sinh tồn hoặc lợi ích mà theo Trung Cộng “chỉ đâu đánh đó”

Có ba tình huống điển hình. Trước tiên nói tình huống thứ nhất. Quan chức, viên chức cơ sở của cơ cấu chính phủ, tư pháp, chấp pháp, giám sát các cấp, là công cụ chấp hành “chính sách” của Trung Cộng. Trung Cộng dùng thủ đoạn cây gậy và củ cà rốt để ép buộc họ tuân theo, theo Trung Cộng hành ác. Một mặt Trung Cộng cưỡng chế truyền đạt chỉ tiêu xuống từng cấp một cách cứng nhắc, nếu không hoàn thành chỉ tiêu thì sẽ mất cái mũ ô sa hoặc

mất bát cơm, mặt khác Trung Cộng còn dùng biện pháp khen thưởng hoặc minh bạch hoặc mờ ám, dùng thủ đoạn vật chất để thưởng cho những người phản bội lương tâm theo Trung Cộng hành ác. Người Trung Quốc mấy chục năm nay đều đang chửi tham quan, chửi tham nhũng khắp nơi, nhưng Trung Cộng có quyết tâm và sức mạnh đàn áp những nhân sỹ hoặc tín ngưỡng trong nhân dân đối lập với nó, nó cũng có khả năng phong tỏa truyền thông, mạng Internet, nhưng riêng tham nhũng thì không thể trị tận gốc được, nguyên nhân chính là Trung Cộng cần cho quan chức các cấp cơ hội tham nhũng, thông qua phân thưởng ngầm ngầm này cổ vũ họ nghe theo chiếc gậy chỉ huy của Trung Cộng đàn áp những người bất đồng chính kiến với nó để củng cố chính quyền. Rất nhiều người dân đều rất phẫn nộ với cảnh sát, nhân viên quản lý hành chính nhà nước hoành hành bá đạo, lộng hành ngoài vòng pháp luật, nếu kiểm tra mạng Internet có thể thấy cư dân mạng không hề có bình luận nào tốt về họ. Nguyên nhân là Trung Cộng hy vọng cấp cho những nhân viên cơ sở này cơ hội “thu hoạch” bằng những thủ đoạn phi pháp, cổ vũ họ chấp hành “chính sách” của mình một cách trung thực, khi cần thiết “đảng chỉ đâu thì đánh đó”.



Ví dụ như sau khi Trung Cộng bắt đầu bức hại Pháp Luân Công, khi mới bắt đầu có một lượng lớn học viên Pháp Luân Công tới Bắc Kinh thỉnh nguyện. Trung Cộng lấy số người đi thỉnh nguyện tại các nơi làm chỉ tiêu đo lường “tình hình trị an” của địa phương, khiến cho quan chức, cảnh sát các nơi không tiếc công sức đi bắt giữ “những người thỉnh nguyện”, dùng thủ đoạn đánh đập, tra tấn và phạt tiền nhằm bức hại học viên Pháp Luân Công, đảm bảo họ không tiếp tục đi thỉnh nguyện. Các đơn vị cũng như vậy, thông thường một người đi thỉnh nguyện cả đơn vị sẽ bị trừ tiền thưởng, nó dùng phương pháp bức hại liên lụy để khiến người người thù hận học viên Pháp Luân Công vì lợi ích của mình.



Ngoài ra, Trung Cộng còn coi tỷ lệ chuyển hóa các học viên Pháp Luân Công là chỉ tiêu thành tích chính trị của nhà tù, trại lao động, trại tạm giam, khiến hàng loạt học viên Pháp Luân Công bị tra tấn dãy vò thậm chí chết thảm trong những cơ cấu này. Có rất nhiều quan chức, cảnh sát nói với học

viên Pháp Luân Công bị tra tấn hành hạ rằng: “Chúng tôi cũng không còn cách nào khác, nếu không thì sẽ mất bát cơm.” Việc phòng 610 các nơi tiến hành phạt tiền phi pháp những học viên Pháp Luân Công đã thành chuyện cơm bữa; còn sau năm 2001 có rất nhiều trại cưỡng bức lao động, nhà tù cấu kết cùng với bệnh viện, tiến hành mổ cướp nội tạng học viên Pháp Luân Công một cách tàn nhẫn để bán kiếm lợi nhuận khổng lồ, đây chính là phần thưởng ngầm ngầm của Trung Cộng dành cho những người ở tuyến đầu trung thành chấp hành chính sách bức hại của nó.

Mặt khác, vì Trung Cộng nắm giữ mọi mặt về nguồn tài nguyên của xã hội, kế sinh nhai của người ta đã trở nên quan hệ mật thiết với việc có nghe theo cây gậy chỉ huy của đảng hay không. Việc phải làm sao đảm bảo hướng quan sát của mình không va chạm với phương hướng mà đảng cấm kị, cũng đã trở thành một kinh nghiệm sống khác của người ta. Ví như các kênh truyền thông của Trung Cộng, quan chức các cấp gặp phải chuyện đại sự có liên quan tới nhân dân, như những sự kiện truyền nhiễm dịch cúm gia cầm, dịch SARS, sông Tùng Hoa bị ô nhiễm... trước khi “Trung ương đảng” chưa biểu đạt thái độ rõ ràng, thì nhất loạt đều ngậm miệng, im hơi lặng tiếng, phong tỏa tin tức. Lê ra khi phát hiện thấy có dịch bệnh phải áp dụng biện pháp cách ly sớm nhất, thông báo cho nhân dân phòng chống truyền nhiễm, phát hiện ra ô nhiễm thì phải thông báo sớm cho những khu vực hạ du chịu ảnh hưởng nhằm áp dụng những biện pháp cứu hộ, điều này đâu cần phải có tri thức cao thâm gì, chỉ cần có lương tâm là có thể làm được. Nhưng các kênh truyền thông, quan chức của Trung Cộng trong thời khắc quan trọng này lại sợ mình nói lời, không nhất trí với Trung ương đảng sẽ mất đi bát cơm, mất đi cái mủ ô sa, cho nên thà làm trái lương tâm cũng phải làm theo sự chỉ huy của Trung Cộng.

“Đảng chỉ đâu thì đánh đó” còn có một biểu hiện khác, chính là cái mà “đảng” thích hay ghét không hề là một tiêu chuẩn minh xác có thể thực hiện, thì người ta sẽ vì tự bảo vệ mình mà thường “thà tả khuynh còn hơn hưu

khuynh”, biểu hiện quá khích hơn cả yêu cầu bề mặt của đảng. Ví như Trung Cộng hoàn toàn không quy định một cách rõ ràng rằng trên mạng Internet có những bài viết bao gồm những từ nào phải bị phong tỏa, nhưng nhiều chủ trang web đã tự bảo vệ mình bằng cách vạch ra phạm vi phong tỏa nghiêm ngặt, ví như với những bài viết gồm những từ như “Tự do”, “Đài Loan”, “Độc lập”, thì cho dù lời thoại hoàn toàn có khả năng phù hợp với hình thái ý thức của Trung Cộng, nhưng rất nhiều trang web đều liệt kê những từ này thành từ quan trọng bị phong tỏa.

Loại thứ hai là công khai lợi dụng “đại hội đấu tố” để kích động “nhiệt tình cách mạng” của dân chúng, trong bầu không khí cuồng nhiệt mà người ta reo hò cùng nhau xông lên ấy, mặc dù rất nhiều người dân biết rõ rằng đối tượng bị đấu tố là người tốt tại thôn xóm, phố phường, nhưng người ta vì tự bảo vệ mình mà nỗ lực biểu hiện ra sự kiên định về lập trường, chủ động tham dự “đấu tố, vạch trần”. Ví như trong những cuộc vận động “cải cách ruộng đất”, “trấn áp phản cách mạng” sau khi Trung Cộng cướp chính quyền không lâu, nó đã thường xuyên dùng “đại hội quần chúng phê phán”, do đảng định tội, sau đó kích động dân chúng nổ lên “tố cáo”, tiếp theo là tùy tiện xử tử. Thông thường chỉ cần “lãnh đạo” Trung Cộng tại địa phương gật đầu, dân chúng bên dưới liền hô theo rằng “phải giết”, liền giết ngay không cần bàn luận. Trong bầu không khí sục sôi của quần chúng, không ai dám thể hiện sự đồng tình với “địa chủ” và “phản tử phản cách mạng”.

Loại thứ ba, trong các cuộc vận động Trung Cộng trước tiên đòn áp một nhóm người được gọi là “tội ác滔天” nhằm tạo nên bầu không khí khủng bố, sau đó ép buộc người ta tự “bộc bạch”, “kiểm điểm”, tuyên bố cái gọi là chính sách “Thần bạch tòng dung, kháng cự tòng nghiêm, kiểm cử hữu thưởng, lập công chuộc tội” (*Thành thật thì tha, kháng cự phạt nghiêm, kiểm điểm có thưởng, lập công chuộc tội*), rồi lại lợi dụng một cách đầy đủ tâm lý hy vọng sớm ngày vượt qua quan ải của con người, khiến người ta xuất phát từ việc tự bảo vệ mình hoặc đầu cơ mà tố cáo hãm hại người khác. Điều

này khiến người ta vì sinh tồn của bản thân mình mà bẻ cong nhân tính, “báo cáo, vạch trần” người thân, bạn bè, đồng nghiệp nhằm thể hiện lập trường của mình là đứng về “phía của đảng”. Như “cuộc vận động Chính phong Diên An” trong những năm đầu của Trung Cộng, cuộc vận động “Ngũ phản” nhằm vào “nhà tư bản” năm 1952 đều áp dụng thủ đoạn này, bức bách người ta vì để “qua được quan ải” mà vạch trần lẫn nhau; cuộc vận động “Phản ác hưu” năm 1957 thậm chí còn áp dụng việc phân chia tiêu cành hưu tới các đơn vị, bức ép người ta “tố cáo” các đồng nghiệp.

Tự cho rằng “Đảng chỉ đâu” thì “không đánh đó” kỳ thực vẫn là “Đảng chỉ đâu thì đánh đó”

Trải qua mấy chục năm vận động, tư tưởng của con người thay đổi thành phức tạp hơn. Hầu như không còn ai tin tưởng vào Chủ nghĩa Cộng sản, sự sùng bái cá nhân cuồng nhiệt với lãnh đạo Đảng cũng không còn vết tích, rất nhiều người cũng nhìn thấu giả ác đấu của Đảng Cộng sản. Hiện nay khi Đảng Cộng sản phát động vận động chính trị, những người dân mà nó đối mặt cũng khác rất nhiều so với trước kia. Người ta đã không muốn bị cuốn vào những cuộc đấu tranh chính trị này của Đảng Cộng sản, ngoài vài kẻ ác lòng mang ý xấu muốn chiếm đoạt các lợi ích chính trị, thì đại bộ phận quần chúng trong những cuộc vận động này không còn tích cực chủ động hăng hái hưởng ứng nữa, mà là cảm thấy bản thân mình rất tách biệt. Loại “tách biệt” này chính là không đi nghiên cứu, tìm hiểu những tình tiết đúng sai đảng sau sự việc, cũng không muốn nghe người khác biện bạch và tìm hiểu sự thực có liên quan, việc không liên quan tới mình thì ngoảnh mặt làm ngơ, thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện.

Đây chính là một cách biểu hiện gián tiếp của việc “Đảng chỉ đâu thì đánh đó”, trong Văn hóa đảng, chính là do người ta không còn tin nhiệm đảng, chán ghét đảng, chán ghét chính trị, ngược lại tạo thành chuyện hoang đường “Đảng chỉ đâu thì đánh đó”.

Một mặt, Trung Cộng hy vọng những người không muốn tham gia thì bàng quan, biểu hiện như không có chuyện gì xảy ra. Ví dụ, khi một tên cướp ngang nhiên cướp giật, cưỡng gian trên xe buýt, điều mà chúng hy vọng chính là tất cả hành khách đều giả điếc, giả mù, như vậy khi chúng hành ác sẽ có thể không có bất kỳ áp lực hay lo lắng gì, còn nạn nhân ở thế tuyệt vọng cũng sẽ không phản kháng kịch liệt. Nếu có người cảm thấy Trung Cộng trấn áp những nhân sĩ bất đồng chính kiến, những nhân sĩ duy hộ nhân quyền trong nhân dân, trấn áp tín ngưỡng trong nhân dân là không hề liên quan gì tới mình, thậm chí coi việc vứt bỏ lương tri, trách nhiệm đạo đức của cá nhân là “thanh cao” không tham dự vào chính trị, thì sẽ khiến Trung Cộng đòn áp nhân dân vô độ không thèm kiêng kỵ.

Mặt khác, trong Văn hóa đảng, trên thực tế rất khó “tách biệt” một cách thực sự. Đảng Cộng sản không cho phép “tách biệt” một cách thực sự. Bạn vẫn cứ phải xem ti vi, đọc báo, nghe đài, lên mạng đúng không? Mọi thứ trên đất nước rộng lớn như thế, đều là tiếng nói tuyên truyền của nó, không thể nào không lọt vào tai bạn. Ủy ban tại đơn vị, trường học, thôn xóm và phố phường đều là những kênh truyền thông truyền đạt tiếng nói của đảng. Người ta hàng ngày ngập chìm trong chính trị, những người cho rằng mình “không tham gia chính trị” từng người từng người một đều sớm đã trở thành “chính trị gia” một cách không tự biết. Lúc này, nếu không phản kháng Trung Cộng, từ đó thoát khỏi chính trị của Trung Cộng, mà lại tiêu cực hợp tác với Trung Cộng, thì kỳ thực chính là đã thể hiện “bộ mặt chính trị” của mình, đâu còn sự “tách biệt” mà nói.

Đảng Cộng sản chỉ cần tấn công là những người tự thấy mình “tách biệt” sẽ thể hiện sự “tách biệt” của mình như sau: Đảng nói biểu đạt thái độ liên đới biểu đạt thái độ, đảng bảo ký tên liên đới ký tên, đảng nói ai đó không tốt liền hùa theo nói không tốt, đảng nói không được làm gì liền không làm việc đó, đảng nói cắt đứt với ai thì liền cắt đứt với người đó, đảng định tội cho ai thì liền không dám tiếp xúc với người đó, thậm chí thà nghe theo những lời

dối trá do Trung Cộng nhồi nhét chứ không dám tìm hiểu tình huống chân thực của nạn nhân. “Tách biệt”, tức là tách biệt ở việc không “đấu” với đảng; “tách biệt”, tức là tách biệt ở việc “đảng nói làm gì liền làm nấy”; “tách biệt” tức là tách biệt ở việc “đảng chỉ đâu đánh đó”. Kiểu “tách biệt” này chẳng qua chỉ là “tách biệt chính trị hóa” hoặc là “chính trị hóa một cách tách biệt”, là một hình thức khác tham dự vào chính trị của Trung Cộng. Kỳ thực, đây chính là sự biểu hiện tổng hợp vào thời kỳ mới của đủ loại nhân tố Văn hóa đảng trầm lắng xuống trong lịch sử.



Có lẽ có người cho rằng mình rất phản cảm với chính trị, “đảng chỉ đâu” sớm đã “không đánh đó”, sao lại có thể quay ngược lại thành “đánh đó” được đây? Kỳ thực chính là như vậy. Hiện giờ người ta cảm thấy cuộc đại Cách mạng Văn hóa nực cười biết bao, tâm niệm, nhắc nhở mình ngày nay đừng có ngốc như vậy, chính trị hóa như vậy, đừng tham gia vào đảng phái nào nữa. Người ta cho rằng chính vì nhiệt tình chính trị của mình bị Trung Cộng lợi

dụng nên mới xảy ra bi kịch Đại Cách mạng Văn hóa như vậy, sự phản cảm và thờ ơ với chính trị của người ta hiện nay có lẽ đảm bảo sẽ không xảy ra những việc hoang đường như thế. Nhưng mọi người nhìn xem cuộc bức hại rợn trời rợn đất nhằm vào Pháp Luân Công, ai ai cũng đều cảm nhận được sự tái hiện của Cách mạng Văn hóa, hơn nữa cái thế công kích tuyên truyền, phỉ báng, bịa đặt, kích động thù hận lại dựa vào công cụ truyền thông hiện đại hóa ngày nay, so với Cách mạng Văn hóa chỉ có hơn chứ không có kém. Nếu nói rằng những cuộc vận động trước kia là dựa vào nhiệt tình chính trị mù quáng của người ta, thì cuộc vận động chính trị ngày nay được tiến hành với mức độ rộng lớn là nhờ vào cái gọi là thái độ “tách biệt”, bao gồm: phản cảm với chính trị, sợ hãi và triết lý “người khôn giữ mình” đó. Hậu quả gây ra cũng đều là “đảng chỉ đâu thì đánh đó”, giúp Trung Cộng được đà thảm sát bức hại nhân dân. Điều đáng sợ hơn chính là, vì cái gọi là “tách biệt” của người ta ngày nay và cái gọi là “không quan tâm” tới chính trị, khiến cuộc bức hại của Trung Cộng diễn ra càng dễ dàng hơn, triển khai một cách càng thảm khốc, đặc biệt là khi Trung Cộng chuyển cuộc bức hại từ công khai thành ngầm ngầm, khi bức hại một cách che đậy thì càng có thể dùng hết mọi thủ đoạn âm độc.



Chính trị của Trung Cộng cũng giống như chiếc xe lửa cao tốc, chỉ cần bạn ngồi bên trong, bạn chính là một phần của chiếc xe lửa, bất kể bạn có hành động hay không hành động, bất kể bạn hành động một cách chủ động hay bị động. Sự “tách biệt” không thể tránh khỏi bi kịch xảy ra, chỉ khi người ta nhảy thoát khỏi cái vòng Văn hóa đảng quái dị, không hợp tác với bức hại chính trị của Trung Cộng, thoát xuất khỏi Trung Cộng, giải thể Trung Cộng, mới có thể ngăn chặn sự tái hiện của Cách mạng Văn hóa từ gốc rễ.

Tác dụng và biểu hiện của đấu tranh giai cấp

“Đảng chỉ đâu đánh đó”, chữ “đánh” ở đây là một từ rất đắt, nó khắc họa sinh động tư duy đấu tranh giai cấp của Trung Cộng. “Đối với đồng chí thì ấm áp như mùa xuân, đối với kẻ thù thì lạnh lùng như mùa đông khắc nghiệt”, “lập trường kiên định, yêu ghét phân minh” dường như không đánh không đấu thì không còn cách nào khác.

Từ những ngày đầu sáng lập, Đảng Cộng sản đã xây dựng lý luận đấu tranh giai cấp (“Tuyên ngôn Đảng cộng sản” nói: “Cho tới ngày nay, lịch sử của tất cả các xã hội đã từng tồn tại đều là lịch sử đấu tranh giai cấp”), về sau lý luận này lại được Karl Marx, Engels, Lenin, Mao v.v. phát triển. Trước khi Trung Cộng cướp đoạt quyền thống trị nó cần phải cỗ động lý luận đấu tranh giai cấp, bởi vì đây chính là lý do duy nhất để nó có thể lật đổ chính phủ hợp pháp đương thời; sau khi Trung Cộng thành lập chính quyền, việc không ngừng phát triển đấu tranh giai cấp là thủ đoạn để củng cố chính trị, và thảm sát những người bất đồng chính kiến. Cái gọi là lý luận đấu tranh giai cấp đã trở thành một trong những hòn đá tảng của Văn hóa đảng.

Triết học đấu tranh đã tạo nên một tâm thái gần như quân sự hóa, trong đó toàn xã hội có thể được điều động vào bất cứ thời khắc nào, cho nên dù là lẩn vận động lớn nào thì tốc độ động viên của nó đều đáng kinh ngạc. Ngoại trừ quân đội bị nhào nặn thành công cụ chỉ đạo đánh đó thì mọi lĩnh vực công tác đều bị Trung Cộng gọi là “chiến tuyến”, đương nhiên cũng là quản

lý quân sự hóa, cấp dưới tuyệt đối phục tùng cấp trên. Chỉ cần Trung Cộng chỉ ra một mục tiêu hoặc một phương hướng, rất nhiều người sẽ ngay lập tức phụ họa theo, hô một cái là toàn bộ xông lên. Trong cuộc sống hàng ngày của người ta, mọi người thường nhìn thấy, nghe thấy hoạt động kinh tế được gọi là “chiến dịch...”, “đánh một trận kiên cường” về nghiên cứu khoa học, điều động chức vụ gọi là “nhanh chóng xông vào chiến trường mới”, cái gì cũng mang theo tâm thái “đẩy”, “đầu”, “làm rắn”. Không chỉ là trong những vấn đề đối đầu với thiên tai như “chống lụt, chống hạn” nêu trên, đều áp dụng biện pháp đập chặn và đấu tranh, khi đối đầu với tất cả các vấn đề và mâu thuẫn xã hội, lối tư duy của Trung Cộng đều là “đấu tranh” và “cưỡng bức”. Bất kỳ một mâu thuẫn xã hội nào chỉ cần ló đầu ra, Trung Cộng liền dùng bạo lực “tiêu diệt từ trong trứng nước”. Trong cuộc sống hàng ngày đã vậy, khi Trung Cộng thực sự tiến hành đấu tranh giai cấp, trị người, bức hại con người, thì biểu hiện của nó lại càng thậm tệ hơn.

Điều cần chỉ ra ở đây là cái gọi là đấu tranh giai cấp của Trung Cộng hoàn toàn không chỉ giới hạn ở đấu tranh giữa các “giai cấp”. Ví như “những kẻ thù giai cấp” như “những kẻ phản cách mạng trước giải phóng”, “cánh hữu”, “đi theo chủ nghĩa tư sản” v.v., trước khi bị đấu tố họ đã mất đi sự chiếm hữu đối với tư liệu sản xuất từ lâu, nhưng Trung Cộng vẫn liệt kê họ vào danh sách kẻ thù giai cấp, lý do là tư tưởng của họ, lập trường của họ vẫn đứng trên “mặt đối lập với giai cấp vô sản”. Do vậy căn cứ để vạch ra “giai cấp” trên thực tế là tư tưởng của người ta. Những tư tưởng không được Trung Cộng công nhận sẽ nhất loạt bị quy vào kẻ thù giai cấp và cần thanh trừng.

Những năm đầu, “nhà tư bản” do chiếm hữu tư liệu sản xuất mà bị đấu tố, ngày nay được gọi là “nhà doanh nghiệp”, chỉ cần tư tưởng, lập trường của nó được Trung Cộng công nhận là có thể được liệt vào “giai cấp vô sản”, gia nhập vào cái gọi là “đội tiên phong của giai cấp vô sản”, trở thành đảng viên Trung Cộng; những công nhân thất nghiệp, nông dân mất đất không còn gì thì bị coi là nhân tố bất ổn định, nếu dám kêu oan lên trên, biểu đạt sự bất

mẫn, nói những lời Trung Cộng không thích nghe là có thể dùng vũ lực trấn áp những “giai cấp vô sản” thực sự này.

Trong xã hội ngày nay, phạm vi của ý thức “đấu tranh giai cấp” càng rộng lớn hơn, biểu hiện càng phức tạp hơn, nhưng thực chất nó đều là phân loại các thành viên trong xã hội theo một tiêu chuẩn nào đó, rồi tấn công vào những người khác loại với mình. Biểu hiện cụ thể của kiểu ý thức “đấu tranh giai cấp” ăn sâu vào trong cuộc sống gồm: cưỡng chế người khác hành sự theo ý đồ của mình, không tôn trọng người khác; công kích, hạ thấp, bôi nhọ người khác, trực tiếp đâm kích tâm linh, danh dự và nhân cách của đối phương; chẳng kể gì đạo lý, không nói chuyện đàng hoàng; cãi nhau, mắng chửi, đấm đá với người khác; giỏi dùng quyền lực, lợi ích, điều kiện sống, tình cảm của con người hoặc thông qua đủ mối quan hệ và kênh xã hội, dùng đủ mọi cách gây áp lực cho người khác, trấn áp quật ngã, khuất phục đối phương. Trong khi giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, xã hội cũng rất ít khi nghĩ tới người khác, xuất phát từ phương diện tích cực, mang tính xây dựng, làm tốt công việc, mà thường dùng một bộ thủ đoạn phụ diện đấu tranh, mang tính phá hoại.

Cá tính, năng lực, công tác, tình trạng gia đình, của cải nhiều ít, môi trường sống, bối cảnh văn hóa của mỗi người đều khác nhau, xã hội nhân loại từ cổ chí kim đều tồn tại sự khác biệt, thậm chí là mâu thuẫn. Còn Trung Cộng lại quy kết nguyên nhân của sự khác biệt này là do “giai cấp”, đẩy mạnh giải quyết những sự khác biệt và mâu thuẫn này bằng phương thức đấu tranh, khiến người Trung Quốc đơn giản hóa khi xem xét vấn đề, không đen thì là trắng, hoặc này hoặc kia, không phải là bạn thì là kẻ thù, mà quên rằng tư duy và hành vi của con người vốn phức tạp, không tồn tại sự đối lập hoàn toàn hay nhất trí hoàn toàn, sự hợp tác hoặc là đồng thuận giữa con người với nhau cũng không thể được kiến lập trên cơ sở không có mâu thuẫn hoặc không có kiến giải bất đồng. Phương thức giải quyết vấn đề cụ thể cũng quên mất những đạo đức truyền thống của dân tộc Trung Hoa như nghĩ tới người

khác, lắng nghe ý kiến của người khác, khiêm tốn, càng không nói gì đến tới tinh thần đồng đội, bao dung và đa nguyên hóa của phương Tây. Chỉ cần có chút không phù hợp hoặc khác với mình thì tự nhiên liền dùng thủ đoạn đấu tranh để giải quyết vấn đề. Mỗi một người Trung Quốc đều cảm nhận sâu sắc hiện tượng đấu đá trong nội bộ người Trung Quốc, quan niệm đấu tranh giai cấp khởi tác dụng không nhỏ trong đó.

Nếu nói rằng trong các cuộc vận động chính trị được phát động vào những năm 80 của thập niên trước, thì sau khi động viên, cưỡng chế, dụ dỗ, quần chúng mới có thể tham dự, còn trong mấy chục năm sau, cùng với tám sợ hãi ngày càng gia tăng trong các cuộc vận động, cùng với việc Trung Cộng nhồi nhét tư tưởng đấu tranh, tuyên truyền “sự vĩ đại của đảng”, thì việc nhảy múa và xung phong liều chết theo cây gậy chỉ huy của Trung Cộng đã dần ăn nhập vào phương thức tư tưởng của người Trung Quốc, trở thành trạng thái tư duy, hành động tự nhiên thường ngày.

KẾT LUẬN

CHÍNH TRỊ CHỈ LÀ MỘT BỘ PHẬN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI BÌNH THƯỜNG, hơn nữa còn không phải là bộ phận quan trọng nhất. Sau khi Văn hóa đảng xâm chiếm, cuộc sống riêng tư của người Trung Quốc bị cưỡng chế lôi vào chính trị. Những ngày lễ tết truyền thống của họ bị bãi bỏ hoặc bị đổi mới hàm, họ bị ép buộc tham gia vào ngày lễ do đảng sắp đặt, coi những buổi lễ kỷ niệm hỷ nộ ai lạc của đảng thành lễ kỷ niệm hỷ nộ ai lạc của bản thân họ. Hôn nhân đại sự phải do đảng tổ chức, người trẻ khi kết hôn đã không lễ nghi bái Thiên Địa bái phụ mẫu, cũng không thể hiện tình cảm vợ chồng tương kính như tân, lại phải cảm ơn đảng, thể hiện sự trung thành với đảng.

Khi người Trung Quốc thảo luận những vấn đề chống lũ chống hạn, hạn chế sinh sản thì họ nên ý thức được đây hoàn toàn không phải là do Trung Cộng không có quyết sách khoa học, mà là Trung Cộng không thể đưa ra

quyết sách khoa học. Tư tưởng chỉ đạo để Trung Cộng giải quyết vấn đề không phải là quyết sách khoa học, mà là “triết học đấu tranh”. “Chống lũ chống hạn, chiến Thiên đấu Địa” đã phản ánh rằng thái độ với tự nhiên [của Trung Cộng] chính là đấu tranh. Vấn đề nhân khẩu hoàn toàn có thể giải quyết thông qua việc đầu tư cho hệ thống giáo dục và an sinh xã hội, còn Trung Cộng lại một mực vứt bỏ tất cả cách làm nhân đạo và ôn hòa, mà thông qua giết người và cưỡng chế để khống chế sinh sản. Việc tuyên truyền “nam nữ đều giống nhau, phụ nữ gánh vác nửa vùng trời” lại là cổ động phụ nữ đấu tranh với nam giới, chẳng sau đó vẫn là một chữ “đấu”. “Đảng chỉ đâu đánh đó”, một chữ “đánh” cũng đã phản ánh tư tưởng “đấu tranh”.

Sau khi bị Trung Cộng nhồi nhét những tà thuyết trong Văn hóa đảng như tư tưởng đấu tranh, kẻ yếu làm mồi cho kẻ mạnh, chọn lọc tự nhiên, thì người Trung Quốc đã quen dùng tư tưởng đấu tranh để giải quyết những vấn đề cụ thể trong cuộc sống. Khi gặp phải mâu thuẫn, thì điều họ nghĩ tới không phải là “có lời từ từ nói”, “lùi một bước biển rộng trời cao”, mà là thủ đoạn đấu tranh như cưỡng chế, giết người, vận động quần chúng. Gặp phải những vấn đề liên quan tới giới tự nhiên thì họ không nghĩ tới thuận theo tự nhiên, mà là cứng đầu cứng cổ làm nghịch ý trời.

Đào sâu căn nguyên của “triết học đấu tranh” nhất định sẽ thấy nó có quan hệ rất lớn tới việc tuyên truyền Thuyết vô Thần và Thuyết Duy vật. Chính vì vô Thần cho nên không biết kính sợ Trời Đất, không biết rằng cần phải “nhân giả ái nhân” (*người nhân nghĩa yêu thương người khác*). Đây chính là nguyên nhân mà tư tưởng đấu tranh được quảng bá.

Chỉ khi bóc đi Văn hóa đảng, chúng ta mới có thể sống những ngày tháng bình thường.

CHƯƠNG VIII



THÓI QUEN TƯ DUY KIỂU VĂN HÓA ĐẢNG



ĐỂ HÌNH THÀNH NÊN MỘT THỂ HỆ VĂN HÓA THÔNG THƯỜNG CẦN MỘT KHOẢNG THỜI GIAN DÀI, thế nhưng chỉ trong mấy chục năm ngắn ngủi, Đảng Cộng sản dựa vào tuyên truyền nhồi nhét với cường độ cao bất thường, dựa vào thực tiễn đẫm máu kinh động đến tinh thần đã kiến lập nên Văn hóa đảng tại Trung Quốc; tiêu chí cho sự thành công của nó là khiến người ta từ bị động tiếp nhận tư duy Văn hóa đảng cuối cùng biến thành thói quen tư duy Văn hóa đảng. Một khi thói quen đã trở nên tự nhiên, Văn hóa đảng sẽ trở thành một phần của sinh mệnh con người, người ta cũng khó nhận ra nó là thứ bị nhồi nhét từ bên ngoài, mà lại tin rằng nó xuất phát từ sâu thẳm tâm hồn của họ. Tư duy Văn hóa đảng đã trở thành “bản tính” của dân tộc chúng ta. Có dân tộc thích suy ngẫm, có dân tộc thích âm nhạc, có dân tộc thích sáng tạo, mỗi dân tộc có thể có trăm ngàn phương thức tư duy khác nhau, nhưng đều xuất phát từ nhân tính tự nhiên của con người. Nhưng cái “bản tính” mà Đảng Cộng sản nhồi nhét cho chúng ta lại không phải xuất phát từ nhân tính tự nhiên mà là đảng tính. Văn hóa đảng đã làm biến dị dân tộc của chúng ta, khiến cho con người trở nên dễ phòng cảnh giác khi gặp gỡ giao tiếp nhau, trong ngôn ngữ mang đầy ý thức tranh đấu; trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật đều đã hình thành thói quen không tách rời đảng; trong cuộc sống, người ta cảm thấy mối nguy hiểm khi suy nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng; họ nói theo thói quen ngôn ngữ văn phong dập khuôn của đảng; lẩn lộn khái niệm đảng với chính phủ, đảng với quốc gia và đảng với dân tộc, v.v..

Kiểu tư duy Văn hóa đảng này đã trở thành thói quen tự nhiên của toàn xã hội, hình thành nên một kiểu “thể lực thói quen” ảnh hưởng đến mọi mặt tư duy, lời nói và hành động của con người. Chúng tôi nhận thấy rằng, cho dù tổ chức Đảng Cộng sản có giải thể thì “thói quen tư duy” hình thành trong Văn hóa đảng không thể giải thể được, vậy thì tương lai Trung Quốc vẫn sẽ là một xã hội tuy không có Đảng Cộng sản nhưng vẫn bị ám ảnh nặng nề bởi bóng ma của Đảng Cộng sản. Nếu “thói quen” Văn hóa đảng trong tư duy, lời nói và hành động của chúng ta không được tẩy sạch, thì nó vẫn

sẽ ảnh hưởng đến những phán đoán đúng sai, phân tích tin tức và các quyết sách của chúng ta, chúng ta có thể vẫn cảm giác lẩn nhau, vẫn khai thác cạm kiệt tự nhiên, đấu với Trời đấu với Đất, vẫn cảm thấy “các thế lực phản Hoa trên thế giới chết hết thì mới yên tâm”, v.v.. Điều này ví như một chiếc xe hơi đang chạy tốc độ cao, cho dù động cơ của nó bốc lửa nhưng nó vẫn có thể theo quán tính mà trượt thêm một đoạn dài nữa. Do vậy vào chương cuối cùng này, việc thanh trừ thói quen tư duy Văn hóa đặng của chúng ta rõ ràng là vô cùng cần thiết.

VIII.1 – NGƯỜI NGƯỜI GẶP MẶT CẢNH GIÁC LÃN NHAU, TRONG NGÔN NGỮ CÓ Ý THỨC TRANH ĐẤU

VIII.1-1 – Người người gặp mặt cảnh giác lẩn nhau

Người Trung Quốc từ xưa vốn rất hiếu khách. Khổng Tử viết: “Hữu bằng tự viễn phuơng lai, bất diệc nhạc hổ? (Dịch nghĩa: Có bạn từ xa đến, không vui mới lạ?)” Thế nhưng ở Trung Quốc ngày nay, nếu có một người lạ muốn làm quen với bạn, bạn liền nghĩ rằng có thể họ không “vô duyên vô cớ” mà quan tâm đến bạn, do đó xem liệu người ấy có âm mưu gây rối không; trông thấy người dắt theo trẻ nhỏ đến nhờ giúp đỡ, có lẽ bạn sẽ đoán rằng liệu người đó có phải “kẻ lừa đảo” định dùng đứa bé đó để lừa gạt mình không; trên đường có người gọi bạn nhờ giúp đỡ, bạn sẽ cảnh giác ngay liệu có đồng bọn của anh ta trốn gần đó không, kéo lại tự mình chui đầu vào rọ.

Ngoại lại, người Trung Quốc khi sang các nước phương Tây, một trong những cảm nhận sâu sắc nhất chính là sự thâm thiện của người dân. Đi trên đường, đến người không quen biết cũng mỉm cười với bạn, chào hỏi bạn; nếu bạn bị hỏng xe dọc đường thì thường có người dừng lại hỏi bạn có cần giúp gì không; nếu bạn mang theo trẻ nhỏ người ta lại càng sẵn lòng giúp đỡ.

“Quân tử kính nhi vô thất, dũ nhân cung nhi hữu lễ, tử hải chi nội giai

huynh đệ dã (Dịch nghĩa: Người quân tử biết cung kính lê nghi, coi bốn biển đều là anh em)”, đây là quan niệm về lê nghi của người Trung Quốc xưa. Tại sao ngày nay ở đất nước vốn là quê hương của lê nghi này lại không còn thấy cách cư xử nhã nhặn giữa người với người nữa, mà chỉ thấy “không thể không có tâm lý để phòng người khác”, người ta mang đầy tâm lý cảnh giác lẩn nhau? Kiểu tâm lý cảnh giác này không chỉ giới hạn giữa những người lạ, mà giữa cấp trên với cấp dưới, hàng xóm, đồng nghiệp, thậm chí là giữa bạn bè thân thiết với nhau cũng thường tồn tại tâm lý phòng bị này. Ngay cả khi người ta đang chén chú chén anh, dốc hết tâm tình với nhau trên bàn tiệc, họ vẫn không quên tâm lý cảnh giác, tự bảo vệ lấy mình, để phòng người khác thay lòng đổi dạ.

Có thể nói người Trung Quốc ngày nay trong tâm đều có một bức thành trì được canh gác nghiêm ngặt. Tâm lý cảnh giác lẩn nhau đã trở thành một kiểu tư duy theo thói quen. Trong xã hội bình thường, người ta cũng không phải hoàn toàn không có chút cảnh giác gì, khi nhìn thấy kẻ lén lút vụng trộm thì cũng cần có tâm lý cảnh giác. Nhưng tâm lý cảnh giác của người Trung Quốc hiện nay lại không đến từ biểu hiện của đối phuơng, họ cảnh giác không phải vì đối phuơng, mà hễ thấy ai thì tự họ liên dấy lên tâm lý cảnh giác, họ lập tức giả định rằng đối phuơng có ý đồ không tốt. Ai ai gặp nhau cũng đều có tâm lý cảnh giác, để phòng người khác, đây không phải là trạng thái bình thường của con người. Có người nói người Trung Quốc sống thật mệt mỏi. Quả đúng là như vậy.

(1) – Thói quen cảnh giác là hậu quả do Văn hóa đặng gây nên

Con người đều đã từng đơn giản, từng tin tưởng, từng chân thành. Nhưng trải qua các cuộc vận động hết đợt này đến đợt khác, bản thân người ta hoặc đã vạch tội người khác, hoặc bị người khác vạch tội, hoặc hôm nay vạch tội người khác ngày mai lại bị người khác vạch tội, hoặc nhìn thấy người này vạch tội người kia, hoặc nhìn thấy người này bị người kia vạch tội, hoặc hôm qua bị người khác vạch tội, hôm nay vạch tội lại chính người đó, ... Lịch

sử của Trung Cộng suốt mấy chục năm qua là lịch sử của các cuộc đấu tranh, người người vạch tội lẩn nhau.

Người Trung Quốc xưa đời đời kế tục, dựa trên chế độ gia tộc tự quản để duy trì các mối quan hệ giữa người với người, nhưng triết học đấu tranh của Trung Cộng đã cứng nhắc xé nát các mối quan hệ này, thay thế bằng mối quan hệ đối lập giữa các (nhóm) giai cấp được xác lập theo địa vị kinh tế, xã hội. Người ta bắt đầu nhìn mọi người xung quanh bằng con mắt thù địch, dùng các thủ đoạn bạo lực của Đảng Cộng sản để đối xử với những người bất đồng ý kiến. Đảng tính, thù tính, tính giai cấp đã thay thế cho nhân tính, sự chuyên chính thay thế cho tình yêu thương, thù địch thay thế cho thân thiện, cảm giác thay thế cho tin tưởng. Người ta bị buộc phải luôn luôn đề phòng với những gì bị gọi là sự “thâm nhập”, “công kích” và “phản công” của “kẻ thù”, khi phải gánh vác trách nhiệm phòng bị “kẻ thù”, họ cũng đồng thời sản sinh ra tâm lý cảnh giác, lo sợ rằng “kẻ thù” có thể làm tổn hại đến lợi ích thiết thân của họ. Trong một xã hội không tin vào đạo đức, không tin vào Thần Minh, không tin vào Thiên lý, dường như họ chỉ còn cách dùng ác ý mà suy đoán người khác, để phòng người khác, mới có thể đổi lại một chút cảm giác an toàn cho bản thân. Qua thời gian dài, kiểu tâm lý để phòng kẻ thù này đã trở thành thói quen suy nghĩ trong tiềm thức của người ta, thái độ phòng bị người khác trở thành thái độ bình thường trong xã hội. Tâm lý cảnh giác lẩn nhau có thể nói là một hậu quả tất yếu của việc hủy hoại tín ngưỡng và đạo đức truyền thống cùng với việc nhốt nhét quan niệm đấu tranh giai cấp của Trung Cộng.

Những trò hề tống cáo với những thủ đoạn bỉ ổi, vô nhân tính như: đặc vụ, mật báo, mách lẻo, tố giác, chỉ điểm, phản bội, hai mặt, gió chiều nào che chiều ấy, cắt đứt quan hệ, đại “nghĩa” diệt thân (*vì bảo vệ chính nghĩa mà diệt cả người thân thích*), vợ chồng phản bội nhau, cha con đấu đá nhau, láng giềng thù hận nhau, thầy trò đấu tố nhau, người người nghe lén nhau, v.v.. đã khiến cho tâm lý để phòng trở thành bản năng sinh tồn của người ta.



Nếu như nói tâm lý cảnh giác tạo thành do việc người đấu tố người vẫn còn [sót] khe hở, thì những lời dối trá từ trên xuống dưới trong xã hội Trung cộng lại sẽ lắp kín những khe hở này. Trong tâm lý học, người ta phát hiện rằng khi một người chân thành tin tưởng vào điều gì nhưng lại bị lừa gạt, thì người đó sẽ bị tổn thương sâu sắc về mặt tình cảm. Người càng chân thành thì sau khi bị tổn thương họ càng phản ứng lại kịch liệt, càng thể hiện ra tâm lý cảnh giác cao độ, thậm chí đi đến cực đoan, không tin tưởng bất kỳ ai. Người Trung Quốc lúc đầu đã từng tin tưởng vào Trung Cộng một cách mù quáng, nhưng sự lật lọng nhiều lần của Trung Cộng, sự xấu xa của những kẻ hùa theo Trung Cộng, kết cục tàn khốc của những người bị hại, đã để lại quá nhiều thương tích trong tâm hồn người Trung Quốc. Bị bức hại, bị lừa gạt hết lần này đến lần khác, người ta đã hình thành nên một bản năng phòng bị người khác. Người ta không còn dám tin tưởng vào bất cứ ai, làm việc gì trước tiên cũng phải hình dung ra người khác có ý đồ xấu, để nhắc nhở bản thân để cao cảnh giác, vì sự mưu sinh của mình.

Tâm lý cảnh giác khiến người ta không còn tin tưởng người khác, hoài nghi tất cả. Sau khi đã trở thành thói quen, tâm lý cảnh giác lại tự cường đại lên. Cũng có nghĩa là, “sự không tin tưởng” sẽ tạo nên tâm lý cảnh giác cao độ hơn.

Trong sách “Liệt tử” có kể một câu chuyện “Nghi ngờ hàng xóm lấy trộm rìu”. Có một người đánh mất rìu, anh ta nghi ngờ đứa con của nhà hàng xóm lấy trộm. Do đó khi quan sát kỹ lưỡng cậu bé, anh ta cảm thấy cậu ấy đi đứng, nói năng đều có dáng vẻ giống như kẻ lấy trộm rìu, biểu hiện khuôn mặt, hành động cử chỉ hoàn toàn giống kẻ lấy trộm rìu của anh ta. Về sau khi đã tìm lại được rìu của mình, lúc này anh ta nhìn đứa con nhà hàng xóm lại cảm thấy cậu ấy đi đứng, nói chuyện, biểu cảm đều không hề giống kẻ lấy trộm rìu.

Trung Cộng đã bồi dưỡng cho chúng ta một kiểu thói quen tư duy thế này: đầu tiên thấy mọi người đều không đáng tin, trên thế giới này đều không có người tốt, sau đó đứng trên lập trường giả định này để tìm kiếm chứng cứ. Lúc này chúng ta cũng giống như người bị mất rìu, nhìn người khác biểu hiện thế nào cũng không đáng tin. Văn hóa đảng là một kiểu văn hóa hoài nghi, “hoài nghi tất cả” đã trở thành tư tưởng chủ đạo trong tư duy và giao tiếp giữa con người, nó đe dọa, cố xúy người ta cảnh giác lẫn nhau. Câu trả lời của Karl Marx khi Jenny con gái ông đến thăm có thể nói là “sắc mù” Văn hóa đảng: “Lý giải về hạnh phúc – đấu tranh; màu sắc ưa thích – màu đỏ; lời răn dạy ưa thích – hoài nghi tất cả”.



Đấu tranh và đối trả mới chỉ là nhân tố bề ngoài của tâm lý cảnh giác. Đào sâu vào các tầng của quá trình hình thành nền Văn hóa đảng, chúng ta mới có thể thấy được tâm lý cảnh giác này đã được hình thành như thế nào. Trung Cộng đã phá hủy tín ngưỡng dân tộc, phủ nhận Văn hóa truyền thống, nhồi nhét triết học đấu tranh, tuyên truyền sự vĩ đại của Marx-Lenin-Mao Trạch Đông. Sau khi tắt cả tín ngưỡng truyền thống và cuộc thần thánh hóa của Trung Cộng sụp đổ, điều mang lại cho người ta là những vết thương tâm lý khiến họ không dám tin thứ gì. Tất cả điều này đã tạo thành tâm lý cảnh giác cao độ mà người ta ngày nay không thể bài trừ được.

(2) – SỰ KẾ THỪA TÂM LÝ CẢNH GIÁC

Có lẽ có người cho rằng mình chưa từng trải qua các cuộc vận động trước kia, bây giờ có vẻ như không ai còn nhắc đến đấu tranh giai cấp như trước kia nữa. Nhưng trên thực tế, cơ chế xã hội tạo cho người ta thói quen cảnh giác vẫn tồn tại, mỗi thành viên trong xã hội đều không tránh khỏi bị nó ảnh hưởng.

Trên các kênh truyền thông miệng lưỡi của Trung Cộng, người ta lúc nào cũng có thể nhìn thấy những từ ngữ như: “nhận thức thanh tịnh”, “để phòng chặt chẽ”, “cảnh giác cao độ”, “phê phán nghiêm khắc”, “thể lực phản động”, “kẻ thù luôn muốn tiêu diệt chúng ta”, “khắc phục tư tưởng chủ quan, lơ là” v.v.. luôn luôn kích động tâm thái đấu tranh của người ta.

Hiện nay các bậc cha mẹ cũng lấy những điều mình đã từng trải qua trong các cuộc vận động chính trị làm bài học để giáo dục thế hệ trẻ phải luôn cẩn thận, cảnh giác, khiến cho tư duy cảnh giác này được “kế thừa” đời đời. Bạn bè cũng thường xuyên nhắc nhở nhau: “Anh phải để phòng một chút với người XX nào đó”, khiến cho ký ức về tâm lý cảnh giác càng được khắc sâu thêm, hiệu ứng của nó được khuếch trương mọi nơi mọi lúc trong cuộc sống.

Văn hóa tố giác, vạch mặt nhau mà Trung Cộng nhồi nhét đến nay không những không mất đi, ngược lại còn tinh ranh hơn. Trẻ con bắt đầu từ khi học

mẫu giáo và tiểu học đã được khuyến khích tố giác người khác để giành lợi thế cho bản thân. Khi vào đại học, để được vào đảng và được phân công việc tốt, các sinh viên dùng hình thức tố giác lẫn nhau để thể hiện thái độ “cầu tiến” và làm thân với người phụ trách. Trong đơn vị công tác những người mắng lanh đạo dữ dội nhất lại thường là thám tử được lãnh đạo bố trí chèn vào để cắp dưới lơ là cảnh giác, từ đó thoả mái mở lòng mà nói lời thật lòng.

Tổ chức đảng của Trung Cộng có mặt khắp nơi, kiểm soát mọi mặt. Từ sách báo, tạp chí đến mạng Internet; từ học tập, làm việc đến cuộc sống sinh hoạt, nó khống chế, thao túng mọi mặt của xã hội. Nhất cử nhứt động của người ta đều nằm dưới tầm giám sát của nó. Cuộc thảm sát sinh viên ngày 4 tháng 6 năm 1989, các cuộc bắt bớ những người khiếu kiện, đàn áp những người bất đồng ý kiến, bức hại các đoàn thể tín ngưỡng v.v.. của Trung Cộng chứng tỏ rằng tư tưởng đấu tranh giai cấp của nó chưa lúc nào dừng lại. Đặc biệt là cuộc đại công kích một cách che trời phủ đất được sử dụng trong đàn áp đối với Pháp Luân Công, nó huy động toàn dân tham gia, ai ai cũng bị kiểm tra, ai ai cũng phải bày tỏ thái độ, có khác gì so với cuộc Cách mạng Văn hóa?

Sự dối trá và hủ bại một cách có hệ thống của chính quyền Trung Cộng, đã khởi tác dụng làm mẫu cho dân chúng, vì vậy nó khiến cho toàn bộ chuẩn mực đạo đức của xã hội nhanh chóng trượt dốc. Mà sự trượt dốc về đạo đức của toàn xã hội lại càng thúc đẩy người ta thêm cảnh giác. Kiểu văn hóa đảng người người cảnh giác lẫn nhau này đã ăn sâu vào tâm lý của người dân, phản ánh ra trong tư duy và hành động chính là lúc nào cũng phòng bị người khác, lúc nào cũng phải suy đoán “âm mưu” của người khác, lúc nào cũng lo lắng bị người khác “lợi dụng”. Một giám đốc người Hoa ở hải ngoại mấy năm trước đến Trung Quốc khảo sát, khi trở về phải thở dài nói rằng: “Xã hội Trung Quốc đã trở nên cực kỳ phức tạp, người dân không còn giữ chữ tín và đạo đức nữa. Đối với bất kỳ ai mà nói, việc gì cũng không thể tin được. Người với người lừa dối lẫn nhau, chính phủ không tin nhân dân, nhân dân cũng không tin chính phủ, pháp luật không được thực thi”. Tình trạng xã hội như vậy,

đối với đất nước này có phải là chuyện tốt không?

Quá trình hình thành nên một thói quen có thể phân thành ba giai đoạn: một là giai đoạn bị thế lực bên ngoài cưỡng ép làm một cách không tự nguyện, hai là giai đoạn liên tục bị gia tăng sức ép dẫn đến tự giác hình thành các phản xạ có điều kiện, ba là giai đoạn phản ứng tự thân theo thói quen và bản năng. Tâm lý cảnh giác của người Trung Quốc ban đầu là do bị Trung Cộng cưỡng ép nhồi nhét và kích động, sau đó bị gia tăng sức ép qua các cuộc vận động chính trị, đến ngày nay, tâm lý cảnh giác của người ta đã hoàn toàn trở thành bản năng, tự động, không cần giám sát, cũng không cần nỗ lực ý chí, nó là một trạng thái tư duy theo thói quen rất tự nhiên.

(3) – *Hậu quả xấu của tâm lý cảnh giác*

Tâm lý cảnh giác theo tư duy Văn hóa đảng khiến người Trung Quốc sống rất nặng nề. Tâm lý cảnh giác có thể giúp người ta tạm thời tự bảo vệ mình thậm chí có phần hữu ích, nhưng về lâu dài, người ta vốn dĩ có thể đổi xử chân thành với nhau, tin tưởng lẫn nhau, sống nhẹ nhàng thanh thản thì lại trở nên cảnh giác cao độ, nơm nớp lo sợ, đề phòng mọi thứ. Tâm lý cảnh giác này khiến họ cảm thấy ai ai cũng là thù địch, ngay cả những người thân thiết nhất bên cạnh mình cũng không dám tin tưởng hoàn toàn. Cứ mãi như vậy khiến chất lượng cuộc sống giảm sút nghiêm trọng, trong cuộc sống người ta khó mà cảm nhận được niềm vui do sự tin tưởng và thanh thản mang lại, tỷ lệ người mắc bệnh tâm thần và các loại bệnh tâm lý khác ngày càng gia tăng. Theo tính toán của các chuyên gia tâm thần học, Trung Quốc hiện nay có ít nhất 100 triệu người mắc các loại bệnh về tâm thần.

Trên chiến trường phải giữ vững cảnh giác là chuyện bình thường, nhưng trong cuộc sống hàng ngày mà tâm lý lúc nào cũng căng thẳng, đề phòng người khác, thì không phải là cuộc sống của người bình thường. Trong xã hội bình thường không hề có tình trạng “người người gặp mặt cảnh giác lẫn nhau” này. Ở rất nhiều quốc gia, toàn xã hội đều khuyến khích con người

giữ phẩm chất trung thực, con người không cần dò xét để phòng lẩn nhau, không cần nhọc sức dò xét đức hạnh của người khác, quan hệ giữa con người vô cùng đơn giản, người ta cho rằng làm người phải sống thoải mái, nhờ đó mọi người đều có thể được hưởng rất nhiều lợi ích.



Tư duy cảnh giác cũng khiến người Trung Quốc khó hợp tác với nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đối với toàn xã hội mà nói, cái giá phải trả cho tâm lý cảnh giác này e rằng khó mà tính toán được.

Tâm lý cảnh giác khiến người ta không tin vào bất cứ điều gì, tất nhiên họ cũng không tin tất cả những gì nằm ngoài thể chế của Trung Cộng, ngay cả sự việc chân thực họ cũng không tin. Khi sự thực mà Trung Cộng vốn dĩ che đậy được phơi bày và trở lại như cũ, người ta cũng vẫn giữ thái độ hoài nghi và không tin, do đó lại giúp Trung Cộng đạt được mục đích tuyên truyền giả tạo, thao túng và lừa dối người dân.

Tâm lý cảnh giác cũng gây trở ngại trong quan hệ giữa Trung Quốc với

quốc tế. Việc Trung Cộng kích động tâm lý cảnh giác và thù hận nước ngoài của người dân không chỉ khiến các nước khác khó tin nhiệm Trung Quốc, mà cũng không thể giúp Trung Quốc thực sự hội nhập với thế giới. Mang cái nhìn thù địch như vậy, coi người khác đều là “thế lực phản động”, thì người Trung Quốc sao có thể hiểu được chính xác thông điệp của người khác, sao có thể hợp tác với các quốc gia trên thế giới?

Người ta có thể cho rằng, nếu tôi không đề phòng người khác, không tự bảo vệ bản thân, thì chẳng phải người khác sẽ coi tôi là đồ ngốc mà lừa bịp hay sao? Đúng vậy, ai cam tâm tình nguyện là người đầu tiên buông bỏ tâm lý cảnh giác đây? Có người lấy ví dụ việc đứng kiêng bằng đầu ngón chân để làm rõ vấn đề này. Nếu mọi người đều đứng kiêng chân để xem kịch thì tất cả đều rất mệt, nếu mọi người cùng hạ chân xuống thì vừa thoải mái mà lại xem được kịch dễ hơn. Thế nhưng không ai tin ai, tôi hạ chân xuống rồi mà người khác không hạ thì tôi không nhìn được gì, chẳng phải tôi chịu thiệt sao?

Đứng trong Văn hóa đảng để đi tìm đáp án thì không thể tìm ra, bởi vì tâm lý “người người gặp mặt cảnh giác lẩn nhau” là do Văn hóa đảng tạo ra. Chỉ có giải thể Trung Cộng mới có thể xóa bỏ hoàn cảnh tạo ra và dung túng cho tâm lý cảnh giác. Người ta sau khi thoát khỏi bức hại và tấn công của Đảng Cộng sản thì mới có thể được tự do tín ngưỡng, mới có thể dần dần phục hồi các quan niệm truyền thống của Trung Quốc như nhân – nghĩa – lê – trí – tín. Như vậy tự nhiên sẽ có người tự nguyện hạ chân xuống, sự chân thành, lương thiện của họ mới có thể khiến cho đạo đức toàn xã hội thăng hoa, từ đó đưa xã hội trở về trạng thái bình thường.

VIII.1-2 – Ngôn ngữ mang ý thức tranh đấu

Năm 2001, một học giả ngôn ngữ ở Trung Quốc Đại lục đã từng làm một cuộc điều tra về các từ ngữ thịnh hành trong giới trẻ, trong số 10 từ ngữ thịnh hành nhất có những từ mang tính đả kích sâu cay như “độc ác”, “ngớ ngẩn”,

"biển thái" cũng được liệt kê vào, còn xếp vị trí thứ hai lại là từ "đi chết đi".

Ngôn từ mang tính tranh đấu không chỉ tồn tại trong nhóm văn hóa thanh thiếu niên. Đến nay trong mọi mặt cuộc sống của người Trung Quốc đều tràn ngập những ngôn từ như vậy. Ví dụ, trên áo phông in dòng chữ "Đừng có chọc tôi, đang bức đây"; các ca từ cổ động "Khi cần ra tay thì ra tay"; tiêu đề sách đặt là "Trung Quốc có thể nói không"; mấy chục nghìn người hâm mộ bóng đá trên khán đài đồng thanh hô to: "XX ngu ngốc"; "Mày thắn kinh à?" "Mày uống nhầm thuốc rồi?" "Não mày bị úng nước rồi?" những thể loại ngôn từ như vậy đâu đâu cũng có thể nghe thấy.

Trong cuộc sống thường ngày, rất nhiều người từng gặp phải những sự việc như thế này: khi thảo luận vấn đề thì không tùy việc mà xét, mà là đi đà kích người khác, lôi những điểm không tốt của người khác ra mà nói, cố tình làm hỏng việc. Lời nói mang hàm ý chế nhạo, ngôn từ gay gắt cay nghiệt, đầy tính công kích, không đếm xỉa gì đến cảm xúc của người khác. Gặp sự việc gì cũng không bình tĩnh nói lời có đạo lý, mà trước tiên cứ phải tranh hơn thua, có khi cũng không buồn để ý đến những quan điểm khác nhau của người khác, dù thế nào cũng phản đối trước đã mới cảm thấy thỏa nguyện. Thứ ngôn ngữ mang tính tranh đấu một cách không tự biết này đâu đâu cũng gặp trong cuộc sống.

Khi xếp hàng mua vé ở nơi công cộng, có thể không biết từ lúc nào đột nhiên xuất hiện một vài người đứng chen vào hàng. Nếu như bạn nói: "Xin anh hãy xếp hàng đi". Rất có thể người ta sẽ trừng mắt nhìn bạn hăm hăm, lạnh lùng nói một câu: "Việc gì đến mày! Đồ thần kinh!" Đì bộ trên đường không may đụng phải người khác, đang định xin lỗi thì một giọng the thé vang lên "Không có mắt à?" Khi nhìn thấy hai người cãi cọ nhau, người bên cạnh có khi không những không khuyên giải, lại còn đổ thêm dầu vào lửa: "Cứ làm tới đi!" Giữa bạn bè với nhau lúc trêu đùa cũng nói: "Lát nữa đánh chết cậu đi".

Cha mẹ giáo dục con cái, ngôn ngữ lại càng lạnh lùng, không kiêng nể gì, sẵn sàng thương cẳng chân hạ cẳng tay. "Đã nói với con rồi, tan học về việc đầu

tiên là phải làm bài tập. Böyle giờ thì tốt rồi, bài tập vẫn làm không xong, đợi xem ngày mai cô giáo không phạt mới lạ!". "Con xem xem đứa XX nhà ấy, lúc nào cũng giỏi hơn con". "Khóc gì!, chỉ biết khóc thôi à? Có khóc cũng không ai giúp đâu". "Con không chịu nghe lời, vậy thì đợi con thi kiểm tra xong chúng ta sẽ tính sổ". "Mày đợi đấy, xem tao có dám đánh mày không". "Ranh con, tao không trị được người khác nhưng xem tao có trị được mày không?"

Người Đài Loan phát hiện ra rằng, người Trung Quốc Đại lục khi nói chuyện thường có thói quen dùng câu hỏi vặn lại, mà ngữ khí nghe rất nặng. "Sao ngay cả việc này mà cũng không biết à?" "Cậu không biết tự xem à?" "Không trông thấy tôi đang bận sao?" "Ai nói vậy?" "Tôi chẳng phải đã nói với cậu rồi sao?" "Trước giờ làm cái gì mà giờ mới...?!" "Ở đâu có kiểu như cậu?" Cách nói này sắc mùi tranh đấu và mang hàm ý trách cứ người khác, chê bai người khác "ngu ngốc", "không bình thường", đồng thời do sử dụng câu hỏi vặn nên ngữ khí lại càng nặng hơn.

Ngôn từ mang tính đấu tranh đã trở nên vô cùng phổ cập, đến mức trong các loại hình văn học nghệ thuật đại chúng lấy việc đả kích bằng ngôn từ làm nội dung chính. Nội dung chủ yếu trong rất nhiều tiểu phẩm thịnh hành vài năm gần đây tập trung vào các diễn viên nam nữ công kích, ép buộc nhau; những kẻ to mồm, nói dai trớ thành những nhân vật được coi trọng trong các tiểu thuyết, phim điện ảnh, truyền hình; [hiện nay] rất nhiều nhà văn dùng ngôn từ cay nghiệt mà coi như sâu sắc, các diễn đàn trên internet lại càng là lãnh địa của những ngôn ngữ cay nghiệt. Nông dân, người nghèo, người tàn tật, người tướng mạo xấu xí, người có trình độ học vấn thấp, v.v.. đều trở thành đối tượng bị người ta công kích, đe bỉu.

Trong bầu không khí xã hội đấu đá khốc liệt này, ban giám khảo cuộc thi "giọng ca nữ siêu đẳng" nổi tiếng một thời ở Trung Quốc Đại lục đã nói với các nữ thí sinh những lời như thế này: "Sai nhạc rồi! Cô thực sự không biết rằng mình đang hát sai nhạc à?", "Cô đúng là chẳng có chút tố chất âm nhạc cơ bản nào", "Đúng là một sự sỉ nhục cho thể loại dân ca", "Cô hát và nói chuyện

đều rất kịch”, “Nếu cô chăm chỉ học tập thì còn có tương lai, chứ theo nghiệp ca hát thì chỉ có đường chết”, “Đừng có làm cho các thí sinh sau cô phát sợ”, “Người khác hát thì thỉnh thoảng mới sai nhạc, còn cô hát thì thỉnh thoảng mới không sai nhạc”, “Bỏ tiền cho cô học nhạc thật là lãng phí”, “Cô còn trẻ mà cứ như oán phụ vậy”. Những câu nói trực tiếp đánh vào lòng tự tôn của người khác, không còn sự tôn trọng tối thiểu nào đối với người khác như vậy lại được phát sóng công khai trên truyền hình trước hàng triệu khán giả, vậy mà người ta lại thấy bình thường, không hề cảm thấy có gì không ổn, thậm chí còn say sưa hưởng ứng theo chương trình.

Kiểu ý thức đấu tranh này của người Trung Quốc không chỉ thể hiện ở ngôn ngữ có tính đấu tranh mà trong ngôn ngữ thông thường cũng tràn ngập ý thức đấu tranh. Khi thảo luận vấn đề, người ta thường không đứng trên cơ điểm cùng nhau giải quyết vấn đề để đưa ra lập luận có tính xây dựng, mà lại lập luận theo hướng tiêu cực, cái này không đúng, cái kia không được, dù sao thì người khác cũng không thông minh bằng mình, cho dù bản thân vẫn chưa nghĩ ra nên làm thế nào thì cũng phải thể hiện mình “mạnh mẽ”, “nhìn xa trông rộng”, tỏ ra mạnh hơn người khác.

Một thế hệ cũ người Trung Quốc đã chìm ngập trong Văn hóa đảng suốt thời gian dài, thế hệ trẻ từ nhỏ đã lớn lên trong môi trường như vậy, mọi người đều tưởng rằng người Trung Quốc từ xưa đến nay đều nói chuyện như vậy, nên cũng không cảm thấy nói như vậy có gì không đúng, có gì không tốt. Thực ra người Trung Quốc xưa rất coi trọng lẽ giáo nho nhã, dịu dàng, đôn hậu; tin tưởng vào chuẩn tắc làm người “nhân lẽ nghĩa trí tín”; đề cao thái độ “ôn lương cung kiệm nhường” khi xử lý công việc, thái độ nói chuyện của người xưa rất khác với người Trung Quốc ngày nay. Ở các nước phương Tây, ngôn ngữ và hành vi của con người chịu sự ước thúc mạnh mẽ của tôn giáo, đạo đức, pháp luật và nguyên tắc nghề nghiệp. Ngôn ngữ có tính đấu tranh chỉ giới hạn sử dụng ở tòa án, trong các cuộc biện luận của ứng cử viên, còn trong cuộc sống hàng ngày, người ta nói chuyện khiêm tốn, nhún nhường, toàn bộ

xã hội ở trạng thái rất ôn hòa. Ngôn ngữ của toàn dân đều mang ý thức đấu tranh, mà lại là ý thức đấu tranh mạnh mẽ, hiện tượng này là đặc trưng của Văn hóa đảng.

(1) – Nguyên nhân của ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ

Cũng như “người người gặp mặt cảnh giác lẩn nhau”, “ngôn ngữ mang ý thức đấu tranh” cũng là sản phẩm của triết học đấu tranh và thực tiễn đấu tranh của Trung Cộng. Trong mắt Trung Cộng thì bạo lực là một phẩm chất đáng được coi trọng. Thông qua sách giáo khoa, các chương trình truyền hình, các tiết mục văn nghệ, ca khúc, truyện ngắn v.v.. triết học đấu tranh của Trung Cộng đã thâm nhập một cách vô thức vào trí óc và tâm hồn của các thế hệ người dân Trung Quốc. Hành vi của người ta là do tư tưởng quyết định, nếu tư tưởng bị nhồi nhét đầy những thứ bạo lực và thù hận thì lời nói, hành vi mà người ta biểu hiện ra chắc chắn cũng mang theo bạo lực và thù hận. Cho nên ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ của người Trung Quốc chính là phản ứng bản năng trong tâm người dân Trung Quốc hình thành trong triết học bạo lực, văn hóa bạo lực và thực tiễn bạo lực của Trung Cộng. Trong cuộc sống và giáo dục suốt mấy chục năm nay, dù là tư tưởng hay là hành động, người ta bị giáo dục quá nhiều về đấu tranh, và di chứng nó để lại quá rõ ràng.

Trong các cuộc vận động chính trị lặp lại cứ 7, 8 năm một lần, đâu đâu cũng tràn ngập các ngôn từ bạo lực. Trên các phương tiện truyền thông của Trung Cộng, người ta thường thấy những từ có tính đả kích mạnh mẽ như “phê phán”, “đấu tranh”, “đả đảo”, “đập nát”, “quét sạch”, “yêu ma quỷ quái” v.v.. Kiểu ngôn từ bạo lực này được sử dụng rộng rãi trong các bài xã luận, bình luận, phê bình văn chương trên báo. Ví dụ như “chặt đứt móng vuốt của XX”, “ai dám phản đối chủ nghĩa xã hội, chúng ta sẽ đập nát xương của hắn ta”, “XX nhất định sẽ không có kết cục tốt đẹp”, “chiên rán, hỏa thiêu, lột da, rút gân”, “dẫm đạp lên một chân, làm cho hắn cả đời này không ngóc đầu lên được”, v.v.. đều là những từ ngữ mang tính uy hiếp, đe dọa, đầy bạo lực và sắc mùi

tranh đấu. Kiểu ngôn ngữ bạo lực này hoàn toàn phù hợp với mục đích của kẻ độc tài muốn hăm dọa người dân, tạo ra khủng bố để khuất phục người dân; chúng tràn ngập trên các phương tiện truyền thông, văn kiện, sách giáo khoa, tác phẩm văn nghệ, thẩm thấu vào cuộc sống hàng ngày của người dân, khiến cho ngôn ngữ của người Trung Quốc bị cải biến cực lớn.

Trong các cuộc đấu tranh chính trị tàn khốc do Trung Cộng phát động, thói tranh đấu của con người được phát huy toàn diện. Những kẻ độc ác nhất, không từ thủ đoạn nào mà công kích, miệt thị, hâm hại người khác, những người giỏi thêu dệt tội danh cho người khác, đứng trên lập trường đấu tranh gai cấp để đánh giá người khác, đâm sau lưng người khác, những người này thường được lãnh đạo và “tổ chức” trọng dụng, được thăng tiến vùn vụt; còn những người bị tố cáo, bị công kích mà không tự biện hộ được thì thường có kết cục bi thảm. Để tránh rơi vào hoàn cảnh bị công kích như vậy, người ta đã cố gắng tạo nên kỹ năng ngôn ngữ cho mình, rèn cho mình kỹ năng nói năng khéo léo, nhanh mồm, để có thể nhanh chóng phản bác lại người khác bất cứ lúc nào. Ngày nay, người ta tranh cãi nhau một cách vô lý, ai to mồm hơn là giỏi hơn, điều này đã trở thành phản ứng bản năng trong tiềm thức của họ.

Ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ phản ánh cảm giác bất an sâu sắc của con người sống trong Văn hóa đảng. Trong xã hội nhân loại bình thường, con người tin vào lời dạy của người xưa “Ký sở bất dục, vật thi ư nhân” (*Dịch nghĩa: Việc mình không muốn, thì đừng làm với người khác*), người ta không có ý đồ xấu với người khác, cũng không cần phải lúc nào cũng đề phòng người khác, tâm lý bình tĩnh, ổn định, càng không biết đến dùng ngôn ngữ tranh đấu với người khác. Nhưng Văn hóa đảng khiến người ta luôn lo lắng bản thân chịu ức hiếp, thiệt thòi, do đó phải dùng ngôn ngữ làm vũ khí chiến thắng người khác thì bản thân mới có cảm giác an toàn. Trung Cộng tuyên truyền “học thuyết Darwin” cá lớn nuốt cá bé, kẻ yếu giống như thực vật bậc thấp trong chuỗi tiến hóa bị động vật khác ăn thịt, còn kẻ mạnh giống như động vật bậc cao trong chuỗi tiến hóa cảm thấy an toàn nhất. Tư tưởng này đã biến mối quan hệ con

người vốn dĩ hài hòa trở thành mối quan hệ đấu tranh. Trong đấu tranh thì việc thắng hay thua trở thành tiêu chí quan trọng để tự mình đánh giá cảm giác an toàn. Vậy nên trong cuộc sống hiện nay, người ta coi việc nói át người khác là thể hiện phản ứng nhanh nhẹn, thông minh tài trí hơn người, họ cảm thấy mình cao hơn người khác một cái đầu, mạnh hơn người khác, và rồi trong lòng cảm thấy dương dương tự đắc.

(2) – Sự kế thừa ý thức đấu tranh

Rất nhiều người tưởng rằng lịch sử đấu tranh đã qua đi, nhưng phương thức tư duy của con người một khi đã hình thành thì rất khó thay đổi. Mặt khác, hệ thống ngôn ngữ có tính ổn định. Một hệ thống ngôn ngữ hình thành rồi sẽ cần qua một thế hệ thanh niên thực hành để trở thành thói quen ngôn ngữ của họ. Nói một cách khác, quá trình đứa trẻ học nói chính là quá trình học một phương thức sử dụng ngôn từ, đồng thời cũng là quá trình học một phương thức tư duy. Qua các cuộc đấu tranh chính trị trường kỳ, cha mẹ, thầy cô và toàn xã hội đã hình thành nên tâm thái đấu tranh, nó sẽ biểu hiện ra ở thế hệ trẻ với một dạng biến thể khác. Trẻ con ngày nay từ nhỏ đã khoe khoang giàu có, coi thường người nghèo, tâm đố kỵ mạnh mẽ, đây đều là biểu hiện của tâm đấu tranh. Suy nghĩ sâu hơn chúng ta sẽ phát hiện rằng “ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ” một mạch xuyên suốt trong lịch sử mấy chục năm thống trị của Trung Cộng.

Chúng ta có thể phân loại các từ ngữ mang tính đấu tranh thành các hình thức sau:

- **HÌNH THỨC LẤY MẠNH HIẾP YẾU:**

Ví dụ 1: “Chả trách gần đây xảy ra hiện tượng kỳ lạ phe cánh tả và cánh hữu cùng hô hào tạo phản. Nói thật với các người, ngọc trai không thể lẩn lộn với mắt cá được. Bọn ta chỉ cho phép cánh tả tạo phản, không cho phép cánh hữu tạo phản. Các người dám cả gan tạo phản thì bọn ta sẽ lập tức trấn áp! Đây là logic của bọn ta. Dù sao thì bộ máy nhà nước cũng ở trong tay bọn ta”. (Báo

Hồng vê binh Trung học thuộc Trường đại học Thanh Hoa, năm 1966)

Ví dụ 2: “Tôi là công chức, đánh hắn thì có sao, đánh bị thương thì trả 100.000 tệ, đánh chết thì trả 200.000 tệ” (Cuộc xung đột quy mô lớn hàng vạn người xảy ra tại Vạn Châu, Trùng Khánh năm 2004, khởi đầu có một người tự xưng là công chức đã gây ẩu đả với một công nhân chẳng may quệt cái đòn gánh vào người vợ ông ta. Câu nói này đã châm ngòi cho cuộc xung đột).

Ví dụ 3: “Ai bảo anh không may sinh ra ở Trung Quốc chứ?” (Cuối năm 2005, Hà Tộ Hữu trả lời phỏng vấn báo chí, khi nhắc đến các vụ tai nạn do khai thác khoáng sản xảy ra liên tiếp ở Trung Quốc, ông ta đã nói câu này)

Các ví dụ khác như “Thiều đốt Đài Loan thành mảnh đất khô cằn” v.v.. Cách nói này là điển hình cho thái độ lấy mạnh hiếp yếu.

- **HÌNH THỨC ĐỐI KÝ ĐIỀN CUỐNG:**

Ví dụ: “Thứ mà giai cấp vô sản mất đi chỉ là xiềng xích; nhưng thứ mà họ sẽ có được là cả thế giới.” (Trích từ “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”. Câu nói này phản ánh tâm thái lưu manh điển hình của giai cấp vô sản: làm thế giới nào loạn long trời lở đất, lúc đó “người vô sản” mới có thể thừa nước đục thả câu, làm giàu trong một đêm)

Còn nhiều ví dụ khác nữa: “Có gì mà tài giỏi cơ chứ?” (ý là chẳng tài giỏi chút nào), “Mới mẻ ở đâu?” (ý là chẳng có gì mới mẻ), “Năm mới nhà ai mà chẳng làm sủi cảo?” (Người khác gấp việc tốt hoặc đạt được thành tích gì, cũng chỉ đơn giản như năm mới nhà ai cũng cải thiện cuộc sống, chẳng có gì đáng ngưỡng mộ cả), “Chỉ có anh là giỏi!” (ý là có gì mà khoe khoang, thực ra tôi còn giỏi hơn anh).

- **HÌNH THỨC ĐỐI CHỌI GAY GẤT:**

Ví dụ: “Anh không đánh thì hắn sẽ không ngã”; “Gió đông đã thổi, trống trận đã vang lên, trên thế giới này rốt cuộc là ai sợ ai đây?”, “Tôi sẽ chơi với con chó đến cùng”, “Muốn đấu với tao à? Mày sẽ không có kết cục ra gì đâu” .v.v..

- **HÌNH THỨC TỰ HẠ MÌNH ĐỂ HẠ THẤP NGƯỜI KHÁC (LẤY ĐỘC TRỊ ĐỘC):**

Người sử dụng chiến lược ngôn ngữ này đầu tiên sẽ hạ thấp bản thân

mình (hoặc tất cả mọi người), sau đó bắt đầu ra tay đả kích đối phương mà không phải lo lắng đối phương sẽ phản kích lại. Sự tinh vi của chiến lược này là ở chỗ, người nói đặt mình ở vị trí đạo đức thấp kém nhất, nhưng lại tương đương với việc mình có quyền khống chế ngôn ngữ nhất.

Ví dụ, khi có người dùng chuẩn tắc đạo đức phô quát để phê phán Trung Cộng, Trung Cộng thường biện hộ rằng: “Trong xã hội có giai cấp, đạo đức đều phải phục vụ cho giai cấp thống trị”, nói một cách khác, “Đạo đức, nhân quyền, tín ngưỡng tôn giáo, tự do tín ngưỡng ở các nước tư bản đều là ‘hư ngụy’, đều phục vụ cho ‘giai cấp tư sản’; đã đều là hư ngụy thì cũng đừng trách cái gọi là ‘đạo đức chủ nghĩa xã hội’, ‘tự do tin tức mang bản sắc Trung Quốc’ cũng để phục vụ cho mục đích thống trị của Đảng Cộng sản”.

Một ví dụ khác: “Tôi là lưu manh thì tôi còn sợ ai?” v.v..

- **HÌNH THỨC HẠI NGƯỜI MÀ CÙNG KHÔNG LỢI TA:**

Triết học đấu tranh của Đảng Cộng sản sau khi phát triển đến cực điểm đã sản sinh ra một loại tâm lý bệnh hoạn “anh sống thì tôi chết”, “chết thì cùng chết”.

Ví dụ 1: “(Chiến tranh) hạt nhân hiện giờ nếu xảy ra thì không biết sẽ phải chết bao nhiêu người, tốt nhất là còn lại một nửa, chí ít thì cũng còn lại 1/3; 2,9 tỷ dân còn lại 900 triệu dân, sau mấy đợt kế hoạch 5 năm là lại phát triển lên thôi, đổi lại là chủ nghĩa tư bản bị triệt tiêu hoàn toàn, chúng ta mãi mãi hòa bình. Chẳng có gì xấu cả” (Mao Trạch Đông).

Ví dụ 2: “Bất luận thế nào, Đảng Cộng sản Trung Quốc chúng ta sẽ không rút lui khỏi vũ đài lịch sử. Chúng ta thà kéo toàn bộ thế giới này thậm chí toàn bộ trái đất này cùng tồn vong với đảng chúng ta chứ không chịu rút khỏi vũ đài lịch sử. Hiện giờ chẳng phải có lý luận về “trói buộc hạt nhân” sao? Có nghĩa là vũ khí hạt nhân đã trói buộc sự an toàn của cả thế giới lại với nhau, nếu phải chết thì mọi người cùng chết”. (Trì Hạo Điền – Chiến tranh cách chúng ta không còn xa, nó là bà đỡ của thế kỷ Trung Hoa).

Những ví dụ khác: “Tôi không khá giả thì cũng khiến anh không khá giả được”, “Tôi mà chết thì cũng không để anh sống” v.v..

• **HÌNH THỨC VÒ ĐÁ MẺ THÌ ĐẤP VỐ LUÔN:**

Kiểu ngôn ngữ đấu tranh này thể hiện tâm thái vô cùng mất lý trí, tự làm khó bản thân. Người nói chuyện kiểu này bị chi phối bởi nhận thức “đấu tranh một cách mù quáng”, một khi kiên trì làm việc gì, dù việc họ kiên trì làm có vô lý, sai lầm, vô nghĩa đến đâu, chưa đâm vào tường chưa quay đầu, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, họ thể hiện thái độ mất hết lý trí, vô trách nhiệm với bản thân.

Ví dụ 1: “Chỉ một chút khó khăn thì sợ gì. Cứ đóng cửa đi, đóng cửa tám hay mười năm, mọi vấn đề của Trung Quốc đều sẽ được giải quyết. Người Trung Quốc có chết cũng không sợ, vậy còn sợ khó khăn sao? ...” (Mao Trạch Đông).

Các ví dụ khác: “Tôi cứ thế đấy”, “Anh làm gì được tôi nào?”, v.v..

Từ những ví dụ nêu trên, chúng ta có thể thấy rằng, mặc dù cùng với sự thay đổi về chiến lược thống trị của Đảng Cộng sản, phương thức sử dụng ngôn ngữ của con người thể hiện những diện mạo khác nhau, nhưng “ý thức đấu tranh” trong đó vẫn xuyên suốt.

Cần nhấn mạnh rằng, trong lời nói thẳng thắn không nhất định hàm chứa ý thức đấu tranh, tục ngữ có câu “Thuốc đắng giã tật, sự thật mất lòng”, những lời nói mang thiện ý thoạt nghe có thể không lọt tai. Vấn đề mấu chốt là, với tâm thái mong muốn điều tốt cho người khác, khi nói chuyện người ta vẫn có thể chủ tâm bới móc, phá đám, khiêu khích, vô tình hay hữu ý đả kích người khác, hạ thấp người khác, để cao bắn thân.

(3) – Hậu quả của ngôn ngữ đấu tranh

Ngôn ngữ đấu tranh làm tổn thương người khác. Trung Quốc có câu ngạn ngữ “lời nói có thể cởi nút thắt trong tâm”, nhưng lời nói mang đầy ý thức đấu tranh có thể khiến tâm hồn người ta bị tổn thương nghiêm trọng, khơi mào cho những tranh chấp giữa con người. Kiểu ngôn ngữ này không những không thể cởi nút thắt trong tâm, mà còn tạo thêm nhiều nút thắt khó giải nữa. Một báo cáo nghiên cứu ở Bắc Kinh năm 2006 cho thấy, giáo viên sử dụng những từ ngữ bạo lực là một hiện tượng phổ biến. 72% số học sinh phổ thông

cơ sở được điều tra thừa nhận rằng những từ ngữ vô văn minh mà giáo viên sử dụng đã gây tổn thương tâm lý cho các em. Trong một báo cáo khác, 81,45% số học sinh tiểu học được điều tra cho rằng “sự tổn thương do ngôn ngữ gây ra” trong trường học là vấn đề cấp bách nhất cần được giải quyết.

Bạo lực bằng ngôn ngữ ở một thời điểm nhất định rất dễ chuyển thành bạo lực bằng hành động. Bởi vì đấu tranh bằng ngôn ngữ khiến cho mối quan hệ giữa con người từ không mâu thuẫn trở thành có mâu thuẫn, chỉ một chuyện nhỏ cũng có thể gây ra vấn đề liên quan đến mạng người. Năm 2005, có một cảnh sát Bắc Kinh đến Thái Nguyên, tỉnh Sơn Đông, anh ta đứng trước ngã tư đèn xanh đèn đỏ nói vài câu cửa miệng với một cảnh sát ở Thái Nguyên, anh cảnh sát Thái Nguyên cảm thấy không nhịn nổi cơn tức này, liền đột nhiên gọi một vài người đến đánh chết anh cảnh sát Bắc Kinh. Một thiếu niên 14 tuổi ở thành phố Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông, chỉ vì không vừa ý với một nickname trên mạng, hai bên chửi bới nhau thậm tệ, sau đó đổi phương đổi thành một nickname của con gái để làm quen với cậu ta, tìm ra được địa chỉ quán Internet mà cậu ta đang ngồi, rồi lập tức chạy đến cho cậu ta một nhát dao dẫn đến tử vong.

Ngôn ngữ đấu tranh định hướng người ta dùng nhãn quang triết học đấu tranh để nhìn nhận vấn đề. Ngôn ngữ là công cụ tư duy của con người, ngôn ngữ mang ý thức đấu tranh hướng người ta dùng tư duy “đấu tranh” để giải quyết vấn đề. Giống như một người vốn định tìm một cái bào để kiếm sống bằng nghề thợ mộc, nhưng tìm mãi chỉ được một cái rìu, cho nên đành phải chuyển thành nghề đốn củi. Những tranh giành đấu đá giữa con người trong xã hội Trung Quốc ngày nay đều liên quan tới ý thức đấu tranh trong ngôn ngữ. Ví dụ, lãnh đạo vênh mặt hất hàm sai khiến nhân viên, động một chút là nói: “Tôi không tin rằng không trị nổi cậu”. Nhân viên không phục, trong lòng nghĩ: “Xem ông có thể làm gì được tôi nào?” Cứ như vậy người ta tranh đấu qua lại với nhau.

Trong môi trường chính trị và ngoại giao, kiểu ý thức đấu tranh này thể hiện ra lại càng rõ rệt, hậu quả cũng càng khốc liệt. Ngày 19 tháng 05 năm

2003, bên ngoài hội trường Hội nghị y tế thế giới, phóng viên Đài Loan hỏi: “Ông có nghe nói rằng Đài Loan có 20 triệu người (muốn gia nhập Tổ chức y tế thế giới) không?” Sa Tổ Khang – đại biểu Trung Cộng tại Liên Hợp Quốc nói bằng giọng điệu khinh thường: “Đã sớm từ chối rồi”, còn nói với vẻ ngạo mạn: “Ai quan tâm đến các anh!” Cũng là Sa Tổ Khang, khi bị hỏi về việc tại sao các học viên Pháp Luân Công bị giam trong bệnh viện tâm thần và bắt tiêm các loại thuốc hủy hoại thần kinh, ông ta không do dự trả lời: “đáng đời bọn họ”.



Lý Triệu Tinh, người được mệnh danh là “ngoại trưởng hồng vệ binh”, rất nổi tiếng về thái độ ngang ngược, vô lẽ khi trả lời phỏng vấn của phóng viên. Một lần một phóng viên nước ngoài hỏi ông ta về tình trạng sức khỏe của Đặng Tiểu Bình, Lý trả lời: “Sức khỏe ông ấy rất tốt”, phóng viên lại hỏi: “Đặng Tiểu Bình ở nhà hay ở bệnh viện mới có được sức khỏe tốt như vậy?” Lý trả lời: “Một người có nhận thức bình thường cũng biết rằng người khỏe mạnh thì nên ở đâu. Tôi không biết là khi anh khỏe mạnh thì anh có ở trong bệnh viện

không?” Câu hỏi của nhà báo không hề có tính châm biếm hay nói máy nói móc gì, hoàn toàn có thể trả lời thẳng thắn mà vẫn giữ được thái độ ngoại giao, nhưng ý thức đấu tranh của ngoại trưởng Lý đã trở nên thâm căn cố đế, lúc nào cũng phải biểu hiện ra. Hay như Đặng Tiểu Bình nói: “Đám học sinh không nghe lời thì cử một liên đội lính súng máy là giải quyết xong”. Giang Trạch Dân nói: “Tôi không tin Đảng Cộng sản không thể chiến thắng Pháp Luân Công”. Đây đều là thói quen đấu tranh, bạo lực, trấn áp của Đảng Cộng sản thể hiện qua ngôn ngữ.

Thói quen sử dụng ngôn ngữ có tính đấu tranh khiến người ta không thể tiếp nhận thông tin một cách bình tĩnh, thảo luận nghiên cứu vấn đề một cách lý tính và công bằng hợp lý, khi thảo luận người ta chỉ chực dùng ngôn ngữ lấn át người khác, không hàm dưỡng biết lắng nghe, lại càng không độ lượng rộng rãi biết sai thì sửa.

Ngôn ngữ mang tính đấu tranh một khi khởi lên sẽ không ngừng biến đổi theo chiều hướng xấu hơn, giống như một người thường xuyên ăn đồ ăn có mùi vị nặng, khi tuổi tác cao dần, khẩu vị của người đó sẽ ngày càng nặng. Khi sử dụng ngôn ngữ gay gắt trong thời gian dài, người ta sẽ cảm thấy không đủ, phải đi tìm kiếm, tạo ra những từ ngữ có tính kích động lớn hơn. Sống trong hoàn cảnh này, lâu dần người ta trở nên ngày càng mất cảm giác đi.

(4) – Loại bỏ ý thức đấu tranh và làm trong sáng ngôn từ của chúng ta

Một người chân thành, lương thiện, khoan dung, tự tin sẽ không động một chút là hô đánh hô giết, càng không cứ phải áp đảo đối phương bằng ngôn từ, nói những lời cay nghiệt, ngụy biện, trា́m phương nghìn kế nghĩ ra ngôn từ để sỉ nhục người khác, khiến người khác xấu hổ, bối rối, nhờ đó họ mới cảm thấy thỏa mãn trong tâm. Đằng sau ngôn từ đấu tranh là sự hòa trộn giữa tâm tháí méo mó vừa tự ti, vừa tự đại với nhân cách biến dị do triết học đấu tranh của Trung Cộng tạo thành.

Trong xã hội nhân loại bình thường, người ta khi đối xử với người cùng

địa vị với mình thì nhã nhặn, lẽ độ; khi đối xử với người yếu hơn hoặc người bất hạnh hơn mình thì lời nói hết sức nhẹ nhàng, ôn hòa, có tính an ủi; vợ chồng sống với nhau tôn trọng nhau như khách, khi giáo dục trẻ nhỏ thì hướng dẫn từng bước tỉ mỉ; khi lập luận thì tùy việc mà xét, có thể nào là nói vậy, bình tĩnh, lý trí, nếu sai cũng thẳng thắn thừa nhận. Đằng sau phong thái của người quân tử là tâm thái bình tĩnh, tự tin, đối xử thân thiện với mọi người.

Để xóa bỏ đi ý thức đấu tranh trong ngôn từ, chỉ dựa vào sự nỗ lực trong sử dụng ngôn ngữ thì không thể giải quyết được vấn đề, chúng ta cần phải cải biến từ căn bản tư duy đấu tranh Văn hóa đảng.

VIII.2 – THÓI QUEN SÁNG TÁC KHÔNG TÁCH RỜI ĐẢNG

Ngày 13 tháng 11 năm 2005, xưởng hóa chất của công ty hóa chất Cát Lâm bị nổ, sông Tùng Hoa bị ô nhiễm bởi một lượng lớn hóa chất độc hại gây ung thư. Khi hóa chất ô nhiễm theo dòng sông mà lan ra, cần lập tức đưa ra biện pháp ngăn chặn ô nhiễm ở các vùng hạ lưu, thế nhưng chính quyền Trung Cộng lại liên tục che giấu thông tin với người dân, gần 10 ngày sau mới thừa nhận vụ tai nạn xảy ra. Vậy mà cuối tháng đó, đài truyền hình Hắc Long Giang đã phát sóng một chương trình đặc biệt quy mô “Tình của nước”, nhằm tổ chức cho nghệ sĩ sáng tác trong ba ngày. Theo báo cáo, có sáu tiết mục “được sáng tác ngay trong đêm” trong đó có bài múa hát “Nước xanh cuốn cuộn từ tám phương đổ đến”, tấu hài “Kiến thức cộng đồng”, ca khúc “Tôi muốn nói với bạn”... dùng hình thức văn nghệ đơn ca, múa hát, vũ đạo, tấu hài, tiểu phẩm... để ca ngợi năng lực lãnh đạo của đảng và chính quyền tinh biết tính toán đại cục, lấy dân làm gốc, yêu thương, gắn bó với nhân dân trong xử lý sự kiện bất ngờ này.

Thói quen tư duy sáng tác biến việc tai họa thành việc ăn mừng, biến người dân chịu nạn thành vai phụ để cao vải chính là Trung Cộng này,

đối với người dân ở một xã hội bình thường xem ra thật kỳ cục đến mức khó tin, vậy mà dưới sự thống trị của Trung Cộng, người dân Trung Quốc từ lâu đã quen với điều này. Kiểu tư duy sáng tác này không chỉ thể hiện ở các tác phẩm văn nghệ, mà còn thể hiện trong các “ý tưởng sáng tạo” trên tin tức báo chí, phát thanh. Ví dụ sau khi tai nạn gây ô nhiễm trên xảy ra, trên trang web tin tức trọng điểm của tỉnh Hắc Long Giang (heilongjiang.dbw.cn) đã liên tiếp đăng những thông tin như “Học sinh trung học, tiểu học tranh thủ thời gian nghỉ học do mất nước để bổ sung kiến thức”, “Tâm chân tình của các cán bộ thành phố Cáp Nhĩ Tân mang nước tặng mọi người trong thời gian mất nước”, “Cảnh sát vũ trang trung đoàn Hoàng Kim tặng nước cho khu chung cư của người cao tuổi”, “Trong thời gian mất nước, không một bệnh viện nào giảm cung cấp cháo và canh cho bệnh nhân”, “Cáp Nhĩ Tân khai thông đường ống nước chuyên biệt để cung cấp nước đảm bảo cuộc sống của người tàn tật”... Nói tóm lại “tình hình vô cùng tốt đẹp”, thậm chí còn tốt hơn cả khi chưa xảy ra tai nạn, mục đích nhằm phản ánh “năng lực lãnh đạo lấy dân làm gốc của chính quyền tinh”.

Sau bốn ngày thành phố Cáp Nhĩ Tân ngừng cấp nước, vào ngày đầu tiên nước được cung cấp trở lại, tỉnh trưởng tỉnh Hắc Long Giang đã uống ngụm nước đầu tiên trước mặt người dân, phóng viên mạng Tân Hoa đã có “sáng kiến” tô vẽ thêm một bài thơ mà một người dân thường sáng tác để ca tụng công lao của đảng, thể hiện rằng lời tán dương này xuất phát từ trong tâm người dân. Theo bài báo “Tỉnh trưởng tỉnh Hắc Long Giang uống ngụm nước đầu tiên, người dân làm thơ ca ngợi”, trước khi uống nước ông tỉnh trưởng còn nói rằng “Lời nói của tôi không đáng kể gì, chỉ có lời của Đảng Cộng sản mới có giá trị, lời của chính phủ nhân dân mới có giá trị”. Câu nói này đã lộ rõ dụng ý của sự kiện tinh trưởng uống nước, cứ như thể là cái chính quyền che đậy vụ việc trước đó không phải do Trung Cộng lãnh đạo. Sau khi tinh trưởng uống nước, lập tức có người dân viết bài thơ ca ngợi: “Yên tâm uống một chén nước; Trong tim hạnh phúc ngập tràn; Đảng mang yên vui,

ấm áp cho mọi nhà; Nhân dân đắm mình trong ánh hào quang của đảng”. Kết thúc bài báo có đoạn: “Trong căn phòng nhỏ, tất cả mọi người cùng đứng dậy cất tiếng cười vui vẻ, những lo lắng về sự ô nhiễm của dòng sông Tùng Hoa suốt bốn ngày qua bỗng chốc tan biến như mây khói trong những tiếng cười thoả mái”. Một tai nạn gây ô nhiễm nghiêm trọng ánh hưởng đến tính mệnh của hàng chục triệu người dân vậy là đã “tan như mây khói”. Kết luận là người dân gặp hoạn nạn, thật may là nhờ sự giúp đỡ của “đảng” mới qua khỏi.

Kiểu tư duy sáng tác không tách rời đảng này, trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau và với những nhóm người khác nhau đều có những nguyên nhân hình thành phức tạp khác nhau và đặc điểm thể hiện muôn hình muôn vẻ. Nhưng nói về quá trình tư duy sáng tác, nếu không có sự ảnh hưởng của đảng mọi nơi mọi lúc thì sẽ không sản sinh ra những tác phẩm như vậy.

Trung Cộng công khai tuyên truyền rằng văn nghệ phải phục vụ cho mục đích chính trị, đồng thời lợi dụng bộ máy và tổ chức tuyên truyền các cấp để đảm bảo rằng văn nghệ phải phục vụ cho mình, cho nên xuất phát điểm các sáng tác đều đã xác định rằng văn nghệ là công cụ tuyên truyền Văn hóa đảng; đồng thời các sáng tác văn nghệ yêu cầu phải phản ánh và thể nghiệm cuộc sống, nhưng trong cuộc sống đã sớm bị ô nhiễm bởi Văn hóa đảng thì những nội dung phản ánh này vẫn chỉ xoay quanh Văn hóa đảng; còn đối với người sáng tác văn nghệ mà nói, bản thân họ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi tư duy và lý luận của Văn hóa đảng, nên chỉ biết đi tìm cảm hứng sáng tác theo yêu cầu và tư tưởng của đảng; quan trọng hơn nữa, đảng đã khống chế mọi vấn đề cơm ăn áo mặc, chỗ ở, nơi khám bệnh và cả sự nghiệp của người sáng tác cùng gia đình họ, nên nó sẽ cưỡng ép người sáng tác quay lưng lại với nguyện vọng và lương tâm của họ, khiến họ tự mê hoặc bản thân, hợp tác với Trung Cộng, lâu dần trở thành thói quen. Do vậy, từ động cơ, nội dung, cho đến tư duy của người sáng tác đều bị bao phủ bởi tấm màn Văn hóa đảng, khiến cho các sáng tác càng không thể tách rời đảng.

VIII.2-1 – Động cơ sáng tác không tách rời “đảng”

Xét về động cơ sáng tác của tác phẩm, thì phần lớn là trực tiếp xuất phát từ mục đích ca ngợi công lao của đảng. Chịu ảnh hưởng bởi lịch sử bị Trung Cộng bóp méo và “lịch sử phát triển xã hội” mang Văn hóa đảng, rất nhiều người đã tự mê muội bắn thân coi Trung Cộng là “đại cứu tinh” của dân tộc, họ ca ngợi nó, rồi lại ảnh hưởng đến nhiều người hơn, trong toàn bộ xã hội hình thành tư tưởng sùng bái cuồng nhiệt đối với Trung Cộng và các lãnh tụ của nó. Các tác phẩm điển hình như “Hồng kỳ phổi”, “Bài ca tuổi trẻ”, “Hoa cải đảng”, “Tam gia hạng”, “Hồng nham”, “Đội tự vệ Hồng Hồ Xích”, “Nam chinh Bắc chiến”, “Đổng Tồn Thụy”, “Đỉnh núi Thượng Can”, “Sông mãi trong ngọn lửa”, “Tiểu binh Trường ca”, “Hồng sắc nương tử quân”, v.v.. các hình thức văn nghệ bao gồm tiểu thuyết, thơ ca cho đến ca kịch, điện ảnh đều không nằm ngoài cái khung phản ánh sự lãnh đạo của Trung Cộng là tính tất yếu và đúng đắn của lịch sử và phản ánh “hình tượng quang vinh”, “đại ân đại đức” đối với nhân dân của Trung Cộng. Rất nhiều bài hát như “Ôi đảng, người mẹ thân yêu”, “Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản nuôi dưỡng chúng ta trưởng thành” càng thể hiện ý đồ một cách trần trụi khiến người ta phát buồn nôn.

Nhìn lại các tác phẩm văn nghệ suốt gần 20 năm qua, có thể thấy cho dù thủ pháp nghệ thuật ngày càng tinh tế hơn, phạm vi tư liệu sáng tác ngày càng rộng hơn, ngày càng chú trọng đến tính nhân văn của nhân vật trong tác phẩm, nhưng động cơ sáng tác của rất nhiều tác phẩm vẫn không tách rời quan điểm cơ bản của Trung Cộng, ví dụ như các bộ phim “Khai quốc đại diễn”, “Chu Ân Lai”, “Đại quyết chiến”, “Tiêu Dụ Lộc”, “Ngày rời xa Lôi Phong”, “Khổng Phồn Sâm”, v.v..

Sau “cải cách mở cửa” đã xuất hiện cái gọi là “văn học cải cách”, “văn học kinh tế thị trường”, động cơ sáng tác là thông qua mô tả những thay đổi của xã hội sau ngày cải cách để gián tiếp ca ngợi công lao của Trung Cộng. Bản thân việc cải cách là một trào lưu lịch sử, là sự lựa chọn không thể nào khác của

Trung Cộng sau mấy chục năm bế quan tỏa cảng. Nhưng trong các sáng tác nghệ thuật nó lại trở thành minh chứng cho sự vĩ đại của Trung Cộng, một thủ đoạn che giấu trách nhiệm và tội ác của nó trong lịch sử.

Một động cơ sáng tác nữa là để phục vụ cho việc tuyên truyền tư tưởng Văn hóa đảng. Ví dụ: trong những năm “Cách mạng Văn hóa”, khắp nơi đều có những “tấm gương cách mạng”, mục đích để phối hợp với hình thể Cách mạng Văn hóa, cổ vũ cho đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng. Một số lời thoại trên sân khấu mang đầy tính tuyên truyền chính trị đã trở thành những từ ngữ thông dụng trong dân chúng “làm người phải làm người như vậy”, “tranh làm người tiên phong mới của thời đại”, “tay nâng quyền sách quý sưởi ấm lồng ngực”, “chưa tiêu diệt hết lũ lang sói thì quyết không rời chiến trường”, “nợ máu phải trả bằng máu”, “rượu ngọt, máu nóng viết nên thiên sử”, “thù hận trong tim muốn bùng lên”, v.v..

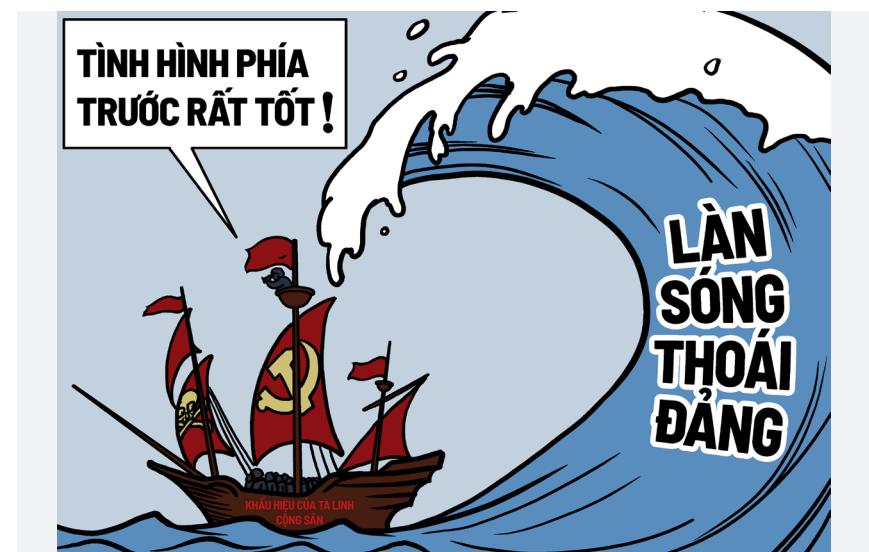
Tương tự như vậy, nó huy động rất đông quân đội tham gia vào đóng phim điện ảnh, bộ phim “Anh hùng” tiêu tốn 30 triệu USD lại mượn chủ đề lịch sử để ca ngợi Tần Thủy Hoàng, cổ xúy cho tư tưởng Văn hóa đảng coi thường sinh mệnh, độc tài chuyên chế. Điện ảnh đã giàn tiếp trở thành công đắc lực phục vụ cho giọng ca chính Trung Cộng. Điện ảnh làm lấn lộn giang sơn của Đảng Cộng sản với lợi ích của mọi người trong thiên hạ, từ đó mà đưa những kẻ thống trị tham quyền cố vị, bạo chính giết người nâng lên vị trí chính nghĩa, đại biểu cho lợi ích của người dân, âm thầm nhồi nhét vào đầu người dân rằng nên hy sinh tính mệnh cá nhân để giúp đỡ bạo vương thống trị.

VIII.2-2 – Nội dung sáng tác không tách rời “đảng”

Ngay từ thời kỳ cuộc chỉnh phong ở Diên An, Trung Cộng đã định ra quan điểm chỉ đạo cho sáng tác văn nghệ: văn nghệ phải phục vụ cho chính trị. Sau khi Trung Cộng giành chính quyền, nó vẫn thực hiện “phương châm chỉ đạo nghệ thuật” này. Trung Cộng còn thành lập Bộ tuyên truyền để bảo đảm việc

chấp hành nghiêm ngặt “phương châm nghệ thuật” của nó, điều này khiến cho nội dung của các sáng tác nghệ thuật không thể tách rời yêu cầu của đảng.

Các chương trình dạ hội năm mới hàng năm của đài truyền hình trung ương Trung Quốc tập hợp những diễn viên, nghệ sĩ và các nhóm sáng tác hàng đầu trong cả nước, mấy trăm đài truyền hình khác trong nước phát sóng lại những chương trình này đồng thời trực tiếp phát ra nước ngoài. Dạ hội năm mới hàng năm là hình ảnh thu nhỏ của tình hình chính trị, xã hội và nghệ thuật trong một năm, có thể nói đó là thể hiện tập trung nổi bật của Văn hóa đảng. Các “chương trình dạ hội năm mới” đến thế kỷ 21 vẫn hoàn toàn không được phép châm biếm một chút nào đến mảng tối chính trị của Trung Cộng, nội dung đã được định trước, những ca từ chuyên dùng cho “chương trình dạ hội năm mới”: “những ngày tươi đẹp”, “ngày càng tốt đẹp”, “ngũ phúc lâm môn”, “trăm họ vui mừng”, “chúc mừng thời kỳ thịnh vượng”, lấy mừng đảng thay cho niềm vui của dân tộc, lấy Văn hóa đảng thay cho Văn hóa truyền thống. Nỗi thống khổ của người dân, những nguy cơ của dân tộc đã bị bốc hơi hết trong bầu không khí chính trị nặng nề, mù mịt khắp nơi.



Do đảng quy định nghiêm ngặt tư tưởng chủ đạo của các tác phẩm văn nghệ, cho nên người ta không thể không tuân theo những yêu cầu, quy định này nếu không muốn tác phẩm bị đưa vào danh sách đen.

Khắp các vùng miền Trung Quốc, rất nhiều giai điệu dân ca êm ái, trữ tình vẫn luôn được lưu truyền trong dân gian. Nhưng nội dung của dân ca chủ yếu là tình ca, mặc dù cũng có một số bài dân ca có nội dung ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước, nhưng về tổng thể khác xa so với tư tưởng chủ đạo văn nghệ phải phục vụ cho chính trị của Trung Cộng, do vậy vào những năm 80 của thế kỷ trước, những bài hát này vốn phần lớn đều không nằm trong phạm vi cho phép lưu truyền của Trung Cộng. Tuy nhiên những bài hát dân ca trữ tình này đã bị những người trong giới văn nghệ sỹ chịu đầu độc bởi Văn hóa đảng đưa vào đó những nội dung chính trị, hoặc trực tiếp đưa thêm những ca từ ca ngợi đảng, hoặc viết lại, “sáng tác lại” theo yêu cầu Văn hóa đảng. Chúng trở thành những bài “dân ca mới” dối trá che đây được người dân yêu thích truyền nhau, mà Trung Cộng cũng hài lòng, ví dụ bài hát “Đông phương hồng”, “Bài ca đổi đời”, “Hoa loa kèn nở đỏ thắm” có nguồn gốc từ dân ca vùng Thiểm Bắc, “Mặt trời mọc không lặn trên thảo nguyên”, “Tôi cưỡi ngựa băng qua thảo nguyên” có nguồn gốc dân ca Mông Cổ, “Trên núi Kim Sơn ở Bắc Kinh”, “Chiếc khăn Hada tặng Mao chủ tịch” có nguồn dân ca dân tộc Tạng, “Bài ca lái đò trên sông Ô Tô Lý” có nguồn gốc dân ca Hách Triết, bài hát “Anh Ba Mao chủ tịch” có nguồn gốc dân ca dân tộc Ha Ni. Những bài hát này sau khi được “sáng tác lại” và truyền trở lại dân gian đã gây cho người dân một loại giả tưởng, như thể là dân ca của các dân tộc đều ủng hộ nhiệt liệt cho Trung Cộng và các lãnh tụ của nó. Vậy mà những tác phẩm ăn bám vào nền âm nhạc dân tộc này lại được Trung Cộng thổi phồng một cách vô liêm sỉ thành cái gọi là những “cống hiến” của nó cho sự nghiệp “phát triển nền âm nhạc dân tộc”.

Năm 2005, chương trình “giọng hát nữ siêu đẳng” của đài truyền hình Hồ Nam gây tiếng vang toàn quốc, nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của

giới trẻ, khí thế của chương trình đã trực tiếp uy hiếp đến đài truyền hình trung ương – kênh truyền thông đầu não của Trung Cộng, cho nên chương trình chỉ thuần túy mang tính giải trí này rất mau chóng chịu sự công kích của giới truyền thông, đâu đâu cũng thấy tiếng la ó đòi cắt bỏ nó. Trong cuộc thi giọng hát nữ năm nay, ban tổ chức nhân tiện mời một “nghệ sỹ lão làng” vốn nổi tiếng nhờ hát các bài ca ca ngợi đảng lên hát song ca cùng thí sinh đạt giải quán quân, cùng hát bài “Màu đỏ kinh điển”, “Mẹ ơi, hãy đi chậm lại”, “Chỉ có sơn ca kính trọng người”, đồng thời mời “nghệ sỹ lão làng” chỉ bảo cho giới trẻ. “Sáng kiến” khiến không tách rời đảng này phần lớn là xuất phát từ việc bất đắc dĩ phải tuân theo quan điểm cơ bản về văn nghệ mà Trung Cộng kiểm soát.

Thói quen tự duy sáng tác không thể xa rời đảng còn thể hiện ở điều mà đảng phủ nhận thì cũng phải phủ nhận theo. Tín ngưỡng đối với Thần Phật bị coi là phong kiến, mê tín thì càng phải phủ nhận; Văn hóa truyền thống trở thành từ đồng nghĩa với chuyên chính độc tài; các nhân vật lịch sử trước thời Trung Cộng chắc chắn phải bị “hạn chế bởi lịch sử”, một câu “phong kiến” là đủ để quy kết những phẩm chất truyền thống tốt đẹp trung, hiếu, tiết, nghĩa hàng nghìn năm của Trung Quốc, những nhân vật tài ba như hoàng đế tướng quân, tài tử giai nhân, thánh hiền trung lương, v.v.. vào hàng ngũ những phản tử bất hảo; sự phá hoại của cuộc Cách mạng Văn hóa suốt 10 năm đã trở thành sai lầm của “bè lũ bốn tên”; nạn đói do con người gây ra làm chết mấy chục triệu người dân trở thành ba năm “thiên tai”; trong cuộc thảm sát ngày 4 tháng 6, hành động của chính phủ là hợp lý, ngược lại học sinh mới phải chịu trách nhiệm chính cho sự kiện này; những lời lẽ phi báng Pháp Luân Công còn phô thiên cái địa hơn; những nhóm đảng phái nào không nhất trí với Trung Cộng thì đa phần bị mang tiếng xấu; ngược lại nghe lời Trung Cộng thì mới là yêu nước; phê bình Trung Cộng thì bị coi là phản quốc. Trong các sáng tác nghệ thuật, những đối tượng bị Trung Cộng phủ nhận này đa phần trở thành hình tượng phản diện bị phê bình, bị nói xấu, bị cố ý làm cho méo mó.

Trong lịch sử và trong cuộc sống hiện tại, mặt tối của Trung Cộng và đối tượng bị Trung Cộng đả kích bị coi là vùng cấm của sáng tác mà người ta nên tránh xa. Khi một số phóng viên, nhà văn thỉnh thoảng động chạm đến vùng cấm của Trung Cộng (như các chủ đề dân chủ, chính trị dân chủ, nhân quyền v.v..) đều lũ lượt bị bắt, rất nhiều người đã tự ước thúc bản thân. Những đề tài nhạy cảm thì hiếm khi đề cập đến, cũng cách hiện thực rất xa, không ảnh hưởng đến “hình tượng sáng chóe” của Trung Cộng, không động chạm đến nguyên tắc cốt lõi của Trung Cộng. Rất nhiều người cho rằng hiện nay phạm vi sáng tác rất rộng, các tác phẩm rất phong phú. Đặc biệt là vài năm gần đây, cùng với việc phát triển của công nghệ thông tin, quần chúng tham gia vào sáng tác văn nghệ ngày càng đông đảo, đề tài sáng tác ngày càng rộng, thậm chí rất nhiều chủ đề sáng tác mà người ta trước đây không dám tưởng tượng ra giờ cũng bắt đầu thịnh hành, ví dụ văn học tình dục hay “tác phẩm nửa người dưới” được lưu hành rộng rãi. Điều này không phải bởi vì sáng tác của người dân có thể hoàn toàn tự do, tách khỏi đảng, mà là do người ta biết rằng những chủ đề này không uy hiếp đến hình thái ý thức của Trung Cộng, nên mới không phải lo lắng. Trung Cộng cho phép người ta làm vậy cũng bởi vì “vùng cấm của đảng” đã dần dần thâm nhập vào ký ức của người dân, mon men ngoài vùng cấm đã trở thành một phần của thói quen tư duy sáng tác, thực ra nó là thể hiện cho sự phục tùng nguyên tắc sáng tác do Trung Cộng đặt ra.

VIII.2-3 – Quá trình tư duy sáng tác không tách rời “đảng”

Ảnh hưởng lớn nhất của Văn hóa đảng đối với sáng tác văn nghệ, không gì khác chính là kiểm chế tư tưởng của con người.

Trong số rất nhiều bộ phim cổ trang đang thịnh hành, chốn cung đình thời cổ đại đều được xây dựng như là nơi đầy rẫy tranh giành đấu đá, sự hủ bại của chốn quan trường từ xưa đã như vậy rồi, thiền hạ thời nào cũng đen tối như nhau. Kiểu tư duy sáng tác này chính là do chịu ảnh hưởng trực

tiếp bởi thế giới quan lịch sử của Văn hóa đảng, xóa bỏ quan niệm truyền thống, dùng quan niệm của người hiện đại để áp đặt cho cổ nhân. Mô tả bức tranh xã hội Trung Quốc truyền thống mấy nghìn năm lịch sử trở thành một màu đen tối, một xã hội mà người người đấu tranh với nhau, “người ăn thịt người”, để làm nổi bật lên sự “quang minh” của Trung Cộng. Thể hiện sự tham ô hủ bại như là căn bệnh thông thường của chốn quan trường trong ngoài nước từ xưa đến nay, để làm mờ nhạt đi sự hủ bại của Trung Cộng, lừa gạt người Trung Quốc rằng nguyên nhân sự cai trị độc ác của Trung Cộng bắt nguồn từ Văn hóa truyền thống.

Các tác phẩm văn học ký sự thường cũng theo mô thức như vậy: nếu như xảy ra thiên tai nhân họa, thì như cái ví dụ đã được nêu trên, tức là phải tuyên truyền rằng đảng đã quan tâm đến người dân như thế nào; nếu là quan chức, thì phải tuyên truyền rằng họ đã phục vụ nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng như thế nào, như “Khổng Phồn Sâm”; nếu là quan chức làm điều xằng bậy, cuối cùng nhờ đảng duy trì được chính nghĩa; nếu là chính sách sai lầm, cuối cùng đảng sẽ cải chính lại sai lầm như thế nào; nếu là mặt tối của xã hội, sẽ quy trách nhiệm cho sự bất lực của cá nhân quan chức, cuối cùng vẫn phải làm nổi bật lên sự “vĩ đại, quang minh, chính xác” của đảng. Bất cứ thành quả kinh tế nào cũng nhất định không thể tách rời “chính sách sáng suốt” của đảng; bất cứ sự phát triển của doanh nghiệp nào nhất định không thể tách rời sự “quan tâm sâu sắc” của đảng và nhà nước; bất cứ thành quả giáo dục, kỹ thuật nào, đều không tách rời “sự lãnh đạo đúng đắn” và “sự quan tâm sâu sắc” của “trung ương đảng”. Xuất hiện bất cứ người tài nào, cá nhân có thành tích gì, nhất định không tách rời sự “bồi dưỡng” của đảng; thắng lợi của quân đội lại càng “không tách rời sự lãnh đạo của đảng”. Đến một người công nhân “rời khỏi vị trí” (thực ra là thất nghiệp) cuộc sống được cải thiện đôi chút, cũng không tách rời sự “quan tâm và hỗ trợ” của đảng; đến cả giới tôn giáo cũng thể hiện “mỗi thành tựu đều không tách rời sự quan tâm giúp đỡ, sự lãnh đạo của đảng, chỉ có giữ vững sự lãnh đạo của đảng, đi theo con

đường Chủ nghĩa Xã hội mới có được tương lai tươi sáng”, v.v..

Do sự hủ bại của Trung Cộng ngày càng nghiêm trọng, những oan ức của người dân nỗi lên ở khắp nơi, cho nên gần đây những bộ phim “chống tham ô hủ bại” được người dân rất hoan nghênh, điển hình như “Lựa chọn sinh tử”, “Đại án đầu tiên của Trung Quốc mới”, v.v.. Kỳ thực những tác phẩm này cũng giống với “Văn học vết sẹo”^[1] thời Cách mạng Văn hóa vừa mới kết thúc và những bộ phim “Truyền kỳ Thiên Văn Sơn”, “Du khách mang xiềng xích”, “Đứa bé sơ sinh nước ngoài”, v.v.. Bất luận là các bộ phim này đào sâu vào những chủ đề gì, suy nghĩ thế nào về lịch sử và hiện thực, có ý đồ đột phá một chút vào vùng cấm tư tưởng của Trung Cộng thế nào, quan tâm đến cuộc sống sinh tồn của con người thế nào, mở rộng hình thức biểu đạt nghệ thuật thế nào, đều không thể tách rời ảnh hưởng của tư duy Văn hóa đảng, kết thúc tác phẩm lại quy về phải tin tưởng vào tổ chức, tin tưởng vào đảng, đảng có quyết tâm sửa chữa sai lầm; còn những tệ nạn xã hội, nội thống khổ của người dân do Trung Cộng tạo nên lại bị quy kết một cách mơ hồ thành “bi kịch thời đại”, nhằm giảm nhẹ tội lỗi của Trung Cộng.

Trong dân gian Trung Quốc, thường thịnh hành các sáng tác có tính châm biếm. Ví dụ doanh nghiệp nào đó in hình ảnh Lôi Phong và lời Mao (Mao ngữ lục) lên bao bì của sản phẩm bao cao su. Có vẻ như đây là sự đồi nghịch lại với việc bị Trung Cộng nhốt nhét Văn hóa đảng trong nhiều năm, thực ra vẫn là sự thừa nhận những thân tượng và quyền uy do Trung Cộng xây dựng, vẫn không thể xa rời ảnh hưởng của đảng. Văn hóa đảng ở khắp mọi nơi, mọi phương diện về cuộc sống của người dân Trung Quốc ngày nay đều bị “đảng” chiếm lĩnh, điều này dẫn đến tư duy của người dân không cách nào bài trừ được những yếu tố ngôn ngữ mang Văn hóa đảng, người ta dành phải dùng những yếu tố này để suy nghĩ và biểu đạt. Một vài ngôn ngữ quảng

[1] “Văn học vết sẹo” là chỉ một trào lưu tư tưởng sáng tác văn học bắt đầu vào thời kỳ “lập lại trật tự” ở Trung Quốc đại lục ở cuối năm 1970.

Tham khảo https://en.wikipedia.org/wiki/Scar_literature

cáo có sự sáng tạo đặc biệt như “làm ... đến cùng”, “... nhất định phải thực hiện” cũng là những ví dụ về yếu tố ngôn ngữ không thể tách rời Văn hóa đảng trong quá trình tư duy sáng tạo.

Bắt đầu từ cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, rất nhiều người dân Trung Quốc mê mẩn với cái gọi là “nhạc cũ lời mới”, nghĩa là phối khí lại theo các nhạc cụ hiện đại, hoặc biểu diễn lại theo lối hiện đại những “bài hát nhạc đỏ” ca ngợi Trung Cộng một cách trơ tráo. Rất nhiều người cho rằng làm như vậy thuần túy chỉ là gợi lại chuyện xưa, chứ không phải xuất phát từ sự “yêu mến lãnh tụ vĩ đại”. Nhưng có học giả chỉ ra rằng, thật khó tưởng tượng rằng nhân dân nước Đức sau năm 1945 có thể dùng âm nhạc để gợi lại hình ảnh Hitler, hoặc Liên Xô cũ sau đại hội lần thứ 20, nhân dân Liên Xô có thể thông qua bài hát để gợi nhớ lại sự kiện Stalin đã tàn sát 20 triệu người dân Liên Xô cũ. Người ta sở dĩ có thể yêu thích những bài hát cũ, thực ra là vì những cái gen của đảng đã được cấy vào từng tế bào văn hóa của người dân, khiến người ta cảm thấy chúng là một phần của bản thân họ.

Những biểu hiện của thói quen tư duy không tách rời đảng này có nguyên nhân là do trong một xã hội tràn ngập Văn hóa đảng, thời gian dài bị tiêm nhiễm Văn hóa đảng đã hình thành nên thói quen như vậy, cũng do tình huống chịu áp lực trong thời gian dài mà như vậy, cũng có người vì muốn giành được lợi ích, lợi thế trong chính trị mà hữu ý làm như vậy, còn có người muốn thoát khỏi Văn hóa đảng mà không thoát được, mà thói quen tư duy sáng tác không tự giác mà cứ gắn bó với đảng (những tác phẩm “châm biếm xã hội” vẫn xoay quanh Văn hóa đảng). Nói tóm lại, đảng thông qua các thủ đoạn cưỡng bức làm bão đảo, lấy Văn hóa đảng làm “món ăn tinh thần” duy nhất của người dân, nuôi dưỡng các nghệ sĩ hết thế hệ này đến thế hệ khác; ngược lại các tác phẩm của họ lại ảnh hưởng lại quần chúng và bản thân họ, cuối cùng khiến cho Văn hóa đảng trở thành hình thức cố định trong thói quen tư duy sáng tác của người dân, khiến cho thói quen sáng tác của người ta không thể tách rời đảng.

Cần phải chỉ ra rằng, văn nghệ chỉ là một phương diện rất điển hình trong sáng tác, phương thức tư duy sáng tác không tách rời đảng đã thâm nhập vào mọi ngành nghề. Các sáng tác cụ thể có thể không giống nhau, nhưng người ta khi chịu ảnh hưởng của Văn hóa đảng, từ lựa chọn đề tài, tư duy suy nghĩ đến sáng tác cụ thể, mỗi bước đều không qua khỏi cái khung của Văn hóa đảng. Nếu muốn được thực sự tự do sáng tác, phát huy được tài năng của bản thân, thì đầu tiên phải nhảy thoát khỏi tư duy Văn hóa đảng.

VIII.3 – Ý THỨC CẢNH BÁO NGUY HIỂM ĐỐI VỚI NHỮNG TƯ TƯỞNG KHÔNG PHÙ HỢP VỚI QUAN NIỆM CỦA ĐẢNG



“Những lời này sau này quyết không thể nói – đặc biệt là không thể nói ra ngoài.”

“Những cách nghĩ này phản động, rất nguy hiểm, ngay cả nghĩ cũng không được nghĩ.”

“Chú ý, không được nói những chủ đề nguy hiểm này, không có lợi cho bạn đâu.”

“Chúng ta đổi chủ đề được không? Bạn biết đấy, nói về vấn đề này rất

nguy hiểm...”

Đây là một số phản ứng mà chúng ta thường hay gặp phải. Đối với những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng, mọi người đều có sự nhạy cảm cao độ, đó là vùng cấm nguy hiểm.

VIII.3-1 – “Ý thức cảnh báo nguy hiểm” có mặt ở khắp mọi nơi

Vào thời kỳ đầu mở cửa, một nhà sử học Đài Loan nhận lời mời tới tham dự buổi giao lưu học thuật tại Đại lục. Đứng trước mặt những nhà sử học Đại lục, ông thẳng thắn chỉ ra việc Đảng Cộng sản xuyên tạc lịch sử, đặc biệt là về lịch sử kháng Nhật của Quốc dân đảng. Người chủ trì hội nghị lúc đó, cũng là một nhà sử học nổi tiếng sau khi nghe thấy đã mau chóng nói: “Ông dám nói, nhưng tôi không dám nghe.”

Lại có một học giả Đại lục lần đầu tiên tại hải ngoại nhìn thấy đoàn diễu hành Pháp Luân Công mấy nghìn người, ông đã miêu tả cảm nhận của mình như sau: “Tôi ngay lập tức cảm nhận được trên đầu mình như có một sợi dây ăng-ten, đang hoảng hốt thăm dò bờ bên kia của Thái Bình Dương. Tôi đang thăm dò cái gì? Tôi thăm dò đủ những thứ cấm kỵ và quy định tại Đại lục. Tôi đang suy xét từng chữ mà tôi nhả ra, sau khi về nước chắc sẽ gặp phải phiền phức. Vào thời khắc đó, tôi đặc biệt cảm nhận được miệng và chân tôi dường như đang run lên, tôi đặc biệt cảm thấy cái gian nan trong việc lựa chọn có nói thật hay không khi làm một người Trung Quốc”

Năm 2004, tại một phiên họp nhân dân xét xử Giang Trạch Dân tại Canada, người tổ chức mời một người cao tuổi tới xem. Trong điện thoại, ông cụ nghĩ một lát rồi nói tôi vẫn không đến được. Hỏi ông vì sao, ông nói: “Tôi đã ra nước ngoài 17 – 18 năm, chưa một lần về nhà, tôi vẫn muốn trong những năm tháng còn lại về nhà một chuyến. Lỡ ngày mai có người nhìn thấy rồi đi tố cáo tôi, đời này chẳng phải xong hết rồi sao?” Ông đã 76 tuổi, dù đã sống ở Canada 16 năm, nhưng tâm hồn vẫn chưa thực sự được tự do.

Một khách du lịch tới Hồng Kông, khi thấy tin tức có liên quan tới “Cửu bình Đảng Cộng sản” phản ứng đầu tiên của cô là: “Ai chà, những người này thật to gan lớn mật, dám nói những lời ‘phản động’ này, nếu ở Trung Quốc thì đã sớm bị bắt rồi.” Bởi vì mọi người biết rằng những tin tức này không phù hợp với quan niệm của Trung Cộng, cho nên dù không còn ở Trung Quốc nhưng vẫn không thể không nảy sinh ý thức cảnh báo nguy hiểm, tránh tránh “theo bản năng”.

Người ta đều biết những vật nguy hiểm như điện cao áp, vượt đèn đỏ, hỏa hoạn, rắn,... những thứ này sẽ khiến con người nảy sinh ý thức cảnh báo nguy hiểm. Nhưng đây đều là những thứ hữu hình, dù có đáng sợ nhưng vẫn có thể tránh được. Mà nỗi sợ hãi với những thứ hữu hình của con người đôi khi còn xa mới theo kịp nỗi sợ hãi với những thứ vô hình. Biểu hiện cực đoan nhất của việc Đảng Cộng sản khống chế xã hội, chính là nó nhập vào trong tâm người Trung Quốc, và trở thành một công tố viên vô hình nhưng không nơi đâu không có mặt, vào mọi thời điểm đều đang giám sát khống chế nhất cử nhất niêm của người ta. Trong ý thức của mỗi người, những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng đều có thể xuất hiện. Một khi ý thức cảnh báo nguy hiểm này nảy sinh, nó thường sẽ mang đến cho người ta một loại cảm giác tuyệt vọng cùng cực và bất lực không nơi trốn chạy. Kèm theo đó là những ước tính và dự đoán về hậu quả có thể xảy ra, tự mình hù dọa mình lại càng làm tăng thêm sự hoảng sợ đối với loại nguy hiểm này.

Một biểu hiện điển hình nhất hiện nay là tâm lý khiếp sợ với tội danh “làm chính trị”. Theo cách nói của ông Tôn Trung Sơn, “chính” vốn là chuyện của dân chúng, “trị” chính là quản lý, cho nên chính trị chính là quản lý chuyện của dân chúng. Trong lịch sử Trung Quốc, cách nói “hữu học nhi ưu tắc sỹ” (*có học mà ưu tú thì tất thành kẻ sĩ*) chính là chỉ những người có học thức có năng lực nên trở thành bậc hiền tài tri quốc, đó là một việc làm rạng rỡ tổ tông. Trong lịch sử Trung Quốc có rất nhiều chính trị gia nổi tiếng, như Gia Cát Lượng, Lý Thế Dân, “nhà chính trị” xưa nay đều là từ mang nghĩa tích cực.

Nhưng với người Trung Quốc hiện đại, chỉ cần nghe tới “chính trị” có thể sẽ phát sinh phản cảm, thậm chí là sợ hãi. Nếu có người đòi hỏi quyền lợi chính đáng, hoặc giả có ý kiến về chính sách và hiện tượng xã hội, hoặc vừa nhắc tới Đảng Cộng sản ngay lập tức sẽ bị Trung Cộng chụp cho cái mủ “làm chính trị”. Trung Cộng dễ dàng khiến “làm chính trị” trở thành một tội danh dùng để vu khống danh dự của người khác, thỏa sức đe dọa người khác, khiến mọi người cảm thấy nguy hiểm mà tránh xa những người hay đoàn thể bị chụp lên cái mủ này.

Điều khôi hài là mặc dù người Trung Quốc cho rằng “chính trị” là nguy hiểm, nhưng người ta lại không thời khắc nào không sống trong chính trị. Đối với Trung Cộng thì chính trị phải làm chủ đạo cho mọi việc. Từ cái gọi là giáo dục “tư tưởng đạo đức” (môn giáo dục công dân) khi còn là học sinh cho tới khi lên đại học, đi làm, tham gia nghĩa vụ quân sự đều không thoát khỏi sự thẩm tra chính trị. Với những sự kiện quan trọng trong xã hội, lại càng không tránh khỏi việc phải biểu đạt thái độ. 40 năm trước, trong nhà có trồng vài cây cải, nuôi vài con gà cũng đều là vấn đề chính trị, phải bị cắt bỏ cái đuôi Chủ nghĩa Tư bản. Trong mỗi lần vận động chính trị, những người không bắt kịp hình thế, “tư tưởng chính trị không có sự chủ động đòi hỏi bản thân tiến bộ” thông thường sẽ trở thành đối tượng bị xã hội kỳ thị. Điều đáng phản đối không phải là bản thân việc làm chính trị, mà là xem bạn có duy trì nhất trí với đảng hay không. Khi nhất trí với đảng thì có làm chính trị mạnh đến đâu cũng đều là chính xác, khi không nhất trí với đảng dù không phải là chuyện liên quan tới chính trị cũng sẽ bị chụp lên cái mủ “làm chính trị”.

VIII.3-2 – Nhà tù tinh thần do Văn hóa đảng dựng nên

Tục ngữ có câu “Sơ sinh ngưu độc bất phạ hổ” (*Nghé mới sinh không sợ hổ*). Chú nghé nhỏ vì chưa từng gặp hổ nên tự nhiên sẽ không cho rằng hổ nguy hiểm. Còn rất nhiều người Trung Quốc hoàn toàn không trực tiếp bị Trung

Cộng bức hại, nhưng tư tưởng này hầu như người Trung Quốc ai ai cũng có. Nguyên nhân do đâu? Chính là do Văn hóa đảng đã khiến người Trung Quốc nảy sinh ý thức cảnh báo nguy hiểm với những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng, tạo thành một nhà tù tinh thần cho người Trung Quốc.

Về mặt tâm lý, “ý thức cảnh báo nguy hiểm” bắt nguồn từ “nỗi sợ”. Trong đầu nghĩ gì không ai biết, sao lại sợ? Bởi vì ngôn luận và hành vi của con người là do tư tưởng của con người không chế. Nếu trong tư tưởng có những quan niệm không phù hợp với đảng, không chắc vào một lúc nào đó sẽ lộ ra mạnh mẽ hoặc nói lỡ miệng, chẳng phải sẽ bị Trung Cộng chính trị hay sao? Biết bao nhiêu người trong lịch sử đã chịu thiệt thòi này. Cho nên mọi người vì bảo vệ mình, ngay cả tư tưởng bất đồng với đảng cũng đều không dám có, phải tự mình cấm thúc. Không chỉ bản thân không được có mà còn phải khiến người nhà cũng đều không được có. Cả xã hội tạo thành một môi trường như vậy, môi trường này lại quay ngược lại gia tăng “ý thức cảnh báo nguy hiểm” của người ta.

Ý thức về sự nguy hiểm của những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng là có quan hệ trực tiếp với sự nhối nhét tư tưởng và đàn áp thống trị trường kỳ của Trung Cộng.

Từ ngày Trung Cộng thành lập tới nay đã tiến hành những cuộc giết người, đàn áp, làm vận động theo chu kỳ, mục đích chính là cống cố úc khủng bố trong nhân dân, củng cố chính quyền của Trung Cộng. Đầu đoạn đầu áp tàn khốc trong lịch sử Trung Cộng đã tạo ra tâm lý hoảng sợ khắc sâu trong người ta. Trung Cộng khống chế mọi tài nguyên, nắm quyền sinh quyền sát, thủ đoạn bức hại của nó không có điểm dừng, cũng không có phạm vi mà người ta có thể dự báo. Đặc biệt là những người có ý kiến bất đồng với “đảng” sẽ gấp phải tầng tầng đàn áp và bức hại từ nhỏ tới lớn, từ kinh tế, danh dự, tâm hồn, thể xác cho tới sinh mệnh. Những người không tin, hoài nghi tà thuyết Chủ nghĩa Cộng sản, bất mãn và phê bình sự chuyên chế một đảng như Đảng Cộng sản thì họ sẽ bị khép vào trọng tội “phản cách

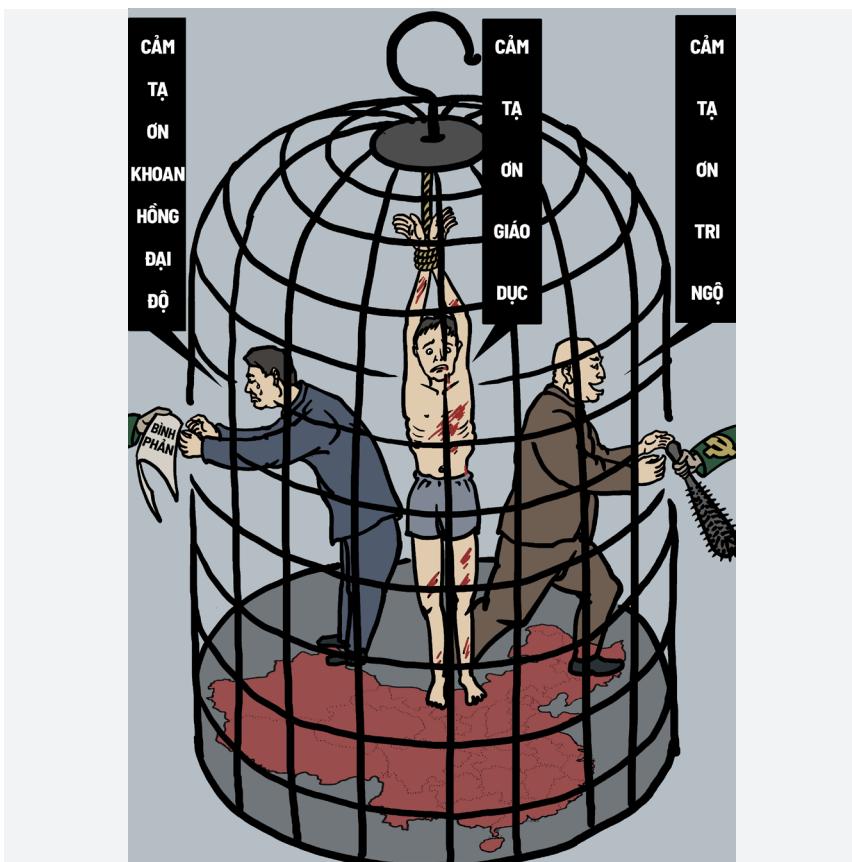
mạng”. Ngay cả những cán bộ cao cấp của đảng, nếu như có những ý kiến bất đồng với đảng, cũng sẽ bị thanh trừ một cách khắc nghiệt.

Ngày nay trong thế kỷ 21, Trung Cộng vẫn tiến hành thống trị bằng trấn áp tàn khốc, thống trị bằng đặc vụ, và thống trị bằng xã hội đen. Thủ đoạn của nó bao gồm: phong tỏa tự do tin tức, nghe lén ngôn luận của mọi người, tiến hành “văn tự ngục” (nếu nhà trí thức có quan điểm bất đồng với kẻ thống trị thì hắn ta sẽ đàn áp, bằng cách cố ý trích dẫn câu chữ trong các tác phẩm của họ để thêu dệt tội trạng); dùng những tội danh không có căn cứ mà bắt giam những người dân theo đuổi tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận và kháng nghị hợp pháp, khống chế những nhân sỹ từ hải ngoại trở về Trung Quốc, chiếm dụng tài nguyên quốc gia để xâm nhập ra hải ngoại v.v..



Sự cảnh giác giữa người với người càng làm trầm trọng thêm nỗi sợ hãi trong tâm người ta. Người ta không biết là rốt cuộc ai sẽ đâm cho mình một nhát, ai sẽ mật báo mình, tai mắt giám sát của đảng dường như ở khắp mọi

nơi, có lúc là kẻ thù của mình, có lúc lại chính là bạn bè người thân, thậm chí là người mà mình đã từng xả thân cứu mạng. Chỉ điểm mập báo đã trở thành môi trường văn hóa dơ bẩn dưới sự thống trị của Trung Cộng. Để đảm bảo an toàn cho bản thân mình, rất nhiều người đã áp dụng cách làm nhất trí với đảng, chỉ cần là những vấn đề “hơi nhạy cảm” một chút thì không dám bộc lộ suy nghĩ thực của mình.



Cho nên, những người tiếp nhận Văn hóa đảng đã chủ động dùng tư duy của Trung Cộng để suy nghĩ vấn đề, cố gắng mò đoán ra tâm tư của

Trung Cộng, hiểu và nắm bắt quan điểm của Trung Cộng. Hình thức biểu hiện như: Đầu tiên giả thiết mình là Trung Cộng, luôn nhất trí với Trung Cộng, sau đó đoán định điều gì phù hợp với quan niệm của đảng hiện nay, tiếp đó dùng quy tắc này để đo lường cách nghĩ của bản thân và người khác, giống như tự khoanh ra một cái vòng để giam bản thân mình, nỗ lực bài trừ cách nghĩ nào của bản thân không phù hợp với quan niệm của đảng, đến nghĩ cũng không muốn nghĩ; còn ngăn trở và khuyên can khi người khác nói đến vấn đề “nhạy cảm”, thậm chí còn có người trực tiếp đi tố cáo hay mách lèo, trực tiếp để cho đảng tới bức hại những người có cách nghĩ bất đồng; dù là người Trung Quốc đã ra nước ngoài không ở trong môi trường có đảng khống chế, vẫn sợ hãi một cách “bản năng”, người ta giống như người máy phục tùng mệnh lệnh của đảng.

VIII.3-3 – “Ý thức cảnh báo nguy hiểm” nguy hại cho dân tộc

Sau khi có ý thức cảnh báo nguy hiểm với những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng, tự động hình thành tư duy nhất trí với đảng, thì người ta trở nên cẩn thận chi li mọi nơi, nhát gan tìm kiếm an toàn, quen với vâng vâng dạ dạ, vâng mện là cách để có được ân sủng của kẻ độc tài và cấp trên từ xưa tới nay, giống như sống đời nô lệ, sự tôn nghiêm của con người đã mất đi một cách triệt để. Ngày 4/6/1989, có một giáo sư tham gia đoàn diễu hành đã viết ra bức biển ngữ với dòng chữ: “Quỳ quá lâu rồi, đứng lên đi dạo một chút”. Có thể thấy người Trung Quốc bị nô dịch đã lâu, ngay cả kháng nghị cũng yếu ớt – đi dạo xong lại vế quỳ. Điều đáng buồn là, có rất nhiều người quả thực lại quỳ tiếp.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc nhấn mạnh tinh thần sử quan, Thôi Trữ – đại thần nước Tề thời Xuân Thu đã giết vua, bị sử quan ghi tội giết vua vào sử sách, Thôi Trữ giết chết sử quan này, nhưng sử quan thứ hai vẫn viết như vậy. Sử quan thứ hai, thứ ba đều bị giết, những sử quan khác vẫn kiên trì như vậy. Đây chính là một khí tiết, là hạt nhân tinh thần khiến dân tộc có

thể sinh tồn trường cửu, cũng là chỗ thể hiện ra tâm hồn của dân tộc Trung Hoa. Nhưng sự nhôi nhét Văn hóa đảng và sự bức hại của Trung Cộng lại hủy hoại đi cái tinh thần này một cách tàn nhẫn, các phần tử trí thức hoặc bị bức hiếp, hoặc là bị mua chuộc, “Trợ Trú vi ngược”, giúp Trung Cộng bịa đặt ra nhiều lời lừa dối hơn nữa để lừa gạt dân chúng, để bảo vệ cho sự thống trị độc tài của Trung Cộng.

Cổ nhân Trung Quốc cũng nhấn mạnh khí khái đại trượng phu: “Phú quý bất nǎng dâm, uy vū bất nǎng khuất, bần tiện bất nǎng di” (*đứng trước phú quý cũng không bị mua chuộc, đứng trước uy vū cũng không thể cúi đầu, dù bần tiện cũng không thay lòng đổi dạ*). Mỗi từng triều đại đều xuất hiện không ít những người không sợ cường quyền, khinh thường quyền quý, vì tôn nghiêm và giá trị có thể không tiếc hy sinh sinh mệnh. Trong xã hội phương Tây cũng có câu danh ngôn “mất tự do, chỉ bằng chết đi còn hơn”. Nhưng Trung Quốc ngày nay, dưới chính quyền bạo lực và sự nhôi nhét Văn hóa đảng của Trung Cộng, dũng khí của người Trung Quốc lại tiêu vong đến mức trước nay chưa từng có, thay thế vào đó chính là tâm sợ hãi và khủng hoảng vô cớ.

Cho nên, sự tôn nghiêm từ xưa của dân tộc Trung Quốc đã tiêu vong, khả năng thay đổi vận mệnh của một dân tộc đã bị bóp nghẹt. Có người nói Trung Quốc sớm đã thành nô lệ mất nước, là vùng thuộc địa. Không sai, từ sau năm 1949 tới nay, Trung Quốc quả thực đã mất nước về mặt tinh thần. Đảng Cộng sản đã bóp chết tinh thần của dân tộc Trung Quốc, điều được thiết lập không phải là “Trung Quốc mới” mà là để quốc độc tài tàn bạo từ tinh thần cho đến cơ thể vật chất.

Một tác giả mù nổi tiếng từng nói: “Thân thể tôi không tự do, nhưng tâm tôi tự do.” Những người bình thường trong một xã hội bình thường có thể có đủ kiểu giá trị quan và phương thức tư duy, có quyền được lựa chọn một cách đầy đủ, cuộc sống phong phú đa dạng, người ta là chủ nhân trong cuộc sống của mình. Còn người Trung Quốc hôm nay dù được tự do ăn uống

cờ bạc và đi kỹ viện, nhưng lại mất đi gia vịen tinh thần của mình. “Ý thức cảnh báo nguy hiểm” khiến người Trung Quốc nhốt mình trong nhà tù tư tưởng, nhất loạt không tiếp thu những điều không phù hợp với quan niệm của “đảng”, thậm chí còn sợ hãi, tránh. Người Trung Quốc sinh sống trong thể hệ hà khắc như vậy, rất khó có thể suy ngẫm ngoài thể hệ tư duy mà đảng cấp cho. Trong nhà tù tinh thần của mình, chỉ có thể có những thứ phù hợp với Văn hóa đảng và quan niệm của Trung Cộng, cách nhìn thế giới của bản thân cũng chỉ có một chút đó trong cái khung của mình mà thôi. Tư duy bắt nguồn từ trong Văn hóa đảng, chịu sự nô dịch về tinh thần của nó, mất đi tự do và niềm vui tư tưởng, đời người trở thành vì Trung Cộng mà sống.

VIII.3-4 – Giải thoát khỏi nỗi sợ vô hình, làm chủ đầu óc của chính mình

Chúng ta cần rõ ràng về một thường thức cơ bản: ý nghĩ về “ý thức cảnh báo nguy hiểm” trực tiếp vi phạm tinh thần pháp trị hiện đại. Điều mà pháp luật của bất kỳ một nước văn minh nào trừ phạt đều là hành vi phạm tội của con người, chứ tuyệt đối không phải là tư tưởng của con người. Cũng chính là vì pháp luật chỉ có thể căn cứ vào việc một người đã làm gì mà trừ phạt họ, chứ tuyệt đối không thể căn cứ vào điều họ nghĩ gì mà trừ phạt họ. Khi chúng ta cảm thấy một cách nghĩ nào rất nguy hiểm chúng ta nên ý thức được đây là di chứng của cách làm dã man của Trung Cộng, chính là định tội cho tư tưởng.

Cách tư duy Văn hóa đảng “ý thức cảnh báo nguy hiểm” với những cách nghĩ không phù hợp với quan niệm của đảng” đã thành thói quen này, cái ý thức cảnh báo nguy hiểm này là vô căn cứ và không hề lý tính. Đại não của con người là do mình chi phối, nghĩ gì do mình quyết định; khi một người có tư tưởng độc lập của mình, thì Đảng Cộng sản cũng chẳng thể làm gì người đó. Nói về ý đồ chủ quan của nó, Đảng Cộng sản quả thực muốn khống chế tất cả tư tưởng của con người. Nhưng dù vào thời kỳ điên cuồng

nhất của tà linh cộng sản, mục tiêu này cũng không thể được thực hiện một cách hoàn toàn. Ngày nay Đảng Cộng sản mong muốn tiến hành kiểm soát tư tưởng của nhân dân mãnh liệt hơn bao giờ hết, nhưng khả năng khống chế của nó lại yếu ớt hơn bao giờ hết. Người Trung Quốc phải bước ra khỏi nỗi sợ hãi vô hình do Trung Cộng tạo ra đó, cũng nhất định có thể bước ra khỏi nỗi sợ hãi vô hình đó. Thoát khỏi tâm lý sợ hãi phi lý tính đối với Đảng Cộng sản, đã đến lúc phải làm điều này.

Thoát khỏi nỗi sợ hãi, chúng ta mới có thể khôi phục tôn nghiêm làm người, mới có một xã hội tự do.

VIII.4 – VĂN HÓA ĐẢNG KHIẾN NGƯỜI TA NÓI NHỮNG LỜI RẬP KHUÔN THEO THÓI QUEN

“Phải nỗ lực học tập những thành tích tiên tiến và tinh thần cao cả của xxx, không ngừng giữ vững và phát triển xxx, tiếp tục đoàn kết dẫn dắt nhân dân các dân tộc trên toàn quốc dũng mãnh tiến trên con đường vĩ đại xxx.”

“Phải nhận thức sâu sắc về tính trường kỳ, tính phức tạp, tính gian khổ to lớn của xxx, coi công tác xxx là nhiệm vụ chiến lược quan trọng, vĩnh viễn giữ vững, nắm thật chắc, một khắc cũng không được buông lơi.”

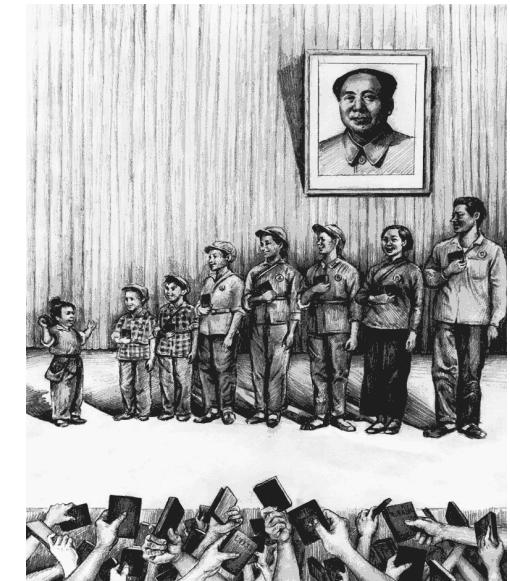
“Các đồng chí trong toàn đảng phải đoàn kết mật thiết hơn nữa xung quanh trung ương đảng coi xxx là hạt nhân”, kiên trì lấy xxx làm chỉ đạo, quán triệt một cách toàn diện triệt để việc xxx, nhằm xây dựng một cách toàn diện xxx, tiếp tục phấn đấu nhằm không ngừng khai sáng xxx.”

Đây là những đoạn trích trong báo cáo ở đại hội nào đó của Trung Cộng. Những lời rập khuôn rỗng tuếch, khuôn sáo thành văn như vậy của đảng tràn ngập trong những buổi họp lớn nhỏ, trên tivi đài phát thanh, tạp chí báo chí. Những lời rập khuôn của đảng là hệ thống ngôn từ điển hình của các quan chức Trung Cộng, nhưng chúng không chỉ giới hạn ở các quan chức, mà đồng thời còn lan rộng vào trong dân chúng. Từ giới quan chức cho

tới dân chúng, nói lời rập khuôn của đảng đã trở thành một phuong thức tự duy theo thói quen.

Điều cần chỉ ra là, Mao Trạch Đông, lãnh đạo Trung Cộng từng viết một bài “Phản đối lời rập khuôn của đảng” nhưng dụng ý chân thực của y hoàn toàn không phải là phản đối những lời rập khuôn của đảng, mà là mượn đó làm cớ, dùng những lời mơ hồ hổ hổ như “mở miệng là nói Hy Lạp”, nhằm ám chỉ và đả kích phái quốc tế cộng sản trong nội bộ đảng còn lưu giữ bối cảnh của Nga, chủ yếu là nhắm vào Vương Minh, người bị y cho là kẻ gây chướng ngại

lớn nhất cho y trong cuộc tranh giành quyền lãnh đạo tối cao trong đảng. Nói cách khác, Mao không phải vì muốn phản đối những lời rập khuôn của đảng mà là muốn dùng những lời rập khuôn của đảng theo phuong thức của Mao thay thế cho những lời rập khuôn của đảng theo các phuong thức khác. Điều này đã giải thích vì sao trong Đại Cách mạng Văn hóa, sau khi nhân dân toàn quốc rộ lên việc đọc “Lão tam thiên”, rộ lên việc đọc “Mao ngữ lục”, rộ lên việc lan truyền “Tiểu hồng thư” (*Cuốn sách nhỏ màu đỏ*), Mao không bao giờ nhắc đến việc “phản đối những lời rập khuôn của đảng nữa”.



VIII.4-1 – Bộc lộ những lời rập khuôn của đảng theo thói quen trong mọi thời điểm

Mỗi lần họp đại hội gì đó, nhất định cần phải biểu đạt thái độ chính trị, nói gì cũng không thoát khỏi những lời lộng ngôn sáo rỗng kiểu như không tách rời hạt nhân kiên cường của đảng, không tách rời chủ nghĩa gì đó, tư tưởng gì đó, lý luận gì đó, quan điểm gì đó; hoặc giả lịch sử chứng minh điều gì điều gì chính xác. Còn có những lời đao to búa lớn như phải giữ vững sự lãnh đạo của ai đó, dùng tư tưởng gì chỉ đạo, dùng cái gì đó để vũ trang quân chúng, tiến theo con đường đặc sắc nào đó, hoặc là đoàn kết mật thiết xung quanh những người nào đó, giương cao lá cờ gì đó, cống hiến hơn nữa cho sự nghiệp gì đó.

Mỗi lần gặp phải lãnh đạo phát biểu liên nịnh nọt nói nào là “phát biểu quan trọng”, để làm nổi bật địa vị của người phát ngôn, nâng cao nội dung diễn thuyết, nói một loạt những lời hay ý đẹp như thuyết minh một cách sâu sắc cái gì đó, tạo thành ảnh hưởng trọng đại nào đó, có ý nghĩa trọng đại nào đó v.v..

Đại diện cấp trên phát ngôn thì nhất định phải nói tới trung ương đảng vô cùng quan tâm, vô cùng coi trọng.

Quan chức qua đời, những lời điếu văn diễn hình chính là: suốt một đời của đồng chí nào đó là một đời cách mạng, một đời chiến đấu đã cống hiến một cách vĩ đại cho sự nghiệp gì đó.

Quan chức xuất hiện vấn đề gì đó, nhất định là do xa rời khỏi lý luận gì gì đó, không lĩnh hội tinh thần gì gì đó của đảng, thể hiện quyết tâm rằng nhất định sẽ làm tốt hơn nữa.

Được biểu dương nhất định sẽ biểu thị sự cảm kích do đảng bồi dưỡng, không thể tách rời sự quan tâm và chăm lo của tổ chức, cuối cùng phải cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp gì đó.

Trong xã hội hoặc trong đảng xuất hiện vấn đề gì đó, nhất định sẽ thêm vào những từ như “một số rất ít”, “trường hợp cá biệt”, “một nhóm phản tử gì đó”.

Với cách nhìn về xu thế quốc tế, toàn là “Chúng ta nên chú ý đến thế lực

xx nào đó của phương Tây...”

Còn có một bộ những lời rập khuôn như phải dùng cái gì đó chỉ đạo, lấy cái gì đó làm cơ sở, lấy cái gì đó làm động lực, chứng minh điều gì đó, lấy gì đó làm mục tiêu, lấy gì đó làm trung tâm... những bài phát biểu của lãnh đạo hâu như bài nào cũng như vậy, dùng những lời đầy khách sáo nhằm biểu thị sự khắc sâu và toàn diện.

Còn phải theo sát khẩu hiệu tuyên truyền chính trị, mở miệng nào là “tam giảng” (3 chủ trọng: học tập, chính trị, chính khí), “tam đại biểu”, “trí quốc bằng pháp luật”, “dùng đức trị quốc”, “kinh tế thị trường chủ nghĩa xã hội”, “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội”, “nghèo khó không phải là chủ nghĩa xã hội”, “ ổn định áp đảo tất cả”, “chiến lược phát triển ba bước”, “hướng tới hiện đại hóa”, “hướng tới thế giới”, “hướng tới tương lai”, “chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc”, “một nước hai chế độ”, “kiên trì cải cách mở cửa”, “kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản”, “tiến bước cùng thời đại”, “xã hội hài hòa” v.v..

Có người đã từng tổng kết “Sáo thoại đại toàn” (*Đại toàn thư về những lời sáo rỗng*) như họp thì không lần nào không long trọng, bế mạc không lần nào không thắng lợi, buổi nói chuyện thì không gì không quan trọng, nghị quyết không cái nào không thông qua, vỗ tay không lần nào không nhiệt liệt, lãnh đạo không ai không coi trọng, đi thăm thì không ai không thân thiết, triển khai không cái nào không thuận lợi, kết thúc không việc nào không viên mãn, thành tựu không cái nào không to lớn, công tác không cái nào không thiết thực, hiệu suất không cái nào không rõ nét, lòng người không ai không phấn chấn, các nhóm cán bộ không nhóm nào không đoàn kết, quần chúng không ai không bằng lòng... đều là những lời rập khuôn diễn hình.

Đoạn kết khi viết văn khó tránh khỏi việc xuất hiện câu: “Chúng tôi tin rằng, dưới sự nỗ lực của xxx., xxx nhất định sẽ”

Trong văn nghệ, giải trí, trong đời sống thường ngày cũng tràn ngập những lời rập khuôn như vậy.

Trong vở kịch nổi tiếng “Tứ Lang thám mưu” (*Tứ Lang thám mưu*) trên

đĩa CD “Tứ Lang thám mẫu” trình diễn những vở kịch kinh điển chúc mừng Viện kinh kịch Trung Quốc tròn 50 năm, ghi một đoạn ấn tượng như sau:

“Nửa thế kỷ nay, Viện kinh kịch Trung Quốc dưới phuong châm chỉ đạo nghệ thuật của đảng, đã sáng tác và trình diễn một loạt những vở kinh kịch hiện đại và truyền thống xuất sắc được nhân dân đón nhận nồng nhiệt, thành tựu một loạt nhân tài nghệ thuật. Là một đoàn thể biểu diễn nghệ thuật cấp quốc gia, viện kinh kịch Trung Quốc đã có những cống hiến tích cực trong việc truyền thừa nghệ thuật của dân tộc, hông dương tinh thần dân tộc, thúc đẩy xã hội phát triển, xúc tiến giao lưu văn hóa Trung Hoa với nước ngoài.”

Sáng tác “Tứ Lang thám mẫu” là việc của vài trăm năm trước, được hát trên sân khấu kinh kịch gần 200 năm không ngừng nghỉ. Nguyên nhân thành công là do kịch bản tốt, diễn xuất tốt, không hề có quan hệ gì với Trung Cộng. Ngược lại, kinh kịch còn bị Trung Cộng phá hoại thảm hại. Các diễn viên Mã Liên Lương, Hề Khiếu Bá, Chu Tín Phương trong bộ tứ nổi tiếng nhất về vai lão sinh; Tuần Huệ Sinh, Thượng Tiểu Vân trong bộ tứ diễn viên nữ nổi tiếng, vĩnh sinh nổi tiếng Cái Khiếu Thiên, đều bị bức hại. Do đó, đoạn giới thiệu đó thực chất chính là sự báng bổ kinh điển kinh kịch truyền thống, đảng sau đó phản ánh tư duy nịnh bợ chính quyền mà nói lời rập khuôn của đảng.

Món ăn Triều Châu đã có trong lịch sử mấy nghìn năm của Trung Quốc. Nhưng trong lời mở đầu của công thức nấu ăn trong “Món ăn Triều Châu chính tông của Trung Quốc” có một đoạn như sau: “Sau khi tân Trung Quốc được thành lập ẩm thực Triều Châu lại có một bước phát triển mới. Đặc biệt là gần 10 năm qua, làn gió xuân cải cách mở cửa đã mang đến bước nhảy vọt về kinh tế của khu Triều Sán... ngày nay món ăn Triều Châu đã tiến nhập vào một thời kỳ phát triển đỉnh cao.” Đã là ẩm thực chính tông, thì đương nhiên thương hiệu khẩu vị đó càng lâu đời càng tốt, càng truyền thống càng tốt, không biết vì sao làn gió xuân cải cách có thể thổi vào trong nồi, khiến món ăn Triều Châu tiến nhập vào “thời kỳ phát triển đỉnh cao”. Điều này phản ánh một lối tư duy nói lời rập khuôn của đảng theo thói quen.

Có thể nói, ai cũng biết những lời rập khuôn của đảng không tốt, ai cũng đều thấy lời rập khuôn của đảng khiến người khác muôn buồn nôn. Nhưng vì sao mọi người lại hay nói lời rập khuôn của đảng với tần suất cao như vậy? Thậm chí rất nhiều người còn không cho là chuyện đáng xấu hổ, ngược lại cho đó là vinh quang, cảm thấy hợp thời? Vậy rốt cuộc đảng sau đó phản ánh tâm thái nào?

viii.4-2 – Tâm thái đảng sau những lời rập khuôn của đảng

Đảng sau những lời rập khuôn của đảng ẩn chứa một loại tâm lý sợ hãi. Mọi người hình thành lối tư duy nói lời rập khuôn của đảng, một người mọi lúc mọi nơi thuận miệng là nói lời rập khuôn của đảng, về một ý nghĩa nào đó chính là đang nói với chính quyền rằng: anh ấy phục tùng trật tự độc tài đó, không hề có bất kỳ ý đồ phản kháng nào. Dưới sự chuyên chế của Trung Cộng, người ta không biết tư tưởng độc lập và ngôn luận tự do của mình khi nào sẽ mang tới những hậu quả không tốt cho mình, thậm chí là mang tới họa sát thân. Cho nên lặp lại lời của đảng chính là một biện pháp phòng hộ tốt nhất, ngoài những từ đảng đã dùng, mọi người không dám dùng tùy tiện. Còn nếu đảng nói ra lời nào đó, thì lại phải “theo sát xu thế”, như vậy mới có cảm giác an toàn. Khi mọi người nói những lời rập khuôn của đảng, thì ít nhất về chính trị là chính xác, không chỉ là người khác không thể tìm lỗi mà còn có thể đứng trên điểm cao mà công kích người khác. Tâm lý sợ hãi này là nguyên nhân trực tiếp khiến mọi người nuôidưỡng tư duy quen nói lời rập khuôn của đảng.

Những lời rập khuôn của đảng cũng là kết quả sự nhồi nhét cưỡng chế của Trung Cộng. Tivi, báo đài, lãnh đạo nói chuyện, khắp nơi đều tràn ngập những lời rập khuôn của đảng, còn có “Thời báo”, “Tài liệu nội bộ”, “thông tấn”, “tin tức” rồi rầm phực tạp do quan chức ban ngành các cấp phát hành, cũng là những lời rập khuôn của đảng, dài hết cái này tới cái nọ. Quá trình nhồi nhét trường kỳ, khiến những từ này đã chiếm cứ tư duy của mọi người.

Khi người ta dùng ngôn ngữ để trấn thuât sự thật hoặc nói lên cách nghĩ của mình thì sẽ tự động nhớ tới những câu này trước. Còn rất nhiều những người không biết sự nguy hại của những lời rập khuôn của đảng lại quen bắt chước như vẹt, Đảng Cộng sản nói gì thì mình nói đó.

Những lời rập khuôn của đảng cũng là do hệ thống ngôn từ của Văn hóa đảng quyết định. Trong Văn hóa đảng, ca ngợi công lao, nịnh nọt theo đuôi, biểu đạt thái độ chính trị đã cấu thành ba đặc sắc lớn trong quan trường Trung Cộng. Giống như phân tích trong chương 6 (Những ngôn từ của đảng đã trở thành thói quen), hệ ngôn từ đảng của Trung Cộng có tác dụng kiểm duyệt thân phận như của xã hội đen. Biết nói những lời rập khuôn của đảng là yêu cầu cơ bản của Trung Cộng đối với các thành viên trong bang phái của nó, là thê thông hành để thành viên đó bay cao bay xa. Những người không nói những lời rập khuôn của đảng thì bị cho rằng không phải người trong cái hội này, không được tín nhiệm, mà bị bài xích và đả kích. Người ta phải lừa đài lấy danh, phải vắt óc suy nghĩ mà tìm cách ngoi lên trên, hoặc chỉ vì sinh tồn một cách thấp hèn trong cái khe hẹp, nên đều không thể không nói những lời rập khuôn của đảng. Còn có người cho rằng những lời rập khuôn của đảng mới phù hợp với giới “chủ lưu” trong xã hội do Trung Cộng thống trị, coi những lời rập khuôn của đảng là lời để dùng trong các hoàn cảnh chính thức, có thể trích dẫn vài đoạn mọi lúc mọi nơi, thể hiện rằng bản thân mình rất hợp thời, có bản sự. Người khác cũng cảm thấy người này biết ăn nói, rất khâm phục, như vậy lại càng làm trầm trọng thêm thói quen này, cả xã hội hình thành một phương thức sống như vậy.

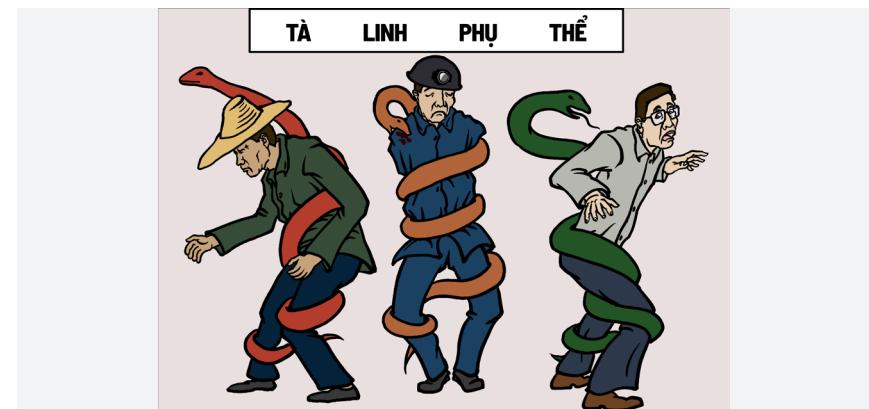
VIII.4-3 – Tâm thái đảng sau những lời rập khuôn của đảng

Tư duy Văn hóa đảng quen nói những lời rập khuôn của đảng mang tới những hậu quả nghiêm trọng.

Khi người ta truyền bá những lời rập khuôn của đảng, thì cho dù là trái

với lòng mình, hay châm biếm, đều khiến Văn hóa đảng trở thành một bộ phận trong cuộc sống sinh tồn của mọi người, do đó mà không ngừng sáng tạo môi trường sinh tồn cho Trung Cộng, khởi tác dụng duy hộ tà giáo hắc phái Trung Cộng. Bởi vì mọi người sử dụng hệ thống ngôn ngữ của Văn hóa đảng cũng chính là tiếp nhận nhân tố của Trung Cộng, chính là tăng cường cho cái trường nơi Trung Cộng dựa vào đó mà tồn tại.

Tư duy nói những lời rập khuôn của đảng cũng khiến người Trung Quốc và xã hội quốc tế rất khó giao tiếp. Những lời rập khuôn của đảng phản ánh văn hóa bè phái giả tạo, nó khiến con người khó giao tiếp với người khác về mặt ngôn ngữ. Người những nước khác khi nói chuyện với lãnh đạo Trung Cộng, nghe những người ấy nói ra một bộ những lời rập khuôn của đảng thường kinh ngạc không sao hiểu nổi, không biết quốc gia lớn như vậy rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì, vì sao trong cả hơn tỷ người, lại không thể tìm ra một người nói chuyện một cách bình thường để quản lý đất nước này.



Đồng thời, khi người ta đã quen với những lời rập khuôn của đảng có lẽ cũng không ý thức được nhân tố của Văn hóa đảng đã bắt đầu bóp nghẹt ngôn ngữ độc lập của người ta, bóp nghẹt tư duy độc lập, giết chết nhân cách độc lập của con người, bóp nghẹt năng lực sinh sống của bản thân. Cho dù

Trung Cộng làm hết thảy những chuyện xấu đến mức nào, thì hệ thống ngôn ngữ của Văn hóa đảng của Trung Cộng đều có thể dễ dàng khống chế tư duy con người, làm sai lệch tiêu chuẩn nhận định đúng sai của con người, đồng thời che giấu trách nhiệm tội ác của nó, kết quả đã khiến rất nhiều người biện hộ cho Trung Cộng như một thói quen. Do đó, mặc dù Trung Cộng hết lần này đến lần khác mang tới những khổ nạn trầm trọng cho dân tộc Trung Hoa, phạm hết tội ác này đến tội ác khác không thể dung tha, nhưng việc Trung Cộng phụ thể dân tộc Trung Hoa và trường kỳ khống chế người Trung Quốc bằng ngôn ngữ như một cơn ác mộng, vẫn không cách nào trừ bỏ được.

VIII.4-4 – Đột phá lồng giam ngôn ngữ, khôi phục tự do tâm trí

Ngôn ngữ của một người phản ánh thế giới tinh thần của người đó. Mặt khác ngôn ngữ lại có thể vun đắp thế giới tinh thần của con người. Những lời rập khuôn của đảng phản ánh một tâm hồn bệnh hoạn giả dối, xấu xí, cứng nhắc. Quá trình quen dần với những lời rập khuôn của đảng chính là quá trình dần dần vứt bỏ tư duy tự do và nhân cách độc lập, chính là quá trình trở thành cương thi mang Văn hóa đảng. Còn ngôn ngữ thành thật, hòa ái, lương thiện khoan dung, nhân nghĩa, tự do, linh hoạt, ưu nhã lại phản ánh thế giới nội tâm tốt đẹp, đồng thời cũng hỗ trợ cho việc bồi dưỡng thói quen tư duy tự do và làm phong phú đa dạng cá tính.

Người Trung Quốc cần cáo biệt những lời rập khuôn của đảng, cáo biệt lồng giam bó buộc ngôn ngữ và tâm trí của mình. Chỉ có như vậy trí tuệ của nhân dân Trung Quốc mới có thể thực sự được phát huy, xã hội Trung Quốc mới có thể phục hồi lại sức sống.

VIII.5 – LÀM NHẦM LẦN KHÁI NIỆM ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ, ĐẢNG VÀ QUỐC GIA, ĐẢNG VÀ DÂN TỘC

Sau khi Đảng Cộng sản cướp đoạt chính quyền, đã gọi thay triều đổi đại là “kiến quốc”, tiếp đó còn dùng dáng vẻ “Chúa cứu thế”, “Đảng sáng thế” mà bắt đầu tiến hành tuyên truyền nhối nhét mấy chục năm nay trên mảnh đất Trung Hoa rộng lớn, dường như 5.000 năm lịch sử của Trung Quốc hoàn toàn chưa từng tồn tại trên Trái Đất. Kết quả là, chính phủ trở thành một chính phủ do đảng sáng lập, vĩnh viễn không thay đổi, quốc gia trở thành một quốc gia do đảng dựng nên và lãnh đạo trọn đời, dân tộc trở thành một dân tộc được đảng cứu vớt và đại diện vô điều kiện. Không có Đảng Cộng sản, chính phủ sẽ trở thành vô chính phủ, đất nước sẽ trở nên hỗn loạn, dân tộc sẽ thành nô lệ mất nước. Đảng quy định cho mình quyền uy “chí cao vô thượng”, ngự trị trên “chính phủ”, “quốc gia” và “dân tộc”.

Để ổn định thống trị của đảng, Trung Cộng kiểm soát nghiêm ngặt mọi khía cạnh của hoạt động xã hội và đời sống của người dân Trung Quốc. Các cơ cấu của đảng từ trung ương Trung Cộng cho đến vùng xa xôi hẻo lánh không nơi nào không có mặt; làm ra những chuyện từ sát nhân phóng hỏa cho đến đấu Trời đấu Đất, có thể nói là không gì không dám; dù là hôn nhân lẽ tết hay phụ nữ sinh mấy con, không có việc gì là đảng không quản. Đảng ở khắp mọi nơi, “chính phủ”, “quốc gia” và “dân tộc” đã trở thành con rối trong tay đảng, bị đảng giật dây, vì đảng phục vụ.

Nhiều người dân Trung Quốc ngày nay không phải là không biết đảng và chính phủ, quốc gia và dân tộc là hai chuyện khác nhau, đạo lý này mọi người đều hiểu, nhưng về tinh lý thì hình bóng của đảng nặng nề như vậy, vi quan như vậy, “đảng” trở thành bùa chú không thể phá giải, nắm giữ vận mệnh người Trung Quốc. Vấn đề quan trọng nhất là mọi người cảm thấy nếu tách rời Đảng Cộng sản, rồi nói tới chính phủ này, duy hộ quốc gia này, làm giàu mạnh dân tộc này thì không còn có ý nghĩa thực chất nữa, giống như cá tách khỏi nước, cảm thấy quả thực là nói chuyện phiếm.

Do đó, sự phân biệt trên lý thuyết các khái niệm “đảng”, “nhà nước”,

“chính phủ” và “quốc gia” không thể ngăn cản được sự nhầm lẫn các khái niệm đó trên phương diện kinh nghiệm, tình cảm của nhân dân với quốc gia và dân tộc toàn bộ đều chuyển thành tình cảm dành cho đảng. Phản đảng chính là phản chính phủ, chính là không yêu nước, chính là phản Trung Hoa, chính là bán nước, chính là làm người Trung Quốc mất mặt, bôi nhọ dân tộc. Đảng ngụy trang thành quyền trượng của chính phủ, thành hóa thân của quốc gia, đại diện của dân tộc. Tóm lại, đảng chính là tất cả.

VIII.5-1 – Đảng chính là “tất cả”

(1) – Đảng tự phong cho mình là “người mẹ thân yêu”

Khổng Tử nói: “Hiếu đê dã giả, kỳ vi nhân chi bản du” (*Hiếu thuận là gốc của Nhân*). Hiếu thuận là đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa, trong đạo hiếu sự hiếu thuận với mẹ là nổi bật nhất. Đảng Cộng sản liền coi mình như mẹ, thậm chí là người thân còn thân thiết hơn cả mẹ, từ đó nhận được sự hiếu thuận vô ngần của nhân dân. Con cái không chê mẹ xấu, Đảng Cộng sản dù xấu xa thế nào mọi người cũng sẵn lòng duy hộ hình tượng của đảng.

(2) – Đảng tự xưng mình dưỡng dục nhân dân

Đảng không trồng trọt không dệt vải, đâu có thể dưỡng dục nhân dân? Ngược lại, là nhân dân dưỡng dục đảng, là tiền của “người nộp thuế” đã nuôi sống đảng.

Nhưng Đảng Cộng sản thông qua bộ máy quốc gia khống chế toàn bộ của cải và tài nguyên của người Trung Quốc, “cộng” toàn bộ tài sản của toàn Trung Quốc. Lấy đi những thứ vốn thuộc về người Trung Quốc, rồi “thi ân” lại một chút cho bách tính, mọi người tự nhiên cảm thấy là đảng cho mình đi học, sắp xếp công việc cho mình, giới thiệu đối tượng kết hôn cho mình, phân nhà mới cho mình, phát lương hưu cho mình. Tình mẹ được tạo nên từ việc phong bế nhốt nhét trường kỳ này khiến mọi người phổ biến cảm nhận một cách đảo lộn rằng “dù Đảng Cộng sản không tốt ra sao, nhưng nói cho

cùng thì cũng có ân dưỡng dục mình.” Kỳ thực chính là ngược lại, trong các xã hội bình thường, ai ai cũng đều phải đi học, làm việc, thành gia lập nghiệp, xưa nay không hề nghe nói đến đó công lao của đảng nào, tất cả đều là những điều mà người ta nên có được dựa vào công lao và cống hiến của bản thân mình, là trạng thái sinh sống bình thường. Sự cải thiện cuộc sống của người dân Trung Quốc tuyệt đối không phải bắt nguồn từ Đảng Cộng sản, mà từ sự lao động cần cù vất vả của bản thân mình. Hơn nữa không có sự bóc lột và chèn ép của Đảng Cộng sản, cuộc sống của người Trung Quốc khẳng định là tốt hơn hiện tại. Những nước không có Đảng Cộng sản, chẳng phải có nhiều người đi học hơn, có nhiều công việc tốt hơn, nhà càng rộng và tiền lương ưu càng nhiều hơn sao?

(3) – Đảng khống chế bát cơm

Không phải ai ai cũng đều tin tưởng “người mẹ” ngoại lai tà ác đù đường này, có điều, “người là sắt, cơm là thép, ba ngày không ăn đói phát hoảng.” “Mẹ đảng” có biện pháp “đại nghĩa diệt thân” dành cho những người không biết nghe lời. Không cho bạn cơm ăn, bạn làm thế nào? Trước “cải cách mở cửa”, Trung Cộng đã lũng đoạn mọi tư liệu sản xuất, bất kỳ một người nào muốn tìm việc, đều phải tới chỗ của đảng mà tìm, điều này tạo cho người ta một loại cảm giác sai, đường như giống như đảng cho chúng ta bát cơm vậy. Tới tận ngày nay, chỉ cần đảng muốn, nó có thể không màng bất kể đạo lý nào mà cướp bát cơm của chúng ta. Điều này ngược lại lại khiến mọi người cảm thấy: đảng vốn dĩ có thể cướp đi bát cơm của tôi, vậy mà nó lại không cướp. Do đó mọi người lại “mang ơn mang nghĩa” với nó, cảm thấy bát cơm là đảng cấp cho, nhưng lại không nghĩ một chút rằng bản thân tiền đê “đảng vốn dĩ có thể cướp đi bát cơm của tôi” đã là vô lý và hoang đường. Về góc độ tâm lý mà nói, đảng càng khống chế chặt chẽ bát cơm, mọi người lại càng cảm thấy rằng đảng bảo đảm sự sinh tồn cơ bản cho mình. Nhân dân không thể rời xa bát cơm, khi người ta coi đảng và bát cơm giống nhau, thì “phản đảng” chính là “phản lại nhân dân”.

(4) – Đảng đại biểu “sự tiên tiến”

Đảng Cộng sản rất hứng thú với việc vạch rõ “phân tử tiên tiến” và “phân tử lạc hậu”. “Phân tử lạc hậu” là đối tượng để đấu tranh, còn đảng viên phải là “phân tử tiên tiến”, là “đội tiên phong”, là “tinh anh” của xã hội, đại diện cho “năng lực sản xuất tiên tiến”, “văn hóa tiên tiến”. Cho nên, đảng trở thành “rường cột”, “tương lai”, “xu hướng” của quốc gia và dân tộc. Dưới thế tiến công tuyên truyền mủ mịn mạo đùa hoang như vậy, ác đảng lại trở thành “người tốt”, cho nên trong tiềm thức, người ta lại càng thêm ỷ lại vào Đảng Cộng sản.

(5) – Đảng là “lối thoát”

Quyền lực của toàn xã hội đều bị khống chế trong tay đảng, không gia nhập đảng thì không được đề bạt làm cán bộ, không gia nhập đoàn thì tiền đồ cá nhân sẽ bị ảnh hưởng, thậm chí không vào đội thiếu niên đều sẽ trở thành nỗi sỉ nhục to lớn. Gia nhập vào các tổ chức của đảng trở thành điều kiện tiền đề để người ta tìm được lối thoát trong xã hội. Đảng đã được liên hệ một cách chặt chẽ với sự nghiệp và cuộc sống của mọi người.

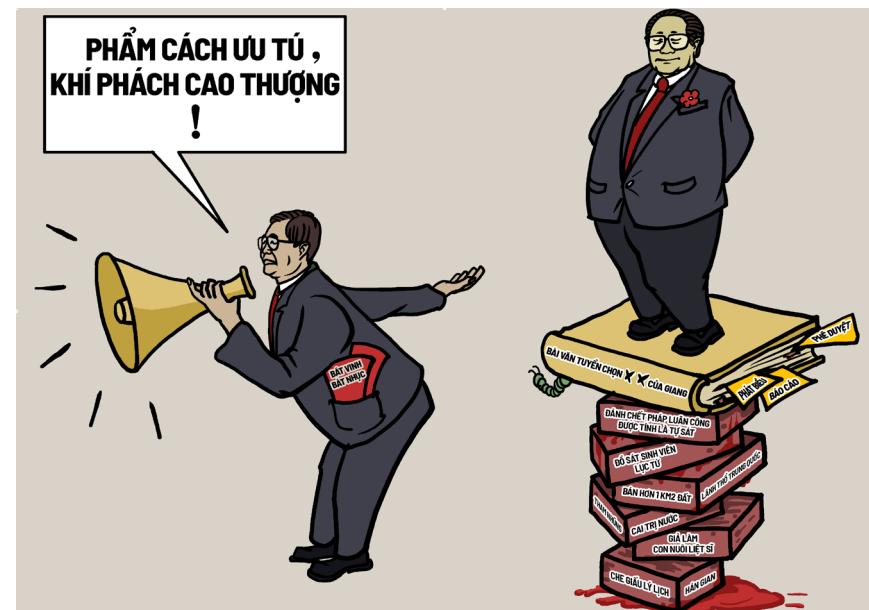
(6) – Đảng trá trộn vào đời sống cá nhân

Bí thư chi bộ đảng [tòan] thực hiện hoặc điêu hành những công việc không liên quan, mà thực ra họ cũng chẳng có nghề nghiệp thực sự gì, ngoài việc tuyên truyền nhồi nhét phương châm chính sách của đảng cộng thêm công tác nắm bắt tư tưởng. Công tác tư tưởng này không chỉ có việc giám sát quần chúng xem có tư tưởng chính trị đoàn kết chặt chẽ xung quanh đảng hay không, mà còn bao gồm việc giám sát cả những tranh chấp giữa bà con lối xóm, tranh chấp đồng nghiệp với nhau và mâu thuẫn trong gia đình. Kết quả là, cuộc sống thường nhật của người ta, bao gồm cả đời sống riêng tư của mỗi cá nhân đã không thể tách rời khỏi đảng.

(7) – Đảng tự tảng bốc mình là “hóa thân của đạo đức”

Mặc dù các xã hội Đảng Cộng sản đều có đạo đức cực kỳ thấp, đặc biệt là ở Trung Quốc Đại Lục, nơi mà khủng hoảng đạo đức đã trở thành đồng

thuận chung của cả xã hội, nhưng trong tuyên truyền, Đảng Cộng sản vẫn từ đầu đến cuối tảng bốc mình thành hóa thân của đạo đức. Mỗi thời kỳ đều có một lô những khẩu hiệu đạo đức, nào là “ba đại kỷ luật, tám điều chú ý”, “học theo tấm gương tốt Lôi Phong”, “ngũ giảng tứ mĩ”, “văn minh tinh thần”, “tam đại biểu”, “lấy đức trị quốc”, “bát vinh bát nhục”, “xã hội hài hòa”, v.v. Bởi vì quan niệm đạo đức mà nó đề xướng chỉ là những quan niệm như trung thành với đảng, duy hộ Đảng Cộng sản, còn bản thân Đảng Cộng sản lại không nói chuyện đạo đức, không đếm xỉa đến đạo đức, cho nên đạo đức càng ngày càng trượt dốc, đến nay thì đã trở thành tình trạng hỗn loạn. Nhưng những cuộc vận động tuyên truyền đạo đức, chính trị này lại khiến mọi người nhầm tưởng rằng đảng nhấn mạnh đạo đức.



Ở trường học, môn đạo đức được xếp vào môn chính trị, bị đem cột lại với đảng làm một, khiến người ta tin rằng đảng yêu cầu mọi người học đạo đức, mặc dù mục đích cuối cùng của cái đạo đức mà Trung Cộng tuyên

truyền chính là để người ta “nghe lời đảng, đi theo đảng, đảng bảo làm gì thì làm nấy.” Nhưng cái thể chế giáo dục mà trong đó từ nhỏ đã bị nhồi nhét đảng là “hóa thân của đạo đức”, khiến con người vẫn luôn tin rằng bản thân đảng là tốt, việc xấu là do cá nhân cá biệt làm. Tất cả những điều này đều đã tách đảng ra khỏi sự bại hoại về đạo đức do chính bản thân nó gây ra.

(8) – Đảng tự coi bản thân là người đại diện cho quốc gia, dân tộc

Nhiệt tình yêu nước và tình cảm dân tộc là ý thức thuần phác nhất của một công dân, nhưng Đảng Cộng sản đã thao túng toàn bộ những biểu đạt tình cảm này trong tay nó. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước và tự tôn dân tộc về cơ bản là được tuyên truyền qua những tổ chức của Đảng Cộng sản như Đội Thiếu niên Tiền phong, Đoàn Thanh niên Cộng sản và Chi bộ đảng. Khi tuyên truyền thì luôn lấy danh nghĩa giáo dục chủ nghĩa yêu nước cũng như hàng loạt những lời giả dối để nhồi nhét tình yêu Đảng Cộng sản. Như vậy, giáo dục từ nhỏ tới lớn, người ta đã quen với việc tiếp nhận những tin tức về quốc gia dân tộc từ đảng, mọi người không chỉ cảm thấy Đảng Cộng sản là yêu nước và duy hộ lợi ích của dân tộc, mà quan trọng hơn là mọi người càng gia tăng tình yêu đối với đảng – kẻ tự coi mình là đại diện của quốc gia, dân tộc.

Khi tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, Trung Cộng còn có một thuật ngữ chuyên dùng, gọi là “nhân sỹ tiền bối yêu nước”. “Tiền bối” ở đây chính là chỉ việc duy hộ Đảng Cộng sản. Hàm ý là gì? Chính là ý nói chỉ với những người ủng hộ Đảng Cộng sản thì yêu nước mới có ý nghĩa, mới là chính xác. Những kẻ phản đảng không xứng yêu nước, hoặc yêu nước là “lạc hậu”, là “sai lầm”. Kiểu tuyên truyền này quả thực có thể làm loạn tư duy của con người. Yêu nước là yêu nước, là vượt khói chính trị. Mánh lới này của Trung Cộng ngược lại đã nói rõ rằng Trung Cộng không yêu nước.

Trung Cộng còn có một từ gọi là “phản đảng, phản nhân dân”. Nó đã quàng hai chuyện không hề liên can tới nhau vào mà nói, sau một thời gian dài, mọi người đã quen với việc phản đảng chính là phản nhân dân.

(9) – Đảng là người cầm trịch

Trung Cộng nhiều năm kêu gọi “đảng và chính phủ phân khai”, nhưng đảng sẽ không từ bỏ quyền lực của mình, căn bản không thể phân khai. Từ trung ương tới địa phương cho tới làng xã thôn xóm, bí thư vĩnh viễn là người cầm trịch. Cơ cấu quyền lực dày đặc những người cầm trịch từ trên xuống dưới khiến mọi người đành phải tiếp nhận hiện thực “đảng mới là người quản lý chân chính”, mọi người đã quen với việc nói “đảng và chính phủ” chứ không phải “chính phủ và đảng”, cảm thấy nói chuyện mà tách khỏi đảng sẽ không còn ý nghĩa.

(10) – Đảng đồng thời khống chế chính phủ từ vĩ quan tới vi quan

Đảng Cộng sản hoàn toàn không phải cứ cử một bí thư xuống một đơn vị là xong việc, mà bản thân nó từ trung ương tới địa phương phải có một tổ chức cơ cấu hoàn chỉnh vận hành song song với chính phủ. “Quân ủy trung ương” và “Quân ủy quốc gia”, “Trung ương đảng” và “Chính phủ”, “Tỉnh ủy” và “Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Huyện ủy” và “Ủy ban nhân dân huyện”, “Xã ủy” và “Ủy ban nhân dân xã”. Chính phủ có “Công an, viện kiểm sát, tòa án”, đảng có “Ủy ban Chính trị Pháp luật”, chính phủ có “Đài truyền hình và phát thanh”, đảng có “Bộ tuyên truyền”, chính phủ có “Bộ nhân sự”, đảng có “Bộ tổ chức”, chính phủ có “Bộ giám sát”, đảng có “Ban kiểm soát”. Đảng là người cầm trịch, đảng ủy vĩnh viễn lãnh đạo các cơ quan hành chính. Mọi người không thể tưởng tượng được nếu không có đảng, các ban ngành chính phủ sẽ vận hành ra sao. Đồng thời, quan chức chính phủ đều nhận lệnh từ hệ thống đảng, quan chức chính phủ ngược lại tuyệt đối đa số đều là đảng viên. Tính hai mặt trong thân phận quan chức lại càng khiến đảng và chính phủ bắt rẽ đan xen vào nhau. Trong một xã hội thông thường, đảng viên, cơ cấu tổ chức của các đảng phái không được những người nộp thuế cấp dưỡng. Nhưng Đảng Cộng sản lại trực tiếp làm phụ thể bám trên thân chính phủ, đủ loại cơ cấu đảng vụ chuyên trách, bán chuyên trách được cấp dưỡng từ những đồng tiền mồ hôi xương máu của những người nộp thuế một cách cưỡng chế.

Sự vận hành của một quốc gia vốn là dựa vào chính phủ, nhưng Đảng Cộng sản đã ký sinh chính phủ đồng thời khống chế chính phủ từ vĩ quan tới vi quan, nắm rõ mọi quyết sách lớn nhỏ của chính phủ. Xét về mặt vĩ quan, tầng tầng lớp lớp các cơ quan hành chính là do lãnh đạo đảng, “Trung ương đảng” lãnh đạo “Chính phủ”, cho nên cơ quan hành chính phải nghe theo bí thư. Về mặt vi quan, quan chức chính phủ và các cơ quan cấp dưới đều là đảng viên, trong những cuộc họp nhóm đảng viên, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn đảng phục vụ trung ương, cho nên những chuyện không thể dàn xếp về mặt vĩ quan thì đảng thông qua biện pháp vi quan nhất định sẽ dàn xếp ổn thỏa. Như vậy, một mặt đảng hoàn toàn khống chế chính phủ, biến chính phủ thành con rối của đảng, mặt khác lại khiến mọi người khó có thể phân biệt được rốt cuộc đâu là đảng, đâu là chính phủ, do đó thường hay lẫn lộn đảng và chính phủ.

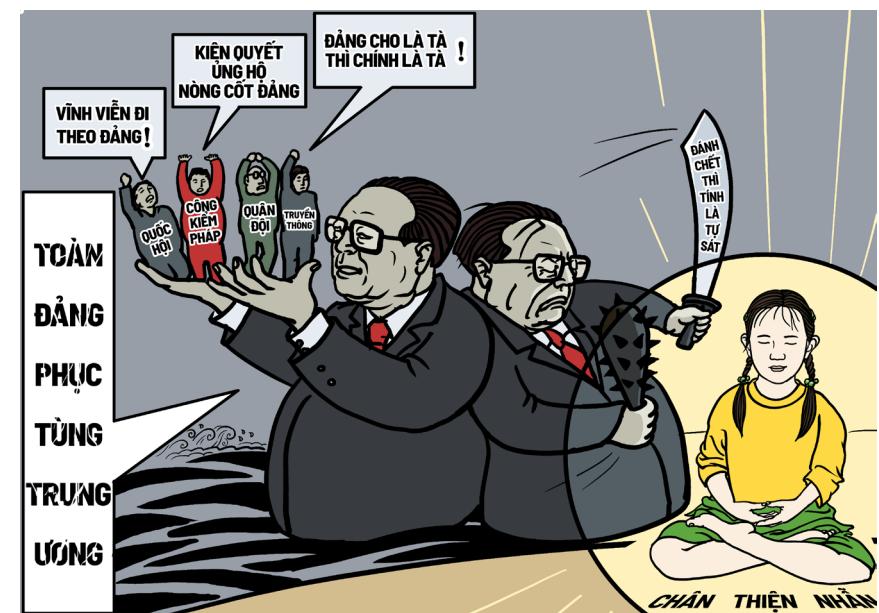
(11) – Đảng lợi dụng hết thảy việc tốt để tô son trát phấn cho mình

Vận động viên đoạt giải, nhà khoa học đưa vệ tinh lên trời, nông dân có mùa bội thu, xin được tổ chức Olympic, sửa được cái hồ nước,... Trung Cộng đều tính công về phần mình. Sau một thời gian dài, mọi người quả thực còn thừa nhận tà thuyết này. Chèo kéo những người có biểu hiện nổi trội gia nhập đảng, như vậy việc tốt đều thành ra đảng làm. Cho nên xảy ra hiện tượng, chỉ cần nói một chút về những việc tốt của Trung Quốc, mọi người tự nhiên cảm thấy là đang nói những việc tốt của đảng, đều trở thành bột màu cho Trung Cộng tô son trát phấn. Có một cụm từ là “chính sách của đảng là tốt”. Đảng mà không quản nông dân thì nông dân đã có cơm ăn, đảng không quản hộ cá thể thì hộ cá thể cũng phát tài rồi, không có đảng can nhiễu thì cuộc sống của người dân đã tốt đẹp hơn, điều này vốn đã phơi bày rõ Trung Cộng bất hảo ra sao, nhưng Trung Cộng ngược lại lại gọi những chuyện này là “chính sách tốt”, nhân dân trăm họ liền theo đó mà cảm ơn mang đức đối với nó. Sự phồn vinh trên bề mặt của nền kinh tế Trung Quốc hiện đại, cái gốc của nó chính là dựa vào sức lao động giá rẻ, dựa vào đầu tư của hải ngoại, dựa vào sự chăm chỉ và thông minh của người Trung Quốc, Trung Cộng lại

coi tất cả những điều này là vốn liếng của mình. Kỳ thực, là hoàn toàn ngược lại, Trung Cộng với tâm thái muốn đạt được cái lợi trước mắt nhằm duy hộ tính hợp pháp của nó mà đã gây ra không biết bao nhiêu sự lãng phí tài nguyên, phá hoại môi trường cũng như sự tha hóa đạo đức và bất công trong xã hội. Chính vì Trung Quốc có thị trường lớn hơn một tỷ người nên mới rộ lên cơn sốt Trung Quốc, nhưng tuyên truyền của đảng lúc nào cũng coi sự xem trọng của thế giới với Trung Quốc thành sự ủng hộ với Trung Cộng.

(12) – Động một cái là Đảng nói: đại diện cho hết thảy, lãnh đạo hết thảy

Trung Cộng độc tài chuyên chế, nhưng lại rất thích mở miệng ra là nói “quốc gia”, “dân tộc” và “nhân dân”, động một chút là thốt lên rằng nó phải “đại biểu” toàn thể nhân dân Trung Quốc như thế nào như thế nào đó. Nhân dân trăm họ không có phần phát biểu ngôn luận, đành phải bị “đại biểu”. Nhưng cứ bị “đại biểu” hết lần này đến lần khác cũng thành quen, dường như Trung Cộng là “đại biểu” thật.



Đảng không chỉ đại diện tất cả mà còn quản tất cả. Đảng quản chính phủ, đảng quản quân đội, đảng quản bộ máy quốc gia, đảng quản ngoại giao, đảng quản từ việc ăn ở, đi lại, vệ sinh của mỗi người. Đảng chính là tế bào ung thư, thâm nhập vào từng ngóc ngách trong toàn xã hội. Đây quả thực là điều đại bất hạnh cho dân tộc.

(13) – *Đảng dán nhãn “phản đảng” thành “phản Trung Hoa”*

Mặc dù đảng không nơi nào không có mặt, khiến mọi người không thể phân biệt rạch ròi khái niệm giữa đảng và chính phủ, quốc gia dân tộc, nhưng “giọt nước tràn ly” lại chính là việc tuyên truyền chủ động làm lẩn lộn trắng đen, bịt tai trộm chuông^[1], đem “phản đảng”, “phản cộng” tô vẽ thành “phản Trung Hoa”.

Chính quyền bạo lực của Đảng Cộng sản trên thế giới đã mang tai tiếng rất không tốt, tại các nước phương Tây khi di dân có ba loại người không được chào đón là phát xít, chủ nghĩa khủng bố và Đảng Cộng sản. Nói có người phản cộng, đó là chuyện rất đỗi bình thường. Nhưng khi phê phán ngôn luận “phản cộng”, Trung Cộng thường hay dán mác “phản Trung Hoa” cho đối phương, “Thế lực phản Hoa trên thế giới luôn rắp tâm hại chúng ta”, những người kiên định phản cộng thì bị gọi là “những kẻ cầm đầu phản Trung Hoa”. Nếu người Trung Quốc tự mình phản đối Trung Cộng thậm chí còn bị máng chửi là “bán nước”, “bôi nhọ nhân dân Trung Quốc” v.v, ngầm ngầm nhồi nhét “Trung Cộng” chính là “Trung Quốc”, chính là “nhân dân Trung Quốc”.

Sau khi đảng trở thành “tất cả”, mọi người quả thực không thể phân rõ mối quan hệ giữa đảng với chính phủ, quốc gia và dân tộc.

VIII.5-2 – Mọi người nhầm lẫn khái niệm đảng và chính phủ, đảng và quốc gia, đảng và dân tộc

Trong số những người phê bình tổng thống Mỹ, không có ai bị công kích là

không yêu nước, người phê phán Đảng Cộng hòa của Mỹ cũng sẽ không bị ai công kích là không yêu nhân dân Mỹ; phản đối đảng cầm quyền, hoàn toàn không có nghĩa là phản đối chính phủ Mỹ; dù cho người Mỹ đứng trước tòa Bạch Ốc tại nước Mỹ hay ở bên ngoài nước Mỹ mà phản đối chính phủ Mỹ cũng sẽ không bị ai chụp mũ là không yêu nước, cũng không bị mọi người nghĩ rằng họ đang làm người Mỹ mất mặt. Phản đối bất kỳ một đảng nào đó lại càng không bị mang tội danh là kích động làm hỗn loạn quốc gia.

Nhưng khi có người vạch trần Đảng Cộng sản, phê bình những đèn tối trong xã hội, rất nhiều người lại lớn miệng mắng rằng: “Anh có phải người Trung Quốc không?” Ở hải ngoại nếu có người kháng nghị trước Đại sứ quán Trung Quốc, cũng sẽ có rất nhiều người phẫn nộ không kiềm chế được, cho rằng làm người Trung Quốc mất mặt. Khi chính phủ nước ngoài muốn phê phán Trung Cộng, Trung Cộng sẽ bất chấp tất cả mà đứng lên chỉ trích, nhân dân cũng sẽ phụ họa theo. Sự phẫn nộ của những người này thường xuất phát từ nội tâm. Khi bạn đang vạch trần hành vi tà ác của Trung Cộng, họ cảm thấy ngay thời khắc này bạn đang làm họ mất mặt, họ cho rằng vì bạn vạch trần những chuyện xấu của Trung Cộng mà khiến họ bị người nước ngoài khinh miệt, xem thường, khiến họ không còn thể diện khi đứng trước người nước ngoài. Nhưng người nước ngoài căn bản lại không có loại phản ứng này. Người Trung Quốc dám vạch trần một chính quyền chuyên chế, ngược lại càng khiến người nước ngoài khâm phục dũng khí và lương tâm của bạn. Vì sao người Trung Quốc lại mắc loại bệnh “chứng hoang tưởng mất thể diện” này? Chính là do nhầm lẫn khái niệm giữa đảng và chính phủ, đảng và quốc gia, đảng và dân tộc, coi mình là một phần tử của Trung Cộng. Rất nhiều người vô hình chung đã coi yêu nước đồng nghĩa với yêu đảng, cho rằng phê bình Trung Cộng chính là phê bình Trung Quốc, phản đối Trung Cộng chính là phản đối Trung Hoa, chính là đồng nghĩa với bán đứng người dân Trung Quốc.

Hiện nay, khi lãnh đạo Trung Cộng viếng thăm nước ngoài, có một cảnh

tượng rất đặc biệt, chính là có một nhóm người đến kháng nghị, lại cũng có nhóm người đến hoan nghênh do đảng tổ chức, nhưng nhóm người đến hoan nghênh cơ bản là không nhìn thấy người được hoan nghênh. Vậy vì sao vẫn đến hoan nghênh? Lý giải của họ là hoan nghênh không phải mục đích, vốn đã biết rằng lãnh đạo sẽ không gặp mặt họ, mục đích sắp xếp họ tới hoàn toàn là nhằm vào nhóm người kháng nghị. Năm 2006 khi Hồ Cẩm Đào viếng thăm tòa Bạch Ốc của Mỹ, khi có hàng truyền thông phương Tây phỏng vấn người tổ chức đội ngũ tới hoan nghênh rằng: “Anh hãy nhìn phía đối diện xem, có cả một đội ngũ hơn 2.000 người kháng nghị, anh thấy chuyện này thế nào?” Người tổ chức đội hoan nghênh trả lời rằng: “Người lãnh đạo Trung Quốc tới viếng thăm là những thời khắc rất phấn khởi, kháng nghị lãnh đạo vào thời điểm này quả thực là việc không đúng lúc.” Câu trả lời này thật nực cười, bởi vì anh nói bây giờ không phải lúc thích hợp, vậy anh có khả năng cho những người kháng nghị này cơ hội kháng nghị đúng lúc không? Bạn ở Trung Quốc Đại lục căn bản là không có cơ hội gặp được lãnh đạo Trung Quốc, còn thỉnh nguyện vấn đề mẫn cảm chính là “làm loạn trật tự xã hội”, phải ngồi tù. Khi lãnh đạo Trung Quốc viếng thăm những nước dân chủ, nhân dân mới có cơ hội đi kháng nghị, thay mặt những đồng bào không có quyền ngôn luận trong nước biểu đạt, vậy mà lại có người nói “trong thời khắc phẫn khởi” này đi kháng nghị là “việc không đúng lúc”, lãnh đạo viếng thăm nước ngoài lại đều rất khẩn khởi, vậy thì đã không còn bất kỳ cơ hội nào để kháng nghị nữa. Những người đi hoan nghênh cảm thấy họ vì thể hiện nhiệt tình yêu nước mà đến đối phó với nhóm người kháng nghị. Nhưng không để cho những vị lãnh đạo nghe thấy tiếng lòng của nhân dân bị bức hại, Trung Cộng có thể sửa sai thế nào đây? Không thể sửa sai, tiếp tục bức hại nhân dân, đối với quốc gia và nhân dân mà nói chẳng phải là tai họa hay sao? Hậu quả này là yêu nước hay hại nước? Nói thẳng ra, những người hoan nghênh đó cho rằng đang vì thể diện yêu nước, kỳ thực là vì thể diện yêu đảng.

Trong xã hội bình thường, mọi người ủng hộ chính phủ thì không cần

biểu đạt, vì lá phiếu bầu cử của họ đã biểu đạt điều này. Hoàn toàn ngược lại, người ta có bất mãn với chính phủ mới cần phải biểu đạt. Dù cho chính phủ có làm tốt thế nào đi nữa, đó cũng đều là những chuyện thuộc bốn phận của chính phủ, chẳng phải ban đầu nhân dân thấy anh làm tốt mới chọn anh sao? Ngược lại, chính phủ làm không tốt, đó chính là cần hạ bệ, thay chính phủ khác làm tốt hơn. Cho nên chúng ta xưa nay không hề thấy Tổng thống nước Pháp khi viếng thăm thì Đại sứ quán của Pháp phải tổ chức người nghênh đón ông. Lãnh đạo của chính phủ do dân lựa chọn cũng có sự tự tin này, ông không cần những hình thức bên ngoài như vậy để chứng minh quyền lực và tính hợp pháp của mình. Còn khi Đảng Cộng sản làm như vậy, bản thân nó không ý thức được, những người tới hoan nghênh cũng không ý thức được đây là cách làm chắp vá giả tạo do Trung Cộng thiếu tính cầm quyền hợp pháp.

Tư tưởng hỗn loạn không phân khai giữa “đảng” và “quốc gia” là do Trung Cộng cố ý tạo nên. Trung Cộng biết rằng mình chỉ có cơ sở mấy chục năm, lại là thứ du nhập ngoại lai, cho nên phải tìm một chỗ dựa. Người Trung Quốc yêu nước xưa nay đều có lòng tự hào dân tộc rất mãnh liệt, cho nên mấy chục năm nay Trung Cộng vẫn luôn khoe khoang rằng mình là người yêu nước, tô điểm cho mình thành đại biểu cho lợi ích của dân tộc Trung Hoa, lừa gạt bàn dân trăm họ. Đồng thời nó vẫn luôn gắn liền đảng với quốc gia, nhân dân, và chính phủ, những cách nói như yêu đảng yêu nước, phản đảng phản nhân dân, phản đảng phản chính phủ, kết quả đã tạo ra đủ loại lẩn lộn giữa đảng và đất nước.

viii.5-3 – Trung Cộng không đồng nghĩa với Trung Quốc

Chúng ta cần xác lập một nhận thức chung là Trung Cộng không đồng nghĩa với Trung Quốc. Chính đảng và quốc gia, dân tộc vốn không phải là một khái niệm. Trung Quốc là một quốc gia, một dân tộc tồn tại đã mấy nghìn năm, còn Trung Cộng mới xuất hiện chỉ có hơn 80 năm lịch sử, thống trị Trung

Quốc mới chỉ có hơn 50 năm.

Từ Trung Quốc này đã có từ xưa, sớm nhất là chỉ vùng đất trung nguyên nằm giữa trung tâm “thiên hạ” (thế giới), đặc biệt là sau năm 1912 khi Trung Hoa Dân Quốc thành lập, từ “Trung Quốc” này bắt đầu trở thành khái niệm mang tính pháp luật và chính trị với ý nghĩa là dân tộc quốc gia. Thông thường, từ góc độ lịch sử, “Trung Quốc” bắt đầu từ thời có truyền thuyết về tam hoàng ngũ đế, trải qua một chặng thế lịch sử liên hoàn với một loạt các triều đại và chính quyền gồm Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán, Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triệu, Tùy, Đường, Ngũ đại thập quốc, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, Trung Hoa Dân Quốc và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Về góc độ địa lý, nằm tại phía đông Đại lục Châu Á, bên bờ Tây Thái Bình Dương, là quốc gia có nhân khẩu nhiều nhất (khoảng 1,3 tỷ người), diện tích quốc gia xếp thứ ba trên thế giới. Về góc độ chính trị và cầm quyền, hiện nay tồn tại hai thể chế chính trị gồm “Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” tại Trung Quốc Đại lục, Hồng Kông, Ma Cao và Trung Hoa Dân Quốc tại khu vực Đài Loan.

Khi một người nhắc tới Trung Quốc, trong đầu bạn xuất hiện điều gì? Có lẽ là một tấm bản đồ Trung Quốc hoặc bạn bè người thân ở đó, một nhóm người đi lại nhộn nhịp, cũng có thể là Vạn lý Trường Thành, sông Hoàng Hà, những kiến trúc đánh dấu lãnh thổ, di tích văn vật hoặc là văn hóa Trung Hoa báu vật tinh thâm,... chứ không phải là một chính đảng. Đây đều là phản ứng tự nhiên của con người. Nội hàm của quốc gia bao gồm quốc thổ, rất nhiều phong cách như nhân dân các dân tộc, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, ẩm thực, giáo dục, lễ tết, xã hội, tôn giáo và chính trị trên lãnh thổ đó. “Trung Quốc” là chỉ Trung Quốc về mặt lịch sử, về địa lý, về văn hóa về huyết thống, còn Trung Cộng không phải là Trung Quốc. Lấy một ví dụ đơn giản, hàng Trung Quốc hiện nay thịnh hành trên toàn thế giới, dán nhãn “Trung Quốc sản xuất”, không ai hiểu là “Trung Cộng sản xuất”.

Thế nhưng trong cuộc sống thực tế, người Trung Quốc quả thực đã coi Trung Cộng là Trung Quốc, yêu nước thành yêu đảng. Chỉ cần nhắc tới

Trung Cộng, trong tiềm thức của mình, rất nhiều người đều liên cảm thấy như đang nói Trung Quốc thế này thế kia, “không có Đảng Cộng sản Trung Quốc còn có thể tồn tại không?”, “không có Đảng Cộng sản Trung Quốc phải làm sao?” những câu này vẫn còn thị trường rộng lớn.

Ngày nay khi đại đa số người Trung Quốc không còn tin vào Chủ nghĩa Xã hội, tham ô hủ bại lộng hành, những khẩu hiệu chính trị như “đảng luôn luôn chính xác”, “Chủ nghĩa Xã hội tốt”, v.v không còn đủ để khiến người Trung Quốc tin vào Đảng Cộng sản nữa. Nhằm duy trì sự thống trị của Trung Cộng, không để mọi người nghi ngờ vì sao phải để Đảng Cộng sản thống trị Trung Quốc, Trung Cộng lại một lần nữa làm nhầm lẫn khái niệm đảng và quốc gia, lợi dụng chủ nghĩa yêu nước hẹp hòi và chủ nghĩa dân tộc cực đoan nhằm dẫn dụ người Trung Quốc đem lòng nhiệt tình yêu nước của mình đặt lên thân đảng. Hành vi và tư tưởng yêu đảng được Trung Cộng tuyên truyền là hành vi và biểu hiện của lòng yêu nước.

Mục đích quan trọng mà Trung ương Trung Cộng chẽ định ra “Đề cương tiến hành giáo dục chủ nghĩa yêu nước” chính là muốn dùng thành quả kiến thiết kinh tế của Trung Quốc để khiến người ta kiên trì với đường lối của đảng, dùng nội dung đường lối của đảng để tiến hành giáo dục lòng yêu nước. Đầu tiên là tự mình khẳng định, rằng những việc đảng làm đều là vì tốt cho Trung Quốc; sau đó treo đâu dê bán thịt chó nói rằng thành tựu của Trung Quốc đều do đảng tạo thành; cuối cùng định nghĩa lòng yêu nước thành kiên trì đường lối của đảng; đạt được mục đích làm nhầm lẫn các khái niệm, khiến con người ta đánh đồng yêu đảng với yêu nước.

VIII.5-4 – Yêu nước không đồng nghĩa với yêu đảng

Từ cổ chí kim Trung Quốc đều không thiếu người yêu nước, nhưng yêu nước không đồng nghĩa với yêu đảng. Người yêu nước chân chính quan tâm tới khổ nạn của nhân dân, chứ không phải trung thành với một lãnh tụ, chính

quyền hay đảng phái nào. Do đó người yêu nước thường chỉ thẳng ra vấn đề đảng có, phê phán hiện thực. Khuất Nguyên đã từng cảm thán “Trường thái túc dĩ yểm thế hế, ai dân sinh chi đà gian.” (*Tiếng thở dài che đi dòng nước mắt, thương dân lành bao nỗi gian nan*), Đỗ Phủ thì thở lộ rằng “Chu môn tửu nhục xú, lộ hữu đồng tử cốt” (*Cửa son trải đầy thịt thối, trên đường xương người đã đóng băng*). Đây đều là những người yêu nước chân chính của Trung Quốc. Theo tiêu chuẩn ngày nay của Trung Cộng, họ có thể sẽ bị phê phán và tống vào tù vì những tội danh như “công kích chính phủ một cách ác ý”, “phản đảng phản chính phủ”.



Quan niệm được lưu hành tại Trung Quốc Đại lục ngày nay kỳ thực chính là phải nằm trong ý chí của chính quyền Trung Cộng, hành động theo phương hướng đã định của nó và hoan hô thành tựu phù hợp với lợi ích của Trung Cộng, đây chính là yêu nước. Kỳ thực đây là ý thức yêu nước và hành vi yêu nước hoang đường, lệch lạc. Năm 2003, dịch SARS bùng phát, Trương

Văn Khang, Bộ trưởng Bộ Y tế đương hoàng đảm bảo rằng Trung Quốc rất an toàn, dịch SARS đã được khống chế. Nhưng điều mà ông thể hiện chính là sự trung thành với đảng chứ không phải trung thành với nhân dân. Ông ta yêu đảng, yêu cái mủ ô sa của mình, chứ không phải yêu nước, yêu dân tộc, cái giá phải trả cho lòng yêu đảng như vậy là sinh mệnh của người Trung Quốc. Người yêu nước chân chính phải giống như bác sĩ Tương Ngạn Vĩnh dám công bố chân tướng dịch SARS ra bên ngoài, khiến dịch SARS được chú ý đến, khiến mọi người có thể áp dụng những biện pháp phòng ngừa, cứu vãn thêm nhiều sinh mệnh. Lòng yêu nước chân chính không phải là biểu thị sự trung thành của mình với Trung Cộng mà làm ra đủ thứ biểu hiện “yêu nước”, mà là trách nhiệm với Trung Quốc xuất phát từ nội tâm. Phản đối sự bức hại của Trung Cộng với nhân dân Trung Quốc là biểu hiện chân chính của lòng yêu nước, là vì Trung Cộng vu khống, Trung Cộng làm nhầm lẫn khái niệm giữa đảng và chính phủ, Trung Quốc nên mới tạo nên tầng tầng lớp lớp những hiểu lầm về tư duy, khiến mọi người không thể lý giải được ý nghĩa chính diện của việc đấu tranh hòa bình của những người bị bức hại.

VIII.5-5 – Ai đang làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc?

Với những người phê bình Trung Cộng, Đảng Cộng sản thường dùng một từ chính là làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc, làm tổn hại tới tình cảm của người Trung Quốc. Nhưng điều vô cùng rõ ràng là, Trung Cộng không phải là Trung Quốc, phê phán Trung Cộng đương nhiên không phải là phê phán Trung Quốc. Trên thực tế, kẻ làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc chính là Trung Cộng. Cố nhân Trung Quốc có câu “viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi.” (*Người ở xa không phục thì dùng lẽ nghĩa đạo đức dẫn dụ người tới*) Bản thân mình làm tốt, thì hình tượng trong mắt người khác tự nhiên sẽ trở thành tốt. Trung Cộng bức hại nhân dân Trung Quốc, bức hại nhân quyền của những người mang tín ngưỡng, những người có tư

tưởng độc lập, những người dám phát ngôn, lợi dụng thể hệ của Đảng Cộng sản thống trị một cách tàn bạo, dung túng cho những kẻ độc tài trên quốc tế, những hành vi đó chính là nguyên nhân cản bản khiến quốc tế phê bình Trung Cộng. Do đó, chính những chính sách tàn bạo áp đặt của Trung Cộng, làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc. Còn những người phê phán cách làm bức hại nhân dân của Trung Cộng, lại chính là những người duy hộ hình tượng Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là người Trung Quốc dám bảo vệ tôn nghiêm của bản thân, dũng cảm sửa chữa sai lầm của bản thân.

Ngày 24 tháng 10 năm 2005, một người phụ nữ Mỹ da đen tên là Rosa Parkes tạ thế. 50 năm trước trên một chiếc xe buýt tại Alabama, bà đã cự tuyệt phục tùng pháp lệnh kỳ thị chủng tộc bất công, cự tuyệt “nhường chỗ” cho người da trắng. Nghĩa cử của bà đã làm dấy lên một cuộc vận động dân quyền ngùn ngụt, chế độ ngăn cách chủng tộc do đó bị phế bỏ. Trong đám tang của bà, Kennedy, nghị sỹ quốc hội đã nói rằng nước Mỹ mất đi một anh hùng chân chính. Cũng là người da đen, ngoại trưởng Mỹ đã phát ngôn rằng: “Không có bà, tôi hôm nay cũng không thể đứng đây với thân phận là bộ trưởng bộ ngoại giao”.

Một lãnh tụ dân quyền khác được nhân dân Mỹ cùng tôn kính là tiến sĩ Martin Luther King. Năm 1963, ông đã tổ chức một cuộc họp mặt gồm 250.000 người tại đặc khu Washington DC, thủ đô của nước Mỹ phản đối kỳ thị chủng tộc, yêu cầu bình đẳng chủng tộc. Chính tại buổi họp mặt này, ông đã phát biểu bài diễn thuyết nổi tiếng “Tôi có một giấc mơ”. Năm sau ông đã nhận được giải Nobel Hòa bình. 15 năm sau khi ông mất, nước Mỹ đã thiết lập ngày nghỉ toàn quốc – “Ngày Martin Luther King” để tưởng niệm vị lãnh tụ dân quyền này, ông là một người bình thường duy



nhất nhận được vinh dự này ngoài tổng thống Washington.

Không ai cho rằng Rosa Parkes và Martin Luther King làm xấu mặt người Mỹ, làm tổn hại hình tượng quốc gia nước Mỹ. Ngược lại, họ đã mang lại vinh quang cho nước Mỹ, bởi vì họ đã dùng sự dũng cảm lớn lao của mình để bảo vệ tôn nghiêm nhân quyền, mang tới bình đẳng và công lý, giành được sự tôn trọng của mọi người. Nỗ lực của họ đã thay đổi vận mệnh của một chủng tộc, thay đổi nước Mỹ, thậm chí thay đổi thế giới.

Khi Trung Cộng vu khống việc người ta vạch trần chính quyền Trung Cộng và chuyện nó bức hại người dân Trung Quốc, Trung Cộng thường viện đến một lý do là làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc. Nhưng nếu chúng ta thực sự minh bạch tinh thần và mục đích của những người chính nghĩa, nếu chúng ta minh bạch rằng Trung Cộng mới thực sự là kẻ làm tổn hại hình tượng của Trung Quốc, vậy thì chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được vô số những người kháng nghị chính quyền bạo lực Trung Cộng ngày nay, đặc biệt là nỗ lực giảng chân tướng và phản bức hại của hàng triệu học viên Pháp Luân Công. Duy hộ tín người và ngăn chặn Trung Cộng bức hại bách tính vô tội là quyền lợi chính đáng của người Trung Quốc. Nỗ lực của họ, trên thực tế chính là duy hộ nhân quyền và sự tôn nghiêm thiên phú của tất cả người Trung Quốc, duy hộ hình tượng Trung Quốc.

VIII.5-6 – Tiếng chuông báo tử vang lên chỉ dành cho Trung Cộng

Có một số người bị Văn hóa đảng tẩy não rất nặng, vừa nghe tới Trung Cộng sắp hết đời liền nghĩ rằng chúng ta nên làm thế nào đây? Như thế là Trung Cộng hết đời thì họ cũng hết đời.

Trong một cuộc “Hội thảo về Cửu Bình”, một bà lão đặt câu hỏi: Sau khi Đảng Cộng sản sụp đổ, ai sẽ phát triển lương hưu cho chúng tôi? Một diễn giả đáp rằng: Không có Đảng Cộng sản thì không có hệ thống quan chức

khổng lồ này, mà hệ thống quan chức khổng lồ này là một đám viên chức hủ bại nhất thế giới, sau khi không có bọn họ, tiền lương hưu của nhân dân Trung Quốc sẽ tăng bội phần.

HỒNG TRIỀU BÁCH NIÊN KÝ SINH THÚ, ĐỘC HAI THẾ GIAN THIỆN LƯƠNG NHÂN. CỨU BÌNH TỰU THỊ THẦN LÔI NỘ, THOÁI ĐẢNG SỬ KÌ TANG CHUNG MINH.

Tạm diễn nghĩa:

[Trung Hoa đã] trải qua 100 năm triều đại đói
[dưới sự thống trị của] con thú sống bằng ký sinh,
[Nó đã] đầu độc và hâm hại những người lương thiện trên thế gian.
Cứu Bình [xuất hiện] chính là sự thịnh nộ của Thần
Thoái đảng chính là đánh tiếng chuông báo tử cho con thú.



Dân tộc Trung Hoa là một dân tộc vĩ đại. Chỉ cần nhìn những người gốc Hoa tại hải ngoại là có thể thấy được, không có Đảng Cộng sản, cuộc sống hoàn toàn tốt đẹp hơn. Nếu Trung Quốc Đại lục không phải do Đảng Cộng sản thống trị, thì thu nhập bình quân của người Trung Quốc ngày nay có lẽ cũng tương đương với Đài Loan, vậy thì quy mô kinh tế ngày nay của Trung Quốc sẽ gấp hai lần nước Mỹ, bằng tổng cộng của vài nước mạnh như Mỹ, Nhật, Nga gộp lại. Trung Quốc lẽ nào vẫn mang bộ dạng ngày nay sao?

Với những quan chức chính phủ của Trung Quốc, không có Đảng Cộng

sản không phải là ngày tận thế của họ, mà là sự giải phóng chân chính dành cho họ. Không có Đảng Cộng sản họ mới có thể thực sự thi triển tài hoa, phát huy tài năng. Quan chức hiện nay đều đành phải chủ động thuận theo sự lãnh đạo thô bạo của Trung Cộng, hoặc chắc chắn là bị hệ thống của đảng bó buộc tay chân, muốn làm việc chân chính cũng không thể làm được, muốn không truy lạc cũng chẳng xong.

Người Trung Quốc ngày nay đều sinh sống cả một đời hay nửa đời tại Trung Quốc cộng sản. Tuy rằng giai đoạn lịch sử này đầy khủng bố và những lời dối trá, nhưng tuổi thanh xuân, lý tưởng, tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình thành tựu thậm chí là cả kiếp nhân sinh của rất nhiều người đều ràng buộc không thể tách rời khỏi đoạn lịch sử này của Trung Quốc, đoạn lịch sử mà Trung Cộng thống trị. Trí huệ và đắng cay vết vả của những người đã phán đấu bao nhiêu năm vì tự do dân chủ đó cũng đều cột chặt vào đoạn lịch sử này. Do đó, rất nhiều người mặc dù có thể nhận thức được phần nào tội ác của Trung Cộng, nhưng về tình cảm vẫn còn phụ thuộc khá lớn vào Trung Cộng và Văn hóa đảng của Trung Cộng. Ví như có người vô thức hát cái gọi là “ca khúc cách mạng” để biểu lộ tình cảm trong lòng mình, hay coi “màu đỏ kinh điển” này nọ là nghệ thuật, người bị đối xử bất công thì hoài niệm về bình quân tuyệt đối của thời “Mao chủ tịch”, với những người lo lắng về sự tấn công đến từ văn hóa ngoại lai thì lại lầm tưởng coi Văn hóa đảng là Văn hóa Trung Hoa mà duy hộ nó. Cảm xúc hoài niệm này ngược lại lại khiến người ta không thể thực sự lý trí để xem xét lịch sử của Trung Cộng và hiện trạng của Trung Quốc. Bởi vì những trải nghiệm của bản thân mình đã được kết nối với Trung Cộng, nên khi duy hộ và trân trọng bản thân thì vô hình chung đã dành một phần cho Trung Cộng. Một khi không có “đảng”, những người này dường như không biết nói năng, lúng túng không biết làm gì, ý nghĩa nhân sinh cũng không biết nên ký thác vào đâu, trong tâm thậm chí còn thấy trống trải.

Kỳ thực, có đủ loại phương thức đa dạng để một người có thể thành tựu

được sự nghiệp, thực hiện được giá trị của đời người, chính là Trung Cộng đã bắt ép người ta vào con đường hẹp “phấn đấu trọn đời vì Chủ nghĩa Cộng sản” hoang đường và hiểm ác. Thánh nhân từ cổ tới nay trong xã hội bình thường đều thông qua sự tu chỉnh và hàm dưỡng bản thân mà đạt được cảnh giới nhân sinh cao thượng, “Trời sinh ra tài cho ta thì át sẽ hữu dụng”, tinh anh của các ngành các nghề cũng đều có thể dùng phương thức của mình cống hiến cho xã hội, từ đó lưu danh sử xanh. Xã hội Trung Quốc không có Đảng Cộng sản sẽ khôi phục lại những đạo đức truyền thống Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín của Trung Hoa, giữa người với người sẽ càng thêm yêu mến, hòa thuận.

Sau khi các quốc gia Đảng Cộng sản Đông Âu giải thể, nhân dân sống trong Văn hóa đảng đã được giải thoát khỏi cuộc sống bao bọc bởi những lời dối trá. Họ phát hiện ra rằng không cần phải tiếp tục xem những tin tức đã bị chính phủ thẩm duyệt, không cần phải dùng túi duy do Văn hóa đảng nhào nặn, mà có quyền lựa chọn cuộc sống mà mình muốn, đây mới là trạng thái sinh hoạt chân chính nên có của con người. Mặc dù các kênh truyền thông của Trung Cộng vẫn luôn tiến hành tuyên truyền yêu ma hóa những nước Đông Âu để nói rõ với người dân Trung Quốc rằng quyết không thể lựa chọn vứt bỏ Trung Cộng và con đường quá độ hòa bình, trên thực tế ngoài một số ít các quốc gia, cuộc cải cách Đông Âu xét một cách tổng thể đã thành công. Đông Âu chuyển hướng tới nay đã gần 20 năm, dù cho Đảng Cộng sản có thể một lần nữa tham gia tranh cử, nhưng không có một quốc gia nào lại tiếp tục lựa chọn Đảng Cộng sản, cũng không có dân tộc nào tiếp tục lựa chọn Văn hóa đảng. Điều mà những người dân Đông Âu vứt bỏ Đảng Cộng sản và Văn hóa đảng mất đi chính là mất đi một nhà ngục, điều đắc được chính là được thanh bình an hưởng tự do và cuộc sống của người bình thường, xã hội và quốc gia không những không hề sụp đổ, ngược lại còn ngày thêm phồn vinh.

Do đó, tiếng chuông báo tử vang lên chỉ dành cho Trung Cộng, vong đảng không có nghĩa là vong quốc. Trung Cộng là nguồn gốc khổ nạn của

người Trung Quốc hiện đại. Hoài niệm một cách không lý trí sẽ chỉ làm mạnh thêm sự khống chế của Trung Cộng lên tâm linh của bạn, khiến bạn không cách nào thoát khỏi cơn ác mộng ngày hôm qua.

Đối với tất cả người Trung Quốc mà nói, giải thể Trung Cộng, giải thể Văn hóa đảng đều có nghĩa là một cuộc sống mới.



KẾT LUẬN

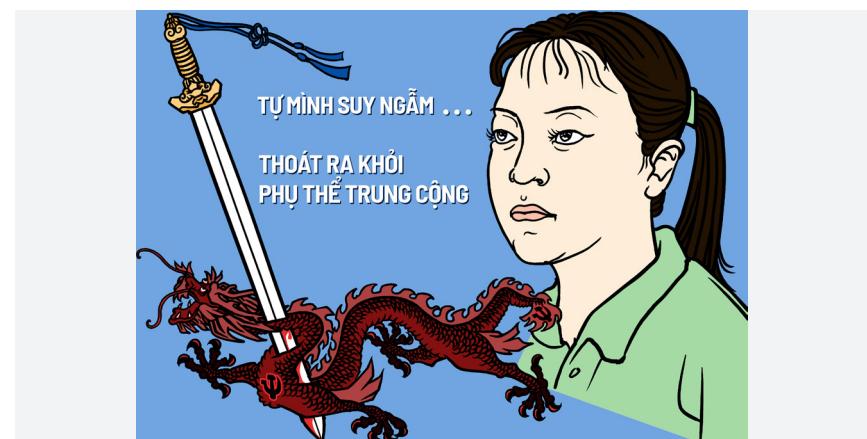
ĐẦU ÓC CON NGƯỜI GIỐNG NHƯ MỘT CÁI TÚI, đem đựng vàng thì anh ta là một túi vàng, đựng vào Văn hóa đảng thì người này chính là một túi tư tưởng Văn hóa đảng, bất tri bất giác trở thành cái loa truyền thanh của Trung Cộng. Những lời tuyên truyền của Trung Cộng đã bao trùm mọi lĩnh vực trong cuộc sống của người Trung Quốc, người Trung Quốc từ những học giả có thành tựu cho tới người dân phổ thông khi ly khai khỏi Văn hóa đảng đều không cách nào suy nghĩ một cách bình thường, không cách nào nói những lời bình thường.

Đảng Cộng sản chính là muốn cho Văn hóa đảng, hình thái ý thức và nỗi sợ hãi đảng thẩm thấu đến tận nơi sâu trong từng tế bào, trong tâm linh của mỗi người Trung Quốc, hình thành nên phản xạ có điều kiện. Đây không phải là sự sản sinh và truyền bá văn hóa theo ý nghĩa thông thường, mà là “hệ thống chuyên chính mềm” cần thiết nhằm kiềm lập chính quyền bạo lực độc tài Trung Cộng, cũng chính là hệ thống chuyên chế về tư tưởng. Trong Văn hóa đảng, dù là quan chức cấp cao nhất của Trung Cộng hay là người dân thường đều sinh sống trong Văn hóa đảng, khó có thể thoát khỏi ảnh hưởng tư duy mang Văn hóa đảng. Hậu quả xấu này rất đáng sợ.

Tư duy Văn hóa đảng của người Trung Quốc không phải được hình thành ngày một ngày hai, đó không phải là vấn đề của một cá nhân hay một quan viên nào đó, mà là trạng thái phổ biến của toàn xã hội. Quá trình này là do Trung Cộng cố ý tạo thành một cách trường kỳ. Nó vận dụng một bộ tiêu chuẩn đạo đức đo lường thiện ác đã bị bóp méo, thông qua bạo lực để nhốt nhét và khủng bố bằng máu tanh, dùng những lời tuyên truyền dối trá và lô gic méo mó khiến người Trung Quốc đi cảm kích cái tập đoàn đã cưỡng chế chiếm đoạt tài nguyên của xã hội Trung Quốc, khiến con người khủng hoảng, khiến con người trở thành tù nhân và nô lệ của Văn hóa đảng, vui vẻ tiếp nhận những lời dối trá của Trung Cộng mà bài xích tư duy thông thường. Loại tư duy bắt thường này chính là thứ đã duy trì những lời dối trá lừa gạt, duy trì chuyên chế

bạo lực, dẫn tới những bi kịch và khổ nạn cho người dân Trung quốc.

Muốn thay đổi một tư duy hoặc mô thức tâm trí đã định hình cần phải suy ngẫm lại một cách sâu sắc, một kiểu phản tỉnh tập thể. Nhưng tư tưởng Văn hóa đảng lại hoàn toàn không phải là phản tỉnh nội tâm. Trong khi Trung Cộng phong tỏa tin tức, nếu người ta muốn nghe được các cách nhìn từ các góc độ khác nhau thì đều rất khó khăn, càng không nói tới đó là một góc nhìn mới xung đột với tư duy thông thường của họ. Nhưng muốn thoát khỏi cái bẫy Văn hóa đảng, trở về tới tư duy thông thường, thực sự làm chủ nhân tâm hồn và tư tưởng của mình, ngày nay chúng ta không thể không nhìn thẳng vào tư duy của bản thân vốn đã bị Trung Cộng làm lệch lạc, chủ động thay đổi quan niệm và phương thức tư duy đã hình thành dưới ảnh hưởng của Văn hóa đảng.



Muốn thực sự yêu nước, thực sự biết nghĩ tới tương lai của dân tộc, thì cần vứt bỏ tư duy Văn hóa đảng, rồi tư duy theo phương thức của người bình thường. Muốn thực sự có được cuộc sống và xã hội lành mạnh, mỗi người cần phải thanh trừ tư duy Văn hóa đảng của mình. Bởi vì xã hội Trung Quốc do từng người Trung Quốc tổ hợp thành, trong đó bao gồm cả bạn^[2].

[2] Bản gốc viết cho người Trung Quốc.

LỜI KẾT



TRONG LỊCH SỬ, THẦN PHẬT TỪ BI VỚI THẾ NHÂN, HẠ XUỐNG NHÂN GIAN CỨU ĐỘ CHÚNG SINH, LUU LẠI RẤT NHIỀU RẤT NHIỀU THẦN TÍCH, ĐẶT ĐỊNH MỘT NỀN VĂN HÓA THẦN TRUYỀN TRUNG HOA MANG MÀU SẮC THẦN BÍ PHƯƠNG ĐÔNG, HAY CÒN GỌI LÀ VĂN HÓA BÁN THẦN.

Trung Quốc từng là mảnh đất được Thần quan tâm và truyền bá văn hóa Thần truyền. Vào thời viễn cổ, khi người và Thần cùng tồn tại, dưới sự dẫn dắt của Thần, con người đã trực tiếp tìm tòi nghiên cứu về nhân thể, sinh mệnh và vũ trụ, lưu lại những thành tựu huy hoàng như Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Chu Dịch, Bát Quái, Trung y, Hán tự và dự ngôn. Trong lịch sử, Thần Phật từ bi với thế nhân đã hạ xuống thế gian cứu độ chúng sinh, lưu lại rất nhiều Thần tích, dệt nên vô số câu chuyện bi tráng cảm động và đáng ca ngợi. Họ đã cùng tạo ra nền Văn hóa Thần truyền Trung Hoa hay còn gọi là văn hóa bán Thần mang đầy màu sắc thần bí Đông Phương. Chính nội hàm văn hóa độc đáo này đã giúp cho nền văn minh Hoa Hạ Đông Phương liên tục được kế thừa một mạch, kéo dài không ngừng qua bao nhiêu màn kịch lớn hưng suy lấy trời làm màn đất làm đài, vận đổi sao đổi, bã bể nương dâu của nền văn minh nhân loại.

Đảng Cộng sản chính là muôn cho Văn hóa đảng, hình thái ý thức và nỗi sợ hãi đảng thẩm thấu đến tận nơi sâu trong từng tế bào, trong tâm linh của mỗi người Trung Quốc, hình thành nên phản xạ có điều kiện. Đây không phải là sự sản sinh và truyền bá văn hóa theo ý nghĩa thông thường, mà là “hệ thống chuyên chính mềm” cần thiết nhằm kiến lập chính quyền bạo lực độc tài Trung Cộng, cũng chính là hệ thống chuyên chế về tư tưởng. Trong Văn hóa đảng, dù là quan chức cấp cao nhất của Trung Cộng hay là người dân thường đều sinh sống trong Văn hóa đảng, khó có thể thoát khỏi ảnh hưởng tư duy mang Văn hóa đảng. Hậu quả xấu này rất đáng sợ.

Tư duy Văn hóa đảng của người Trung Quốc không phải được hình thành ngày một ngày hai, đó không phải là vấn đề của một cá nhân hay một quan viên nào đó, mà là trạng thái phổ biến của toàn xã hội. Quá trình này là do Trung Cộng cố ý tạo thành một cách trường kỳ. Nó vận dụng một bộ tiêu chuẩn đạo đức đo lường thiện ác đã bị bóp méo, thông qua bạo lực để nhốt nhét và khủng bố bằng máu tanh, dùng những lời tuyên truyền dối trá và lô gic méo mó khiến người Trung Quốc đi cảm kích cái tập đoàn đã cưỡng chế chiếm đoạt tài nguyên của xã hội Trung Quốc, khiến con người khủng hoảng, khiến

con người trở thành tù nhân và nô lệ của Văn hóa đảng, vui vẻ tiếp nhận những lời dối trá của Trung Cộng mà bài xích tư duy thông thường. Loại tư duy bất thường này chính là thứ đã duy trì những lời dối trá lừa gạt, duy trì chuyên chế

Trong những năm tháng dài đảng đãng của vũ trụ, vô số các sinh mệnh trong tầng tầng lớp lớp các không gian đan xen ngang dọc với nhau, đã trải qua quá trình thành, trụ, hoại, diệt, đi đến ngày hôm nay, thế lực bại hoại ở các tầng không gian đã an bài tà linh cộng sản, lợi dụng hình thức biểu hiện của tà linh ở không gian này là Đảng Cộng sản để gây hại cho nhân gian. Trong mấy năm ngắn ngủi, trên mảnh đất Thần Châu, Đảng Cộng sản đã dùng phương thức trấn áp mạnh và tuyên truyền dày đặc, dùng Thuyết vô Thần, Thuyết duy vật để phá hoại tinh hoa của Văn hóa truyền thống, phủ định Văn hóa truyền thống, tuyên truyền sự vĩ đại của “Marx Engels Lenin Stalin Mao Trạch Đông”, từ đó thay thế một cách hệ thống Văn hóa truyền thống, xây dựng lý luận văn hóa của Đảng Cộng sản; sử dụng phương thức bạo lực phô thiên cái địa, phê phán Nho giáo, Thích giáo, Đạo giáo, phê phán quan niệm truyền thống, nhốt nhét tư tưởng đấu tranh và tà thuyết kẻ yếu làm mồi cho kẻ mạnh, chọn lọc tự nhiên, nhốt nhét Thuyết tiến hóa và cái gọi là khoa học hiện đại, tiến hành cải tạo tư tưởng một cách hệ thống, biến người ta thành lạp tử cơ bản của Đảng Cộng sản; Đảng Cộng sản còn lợi dụng các thủ đoạn nhốt nhét ở khắp mọi nơi, từ bộ máy tuyên truyền đến sách giáo khoa, từ những văn nhân khuyến nho đến các loại hình thức nghệ thuật, triệt để tẩy não con người. Mọi người bắt đầu dùng tiêu chuẩn thị phi điên đảo, phương thức tư duy biến dị, hệ thống ngôn ngữ rập khuôn cứng nhắc, phương thức hành vi bạo lực để làm cơ sở cho những suy nghĩ, ngôn ngữ và hành vi thường nhật, từ đó Trung Cộng đã kiến lập nên một mảnh đất, môi trường tà ác cần thiết cho việc duy trì sinh tồn của nó – Văn hóa đảng.

Khi Thần đến nhân gian lần nữa, những con dân của Thần đã không còn tin Thần, mà còn dùng ngôn ngữ độc ác nhất để nhục mạ Thần, dùng ngôn ngữ nghiệt ngã nhất để chế nhạo những người tin Thần.

Nhưng, lịch sử đã mở ra một trò cười lớn cho Đảng Cộng sản. Sau khi phá hoại triệt để văn hóa truyền thống của Trung Quốc rồi đi tới ngày nay, trong việc làm thế nào đáp ứng được nhu cầu văn hóa của một tỷ mươi trăm triệu người Trung Quốc, làm thế nào để đổi mới với việc xuất khẩu văn hóa trong thời kỳ hội nhập với thế giới, làm thế nào để đáp ứng với “cơn sốt tiếng Trung” đang thịnh hành trên thế giới, làm thế nào để cân bằng mối quan hệ với văn hóa và tôn giáo phương Tây, thì Đảng Cộng sản đã gặp phải nguy cơ văn hóa xưa nay chưa từng có. Khi sản phẩm giá rẻ do “Trung Quốc sản xuất” bước ra ngoài thế giới, Đảng Cộng sản tự xưng là đại biểu cho “văn hóa tiên tiến”, lại xấu hổ khi để “văn hóa tiên tiến”, tức là Thuyết vô Thần, Thuyết duy vật, chủ nghĩa Marx, tư tưởng Mao v.v. bước ra khỏi cánh cửa đất nước dù chỉ nửa bước. Khi tổng thống phuong Tây viếng thăm Trung Quốc muốn đường hoàng tới giáo đường hành lễ bái kính ngưỡng Thần, thì khi lánh đạo Trung Quốc xuất ngoại viếng thăm nước khác lại không dám làm một bài thuyết giảng về “văn hóa tiên tiến chủ nghĩa Marx”.

Cuối cùng, khi văn hóa của Trung Cộng đang đi vào chõi chết, nó lại hướng ánh mắt quay trở lại với Văn hóa truyền thống Trung Quốc, vốn từng bị nó phê phán thậm tệ là “phong kiến lạc hậu”. Trong đêm dạ hội của đài truyền hình Trung ương đã xuất hiện “Quan Âm nghìn tay”, trước đền Khổng Tử cũng trở nên nhộn nhịp náo nhiệt, Trung Cộng thậm chí còn kêu gọi phải phát triển mạnh mẽ tôn giáo trên mảnh đất này. Quan Âm Bồ Tát được thể hiện trong điệu múa “Quan Âm nghìn tay” là vị thần người Trung Quốc quen thuộc và sùng bái nhất, nhưng từ biến đạo đến biểu diễn, khi nói chi tiết về quá trình sáng tác tác phẩm và tập luyện, lại không nhận thấy có nội hàm hữu Thần ở trong đó. Chính quyền giải thích rằng “Quan Âm Bồ Tát chẳng qua chỉ là hóa thân thiện lương của người dân lao động”, cũng chỉ là một người phàm mà thôi. Tượng do tâm sinh, tác phẩm nghệ thuật phản ánh trực tiếp tâm linh của nhà nghệ thuật. Câu chuyện mà những người vô Thần triển hiện, mọi người ngoài việc thưởng thức nghệ thuật thuần thực của diễn viên ra, không thể nào cảm

nhận được sự từ bi và thánh khiết phi phàm của bậc giác giả cứu khổ cứu nạn, cũng không có sự cảm ứng về tâm linh cùng sự thăng hoa và siêu việt về linh tính bản thân khi siêu thoát khỏi phàm tục mà giao tiếp với Thần. Đền Khổng Tử thờ Khổng Tử lại “quên” mất phái tế Khổng Tử như thế nào, lẽ tế Khổng Tử lộn xộn như chợ rau, lại còn làm chuyện cười khi đuôi bò, mông lợn đối diện thẳng với tượng Khổng Tử lúc cúng tế. Cứ coi là có thể học được lễ nghi trên bề mặt, thì trong tâm mọi người cũng hoàn toàn không có sự tôn kính với Văn hóa Thần truyền, mà chỉ muốn dùng Khổng Phu Tử để kiếm vài tờ giấy bạc, kiểu làm qua loa cho có hình thức mà không có tâm này ngược lại còn phá hoại Văn hóa truyền thống thêm một bước nữa. Coi đi về của tôn giáo là bờ bên kia của niết bàn, còn tôn giáo mà Trung Cộng phát triển đầu tiên phải tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản không tin vào Thần. Tôn giáo như vậy làm sao có thể đối diện với những lời dạy bảo của Thần? Dùng Văn hóa truyền thống ngụy trang Văn hóa đảng, là cách mà Trung Cộng một lần nữa chà đạp lên Văn hóa truyền thống.

Văn hóa Thần truyền bác đại tinh thâm đã bị Đảng Cộng sản khoét sạch nội hàm của Thần, khoét sạch linh hồn của văn hóa, và chỉ còn lại một mớ những tạp nham tung hứng biểu diễn và một số thứ đồ cổ. Sự mất mát của tín ngưỡng tất nhiên sẽ dẫn đến tha hóa đạo đức, và sa đọa văn hóa. “Cơn sốt tiếng Trung” ngày nay là do người nước ngoài muốn đến Trung Quốc loạn thế vơ vét tiền bạc, chứ không có sự sùng bái như đối với Đại Đường thịnh thế và văn hóa Trung Hoa như thời “vạn bang đến triều” trong lịch sử. Văn hóa Trung Hoa bị Trung Cộng phá hoại đến nồng nỗi này, còn lại bao nhiêu Thần vận của văn hóa nữa? Làm sao có thể tạo chõi đứng trên thế giới? Một dân tộc Trung Hoa đã mất đi cái gốc văn hóa thì còn có thể đi về đâu?

Lịch sử đã cho Trung Quốc một cơ hội, cũng trở thành một kiếp số. Đảng Cộng sản đi đến bước đường cùng phải cải cách mở cửa để cứu mình, cải cách mở cửa ấy đã đẩy Trung Quốc vào hoàn cảnh nan giải. Những người Trung Quốc khốn khổ, sau khi được nới lỏng dây trói đã bắt đầu bùng nổ truy cầu

cuộc sống, sức lao động giá rẻ cộng với sức sáng tạo trí tuệ cần cù đã tạo ra những kỳ tích kinh tế. Sự phát triển của kinh tế tất nhiên cần sự nâng đỡ của văn hóa, đạo đức tín ngưỡng, một thể chế chính trị phù hợp phát triển nâng đỡ. Nhưng, cột chống cho nền kinh tế lớn mẩy tỷ người lại là Văn hóa đảng, mà Văn hóa đảng chính là bàn tay sát thủ ám sát Văn hóa truyền thống và tín ngưỡng đạo đức. Thế là, một mặt thế giới rộ lên cơn sốt Trung Quốc, Trung Quốc ngày càng trở nên quan trọng, mặt khác, xã hội Trung Quốc nguy cơ tứ bể, đạo đức và thành tín hoàn toàn băng hoại, cả xã hội hủ bại cực độ, hoàn cảnh sinh thái bị phá hoại nghiêm trọng, phân hóa hai cực giàu nghèo, bất công xã hội, dân chúng oán hận, tín ngưỡng trống rỗng, truyền thông bị kìm kẹp, nhân quyền thì tồi tệ, người bên ngoài muốn tới Trung Quốc ‘đào vàng’, người có tiền trong nước lại tìm đủ mọi cách để đưa tiền và di dân ra nước khác... có người nói Trung Quốc sắp nổi lên, có người nói Trung Quốc sắp sụp đổ, thật là hỗn loạn rộn ràng khắp!

Người ta không phải là không nhận thức được, căn nguyên của cái loạn chính là Đảng Cộng sản. Truyền thông của Trung Cộng đều đang bàn luận, chống tham nhũng là vấn đề thể chế, quản lý môi trường là vấn đề thể chế, giải quyết khủng hoảng tài chính cũng là vấn đề thể chế, vấn đề nhân quyền và tín ngưỡng vẫn là vấn đề thể chế, ai cũng biết rằng tất cả vấn đề cuối cùng đều quy về vấn đề thể chế, mà vấn đề thể chế chính là vấn đề của đảng, nhưng nền tảng cốt lõi của Trung Cộng là quyết không từ bỏ quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thế là, nhân tố của đảng trở thành chướng ngại để giải quyết tất cả vấn đề của Trung Quốc, loại trừ nhân tố đảng trở thành vấn đề thường được thảo luận và là then chốt để giải quyết hết những tồn đọng của Trung Quốc, trong đó có điều kiện tiên quyết là xây dựng lại văn hóa Trung Quốc.

Mọi người đã tìm ra căn nguyên của loạn, nhưng lại không tìm ra lối thoát của vấn đề, vì tắc ở Văn hóa đảng. Mọi người đã bị bao vây bởi những lời dối trá và sự khủng bố do Trung Cộng tạo ra. Hoặc là bị đánh lạc hướng bởi những lời dối trá, hoặc là sợ hãi khủng bố, trong khi làm thế nào để đối đầu với

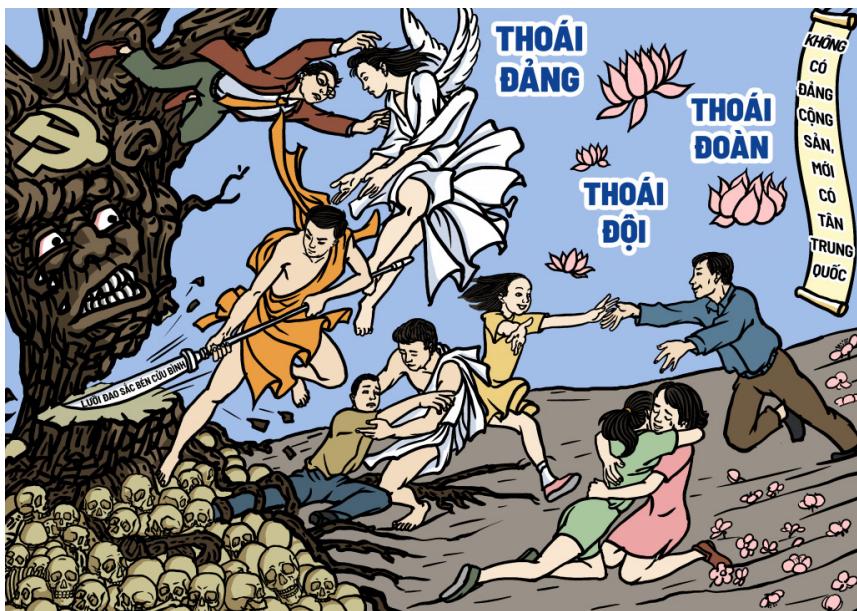
đảng, làm thế nào thanh trừ nhân tố đảng, tư duy của mọi người biểu hiện ra lệch lạc và hỗn loạn vô cùng, rõ ràng biết rằng Đảng Cộng sản làm nguy hại Trung Hoa, nhưng lại tìm đủ các lý do biện minh cho Đảng Cộng sản. Cuốn sách “Giải thể Văn hóa đảng” đã phân tích rõ quá trình hình thành của Văn hóa đảng và biểu hiện ở đủ các phương diện, nhằm giúp mọi người thoát khỏi Văn hóa đảng, giải thể Văn hóa đảng, khôi phục lại tư duy bình thường. Thực ra, những lời dối trá mà Trung Cộng bịa ra ấy, bắt kể bê ngoài có đẹp đẽ, cao thâm hay hấp dẫn thế nào, nếu chúng ta quay trở về mặt bằng đạo đức đúng sai cơ bản, thì những lời dối trá đó không đáng một xu.

Mỗi người Trung Quốc đều mong muốn Trung Quốc có thể vươn lên, Trung Cộng cũng lợi dụng khẩu hiệu này để dát vàng cho chính mình, tiếp tục mê hoặc dân chúng. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng, nếu Trung Cộng không giải thể, mọi người không bước ra khỏi tư duy Văn hóa đảng thì Trung Quốc không thể thực sự vươn lên. Trong lịch sử, Trung Quốc từng được gọi là “Thiên triều thượng quốc”, “Cửu thiên xương hạp khai cung điện, Vạn quốc y quan bái miện lưu” (Mở cổng 9 tầng trời là đến cung điện, vạn võ bá quan vạn bá lạy hoàng đế.) Sự lớn mạnh của Trung Quốc không chỉ là lớn mạnh về kinh tế hay vũ lực, từ Alexander, Julius Caesar đại đế, cho đến Đức Quốc xã đều đã từng rất lớn mạnh cả về kinh tế lẫn vũ lực, nhưng đế quốc của họ lại nhanh chóng đi xuống, sụp đổ và tan vỡ, duy chỉ có Trung Quốc với sức mạnh văn hóa mới có thể khiến cho huyết mạch của dân tộc đó kéo dài suốt năm nghìn năm.

Trong quá trình phá trừ Văn hóa đảng, chúng ta không ngừng so sánh Văn hóa đảng với văn hóa chính thống Trung Quốc hoặc là văn hóa của xã hội tự do hiện đại, và phần so sánh với văn hóa chính thống Trung Quốc là nhiều hơn, nhưng đây không có nghĩa là chúng ta chủ trương phục cổ văn hóa. Trong nền văn hóa lưu truyền mấy nghìn năm của Trung Quốc cũng tồn tại rất nhiều những thứ cặn bã, chúng đã cung cấp sức mạnh cho sự truyền bá và hình thành Văn hóa đảng. Điều chúng tôi tôn sùng là tinh thần kính Trời kính Đất, trân quý sinh mệnh, trọng đức hành thiện được bao hàm trong tín ngưỡng Nho,

Thích, Đạo, từ đó đạt đến sự hài hòa giữa con người với tự nhiên, con người với xã hội, con người với con người.

Trong rất nhiều các vấn đề mà cuốn “Giải thể Văn hóa đảng” miêu tả và phê phán, Đảng Cộng sản không phải lúc nào cũng là cẩn nguyên, rất nhiều điều thực ra là bắt nguồn từ nhược điểm của nhân tính. Văn hóa Thần truyền có thể giúp con người phản tỉnh và tu chính những nhược điểm nhân tính này, còn Văn hóa đảng lại cố ý dụ dỗ hoặc cưỡng ép người ta phải tìm nguyên nhân của vấn đề từ bên ngoài, dùng trăm phương ngàn kế để phóng đại và lợi dụng nhược điểm nhân tính, tăng thêm cực đoan hóa, khiến cho quy mô phá hoại mang tính phá hoại và cường độ của nó cao hơn bất kỳ thời kỳ xã hội nào. Chính vì vậy, nếu không thực sự tự vấn và suy ngẫm lương tri đạo đức của mình thì chúng ta không thể thanh trừ Văn hóa đảng từ vi quan sinh mệnh, thậm chí sẽ tìm lý do cho việc thêm dầu vào lửa của mình trong quá trình hình thành Văn hóa đảng và không dám nhìn thẳng.



Đảng cộng sản lung lay sắp sụp đổ, nhưng lại là một con quái vật khổng lồ, bóng ma lớn của nó đã khiến rất nhiều người cảm thấy vô vọng. Ba năm, năm năm, mười năm, ba mươi năm..., mọi người đang đếm xem khi nào Đảng Cộng sản sụp đổ. Thực ra, khi mọi người đang dùng phép ngoại suy tuyển tính để suy diễn lịch sử, thông thường không ý thức được rằng điều làm thay đổi lịch sử thường là một vài nhân tố không ngờ đến. Trong lịch sử có vô số cường quyền đột nhiên sụp đổ, tất cả tưởng như ngẫu nhiên, thực ra đều là sự an bài của Thần.

Bắt kính với Thần, át sẽ bị Trời phạt. Trời diệt Trung Cộng, là Thiên ý vậy. Đảng Cộng sản ngông cuồng tự đại tự cho mình là nhất, nhưng Thiên ý khó tránh. “Cửu bình Cộng sản đảng” và đại làn sóng thoái đảng mà nó dấy lên chính là sự triển hiện của Thiên ý tại nhân gian. Còn giải thể Văn hóa đảng, thanh trừ độc tố Văn hóa đảng, chính là hành động tất yếu thuận theo Thiên ý.

Giải thể văn hóa đảng, thì mới có sự đứng lên của dân tộc Trung Hoa trong tương lai, mới có thể thiết lập lại liên hệ giữa nhân và Thần, xây dựng lại sự hài hòa giữa người và người, tu thân dưỡng德 trong trời đất mới khoáng đạt tráng lệ, tồn tại đời đời không ngừng nghỉ.

HẾT PHẦN CUỐI